

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
SA MÔN THÍCH THÔNG BỬU



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ đình QUÁN THẾ ÂM

Tập một (Bảy phẩm)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Bính Tuất - 2006

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

KINH ẤN TỔNG

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
90 Thích Quảng Đức - Phường 5 - Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 08.8.448905
E-mail: thichthongbuu@hcm.vnn.vn

Lời Tái Bản

Tác phẩm “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận” xuất bản lần thứ nhất số lượng đủ cúng dường chư Tăng Ni an cư kiết hạ trên toàn quốc, một số lượng theo khả năng của Tổ đình thì quá lớn, lại thêm phần biểu tặng các hàng thức giả cùng đồng bào Phật tử nên vẫn còn thiếu.

Rất mong lần tái bản thứ hai này sẽ đến tận tay người hâm mộ.

Lần tái bản này vẫn giữ nguyên như lần đầu xuất bản.

Chúng tôi mong nhận được lời chỉ giáo của Chư Tôn Hòa thượng, nhất là sự góp ý xây dựng của hàng thức giả và các giới Phật tử xa gần, và xin được nhận sự hỷ tâm cúng dường ấn tống của các vị hảo tâm, để lần tái bản sau được viên mãn hơn.

Trân trọng.

Lời Phi Lộ

Ở đời, có người định xây cất một ngôi nhà, nhưng lúc nào cũng cảm thấy sự chuẩn bị chưa hoàn hảo. Hễ có gỗ thì lại thiếu gạch ... Thế là lại hẹn từ năm này đến năm khác, thường thường chịu cảnh ở nhà thuê,

Về những bộ kinh lớn của Phật giáo, lý do thường chờ cho đủ điều kiện xuất bản sách nên thường phải đọc tác phẩm nước ngoài. Chúng tôi đánh liều gom lại những bài đã diễn giảng ở các khóa học để làm tài liệu và tu chỉnh thành sách, hầu cống hiến những vị có duyên với đạo tràng và kinh Pháp Hoa. Kinh điển của Phật giáo thì không biết sao kể hết, nhưng bộ kinh được in đi in lại, tái bản không biết bao nhiêu ngàn lần thì có thể nói chưa kinh nào đạt số lượng in nhiều bằng kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Các tác phẩm dịch nghĩa, chú giải, giảng luận về kinh Pháp Hoa đa phần còn ở các học

giả, dịch giả, chơn sư, pháp sư, giảng sư Trung Hoa, chứ Việt Nam thì vẫn còn quá ít. Trong lúc đó thì ở Việt Nam, hầu như đa số Tăng tín đồ đều là độc giả của bộ kinh này. Có một điều đáng lưu ý là đa số người trì bộ kinh này chỉ đọc hoặc tụng suông vậy thôi, chứ chưa tư duy để hiểu, để đạt kết quả như thế nào. Và buồn nhất là đa phần chỉ thích đọc, hoặc tụng chứ chưa tiến đến **thọ trì chuyên sâu**. Nếu như một sách thuốc dù linh nghiệm, người lương y có chuyên đọc, mà không thực hành thì cũng không thể chữa lành bệnh. Quyển sách điện, dù tuyệt đỉnh đến đâu, nhưng người kỹ sư chỉ đọc suông thì làm sao có nguồn điện.

Đức Phật thuyết giảng truyền dạy những lời chơn thật như vậy, mục đích là để cho hàng đệ tử thực hành theo, hầu cũng được an vui giải thoát như Ngài. Nếu chưa giải thoát thì cũng được thanh thản an vui. Thuở Phật còn tại thế thì rất nhiều người nghe, tin, thọ trì và chứng quả. Khi Đức Phật vừa nhập Niết Bàn thì cũng còn một phần thực hành theo phương cách kinh Pháp Hoa, nhưng dần dần ngày càng ít. Đến bây giờ thì gần như “thuyền neo bến vắng”, nghĩa là người đọc tụng vẫn còn nhiều, nhưng người áp dụng thực nghiệm theo đường lối kinh Pháp Hoa thì quá ít.

Tại sao như vậy ?

Tại vì ý nghĩa bộ kinh này ẩn mật và cao siêu quá. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu trọn vẹn, còn chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng thì vẫn chưa hiểu rõ ráo. Hướng gì chúng ta là phạm tục thì làm sao hiểu hết được! Vì chưa hiểu nên lời biếng thọt trì, chưa áp dụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa vào đời sống. Tuy vậy, vì bộ kinh có sức hấp dẫn và truyền cảm về mặt màu nhiệm, nên đa số đều say mê đọc tụng, nhất là phẩm Phổ Môn.

Chúng tôi được sự truyền dạy của Bồ Tát Quảng Đức, nhất là bắt chước phần thọ trì của Ngài vào đời sống hằng ngày, đặc biệt là bước đường hành đạo của Ngài. Được phước báu gọi nhân ân đức, nên để đền đáp ân Thầy trong muôn một, chúng tôi khiêm tốn mở đạo tràng diễn giảng bộ kinh này đã bảy năm, từ 1979 đến tháng 9 năm 1985. Thời gian sau đó, chúng tôi không còn diễn giảng, nhưng vẫn tiếp tục thọ trì kinh Pháp Hoa. Lần thứ nhì, chúng tôi trở lại đạo tràng từ năm 1992. Lần này chưa tiếp tục diễn giảng kinh Pháp Hoa, mà trước nhất phối hợp với mười vị Giáo Thọ Sư, giảng giáo pháp phổ thông cho năm khóa học thường xuyên vào ngày Chủ nhật hằng tuần. Số lượng học viên hàng ngàn người, ai ai cũng tinh tấn tu học. Về sau các học viên này cũng được nghe

giảng kinh Pháp Hoa nhưng ít áp dụng lý kinh vào cuộc sống hằng ngày. Lời dạy của kinh là lời dạy của kinh, còn phương pháp sống hằng ngày là phương pháp sống hằng ngày, vì vậy cho nên chưa có thể gọi là thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sen nhờ bùn mà nở. Ao bùn nhờ sen mà thơm. Đọc tụng mà không rút tĩa những lời dạy nơi kinh, để áp dụng vào cuộc sống cho chính bản thân mình hằng ngày thì đọc tụng ít đem lại sự lợi ích. Ví dụ như hai câu kệ phẩm Phương tiện:

***“Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ”***

Dịch thoát :

***Pháp tịnh trụ trên pháp động.
Tướng thế gian hằng còn.***

Nếu người hành trì Pháp Hoa mà chạy vào núi, hoặc tìm nơi thanh vắng để tu thì người ấy rất khó chứng đắc. Giữa sự ồn ào náo động, mà mình giữ được tâm hồn an tịnh, thế mới ***“Thị pháp trụ pháp vị”***.

Đêm nằm trên tàu hỏa, tàu chạy ồn ào náo động, mà mình vẫn ngủ ngon giấc, là mình đã sống theo quy tắc ***Pháp tịnh trụ trên pháp động***.

Các hình tướng trong thế gian thủy đều vô thường. Vậy tại sao Đức Phật dạy nơi phẩm Phương tiện rằng ***Tướng thế gian hằng còn ?***

(Xin xem phần giảng luận nơi phẩm Phương tiện tập này).

Thành tâm dâng công đức phổ truyền kinh cúng dường Tam Bảo, cúng dường Bồ Tát Quảng Đức, cúng dường chư hiện tiền Tăng.

Những điều thô thiển thiếu sót không làm sao tránh khỏi, kính mong các bậc cao minh chỉ giáo, chư thiện hữu tiếu nạp.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm. Xin tất cả đều kết thành Bồ Đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 1

PHÂN NGHI THỨC

- Nghi thức là gì?
- Diễn giải nghi thức khai kinh

I - MỞ ĐẦU

Một ngày không đọc sách, ngu ba năm. Một tín đồ tôn giáo một ngày không tụng đọc kinh chú hoặc tịnh niệm thì lú lẫn nhiều đời. Phật giáo đặc biệt hơn, là khi đọc tụng kinh chú, phải trải qua một nghi thức khai kinh. Nếu thiếu phần này thì giảm mất một phần sự lợi ích của việc đọc tụng.

Ví như không đọc Tịnh Tam Nghiệp thì cả thân khẩu ý dơ bẩn, không đọc Tịnh Pháp Giới thì Đạo tràng dơ bẩn. Đạo tràng và thân, miệng, ý đều dơ bẩn thì thời kinh đó chỉ tiếp cận với ma hoặc cấp âm thấp, chứ làm sao cảm ứng được với các pháp giới ngoài quả đất, nhất là với Tam Bảo. Chỉ thiếu Tịnh Pháp Giới và Tịnh Tam Nghiệp mà mất sự lợi ích như thế, huống gì mất toàn bộ nghi thức khai kinh. Nhiều sách chỉ chú trọng giảng giải về phần

kinh điển, mà quên đề cập phần nghi thức khai kinh.

◆ NGHI THỨC LÀ GÌ?

Là khuôn phép và mẫu mực, tức những thể thức khuôn mẫu phải thực hiện đúng khi cúng lễ, hay đọc tụng kinh điển. Thiếu khuôn mẫu và thể thức thì thời đọc tụng kinh chú này thiếu phần ý nghĩa. Hoặc nếu có tụng đọc đúng nghi thức, mà không hiểu ý nghĩa của từng lời, từng câu văn khai kinh thì cũng khó đạt được sự lợi ích. Bởi vì đọc tụng để khai thông tư tưởng mà không hiểu nghĩa lý thì tư tưởng khó mở thông. Hơn nữa, Pháp Hoa là bộ kinh quan trọng nhất của đạo Phật, bất nhíp cầu xuyên thông từ phàm phu tánh đến Phật tánh. Cho nên, khi đọc tụng bộ kinh này rất cần sự hỗ trợ của nghi thức khai kinh, kể cả chuông mõ, các món âm nhạc cửa chùa và trầm hương, hoa quả ...

Nhận thức được tầm quan trọng quá cần thiết, nên chúng tôi lược ghi phần nghi thức khai kinh đúng quy pháp, hầu giúp hàng sơ cơ, hoặc các vị Cư sĩ tại gia, hoặc giới học Tăng, học Ni khỏi bỡ ngỡ khi nhận trách nhiệm làm chủ lễ công cộng, hoặc một mình đọc tụng. Chúng tôi cũng giải nghĩa một số nét cần thiết của nghi thức khai kinh, hầu gây thêm nghi pháp cho các hành giả Pháp Hoa. Rất mong được truyền đạt sâu rộng và thừa hành đúng Chánh pháp.

◆ NGHI THỨC KHAI KINH PHÁP HOA

1/. Quỳ khấn

Vị chủ lễ quỳ gối dâng ba cây hương ngang trán, thâm khấn nguyện. Tất cả đại chúng cũng quỳ như vị chủ lễ, nhưng không cần có hương.

2/. Tịnh Khẩu nghiệp chơn ngôn

Tu rị tu rị ma ha tu rị, tu tu rị sa và ha
(*Tụng chú này để hơi miệng không hôi*)

3/. Tịnh Pháp Giới chơn ngôn

Vị chủ lễ và đại chúng cùng đọc nho nhỏ câu:

Aum lam tóa ha (ba lần)
– Có thể đọc gọn : **Aum Lam**

4/. Tịnh Tam Nghiệp Chơn Ngôn

Tất cả cùng đọc nho nhỏ như câu trên

**Aum ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt
ma ta phạ bà phạ thuật độ hám (ba lần)**
– Có thể đọc gọn : **Aum Xi Lâm**

5/. Phổ cúng dường chơn ngôn

**Aum nga nga năng, tam bà phạ phiệt nhựt
ra hũm (ba lần)**

*Tụng chú này lời kinh sẽ là lời thưa chuyển
hương hoa dâng cúng dường khắp mười phương.*

6/. **Xướng lễ dâng hương** (*Vị chủ lễ xướng lớn*)

Nguyện đem lòng thành kính
 Dâng nhờ đám mây hương
 Ngát tỏa khắp mười phương
 Cúng dường ngôi Tam Bảo
 Thề trọn đời giữ đạo
 Theo tự tánh làm lành
 Cùng Pháp giới chúng sanh
 Cầu Phật từ gia hộ
 Tâm Bồ Đề kiên cố
 Chí tu học vững bền
 Xa biển khổ nguồn mê
 Chóng quay về bờ Giác

7/. **Kỳ nguyện**

(*Vị chủ lễ tiếp tục xướng lớn*)

Nam mô A Di Đà Phật,

Hôm nay, ngày tháng năm đệ tử
 chúng con thành tâm quỳ
 trước Đại hùng bửu điện, (*hoặc tại bàn thờ tư gia*)
 phát thệ nguyện đọc tụng thọ trì kinh Đại thừa Diệu
 Pháp Liên Hoa. Nguyện thập phương thường trụ
 Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni
 Phật, thập phương Tam Thế Nhất Thiết chư Phật,
 chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, chư hiện tiền
 Tăng từ bi gia hộ cho đệ tử chúng con, Bồ Đề tâm
 kiên cố, phước huệ song tu, tự giác giác tha, giác

hạnh viên mãn, cùng tất cả pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc vô thượng chánh đẳng, chánh giác.

8/. Xướng lễ (*dành riêng chủ lễ*)

Đấng Pháp Vương vô thượng
 Ba cõi chẳng ai bằng
 Thầy dạy khắp trời người
 Cha lành chung bốn loại
 Quy y tròn một niệm
 Dứt sạch nghiệp ba kỳ
 Xứng dương cùng tán thán
 Ưc kiếp không cùng tận
 Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng
 Đạo cảm ứng không thể nghĩ bàn
 Lưới đế châu ví đạo tràng
 Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời
 Trước bửu tòa thân chúng con ảnh hiện
 Cúi đầu xin thệ nguyện quy y

9/. Đảnh lễ Tam Bảo

Chí tâm đảnh lễ

Nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trú Tam Bảo. (*một lạy*)

Chí tâm đảnh lễ

(Đại chúng đồng tụng hoặc tán, tán nhịp bốn)

Bách hội vừa bén chiêm đàn
 Khấp phương pháp giới ba ngàn tỏa xông
 Khí hải nội lực viên thông
 Mây từ tùy xứ hư không kết vân
 Thuần ý thẩm diệu triêm ân
 Phật lực thể nhập toàn thân nhiệm màu
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát *(ba lần)*

12/. Kệ khai kinh

Pháp vi diệu thẩm sâu vô lượng
 Trăm ngàn muôn ức khó tìm cầu
 Hôm nay đủ duyên con trì tụng
 Nguyện hiểu chơn thật nghĩa nhiệm màu
 Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
(niệm danh hiệu Bốn Sư Thích Ca ba lần)

11/. Tán thán kinh

Hơn sáu muôn lời gồm bảy quyển
 Rộng chứa đủ vô biên nghĩa màu
 Nơi cổ nước Cam lồ rịn nhuần
 Nơi miệng chất đề hồ dịu mát
 Bên răng ngọc trắng vang Xá Lợi
 Nơi lưỡi sen hồng phóng hào quang
 Dầu cho tạo tội hơn núi cả
 Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.
 Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát

(niệm ba lần)

13/. Tụng ngũ bộ chú

Aum lam - Aum xì lâm (Aum chính âm Aum)

Aum ma ni pame hùm,

Aum chiếc lệ chủ lệ chuẩn đề sa và ha.

Bộ lâm.

(niệm ba đến bảy

lần)

14/. Văn phát nguyện

Kính lạy đấng Tam giới tôn

Quy mạng mười phương Phật

Con nay phát nguyện rộng

Thọ trì kinh Pháp Hoa

Trên đền bốn ơn trọng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu ai thấy hoặc nghe

Đều phát tâm Bồ đề

Khi xả báo thân này

Sinh về cõi Cực lạc

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

(niệm danh hiệu ba lần)

15/. Văn ngưỡng bạch

(Vị chủ lễ ngưỡng bạch, hoặc đại chúng cùng tụng cũng được).

Ngưỡng bạch Phật Pháp Tăng vô tận Tam Bảo từ bi chứng minh.

Đệ tử tên là pháp danh
 . . nguyện vì bản thân, vì cha mẹ bà con, vì người
 thân kẻ sơ, vì mọi người và vì chúng sanh, nay con
 trì tụng kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Kính lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bản kinh
 của tuệ giác bình đẳng cao siêu, bản kinh dạy cho
 Bồ Tát và được chư Phật hộ trì.

Kính lạy tất cả Pháp bảo trong quốc độ này và
 trong mười phương quốc độ.

Kính lạy Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật Giáo
 Chủ Bốn Sư, đã tuyên thuyết kinh Pháp Hoa.

Kính lạy Đức Đa Bửu, Đức Phật đã làm chứng
 cho kinh Pháp Hoa là pháp thực tướng.

Kính lạy Đức Di Lặc, Đức Phật đương lai, đã
 phát khởi kinh Pháp Hoa và tiếp dẫn những người
 hành trì Pháp Hoa vãng sinh Đâu Suất Tịnh Độ.

Kính lạy Chư Phật khắp mười phương.

Kính lạy tất cả Pháp bảo kinh Pháp Hoa, trong
 quốc độ này và khắp mười phương quốc độ.

Kính lạy Bồ Tát Văn Thù, vị Pháp sư Pháp
 Hoa.

Kính lạy Bồ Tát Phổ Hiền, vị khuyến phát
 Pháp Hoa.

Kính lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, vị đại sĩ toàn
 diện, ban cho chúng sinh pháp Phổ Môn, nơi kinh
 Pháp Hoa.

Kính lạy tất cả Tăng bảo cùng các vị Bồ Tát,
 các vị Duyên Giác và các vị Thanh Văn trong kinh

Pháp Hoa, trong quốc độ này và khắp mười phương quốc độ. (Đến đây đi vào tụng phần chính văn).

Lưu ý: Mỗi lần tụng một phẩm, hoặc nửa phẩm cũng đều phải khởi đầu bằng nghi thức khai kinh. Có nhiều nơi tụng một ngày một bộ bảy quyển. Tụng như vậy ít đạt kết quả, bởi vì khi thân thể uể oải thì tư tưởng làm sao tiếp thu để liễu nghĩa kinh. Tụng mà không liễu nghĩa thì bị kinh chuyển, tức là rơi vào mê mờ.

II - NỘI DUNG

Giảng luận

Quyển khẩn

Tập trung sáu giác quan vào giây phút niệm hương, giúp hành giả dễ tập trung tư tưởng và phát tâm thành kính tin sâu, nguyện thiết, nhất là tạo khung cảnh trang nghiêm thanh tịnh, cộng thêm mùi trầm hương nghi ngút, mùi hoa thơm ngào ngạt, âm thanh lắng đọng, sắc tướng huy hoàng, đàn tràng trang nghiêm, giúp hành giả Pháp Hoa dễ nhập niệm từ bi.

1/. Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn

Thường thường miệng mình bị nước miếng làm cho dơ ứ, nếu không đọc Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn thì lời đọc tụng sẽ có mùi dơ ứ.

2/. Tịnh pháp giới chơn ngôn

Đạo tràng dầu có trong sạch bao nhiêu, âm tử vẫn tràn ngập. Quần áo, thân thể có tắm giặt sạch sẽ cách nào cũng vẫn còn ẩn chứa nhiều chất uế trước. Bởi vì cõi này là cõi ngũ trước ác thế, tức là cấu tạo bằng năm thứ dơ bẩn độc ác. Đức Phật dạy muốn thanh tịnh đạo tràng thì đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn. Không đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn thì hành giả chỉ giao hảo với loài ma thấp, thời khóa tụng đó khó thấm nhập vào các cõi cao hơn.

3/. Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn

Dù đã trì niệm Tịnh Pháp Giới chơn ngôn, nhưng không đọc Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn thì vẫn không đạt sự lợi ích, bởi vì thân khẩu ý chưa được thanh tịnh.

Chú ý: Chẳng những giờ khai kinh mới đọc tụng Tịnh Pháp Giới chơn ngôn và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn, mà bất cứ lúc nào, trước khi đi ngủ, đi ăn, tắm rửa, thay quần áo, cắm hoa vào bình, dâng quả lên đĩa để cúng ... *vân vân* ... cũng đều phải đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn. Có thể đọc ngắn còn năm chữ: **Aum lam, Aum xì lâm** cũng được.

4/. Xướng lễ dâng hương

Vị chủ lễ xướng, đại chúng thành tâm chú ý nghe từng lời, từng câu, hoặc tất cả đồng đọc theo nhịp khánh. Tất cả tâm thành, tư tưởng quyện với

trầm hương, kết thành một vầng mây lành, thơm ngát tỏa khắp mười phương, cúng dường Phật Pháp Tăng. Đồng thời phát lời thệ nguyện, trọn đời gìn giữ, hiển hưng chánh pháp. Tự tánh của con người vốn là hiền, là thiện. Nguyện theo tự tánh ấy mà thực hành các điều lành. Nguyện cầu chư Phật từ bi gia hộ cho con, cùng với tất cả chúng sanh không chán bỏ việc làm tu phước và tu tuệ, nhất là tuệ tâm khai mở. Nhờ tâm chí tu học vững bền này, mà chúng con xa rời biển khổ, nguồn mê, mau chóng quay về tự tánh giác ngộ của chính mình.

5/. Kỳ nguyện

Lời xướng lễ đã bộc bạch tâm thành. Nhưng để khắc sâu vào tâm khảm, nên cần nhấn mạnh thêm ngày giờ, danh tánh. Xin khắc kỳ thệ nguyện, nguyện tu thành Phật, tức là phát tâm Bồ đề rộng lớn. Kính mong Tam Bảo chứng minh và gia hộ.

6/. Xướng lễ

Dâng hương và kỳ nguyện xong, vẫn chưa tròn khóa lễ. Cần phải xướng lớn thành tiếng, để rồi sau đó mới lễ lạy đấng Pháp Vương, tức là Đức Phật. Đức Phật tối thượng ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không ai sánh bằng. Đức Phật là bậc Thầy, chẳng những dạy riêng cho loài người, mà chung cho muôn loài, trong đó có cả loài trời. Bốn loài nói chung kể cả thấp sanh, noãn sanh, thai sanh và hóa sanh.

Nay con hiểu được Đức Phật là bậc Thầy tối tôn, nên con một lòng xin quy y, để cầu dứt sạch nghiệp chướng A Tăng kỳ kiếp. Đức Phật cao thượng như thế, nên dù con có xứng tụng, tán dương Phật trọn đời, hoặc trải nhiều đời, nhiều kiếp, cũng không thể đủ lời để tán dương.

Phật tánh của chúng sanh cũng rộng lạng như tánh của chư Phật. Cho nên **con đường cảm ứng** giữa chúng sanh và Phật nó tiếp nối nhau rất thông suốt, sự nhiễm mầu này không thể nào nghĩ bàn cho cùng tận được. Chúng con không chấp đạo tràng chật hẹp, nơi một ngôi chùa hoặc một quốc độ, mà là trùm phủ cả vũ trụ, cả hư không bao la đều là đạo tràng. Ánh hào quang sáng ngời của chư Phật khắp mười phương đều soi rọi vào thân con. Chúng con thề nguyện trọn đời xin trở về nương tựa và y theo chư Phật.

7/. **Đảnh lễ Tam Bảo**

Quá khứ, hiện tại và vị lai chư Phật, chư Bồ Tát, chúng con đều nguyện xin lễ lạy. Lạy một Đức Phật là lạy muôn ngàn Đức Phật. Chẳng những chỉ lạy chư Phật, mà còn lạy chư vị Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng. Chẳng những chỉ lạy ở một phương, một cõi, mà lễ lạy khắp cả mười phương, ba cõi.

8/. **Khai chuông mõ**

Đây là âm nhạc trợ lực cho hành giả Pháp Hoa

kinh trong giờ phút trì tụng (*ý nghĩa chuông mõ xem giải nghĩa nơi bài các khóa trước*).

9/. Tụng bài kệ tán hương

Phàm là con người thì ai ai cũng đều có mùi thơm và mùi hôi. Mùi hôi thì tụ nơi các hạch mồ hôi và thoát ra nơi các lỗ chân lông, còn mùi thơm thì tụ hội ở nhục kế, giữa đỉnh đầu. Nơi đây quy tụ một trăm dây thần kinh. Y học gọi nơi này là Bách hội, hoặc Bá hội, tức là một trăm dây thần kinh tụ hội tại điểm này. Người nào càng tu luyện thì ngày càng thải bỏ những mùi hôi, mùi thối nơi cơ thể. Thải hết mùi hôi thì tự nhiên mùi thơm hiện hữu. **Bách hội vừa bén chiên đàn** – Ý nói là nơi huyết Bách hội vừa chớm có mùi thơm, như hương chiên đàn hải ngạn (*loại gỗ hương quý bên xứ Ấn Độ, cũng ví như gỗ kỳ nam, gỗ trầm của Việt Nam vậy*). Khi hương thơm tỏa từ huyết Bách hội thì cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thoảng mùi hương này.

Muốn huyết Bách hội tỏa hương thì phải tu đủ nội lực nơi huyết “khí hải” (*biển hơi ở dưới rốn*). Hơi nóng từ huyết này tròn thông khắp cơ thể thì vắng mây lạnh nơi ý mới kết để tỏa nhập vào không gian. Lúc ấy chẳng những thấm sâu vi tế, mà còn diệu hữu. Nội lực thuần thiện, cũng còn gọi là

Phật lực, đã thẩm nhập toàn cơ thể một cách mâu nhiệm.

Muốn thông suốt yếu lý này, xin thẩm sâu vào phần giải nghĩa tựa kinh Lăng Nghiêm (*xem bản dịch bài kệ tựa kinh Lăng Nghiêm phía sau*).

10/. **Kệ khai kinh**

Lời Đức Phật dạy được kết tập lại thành kinh điển. Kinh điển là pháp môn vi diệu, cao siêu không thể dùng trí thông minh để suy luận nghĩ bàn được. Đã trải qua trăm ngàn kiếp mà con vẫn còn mãi ở địa vị phàm phu tục tử nên khó gặp được pháp Diệu. Hôm nay gặp được lời Phật, tức là gặp được pháp môn vi diệu, nên nguyện đọc tụng thọ trì và hiểu thâm sâu vào nghĩa chơn thật mà Đức Phật truyền dạy.

11/. **Tán thán kinh Pháp Hoa**

Bộ kinh Pháp Hoa, nói cho đủ là kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, chia thành bảy quyển (*trọn bộ*), hai mươi tám phẩm. Nếu theo nguyên văn chữ Nho, chúng ta có thể tính đến hơn sáu vạn chữ, đầy đủ nghĩa lý Nhất thừa sâu sắc, mâu nhiệm và huyền bí. Tụng và tu luyện theo kinh này lâu ngày, nước miếng nơi cổ không còn hôi, hoặc chát mặn nữa, mà nó lại ngọt ngon (*cam lồ là nước bất tử - bất tử dịch, vị ngọt như mật*).

Nhuần được nhiều nước miếng dịu mát và bổ dưỡng như chất sữa. Hai hàm răng quý báu vang như ngọc reo (*Xá lợi là ngọc*). Sức nóng nơi lưỡi tỏa ra “từ trường” vang xa. Người đời dù tạo nhiều tội lỗi bằng núi, bằng non, nhưng khi tỉnh tâm, đọc tụng thọ trì Diệu Pháp Liên Hoa, trì tụng đến khi nào liễu nghĩa, lúc bấy giờ hạ thủ công phu tức là Thọ và Trì, dù chừng vài chữ, hoặc vài dòng nơi kinh này thì tội lỗi to lớn kia nhất định liền được tiêu trừ.

12/. Tụng Ngũ bộ chú

Các chùa, hoặc các Đạo tràng, khi khai kinh đều tụng chú Đại bi. Riêng Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm thì lại tụng **Ngũ bộ chú**. Mỗi pháp môn có một đặc thù của nó. Đặc thù của Đạo tràng này là hướng đến chỗ luyện pháp môn **đồng khí tương cầu**. Ngũ bộ chú gồm năm bộ thần chú rút gọn:

1. **Aum lam**: là mật chú Tịnh Pháp Giới chơn ngôn.

2. **Aum xì lâm**: là mật chú tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn.

3. **Aum mani pamế hùm**: là mật chú Quán Thế Âm linh cảm chơn ngôn.

4. **Aum chiếc lệ chủ đề chuẩn đề sa và ha**: là tóm gọn mật chú Chuẩn Đề chơn ngôn.

5. **Bộ lâm**: là mật chú trên đỉnh đầu của Chư Phật.

(*Muốn rõ, xem bài giảng giải về Ngũ bộ chú*)

13/. **Văn phát nguyện**

Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và hết thảy mười phương chư Phật. Con phát lời thệ nguyện rộng lớn **Thọ** và **Trì** kinh Pháp Hoa. Trên đền bốn ân lớn (*ân Tam Bảo, ân Quốc gia thủy thổ, ân phụ mẫu sanh thành, ân chúng sanh*). Dưới cứu khổ ba đường là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Khi con trì tụng kinh này, nếu ai thấy hoặc nghe đều phát tâm tu cầu đắc trí tuệ (*Bồ đề là trí tuệ*) và câu sau cùng là bỏ giả thân này nguyện được vãng sanh Cực lạc quốc.

14/. **Văn ngưỡng bạch**

Văn ngưỡng bạch này không tụng, dành riêng cho vị chủ lễ xướng, đại chúng lắng nghe.

Ý nghĩa văn ngưỡng bạch này là trùng tuyên lại các phần trên. Đặc biệt là xin lễ lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lạy chư Phật, lạy Đức Phật Di Lặc, các Đức Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Quán Thế Âm, chư tôn Bồ tát và lạy tất cả ngôi Tam Bảo, các Ngài Thanh Văn, Duyên Giác quốc độ này và mười phương các quốc độ khác cũng đều kính lễ.

TÊN BỘ KINH

Đề tên kinh Pháp Hoa, nếu tính theo số chữ đề trì niệm thì có chín chữ: “**Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**”. Nếu tính đúng theo tên đề bộ kinh thì có mười lăm chữ: “**Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm**”. Giải nghĩa đại cương chín chữ:

1/. Nam mô

Nam mô còn đọc là nãng mô, na ma, nãng mạc ... dịch nghĩa: quy y, quy mạng, lễ bái, cúng dường, cứu ngã, độ ngã.

- *Quy y*: Trở về nương tựa.
- *Quy mạng*: Đem cả thân mạng trở về.
- *Lễ bái*: Lạy xá.
- *Cúng dường*: Thành tâm dâng cúng.
- *Cứu ngã*: Xin cứu con thoát khỏi phiền não nghiệp chướng.

- *Độ ngã*: Độ là chở, ngã là con. Xin độ con - Độ có nghĩa là chở con qua khỏi biển sanh tử luân hồi.

2/. Đại thừa

Thừa nguyên đọc là thặng. Thặng dịch là xe, đại thặng chiếc xe lớn. Ý nói pháp môn Tiểu thừa chỉ lo độ mình, còn pháp môn Đại thừa cũng ví như chiếc xe lớn tự chở mình và chở nhiều người khác,

loài khác. Kinh Đại thừa là những bộ kinh rộng độ cho các pháp giới chúng sanh đến đích thành Phật. Tạm ví như chương trình Đại học và Tiểu học ở thế gian vậy. Trong những bộ kinh Đại thừa chia làm hai loại: Quyền (tạm) đại thừa và Thật đại thừa. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh thuộc về Thật đại thừa.

Tu theo kinh điển Đại thừa đúng nghĩa, là không chỉ đọc tụng suông. Dù đọc tụng rõ ràng, kể cả thuộc rành rẽ từng câu, từng chữ cũng chưa phải tu theo Đại thừa. Phải hiểu nghĩa kinh. Phải thực hành đúng phương pháp kinh hướng dẫn. Phải áp dụng lời kinh vào đời sống hằng ngày của chính mình và nhiều người, nhiều loài chung quanh mình.

3/. Diệu pháp

Thế nào là pháp Diệu? Toàn bộ kinh, quyển nào, phẩm nào, câu nào, chữ nào cũng đều là pháp Diệu cả. Nàng Rong (Long Nữ) tám tuổi nghe kinh Pháp Hoa liền đắc quả thành Phật trong nháy mắt. Năm ngàn người bỏ pháp hội ra đi. Năm trăm người ngồi lại nghe. Thập bát Phật Đa Bửu Như Lai từ đất vọt lên ... Mỗi mỗi đều là pháp Diệu.

Từ pháp **thô**, tu luyện chuyển sang pháp **tế**. Từ pháp **tế** tu luyện chuyển sang pháp **vi** thì ai ai cũng có thể tu luyện được. Nhưng từ pháp **vi**, tu luyện để chuyển sang pháp **Diệu** thì rất ít người chứng đắc. Nhưng cũng còn có người đắc. Từ **Diệu**

nhập vào **Diệu hữu** thì trong giới tu học Phật chưa được bao nhiêu.

GAum Tập niệm về Chánh niệm vẫn chưa là Diệu. Từ Chánh niệm tung trái ra Vạn niệm vẫn chưa là Diệu. Từ Vạn niệm quay về Tam niệm (*pháp môn Tịnh Độ*) vẫn chưa là pháp Diệu. Từ Tam niệm quay về Nhị niệm (*pháp môn Thiên quán, kể cả Trung quán song chiếu*) cũng chưa là pháp Diệu. Từ Nhị niệm bùng khai Nhất niệm (*tức là Vô ngôn vô tự*) cũng chưa là pháp Diệu. Khi nào chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, khi nào Ứng Vô Sở Trụ, khi nào Trí Đạt Vô Sanh, khi nào Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm không còn ở ý quán, mà đã chuyển sang trí quán, quán sâu năm pháp quán: “Chơn quán, thanh tịnh quán, trí tuệ quán rộng lớn, bi quán và từ quán”, khi nào đắc tổng trì, khi nào tâm đắc Diệu Trang Nghiêm, khi nào trải hạnh nguyện Phổ Hiền ... lúc ấy mới gọi là Diệu pháp, mới gọi là Diệu hữu.

4/. **Liên Hoa**

Giải nghĩa Liên Hoa là bông sen thì ai mà không biết! Đồng ý là trong các loài hoa thì hoa sen là loài hoa có nhiều đặc điểm. Nhưng tại sao Đức Phật lại mượn tên loài hoa này để đặt tên bộ kinh quan trọng? Chúng ta sẽ được giải thích rằng: kinh Diệu Pháp là kinh nêu rõ phương pháp tu chứng

Diệu hữu, dành cho những ai nhập trần mà không nhiễm trần. Bông sen là loài hoa vào bùn không nhiễm bùn, lại hoa quả cùng lúc, chỉ cho quyền thật như trí, cho nên Đức Phật mới mượn tên loài hoa này để đặt tên cho bộ kinh.

Thứ nhì, ai chịu trầm tư để đạt cả lý lẫn sự thuộc về sức sống của loài hoa này thì người ấy ngộ được lý đa chiều của Bát Nhã. Đồng ý! Bát Nhã không đơn thuần ở lý đa chiều, nhưng nếu không mở cửa nguyên lý đa chiều thì hỏi đến bao giờ nhập vào nhà Bát Nhã? Kinh Pháp Hoa không đơn thuần ở nguyên lý Nhất thừa, mà nó hàm chứa tất cả nguyên lý Bát Nhã. Cầu một cây là lý Nhất thừa Pháp Hoa và thuyền không đáy là lý Bát Nhã. Cả hai nằm song song với nhau và cùng chung nhau một mật nghĩa, đó là giúp người sang sông. Khi đã sang bờ rồi thì ai còn cần thuyền không đáy, hoặc cầu một cây để làm gì nữa. Khi đã giải thoát, đã chứng đắc quả vị chánh giác rồi thì còn cần nương tựa Pháp Hoa, Bát Nhã làm gì nữa? Nhưng khi chưa giác ngộ mà không y theo phương pháp Diệu hữu của Pháp Hoa mà tu thì làm sao chứng đắc “Chơn không” của Bát Nhã. **Chơn không** và **Diệu hữu** cả hai đều thâm thiết. Nếu thiếu thì người tu luyện rất khó chứng đắc. Phải trải qua trung quán song chiếu, nghĩa là phải quán Giả và quán Chơn. Một mình Tề Thiên Đại Thánh đến thời kỳ đó phải có hai tên:

Tôn Hành Giả và Tôn Ngộ Không, tức là phải trung quán song chiếu, tức là quán và chiếu, chiếu cả pháp tu và pháp ngộ.

Còn nhiều nguyên do để hoa sen được ghi tên vào tựa bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nhưng nếu có giải thêm hàng trăm nguyên do nữa thì cũng là phụ mà thôi. Điều đáng hiểu mà chúng ta chẳng chịu hiểu và đây là điểm chính yếu của danh từ hoa sen được ghép với bộ kinh Pháp Diệu, để thành đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa: Đó là cái hoa sen nở trên đầu của mỗi con người, cũng như hoa sen ngàn cánh nở nơi nhục kế của Đức Phật, tại Hội thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm vậy.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm không phải khởi từ miệng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà là do một Đức Hóa Phật, tức là Đức Phật Thích Ca hóa thêm một Đức Phật Thích Ca thứ hai. Lúc ấy trên đỉnh đầu Đức Phật Thích Ca có Đức Phật thứ hai, ngồi trên hoa sen ngàn cánh, tuyên thuyết thần chú Thủ Lăng Nghiêm:

BÀI KỆ TỰA KINH LĂNG NGHIÊM

Bấy giờ Đức Phật

Từ giữa nhục kế

Phóng trăm hào quang

Sáng giữa vọt mạnh

Ngàn cánh sen báu

Hóa thân Đức Phật
 Ngồi giữa hoa sen
 Đánh phóng mười sáng
 Trăm báu quang minh
 Mỗi mỗi sáng chiếu
 Đều hiện thấy rõ
 Kim Cương mật tích
 Mười cát sông Hằng
 Cầm chày chống núi
 Đầy khắp hư không
 Đại chúng nhìn thấy
 Hãi sợ thưa rằng
 Cầu Phật thương cứu
 Một lòng vâng Phật
 Thấy nơi trên đỉnh
 Một Phật phóng quang
 Tuyên thuyết thần chú

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là thời kỳ hoa sen ngàn cánh nở nơi đỉnh đầu của Đức Thế Tôn. Kinh Pháp Hoa thì hoa sen hợp với kinh Đại thừa Pháp Diệu thành tên bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Vậy trình độ thọ trì kinh Pháp Hoa là trình độ đọc tụng để hiểu biết và hành trì theo phương pháp vi diệu, hầu giúp cho trăm dây thần kinh nơi Bách hội của mỗi hành giả, mỗi dây thần kinh tỏa mười tia sáng. Ngàn tia sáng trên đỉnh đầu thành một hoa

sen bằng ánh sáng. Ngàn cánh sen bằng từ trường nở nơi hành giả Pháp Hoa kinh, điều kiện sơ khởi bắt buộc phải hợp đủ bốn chữ: Diệu Pháp và Liên Hoa.

Có pháp Diệu mà không dám nhập trần thì chỉ mới đạt có một nửa. Trái lại, nếu nhập trần mà thiếu pháp Diệu thì lại càng thiếu sót hơn. Nhập trần không nhiếp trần, đó là Liên Hoa. Không nhiếp trần vẫn chưa đủ, cần phải nở hoa giống như sen. Nở hoa vẫn chưa đủ, cần phải tỏa hương, phơi nhụy, hiến đời. Tỏa hương phơi nhụy vẫn chưa đủ, cần phải có hạt quả hiện tiền (*hoa quả đồng thời*).

Nói chung là chẳng những bắt chước hoa sen, sống đúng như cách sống của hoa sen, mà chính bản thân mình nơi đỉnh đầu phải nở một hoa sen hào quang ngàn tia sáng, như Đức Phật ở Hội Thủ Lăng Nghiêm. Được như vậy mới gọi là Liên Hoa, như thế mới gọi là Diệu Pháp.

5/. Kinh

Kinh và sách, hai ý nghĩa tuy giống mà khác nhau. Sách thuộc diện văn hóa dòng đời, kinh thuộc diện lời dạy dỗ của tôn giáo. Sách nặng về phần vật thể, kinh nặng về tâm linh và lại còn bao gồm vật thể. Kinh nằm riêng địa hạt tôn giáo. Mỗi tôn giáo có một số quy ước về kinh của tôn giáo đó: kinh Phệ Đà của đạo Bàlamôn, Thánh kinh Cựu

ước, Thánh kinh Tân ước của đạo Thiên Chúa, kinh Coran của đạo Hồi, Ngũ kinh của đạo Khổng, Lão Tử Đạo Đức kinh của đạo Lão ... Riêng đạo Phật thì là lời dạy của Đức Phật Thích Ca, trong đó có một số lời đối thoại của hàng Bồ Tát, hàng trời thần quỷ rồng người. Suốt 49 năm, trên lịch trình truyền bá của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo pháp của Ngài được chia làm ba phần: “Kinh - Luật - Luận”. Kinh cũng có nghĩa là xâu kết từng lời dạy thành một hệ có sau trước. Bài học này chỉ nêu khái niệm về chữ kinh, nếu giảng giải chữ kinh thì còn nhiều chi tiết. Xin quý vị tham khảo sâu về chữ kinh nơi các tài liệu liên quan.

KINH PHÁP HOA

Chữ kinh này thuộc về kinh chứ không phải luật, luận. Kinh Pháp Hoa do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chư vị Bồ tát và quỷ thần tuyên thuyết tại Hội Pháp Hoa, núi Linh Thứu (*Ấn Độ*). Ngoài những lời dạy của Đức Phật và Bồ tát thì lại còn có một số câu đối thoại của thánh chúng tại Hội Thượng Pháp hoa. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, trưởng lão Ma Ha Ca Diếp tập hợp một ngàn vị Thánh Tăng để kết tập giáo pháp của Đức Phật lại thành hệ thống. Cũng ví như một sợi chỉ kết những hạt châu lại, thành một xâu chuỗi vậy!

Đại hội kiết tập này, do Ngài Tôn Giả A Nan tường thuật, chín trăm chín mươi chín vị Thánh Tăng nghe và đồng ý thì Ban kết tập mới ghi chép vào lá bối, sau này mới có ấn bản lưu hành phổ biến sâu rộng. Đại hội kiết tập này tuy kiết tập nhiều bộ kinh, nhưng quan trọng nhất, có tánh cách xiển dương chánh pháp là bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

(Xin xem thêm phần dịch giải bài tựa Hoằng Truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa của luật sư Đạo Tuyên ở phần phụ lục).

III - TÓM KẾT

Bài học số một này ghi đại cương những nét cần thiết tên đề bộ kinh Pháp Hoa, gọi cho đủ là Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm.

Dù ghi tóm lược đại cương, nhưng chúng tôi hy vọng giới học Phật, nhất là các vị hành giả Pháp Hoa kinh quyết tâm nhập sâu phần thực dụng của các phẩm toàn bộ kinh. Cũng mong bộ Pháp Hoa giảng luận này đến tận tay giới học giả, giới nghiên cứu Pháp Hoa, hy vọng góp phần nào về mặt tài liệu để bớt sự nhọc mệt kê cứu của quý vị.

Sách giới hạn số trang, nên không tài nào đầy đủ mọi dẫn chứng, nhất là phần giải nghĩa văn tự. Mong sự thông cảm và xin mời chúng ta cùng thẩm

sâu từng bài, từng phẩm, tiếp tục đi sâu vào toàn bộ kinh.

- Phật pháp chẳng lìa thế gian pháp
- Bông sen chẳng rời bùn
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chẳng tách xa cuộc sống của mọi người giữa dòng đời trong đục.

Cầu nguyện Phật Tổ gia hộ, chư Thiên giới, chư tôn Hộ pháp tiếp sức cùng chúng tôi, để đồng liễu thông Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Bộ kinh tối tôn, tối mật và thù thắng nhất, bộ kinh gồm đủ phương pháp sống, là gia bảo chung cho cả muôn loài.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả hộ trì. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa kiên trì tu luyện.

Kính lạy Tam Bảo, kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật gia hộ, chư Thiên giới quyền uy, Long Thiên Bát bộ Hộ pháp, hợp lực đồng tâm tu học và phổ truyền bí pháp Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa ngày càng sâu rộng.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 2

PHẨM TỰA - Thứ nhất

I - MỞ ĐỀ

Bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, chia hai mươi tám phẩm. Phẩm thứ nhất, được gọi là phẩm Tựa. Muốn dễ hiểu phẩm Tựa, chúng ta phân thành

sáu đoạn gồm sáu nét lớn. Bài học số hai này gồm hai nét chính:

- **Bảy điểm thành tựu**
- **Phương pháp dẫn nhập**

Vì bài học tóm gọn, mong quý vị nghiên cứu, hoặc tham câu tu học, nhất là hành giả Pháp Hoa hãy thẩm sâu từng chữ, từng câu của toàn phẩm kinh và cũng nên trực tiếp, hoặc gián tiếp nghe giảng giải, nhất là cần phải thọ trì, thực tu, thực luyện, thực nghiệm, thực hiểu và thực biết thì mới liễu ngộ được giáo pháp vi diệu của kinh Pháp Hoa. Nhược bằng chỉ đọc tụng hoặc nghiên cứu suông thì không bao giờ đạt được ẩn nghĩa. Bởi vì ẩn nghĩa của Pháp Hoa không cho phép bất cứ ai được ngâm nghĩ, suy lường, chứ đừng nói là tính toán. Dù bạn là một Giáo sư Tiến sĩ Toán, bạn cũng không thể nào làm xong một bài toán chia mười cho ba. Nhưng cậu bé học sinh lớp một, có thể xếp giấy chia thành ba phần, mà không hề thừa, hoặc thiếu. Trái lại, vị Giáo sư Toán thì dù có tìm mọi cách để chia mười cho ba, cũng vẫn còn thừa. Vậy kính mong quý vị hành giả Pháp Hoa đừng nên suy lường, nhất là đừng nên “tính toán”. Hãy thực hành, thực tu, thực luyện, thực nghiệm và thực chứng, dù chỉ chứng ngộ được một chữ. Bởi vì kinh Pháp Hoa không phải là “sự kiện”, mà là “sự thực”. Mặc dù toàn bộ kinh

Pháp Hoa có nhiều câu, nhiều chữ quá sâu xa, quá huyền bí, có chỗ mới xem qua, cứ ngỡ tưởng là trừu tượng, nhưng mà nó là sự thực, tức là nguyên lý chơn thật, đối với những ai thực tu, thực chứng.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

1 - Như vậy Ta nghe! Vào một lúc nọ, Đức Phật đang trụ trong núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá cùng một vạn hai ngàn vị đại Tỷ kheo câu hội. Tất cả số này đều là bậc A La Hán. Tất cả lậu đều dứt sạch, mọi phiền não không còn. Việc tự lợi cho chính bản thân đã tròn đủ, đã dứt được mọi ràng buộc trong các cõi, tâm đã đạt tự tại. Tên các Ngài ấy là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lăng Già Bà, Ta Bạc Câu La, Ma Ha Câu Si La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lâu Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La ...*vân vân*... Đây là những vị Đại A La Hán, hàng trí thức của chúng.

Lại còn có hai ngàn vị, toàn những bậc còn học và không phải học nữa.

Tỷ kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và sáu ngàn quyến thuộc đều cùng câu hội. Thân mẫu của La Hầu La là bà Tỷ kheo Ni Da Du Đà La và quyến thuộc cũng đang hiện diện tại hội Pháp Hoa.

2 - Bậc đại Bồ Tát gồm tám vạn vị, đều bất thối chuyển, ở nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất cả đều đã chứng pháp Đà Ra Ni, nhạo thuyết biện tài. chuyển pháp luân bất thối và đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn Đức Phật, trồng sâu cội công đức nơi Chư Phật. Thường được Chư Phật ngợi khen, đã dùng đức từ để tu thân. Khéo chứng trí tuệ Phật, thông đạt đại trí, đến bờ giải thoát, danh rộng truyền khắp vô lượng thế giới, hay độ vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh.

Hiệu của chư vị Bồ tát là: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, Bất Hưu Tức Bồ tát, Bửu Chưởng Bồ tát, Dục Vương Bồ tát, Dũng Thí Bồ tát, Bửu Nguyệt Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, Mãn Nguyệt Bồ tát, Đại Lực Bồ tát, Vô Lượng Lực Bồ tát, Việt Tam Giới Bồ tát, Bạt Đà Bà La Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Bửu Tích

Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát ...*vân vân*... Các vị đại Bồ tát như thế tám ngàn người đều tụ hội.

3 - Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, cùng với quyến thuộc hai muôn Thiên tử đồng câu hội.

Lại có Minh Nguyệt Thiên tử, Phổ Hương Thiên tử, Bửu Quang Thiên tử, bốn Ngài Đại Thiên vương, cùng với quyến thuộc một vạn Thiên tử đồng câu hội.

Tự Tại Thiên tử, Đại Tự Tại Thiên tử, cùng với quyến thuộc ba vạn vị Thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta Bà: các Ngài Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm ...*vân vân*... Cùng với quyến thuộc một vạn hai ngàn vị Thiên tử đồng câu hội.

Có tám vị Long vương: Nan Đà Long vương, Bạt Nan Đà Long vương, Ta Đà La Long vương, Hòa Tu Kiết Long vương, Đức Xoa Ca Long vương, A Na Bà Đạt Đa Long vương, Ma Na Tu Long vương, Ưu Bát La Long vương, cùng nhiều trăm ngàn quyến thuộc đều câu hội.

Có bốn vị Khẩn Na La vương: Pháp Khẩn Na La vương, Diệu Pháp Khẩn Na La vương, Đại Pháp Khẩn Na La vương, Trì Pháp Khẩn Na La vương, cùng với trăm ngàn quyến thuộc thảy đều câu hội.

Có bốn vị Càn Thát Bà vương: Nhạc Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà vương, Mỹ Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà vương và nhiều trăm ngàn quyến thuộc đồng câu hội.

Có bốn vị A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương và cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đồng câu hội.

Có bốn vị Ca Lâu La vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La vương, Đại Thân Ca Lâu La vương, Đại Mãn Ca Lâu La vương, Như Ý Ca Lâu La vương và cùng nhiều trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hi và nhiều trăm ngàn quyến thuộc đồng câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngòi một bên.

4 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn được hàng tứ chúng vây quanh cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng, bèn vì các vị Bồ tát mà thuyết kinh Đại thừa tên là “Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm”.

Nói kinh này xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập chánh định “Vô Lượng Nghĩa Xứ”. Thân và tâm của Đức Phật đều không lay động.

Khi đó trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, Hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa, để rải trên Đức Phật cùng hàng đại chúng, khắp cõi này, sáu điệu vang động.

Lúc bấy giờ trong chúng hội, các hàng: Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Nhơn và Phi nhơn, và các vị Tiểu vương cùng Chuyển Luân Thánh vương. Tất cả đại chúng ấy đều đặng thấy việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

5 - Bấy giờ, Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chận mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia.

Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi ấy và nghe kinh pháp của các Đức Phật ấy thuyết. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ và những người tu hành đặc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ tát dùng các pháp như duyên, bằng lời tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ tát.

Lại thấy các Đức Phật nhập Niết bàn. Lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết bàn, đem Xá lợi của Phật mà thờ nơi tháp dựng bằng bảy báu.

Giảng luận

1/. Bảy điểm thành tựu của phẩm Tựa

Phần duyên khởi của phẩm Tựa, gồm bảy yếu tố thành tựu (*thất chủng thành tựu*). Các bộ kinh khác có sáu yếu tố, kinh Pháp Hoa đến bảy điểm thành tựu:

- ① Tín thành tựu
- ② Văn thành tựu
- ③ Thời thành tựu
- ④ Chủ thành tựu
- ⑤ Địa điểm thành tựu
- ⑥ Nhân sự thành tựu
- ⑦ Nhân chứng thành tựu

❶ Tín thành tựu

Như vậy : Tức là niềm tin thành tựu.

Kinh của Bàlamôn thì chữ Oai và chữ Aum đứng đầu. Kinh Phật (*kinh nào cũng vậy*) thì chữ “như vậy” đứng đầu. “Như vậy đó!”. Ai nếu tin thì

đọc tụng, thọ trì, bằng ai không tin thì thôi. Chữ “Nhu vậy” đứng trước mới đúng kinh Đức Phật thuyết.

② Văn thành tựu

Ta nghe : Đây là nghe thành tựu.

Hai chữ **Ta nghe**, nếu dịch **tôi nghe** thì không sát ý. Ta đây là chúng ta, gồm Ngài A Nan và đại chúng một ngàn vị A La Hán cùng nghe. Nghe bằng chơn tâm, chứ không phải ý nghe, tức là chơn ngã nghe, chứ không nghe bằng đại ngã như đạo Bàlamôn và lại càng không phải nghe từ tiểu ngã. Cũng không thể nghe ở sáu giác quan. Lại càng không phải là do tai nghe. Ai dùng tai nghe kinh này thì sự nghe chưa thành tựu, vì tôi nghe là nghe của cá nhân Ngài A Nan là sai.

③ Thời thành tựu

Một thời : Đây là thời thành tựu.

Chỉ có một thời điểm đó, chứ không có thời điểm thứ hai, thứ ba hay bất cứ một thời điểm nào khác (cũng ví như quả banh nơi chân cầu thủ).

④ Chủ thành tựu

Đức Thế Tôn : Đây là chủ thành tựu.

Kinh này do Đức Phật Thích Ca chủ thuyết, Đức Phật thuộc về chủ thành tựu. Bởi vì kinh là do

vị Giáo chủ tuyên thuyết, Đức Phật chủ trương và cũng chính Đức Phật thuyết.

⑤ Địa điểm thành tựu

Tại núi Kỳ Xà Quạt : Đây là địa điểm thành tựu.

Núi Kỳ Xà Quạt, có nơi còn gọi là núi Linh Thứu (*núi Linh giống hình con chim Thứu*), hoặc Linh sơn. Địa danh này là nơi đất linh của thành Vương Xá, một thành phố phồn vinh, của xứ Ấn Độ thuở ấy.

⑥ Nhân thành tựu

Nhân sự : Đây là nhân sự thành tựu.

Gồm có chư vị Bồ tát, cùng hàng Thánh Tăng, trời thần quỷ rồng, nhơn và phi nhơn.

Ai diễn thuyết thu hút độ mười vạn thính giả thì vị ấy đã thành công to lớn lắm rồi. Ở đây Đức Phật thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa và chuẩn bị thuyết kinh Pháp Hoa, số thính chúng đã lên đến số muôn triệu tỷ. Nhất là số thính chúng này, đa phần là những bậc danh tiếng lẫy lừng khắp cõi trời thần quỷ rồng, nhơn và phi nhơn. Một sự thành tựu về chất lượng và số lượng thính giả đã vượt trên mức ước tính đếm, tức là vượt ngoài sự tưởng tượng của thế nhơn.

Đặc biệt nhất: Sự hiện diện các Ngài Đại Bồ tát. Đây là thành phần nhân sự thành tựu tuyệt nhất.

Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Di Lặc, cùng chư Bồ tát Ma Ha Tát đều có mặt tại Hội Pháp Hoa.

Một buổi lễ hoặc một buổi diễn thuyết nào, dù hình thức có cực kỳ trang nghiêm, long lẫy, số thính chúng có đông đến hàng ngàn, hàng vạn, hàng ức, mà thiếu sự hiện diện chứng kiến của các bậc thức giả, trí giả có danh vị, hoặc có địa vị trong xã hội thì buổi lễ, hoặc buổi diễn thuyết ấy mất đi khá nhiều phần trọng thể.

Hội thuyết kinh của Đức Phật Thích Ca, chẳng những đông đủ hàng đệ tử bốn chúng, xuất gia, lẫn tại gia, mà còn có cả vua các cõi trời, vua cõi người tại xứ Ấn Độ, cùng đông đủ quyền thuộc của vua. Cũng có vua và quyền thuộc các cõi rồng, nhất là đông đủ tám bộ trời rồng quỷ thần. Đó là Trời - Rồng - Dạ xoa - Càn Thát Bà - A Tu La - Ca Lâu La - Khẩn La Na - Ma Hầu La Già - Đông đủ tám bộ Hộ pháp, đều có mặt.

Siêu nhất là hàng Bồ tát thì đông đến một trăm bốn chục ngàn vị. Các Ngài Đại Bồ tát như: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát - Quán Thế Âm Bồ tát - Đại Thế Chí Bồ tát - Thường Tinh Tấn Bồ tát - Bất Hư Tức Bồ tát - Bảo Chưởng Bồ tát - Dược Vương Bồ tát - Dũng Thí Bồ tát - Bảo Nguyệt Bồ tát - Nguyệt Quang Bồ tát - Mãn Nguyệt Bồ tát - Đại Lực Bồ tát - Vô Lượng Lực Bồ tát - Việt Tam Giới Bồ tát - Hiền Hộ Bồ tát - Di Lặc Bồ tát - Bảo Tích

Bồ tát - Đạo Sư Bồ tát cùng chư vị Đại Bồ tát hiện hữu nơi Hội Pháp Hoa. Pháp hội quá trọng thể lại có thêm sự hiện diện của chư Bồ tát, nên càng thêm phần trọng thể.

Pháp môn vi diệu nhất thừa pháp nhập trần như bông sen vào bùn không nhiễm bùn. Nhờ nhiều yếu tố thành tựu này, nên đã đạt đến tầm mức tối quan trọng.

⑦ Nhân chứng thành tựu

Đức Phật nào thuyết kinh mà được một Đức Phật quá khứ đến tại hội thuyết kinh để chứng minh tăng thêm sự trang nghiêm thì bộ kinh đó được coi là bộ kinh vua của các kinh và được ghi là bảy điểm thành tựu. Nếu không thì chỉ được ghi có sáu điểm thành tựu.

Bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, trong khi Đức Phật Thích Ca đang thuyết thì tháp báu hiện ra. Trong tháp báu có Đức Phật Đa Bửu Như Lai, vị Phật thuộc quá khứ. Ngài lại nhường nửa tòa mời Đức Thích Ca cùng ngồi để tiếp tục thuyết hoàn mãn hội Pháp Hoa (*xem phẩm Hiện Bửu Tháp*).

Như vậy nên mới bảo rằng kinh Pháp Hoa có thêm phần nhân chứng tuyệt hảo. Nhờ nhân chứng tuyệt hảo như thế nên đã khiến cho thính chúng ai đủ nhân duyên nghe đều tuyệt đối khởi niềm tin sâu sắc.

Phần duyên khởi bộ kinh Pháp Hoa đạt đến bảy điểm thành tựu. Đây chính là kim chỉ Nam, giúp cho đàn hậu học noi theo, mỗi khi muốn đề xướng một sự việc trọng đại thì phải tuân thủ bảy phép thành tựu, thuộc phần duyên khởi này. Nho giáo chỉ cần ba điểm thành tựu: thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Quản trị học Đông phương cần đến bốn điểm thành tựu: Pháp - Tài - Lữ - Địa. Phật giáo thì đến bảy điểm thành tựu.

Hành giả Pháp Hoa kinh khi áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, bất cứ địa hạt nào, nhớ đừng rời bảy điểm thành tựu này, dù sự việc và hình thức có khác, nhưng phải đủ bảy điểm

2/. Phương pháp dẫn nhập

Đa phần chúng ta, những ai tu học kinh Pháp Hoa, ít người chú trọng đoạn kinh mang mật nghĩa về điểm này, tức là điểm dẫn nhập. Có hàng ngàn, hàng vạn cách dẫn nhập. Dẫn nhập hay thì thành tựu lớn. Vào lớp, học sinh cấp một ồn ào, cô giáo muốn dẫn nhập bài giảng đầu giờ, nên đưa thước gạch đập nhẹ vào bảng đen mấy tiếng, khiến cả lớp im phăng phắc, các em chú ý trăm phần trăm vào lời mở đầu của cô giáo. Nhưng vị Giáo sư Đại học thì lại không thể dẫn nhập giống phương pháp cô giáo Tiểu học.

Vị giảng sư Phật giáo ở các Đạo tràng thì dẫn nhập bằng cách cùng niệm Phật ba lần. Nhưng vị Linh mục Thiên Chúa giáo thì lại dẫn nhập bằng một bài Thánh ca, do toàn ban đồng xướng, với một điệu nhạc vừa trầm vừa rung cảm. Mỗi mỗi đều có một lối dẫn nhập riêng. Đặc biệt kinh Pháp Hoa, sau khi thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa xong, Đức Phật quán thấu căn cơ đại chúng đã đúng “thời”, tức là đúng thời điểm, không thể sớm hơn, mà cũng không thể chậm hơn. Đức Phật liền khẩn cấp truyền dạy pháp vi diệu nhập đời.

Tức là pháp môn vi diệu đã đúng lúc nhập đời, để làm cho đời bớt thô, hầu nhập vào tế, vào vi, tiến đến nhập diệu, rồi diệu hữu. Một pháp môn tối ư quan trọng, cho nên không thể dẫn nhập như những bộ kinh khác. Riêng bộ kinh Pháp Hoa, khi đã đủ nhân duyên, Đức Phật chọn cách lặng thinh nhập định và phóng quang, khiến cho đại chúng từ ngạc nhiên này, chuyển sang ngạc nhiên khác. Bất buộc mỗi người phải tự tập trung tâm ý để theo dõi những hiện diện biến tướng khác lạ này. Thế là, Đức Phật đã thành công ngay từ giây phút mở đầu. Thành công nhờ phương cách dẫn nhập khác lạ.

Đức Phật chờ cho toàn thể đại chúng, trời, thần, người, quỷ, rồng, kể cả hàng chúng đệ tử, nhất là hàng Bồ tát và Đại Bồ tát, tất cả đều ngưỡng vọng, mong cầu, chú tâm. Hàng chư thiên thì mưa rải hoa

quý cúng dường, đất rung động sáu diệu. Tất cả đều nhất tâm kính ngưỡng, chấp tay hoan hỷ, mong cầu được biết việc gì sẽ xảy ra. Tại sao Đức Phật lại nhắm mắt, nhập định lặng thinh? Sự nhắm mắt lặng thinh của Đức Phật có hai điểm chính: Một là, chờ cho đại thánh chúng nhất quán, ai ai cũng mong được lãnh hội giáo pháp. Hai là, nhắm mắt yên lặng để chọn ai giới thiệu bộ kinh, hầu tăng thêm phần tuyệt diệu cho bộ kinh.

Hai chủ điểm đã hội đủ thuận duyên. Lúc bấy giờ Đức Phật tập trung thần lực vào con mắt thứ ba, phóng tỏa ra luồng ánh sáng. Con mắt thứ ba, nằm giữa chận mày là con mắt nội lực. Nói cách khác, là con mắt nội tâm. Ánh sáng từ con mắt nội tâm của Đức Phật soi về phương Đông, rộng xa khắp mười tám ngàn thế giới. Thấp nhất là cõi địa ngục A Tỳ, cao nhất đến cõi trời Sắc Cứu Cánh.

Tất cả đại chúng nơi Hội Pháp Hoa, nhờ ánh sáng này mà đã thấy rõ khắp các cõi ấy. Thấy thấy chư Phật, nơi các cõi thế giới ấy, đang thuyết pháp. Thấy tất cả bốn chúng đệ tử chư Phật của các cõi thế giới ấy, đang hành đạo và đắc đạo. Thấy rõ chư vị Bồ tát, của các cõi thế giới ấy, đang rộng độ chúng sanh. Đồng lúc ấy, lại cũng được thấy các Đức Phật, nơi các thế giới ấy, đang nhập Niết bàn. Và sự xây bảo tháp, thờ xá lợi của các Đức Phật nơi các thế giới ấy.

Tất cả đại chúng nơi Hội Pháp Hoa, của Đức Phật Thích Ca, đang từ ngạc nhiên này chuyển sang ngạc nhiên khác. Chẳng khác nào một đoàn người, đang ngồi giữa đêm tối, bỗng có một ánh đèn pha, rọi chiếu cho tất cả thấy rõ được những điều hy hữu chưa từng có.

Đáng lý đến đây, Đức Phật mở mắt, mỉm cười và truyền dạy pháp Diệu Hữu, Đại thừa. Nhưng không, Đức Phật vẫn tiếp tục nhắm mắt, nhập định, khiến cho sự phân vân của đại chúng, càng lúc càng dâng cao.

Mục đích, Đức Phật muốn nơi đại chúng có người đầy đủ uy tín, đứng lên tự hỏi những điểm khác lạ này và cũng chính trong đại chúng phải có người siêu việt xuất hiện, tự đứng ra giải thích. Chính lời giải thích này là lời giới thiệu hấp dẫn nhất, hùng hồn nhất. Được như vậy mới đủ sức năng động của bí quyết chiếc chìa khóa thần, đưa vào khai mở cho một bí pháp vi diệu nhập đời.

Đúng vậy, Đức Bồ tát Di Lạc đứng lên hỏi Ngài Đại Bồ tát Văn Thù. Nhờ vậy mà Ngài Văn Thù mới đủ duyên giải thích những nghi vấn của đại chúng.

Chánh văn

**6 - Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lạc nghĩ rằng:
Hôm nay Đức Thế Tôn hiện điềm, biến tướng vì**

nhân duyên gì, mà có điềm lành này? Hiện Đức Phật còn đang nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này, nên hỏi ai? Ai đáp được?

Bồ tát nghĩ tiếp: “ Nay có Ngài Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi, về thuở quá khứ đã từng thân cận cúng dường vô lượng Chư Phật, chắc chắn Ngài rõ biết tướng hy hữu này. Vậy ta nên nhờ Ngài giải thích !

Lúc ấy, hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ và hàng trời người thần quý rồng ... *vân vân* ... đều cùng nghĩ: Tướng thần thông hiện chiếu sáng của Đức Phật, nay nên hỏi ai ?

7 - Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lặc muốn giải tỏa chỗ nghi của mình và quán xét tâm niệm của cả bốn chúng Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, kể cả trời người thần quý rồng ... *vân vân* ... mà hỏi Ngài Văn Thù rằng: Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này phóng hào quang lớn chiếu soi khắp một vạn tám nghìn cõi ở phương Đông, thấy rõ hết thấy sự trang nghiêm nơi các cõi của Chư Phật ở đó ?

Giảng luận

Xưa nay, các bậc siêu việt, hiền thánh, yếu nhân thành tựu viên mãn sứ mạng của mình, phần

lớn không chỉ riêng do các Ngài, **mà là nhờ phần trợ lý đóng góp rất quan trọng.**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc siêu nhân, vượt trên sự thành tựu hạnh nguyện, một phần nhờ ở sự trợ lý siêu tuyệt. Bộ kinh Pháp Hoa siêu đẳng hơn các bộ kinh khác, là vì bộ kinh này có phần dẫn nhập đã quá đặc biệt, mà phần trợ lý lại còn đặc biệt hơn.

Toàn thể đại chúng pháp hội Pháp Hoa, càng lúc càng dâng cao niềm kính ngưỡng và càng háo hức ý niệm đợi chờ, kể cả một trăm bốn chục ngàn vị Bồ tát, nhất là các Ngài Đại Bồ tát cũng đang phân vân, thắc mắc. Trong số ấy có Ngài Di Lặc, là vị Đại Bồ tát có uy tín nhất và điềm tĩnh nhất, cũng lấy làm phân vân, định đứng lên bạch Phật, để được bày tỏ nỗi niềm phân vân và trông đợi của chính mình cùng cả đại chúng. Nhưng nhìn mãi, Đức Phật vẫn trong tư thế nhập định.

Trong lúc băn khoăn, Ngài Bồ tát Di Lặc trực nhớ, là tại Đạo tràng có sự hiện diện của Bồ tát Văn Thù. Chỉ có Ngài Văn Thù mới hiểu rõ những hiện tượng khác lạ này, bởi vì Đức Văn Thù là vị cổ Phật hiện thân Bồ tát đã từng trợ duyên chánh pháp, về thuở chư Phật, thuộc nhiều đời kiếp quá khứ xa xưa.

◇ **Đóng vai ỡm ờ**

Bồ tát Di Lặc, là vị Bồ tát sắp làm vị Giáo chủ, thay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy mà Ngài không biết gì về hiện tượng phóng quang này ư? Ngài thừa biết. Nhưng ở đời mấy ai chịu đấm mà không ăn xôi? Có ai thông minh mà giả vờ dốt nát, để bị bạn mình “xài xể” giữa công chúng? Ngoài Ngài Bồ tát Di Lặc, Đạo tràng còn tìm có ai? Các Ngài chia nhau **đóng kịch**, để mở khai tâm trí đại chúng. Các Ngài giả vờ dốt nát, giống như sự dốt nát của kẻ khác thì mới độ được họ. Các Ngài hạ thấp phẩm giá, để mài mòn cái cá vị, cái tiểu ta của kẻ khác. Những ai còn tự cao, tự đại, cho mình thông minh xuất chúng, xin hãy sớm chiêm nghiệm đoạn kinh này.

*

**

Chánh văn

Bồ tát Di Lặc lập lại nghĩa này bằng thơ kệ:

8 - Kính thưa Ngài Văn Thù !

Duyên gì Đức Đạo Sư

Từ lông trắng chận mày

Phóng quang chiếu khắp cõi

Trời mưa hoa Mạn đà

Cùng hoa Mạn thù sa

Gió thơm mùi chiên đàn

Hoan hỷ lòng đại chúng

Do nhân duyên như thế

Mà cõi đất nghiêm tịnh
Khắp thấy thế giới đây
Rung động cả sáu diệu
Bốn bộ chúng bấy giờ
Thân ý đều an vui
Gặp điều chưa từng có

9 - Hào quang chặn mây Phật
Chiếu sáng khắp phương Đông
Một vạn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng
Từ địa ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Trong các thế giới đó
Cả sáu loài chúng sanh
Chết sanh theo các đường
Đủ nghiệp duyên lành dữ
Thọ báo tốt lẫn xấu
Nơi đây đều thấy rõ

10 - Lại thấy các Đức Phật
Bậc thánh chúa Sư tử
Đang diễn thuyết kinh điển
Mầu nhiệm vào bậc nhất
Tiếng Chư Phật thanh tịnh
Âm thanh thật êm dịu
Chỉ dạy chư Bồ tát
Vạn ức vô số vị

Tiếng Phạm âm thâm diệu
 Khiến mọi người thích nghe
 Chư Phật ở cõi mình
 Đang giảng thuyết chánh pháp
 Dùng đủ món nhân duyên
 Cùng vô lượng thí dụ
 Hầu tỏ rõ pháp Phật
 Để khai ngộ chúng sanh
 Nếu có ai bị khổ
 Nhàm sanh già bệnh chết
 Phật vì thuyết Tứ đế
 Để dứt trừ các khổ
 Nếu gặp người hữu phước
 Đã từng cúng dường Phật
 Chỉ cầu pháp thù thắng
 Liên thuyết hạnh Duyên giác
 Nếu như có Phật tử
 Tu tập những công hạnh
 Để cầu tuệ vô thượng
 Phật thuyết pháp rất ráo

11 - Ngài Văn Thù Sư Lợi !

Chúng tôi tại nơi đây
 Thấy nghe như thế ấy
 Và hàng ngàn việc khác
 Thấy đều thấy rõ hết
 Nay sẽ lược trình bày.

12 - Tôi thấy các cõi kia
Bồ tát, cát sông Hằng
Đã dùng mọi nhân duyên
Chỉ cầu chứng Phật đạo
Hoặc có vị bố thí
Vàng bạc, ngọc, san hô
Trân châu, ngọc như ý
Ngọc xà cừ, mã não
Kim cương và trân bảo
Người hầu cùng xe ngựa
Kiệu cang nạm ngọc báu
Hoan hỷ đem bố thí
Hồi hướng cầu Phật đạo
Nguyện chứng đắc Phật thừa
Siêu vượt trên ba cõi
Chư Phật hằng ngợi khen
Hoặc có vị Bồ tát
Xe tứ mã, xe báu
Bao lơn che tàng đẹp
Trau chuốt đem bố thí
Lại thấy có Bồ tát
Bố thí cả vợ con
Thân thể cùng tay chân
Để cầu đạo vô thượng
Lại thấy có Bồ tát
Đầu mắt cả thân thể
Đều hoan hỷ xả thí

Đề cầu đắc tuệ Phật

13 - Ngài Văn Thù Sư Lợi !
 Lại thấy các quốc vương
 Đi đến chỗ Phật ngự
 Thưa hỏi đạo vô thượng
 Rồi vui vẻ bỏ ngôi
 Cung điện lẫn vợ con
 Xuất gia cạo râu tóc
 Khoác vào mình pháp phục
 Hoặc lại thấy Bồ tát
 Mà hiện làm Tỷ kheo
 Một mình nơi vắng vẻ
 Ứa vui trì kinh điển
 Cũng thấy có Bồ tát
 Dũng mãnh và tinh tấn
 Vào ẩn nơi núi sâu
 Tư duy về Phật đạo
 Và thấy bực ly dục
 Thường ở chỗ trống vắng
 Sâu tu môn thiền định
 Đắc năm pháp thần thông
 Lại thấy nhiều Bồ tát
 Chắp tay trụ thiền định
 Tuyên hàng nghìn bài kệ
 Tán thán đấng Pháp vương
 Lại thấy có Bồ tát

Trí sâu chí bền chắc
 Hay hỏi pháp nơi Phật
 Nghe hiểu mới thọ trì
 Lại thấy hàng Phật tử^(*)
 Định tuệ đều đầy đủ
 Dùng vô lượng thí dụ
 Vì chúng mà giảng pháp
 Thích vui thuyết giáo pháp
 Chỉ dẫn các Bồ tát
 Phá dẹp các binh ma
 Mà đánh rền trống pháp
 Cùng thấy vị Bồ tát
 Tĩnh mịch yên lặng ngồi
 Trời rồng đều cung kính
 Chẳng lấy đó làm mừng
 Lại thấy có Bồ tát
 Ở rừng phóng hào quang
 Cứu khổ chốn địa ngục
 Khiến đều nhập Phật đạo
 Lại thấy hàng Phật tử^(*)
 Chưa từng có ngủ nghĩ

(*) Từ Phật tử trong ngữ cảnh này không có nghĩa tín đồ đạo Phật tại gia mà là các vị Đại Bồ tát như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cũng được gọi là Phật tử.

(*) Đây chỉ các Đại Bồ tát

Kinh hành ở trong rừng
 Siêng năng cầu Phật đạo
 Cũng tu đủ giới đức
 Oai nghi không thiếu sót
 Lòng sạch như châu báu
 Tu cầu chứng Phật đạo
 Và thấy hàng Phật tử^(*)
 An trụ đức nhẫn nhục
 Bị kẻ Tăng thượng mạn
 Mắng chửi cùng đánh đập
 Thấy đều vui nhẫn nhục
 Để cầu chứng Phật đạo
 Lại thấy có Bồ tát
 Xa rời sự vui chơi
 Tránh quyến thuộc mê muội
 Ưa thân cận bậc trí
 Tâm chuyên trừ náo động
 Nhiếp niệm nơi núi rừng
 Trải ngàn vạn ức năm
 Để cầu chứng Phật đạo

Giảng luận

Đoạn thứ nhất: Ngài Bồ tát Di Lặc hỏi Bồ tát Văn Thù, duyên cớ nào mà Đức Thế Tôn hiện

điềm biến tướng và phóng quang chiếu khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông và cảnh trí cũng khác thường, nào là trời mưa hoa, trong gió lại có thoảng thơm mùi hương chiên đàn. Đất rung động sáu điệu, hết thấy bốn bộ chúng đệ tử Đức Phật, nơi hội Pháp Hoa, đều hoan hỷ vì gặp điềm lạ tốt đẹp chưa từng có.

Việc hiện điềm biến tướng phóng quang của Đức Phật Thích Ca cũng chẳng khác nào việc trời nắng hạn sắp mưa lớn thì mây đen mịt mù, sấm chớp sáng lòa, đất chuyển rung, gió thổi mạnh, cây cỏ chuyển mình, vạn vật kể cả mọi người nơi sắp mưa đều rộn ràng đón mưa. Bởi vì ai đã là người lớn thì đều hiểu rõ việc sắp mưa, ngoại trừ các em bé thơ.

Ở đây Đức Phật hiện điềm lành, biến tướng khác thường, cảnh vật chuyển động, người người đều hoan hỷ. Nếu mọi người không biết việc tốt sắp xảy ra thì tại sao lại hoan hỷ? Nếu như trời đất sắp bão tố liệu có ai vui mừng không? Vậy thì việc đại kiết tường sắp đến là việc gì, nếu không phải là Đức Phật sắp thuyết pháp lớn, pháp tối ư quan trọng thì là việc gì? Tất cả bốn chúng, trong đó có hai chúng cư sĩ mà còn biết rõ như thế. Cho nên Bồ tát Di Lặc chỉ là giả vờ đóng vai ỡm ở hỏi Bồ tát Văn Thù, mục đích muốn làm nổi bật thêm việc thuyết bộ kinh quan trọng. Mặt khác là nêu thêm một

phương pháp dạy cho đời sau, ai muốn làm việc gì tối ư quan trọng thì phải chờ đủ mọi yếu tố, nhất là mặt nhân sự. Ví như tổ chức đại lễ thì phải có xương ngón viên. Bồ tát Di Lặc có hỏi thì Bồ tát Văn Thù mới có lý do giới thiệu rằng, Đức Phật Thích Ca sắp thuyết bộ kinh tối tôn, tốt mật, đó là kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Mục đích gọi cho thánh chúng, những ai tò mò, hoặc khao khát càng thêm sự chú ý để nghe.

Đoạn hai: Hào quang từ lông trắng giữa chận mày của Đức Phật Thích Ca, chiếu soi sáng khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông, trên đến trời Hữu Đỉnh, dưới thấu soi khắp cõi địa ngục A Tỳ. Sáu loài chúng sanh kể từ loài trời trở xuống đến Tam đồ, đại chúng nơi hội Pháp hoa, núi Linh Sơn đều nghe và thấy rõ cả sự sinh ra từ loài nào, chết thành giống gì. Nghiệp lành lẫn dữ, khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Đoạn thứ ba: Đặc biệt là đại chúng hiện ở tại thế giới Sa Bà khi được nường hào quang của Đức Phật Thích Ca thì chẳng những chỉ thấy, mà còn nghe rõ tiếng thuyết pháp của chư Phật khắp mười tám ngàn cõi.

Đoạn kinh này nếu cách đây vài trăm năm thì ngoài những vị tu chứng mới tin, còn hầu hết quần chúng đều cho là huyền thoại. Nhưng ngày nay đã có máy và đài truyền hình, giúp mọi người mở rộng

tâm kiến thức, nên chẳng ai còn thắc mắc. Đặc biệt chư Phật khắp mười tám ngàn cõi, ở phương Đông không chỉ riêng dạy cho hàng thấp kém, mà là đang chỉ dạy cho hàng Bồ tát, số đông hàng vạn triệu triệu vị. Riêng bốn bộ chúng và chúng sanh thì chư Phật ở mười tám ngàn cõi phương Đông này, cũng thuyết Tam thừa như Đức Phật Thích Ca ở cõi Sa Bà. Những ai nhàm chán sanh lão bệnh tử thì chư Phật nơi mười tám ngàn cõi này thuyết pháp Niết bàn. Nếu là hàng người đủ phước duyên, đã từng cúng dường chư Phật để cầu pháp thù thắng thì chư Phật ở các cõi đó thuyết hạnh Duyên Giác. Nếu có hàng Phật tử biết tu tập pháp lớn, phát Bồ đề tâm cầu đắc tuệ vô thượng thì chư Phật nơi các cõi này đều thuyết dạy pháp Ba la mật, tức là pháp rốt ráo, cầu chứng quả vị Phật.

Đoạn kệ này Bồ tát Di Lặc trình bày cho hàng đệ tử của Đức Phật và chúng sanh cõi Sa Bà thưở đó và bây giờ biết rằng, không chỉ riêng Đức Thích Ca phương tiện thuyết ba thừa, mà chư Phật khắp mười phương, nhất là chư Phật nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông, đều áp dụng pháp phương tiện, thuyết pháp ba thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Phật thừa.

Đọc tụng tu trì đến đây, nếu ai còn phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa, hoặc Nam tông, Bắc tông là hai thì không chỉ riêng hủy báng Đức Phật Thích Ca, mà

còn hủy báng chư Phật khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông, cùng chư Phật khắp mười phương vậy.

Đoạn bốn: Bồ tát Di Lặc trình bày tóm lược cùng Bồ tát Văn Thù rằng đại chúng nơi hội Pháp Hoa, không chỉ riêng thấy nghe một vài việc, mà cả ngàn việc diệu kỳ nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông và tuần tự trình bày những việc quan trọng nơi đoạn này.

Đoạn năm: Số Bồ tát và Đại Bồ tát ở mười tám ngàn cõi ở phương Đông, nhiều hơn số hạt cát của sông Hằng (tại Ấn Độ). Tất cả hàng Bồ tát này, có số vị dùng nhiều nhân duyên chỉ cầu chứng quả vị Phật. Có nhiều vị bố thí tất cả vàng bạc châu báu xe ngựa kiệu cang để hồi hướng cầu thành Phật. Có nhiều vị bố thí tất cả các loại xe tốt. Có nhiều vị bố thí cả vợ con. Cũng có nhiều vị bố thí cả thân thể tay chân đầu mắt để cầu thành Phật đạo.

Ngày nay ở cõi Sa bà tuy là thời chánh pháp mờ suy, nhưng nhờ kinh Pháp Hoa nên cũng có nhiều vị cúng dường cả tài sản, lại có nhiều vị xả thí cả thân mạng.

Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình

Làm đèn soi sáng nẻo vô minh ...

Đoạn sáu: Bồ tát Di Lặc trình bày với Bồ tát Văn Thù việc mộ đạo, nghe pháp và xuất gia của các vị vua chúa nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Các vị Bồ tát làm thân Tỷ kheo ở nơi vắng vẻ. Cũng có nhiều vị ẩn nơi núi sâu. Cũng có nhiều vị lại ở những nơi trống vắng. Hoặc có nhiều vị chuyên tu thiền định, thuyết hàng nghìn bài kệ, tán thán hạnh Đức Phật. Lại cũng có nhiều vị thường đến hỏi Phật về các chỗ pháp bí yếu. Lại thấy nhiều Phật tử (Đại Bồ tát) đã đủ đầy giới định tuệ, thường vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ dẫn nhiều vị Bồ tát, dẹp phá các binh ma, luôn đánh rền trống pháp. Lại thấy có hàng Bồ tát, chỉ yên tịnh ngồi. Dù hàng trời rồng cung kính, nhưng chẳng vì vậy mà vui mừng. Lại thấy nhiều vị Bồ tát, ngồi ở rừng phóng hào quang, cứu khắp chốn địa ngục, khiến nơi đó được nhập Phật đạo. Lại thấy có hàng Phật tử chẳng hề có sự ngủ nghỉ, thường đi kinh hành, đầy đủ oai nghi tế hạnh, giới đức, chuyên tâm tu cầu Phật đạo. Lại thấy hàng Phật tử, trụ nơi đức nhẫn nhục, thường bị nhiều kẻ tăng thượng mạn chửi mắng, miệt nhục, mà vẫn chịu nhẫn, tâm tâm niệm niệm chỉ cầu Phật đạo. Lại thấy nhiều Bồ tát rời bỏ sự vui chơi, tránh xa sự mê muội của quyến thuộc, thường gần các bậc trí, tâm chuyên trừ mọi sự náo động, vui định nơi núi rừng, trải qua thời gian lâu xa, để cầu chứng Phật đạo. Đọc qua đoạn này, nếu ai hành trì Pháp Hoa thì liền cắt đứt sự phân biệt, sự so sánh thầy này hay, thầy kia dở, vị Ni này có đức, vị Ni kia thiếu tài, vị này giữ giới, vị nọ thiếu uy ... Nếu ai

còn phân biệt như thế thì người đó chưa thọ trì kinh Pháp Hoa. Bồ tát mà còn đa hạnh như thế, vậy chúng ta đòi hỏi chư hiện tiền Tăng tất cả đều giống nhau như in, như đúc thì làm sao độ chúng sanh. Lỗi này trong giới tín đồ đa phần đều phạm phải.

Chánh văn

14 - Lại thấy vị Bồ tát

Dâng thức ăn ngon bổ
 Cùng trăm thứ thuốc men
 Dâng cúng Phật cùng Tăng
 Áo đẹp hàng thượng hạng
 Giá trị vàng ngàn muôn
 Hoặ²c thứ y vô giá
 Dâng cúng Phật và Tăng
 Dù²ng ngàn vạn ức thứ
 Nhà báu gỗ chiên đàn
 Chọn giường nằm sang đẹp
 Để² cúng Phật và Tăng
 Rừng vườn thật thanh tịnh
 Hoa quả đều sum sê
 Suối trong lã² ao tắm
 Cúng dường Phật và Tăng
 Cúng thí như thế đó
 Các món cúng tốt đẹp
 Vui vẻ chẳng hề nhàm
 Để² cầu đạo vô thượng

- 15 - Lại thấy vị Bồ tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng đủ lời hướng dẫn
Dạy vô số chúng sanh
Hoặc thấy vị Bồ tát
Quán sát những pháp tánh
Đều chẳng có hai tướng
Cũng ví như hư không
Lại thấy hàng Phật tử
Tâm chẳng hề mê đắm
Dùng món diệu huệ này
Mà cầu đạo vô thượng
- 16 - Thưa Bồ tát Văn Thù
Lại thấy vị Bồ tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường Xá lợi Phật
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp chùa
Nhiều như cát sông Hằng
Nghiêm sức khắp cõi nước
Bửu tháp cao và đẹp
Đến năm nghìn do tuần
Bề ngang rộng xứng nhau
Khoảng hai nghìn do tuần
Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có nghìn tràng phan

Màn báu treo phủ khắp
 Tiếng linh báu hòa reo
 Đông đủ trời thần rồng
 Nhân và cả phi nhân
 Hương hoa lẫn kỹ nhạc
 Thường kính dâng cúng dường
 Ngài Văn Thù Sư Lợi
 Thấy các hàng Phật tử
 Vì cúng dường Xá lợi
 Nên trang hoàng chùa tháp
 Cõi nước đẹp tự nhiên
 Thù thắng và trang nghiêm
 Như cây thiên thọ vương
 Bông hoa đang bùng nở

17 - Phật phóng hào quang sáng

Tôi cùng cả chúng hội
 Thấy nơi quốc độ đó
 Các thứ thật tốt đẹp
 Thần lực của Chư Phật
 Trí tuệ đều hy hữu
 Phóng những đạo tịnh quang
 Soi sáng vô lượng cõi
 Chúng tôi thấy việc này
 Đặng điều chưa từng có

18 - Xin Bồ tát Văn Thù

Giải tỏa lòng chúng nghi

Bốn chúng đều mong đợi
 Nhìn Ngài và nhìn tôi
 Đức Thế Tôn cố chi
 Phóng tỏa quang minh này ?
 Bồ tát kịp thời đáp
 Giải nghi cho chúng mừng
 Được những lợi ích gì
 Phật phóng quang như thế ?
 Khi Phật ngồi Đạo tràng
 Chúng được pháp thâm diệu
 Vì muốn thuyết pháp đó
 Hay là sắp thọ ký ?
 Hiển bày các cõi Phật
 Các báu đều trang nghiêm
 Cùng thấy các Đức Phật
 Đây không là việc nhỏ
 Ngài Văn Thù nên biết
 Bốn chúng và Thiên Long
 Ngóng nhìn Ngài thuyết giảng
 Những gì xin Ngài giải !

Giảng luận

Đoạn bảy và tám: Bồ tát Di Lặc trình bày tiếp với Bồ tát Văn Thù rằng: Đại chúng và Ngài thấy các vị Bồ tát ở mười tám ngàn cõi phương Đông,

đem dâng thức ăn nước uống và cúng hàng trăm thứ thuốc men lên Đức Phật và chư Tăng. Kể cả y phục loại quý cũng dâng cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Lại còn cúng dường nhà ở, giường nằm loại quý, kể cả vườn rừng cây trái, suối ao nơi tắm rửa để Đức Phật và chư Tăng có đầy đủ phương tiện. Tất cả sự cúng dường ấy đều hồi hướng cầu thành Phật đạo.

Lại có những vị Bồ tát, với âm thanh êm dịu thường diễn thuyết pháp tịch diệt, độ vô số chúng sanh. Đặc biệt có những vị Bồ tát, quán thấu các pháp tánh, đều chẳng hề có hai tướng. Ví như khoảng hư không chẳng hai, cho nên các pháp tánh làm sao lại có hai? Lại còn có những hàng Phật tử, tâm không chỗ mê đắm. Tất cả các hàng Bồ tát và Phật tử này, dùng các món diêu huệ, mà cầu chứng đạo vô thượng.

Mục đích các đoạn kệ này nhắc nhở khuyên hành giả Pháp Hoa kinh không đắm chấp, nhất là không được phân biệt là có hai tướng. Nếu không chứng đắc, hoặc liễu ngộ pháp “Bất nhị” thì khó thọ trì kinh Pháp Hoa. Thế gian có nhiều người còn mê mờ, hoặc tham đắm muốn ôm tròn hư không vào làm của riêng cho mình. Trái với số người mê muội thì có hạng người khác muốn chẻ hư không thành hai phần, để mình dành một nửa. Nói ra ai cũng thấy những điều mê muội ấy là xấu, nhưng

thường chính mình ham thích đóng vai kẻ mê muội mà không hay!

Đoạn chín: Bồ tát Di Lặc trình bày với Bồ tát Văn Thù rằng: Ngài và Đại chúng nương hào quang Đức Phật Thích Ca, thấy rõ mười tám ngàn cõi ở phương Đông. Sau khi các Đức Phật diệt độ, có những vị Bồ tát lo xây tháp cúng dường xá lợi Phật. Chẳng riêng hàng Bồ tát, mà hàng trời người thần quỷ rồng, cùng phi nhơn thường đem hương hoa kỷ nhạc đến cúng dường tháp miếu. Các hàng Phật tử, vì sự cúng dường xá lợi Phật nên trang hoàng tháp miếu lộng lẫy trang nghiêm.

Sự mục kích của Bồ tát Di Lặc và đại chúng nơi hội Pháp Hoa tại cõi Sa bà không phải chỉ riêng trình bày cho Ngài Văn Thù, mà là để chỉ dạy chúng sanh về các cõi đời sau này. Ai phát khởi lòng tin và tin sâu, tin vững chắc thì đọc tụng thọ trì, ai chưa tin phải tư duy để khởi niềm tin, còn nếu không tin thì khoan đọc tụng thọ trì in sao viết chép cúng dường. Vì niềm tin là quan trọng, cho nên mới mở đầu kinh đã gặp hai chữ “*Như thị*”, tức là “*Như vậy*”. Chơn lý là như vậy không thể khác hơn. Công thức toán là như vậy, không đúng thì không có đáp số. Muốn có trí tuệ phải khởi đầu từ niềm tin, không có niềm tin không bao giờ có trí tuệ.

Đoạn mười: Bồ tát Di Lặc tán thán về sự tuyệt diệu của luồng hào quang mà Đức Phật Thích Ca đã

giúp đại chúng thấy rõ những điều huyền nhiệm không thể nghĩ bàn, khắp mười tám ngàn cõi phương Đông.

Nếu vào thế kỷ thứ mười lăm, hoặc mười sáu mà có ai nói rằng: nhà tôi có máy tivi màu, mở nút, điều chỉnh đúng tần số thì thấy mọi hiện tượng khắp năm châu Úc Âu Á Phi Mỹ thì chắc chắn chẳng có một người tin! Nhưng bây giờ thì ...?

Đoạn mười một: Bồ tát Di Lặc trình bày những dữ kiện mà Ngài và đại chúng đã mục kích, để rồi xin Bồ tát Văn Thù giải thích giúp đại chúng khỏi còn phân vân, thắc mắc. Tại sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập định và phóng quang như thế? Đức Phật khai mở cho đại chúng thấy rõ rồi làm gì nữa đây? Đức Phật muốn thuyết pháp quan trọng, hay là muốn thọ ký cho ai? Mong Bồ tát Văn Thù đã rõ biết việc này, bởi vì Ngài đã trợ tuyên chánh pháp trải nhiều ngàn Đức Phật, vậy nay kính mong Ngài giải thích cho đại chúng vui mừng.

Bồ tát Di Lặc nêu mười một đoạn kệ là tiên phong khai mở chỗ nương chờ của đại chúng, để Bồ tát Văn Thù theo đó mà giải bày. Cũng ví như Bồ tát Di Lặc đưa xe ủi mở một con đường giữa khu rừng mênh mông, hầu giúp cho Bồ tát Văn Thù dễ dàng rộng mở và hoàn thành một xa lộ tráng lệ, đủ sức hấp dẫn, đại chúng mới thông dong đi vào chính điểm châu báu.

Chúng ta, những hành giả kinh Pháp Hoa đa phần vướng phải một lỗi lớn là không nhuần nhuyễn từng lời kinh và chưa chịu đem lời kinh áp dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Ví dụ muốn thực hiện một công trình đại quy mô, cho tổ chức, cho gia đình, hoặc cho đạo giáo thì điều kiện trước tiên là phải đưa toàn thể những thành viên trong đơn vị đi tham quan những nơi đang và đã thành công. Nếu không thì quay phim chiếu cho toàn thể thành viên xem trước. Chẳng những xem mà phải mời người uy tín thuyết minh tường tận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành công lớn trong việc truyền bá kinh Pháp Hoa là nhờ hai Ngài Bồ tát Di Lặc và Văn Thù đóng vai đề khởi ở phần phẩm Tựa.

Hành giả Pháp Hoa phải trải qua nhiều giai đoạn tu học. Trước nhất phải đọc tụng hiểu rõ rồi thọ trì in sao viết chép. Sau cùng là cúng dường và phổ truyền những phương pháp sống nơi kinh Pháp Hoa, sau đó mới bưng khai tởa chiếu để khai thị ngộ nhập tri kiến Phật.

III - TÓM KẾT

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa hàm chứa nhiều bí pháp, nhiều mật nghĩa, vừa rộng lớn, vừa vi diệu, vì nó hoàn toàn nhập trần, song không nhiễm trần.

Bông sen vào bùn, nhưng chẳng hề nhiễm bùn. Lại nữa, bí pháp kinh Pháp Hoa không hề lìa xa trần tục, nhưng mà không bị ô nhiễm bởi trần tục.

Thêm một điểm đặc sắc khác, đó là không bị dòng đời đục trong cảm dõ, hoặc đồng hóa, và cũng không hề bắt buộc giáo điều đối với dòng đời.

Bí pháp kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là bí pháp dành riêng cho trình độ siêu Đại học, trình độ thức giả và trí giả. Sức chở của nó là chiếc xe lớn, chuyên chở đại chúng, thu hút những dòng tư tưởng lớn, chuyển những tư tưởng vị kỷ, cá biệt, chật hẹp, thấp hèn nhập vào cõi mênh mông. Phương pháp xóa dần tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tiến tới hài hòa bản sắc cộng đồng, hòa hợp đại chúng. Siêu vượt ra ngoài phạm vi không gian, lẫn thời gian, siêu vượt ngoài phạm vi cá thể, gia đình, quốc gia, nhân loại, để hòa nhập cùng muôn loài, lẫn cỏ cây hoa lá đồng chung một Pháp Diệu Đại thừa.

Phương pháp Liên Hoa Đại thừa Pháp Diệu là phương pháp mở trói mọi sự ràng buộc bởi bóng tối si mê. Chủ đích của pháp Diệu là chính mình tự giải thoát. Một bí pháp chẳng hề hai, mà cũng chẳng phải một.

Riêng về bài này, mong giới thức giả và các vị tu học viên, nên thẩm sâu vào bảy bí quyết thành tựu của đoạn mở đầu: ❶ Như vậy ❷ Ta nghe

③ Một thời ④ Đức Thế Tôn ⑤ Tại núi Kỳ Xà Quật
 ⑥ Nhân sự: Tứ chúng, cùng trời, thần, quỷ, rồng, nhân, phi nhân và chư Bồ tát ⑦ Nhân chứng Bồ tát Văn Thù và Đức Phật Đa Bửu Như Lai (tuy Đức Phật Đa Bửu chưa được nêu ra ở phẩm Tựa).

Liễu được nghĩa đoạn mở đầu thì mới áp dụng đủ bảy pháp thành tựu cho cuộc sống của chính mỗi chúng ta, vào mọi hoàn cảnh. Liễu nghĩa Pháp Hoa thì chuyển Pháp Hoa nhập đời (*Sử Pháp Hoa*), bằng không chúng ta sẽ bị Pháp Hoa chuyển (*Pháp Hoa Sử*).

Bộ kinh nào cũng có phẩm Tựa, nhưng mỗi phẩm Tựa đều có từng nét khác nhau. Riêng phẩm Tựa kinh Pháp Hoa thì quá siêu việt. Mới mở phẩm Tựa đã thấy phần mầu nhiệm của bộ kinh, vì vậy nên bộ kinh Pháp Hoa mới là kinh vua của các kinh, vì nét nào, đoạn nào, phẩm nào cũng siêu đẳng cả. Nhưng phẩm Tựa chiếm phần thẳm sâu khó suy luận. Rất mong hành giả Pháp Hoa tinh lọc chất mật ngọt của mía, đừng nhai nuốt cả xác bã của nó. Hãy tinh lọc ý nghĩa sâu mầu của phẩm kinh, đừng cố chấp nơi văn tự ngôn ngữ của kinh.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả đồng hành. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa kiên trì tu luyện.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát hương sen vi diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 3

PHẨM TỰA - Thứ nhất

(Tiếp theo)

- Cách thức và người giới thiệu.
- Nhân sự nòng cốt.
- Tình cảm và lý trí.
- Giải thoát không gian và thời gian

I - MỞ ĐẦU

Bài số hai đã bàn giải hai nét chính của phẩm Tựa.

Hai nét trọng yếu này không những áp dụng vào việc tu luyện Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, mà là Đức Phật còn mở khai cho chúng ta được nhập vào dòng đời ở mọi địa hạt văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, mỹ thuật ... Áp dụng trong suốt dòng thời gian cho cuộc sống của chúng ta. Có người đặt câu hỏi: Chỗ nào? Xin thưa: Thấm sâu vào kinh mới chứng nghiệm.

Trong phẩm hai, phẩm Phương tiện, quý vị sẽ liễu thông phần này. Dù phương tiện nhưng phải chia viển và cận thì mới dễ hiểu. Chín thời phổ quảng giáo pháp trước là “quyền”. Từ Pháp Hoa về sau là “thực”. Quyền tức là phương tiện. Riêng về

phương tiện lại chia ra hai, rồi hai chia hai nữa, hai nữa chia hai nữa, ... chia mãi ... chia chừng nào liễu ngộ, mới tổng hợp về một. Lúc ấy là lúc đi vào thực tướng của các pháp.

Thế nào là cận và viễn phương tiện? Chín thời thuyết kinh, trước khi vào Phật thừa là viễn phương tiện. Đức Phật nhập định, nhắm mắt ngồi yên, phóng quang từ giữa chạn mày (*con mắt thứ ba*). Đại chúng nơi Đạo tràng hội Pháp Hoa, nương hào quang của Đức Phật mà chiêm quan khắp mười tám ngàn cõi thế giới, đó vẫn còn viễn phương tiện. Tất cả các pháp, Đức Phật đã thể hiện trong thời kỳ chuyển tam thừa, đều là viễn phương tiện.

Hiện nay hằng ngày ta niệm Phật, ngồi thiền, đi chùa, lạy Phật, cúng dường, sám hối, tụng kinh, mới là cận phương tiện. Những việc tu luyện, lễ bái, tụng kinh đối với chúng ta, chúng ta cũng vẫn để nó tồn đọng ở cận phương tiện. Chính cái ăn, cái mặc, cái ngủ, cái nghỉ, bao gồm các địa hạt văn hóa, kinh tế, xã hội ...*vân vân*..., những điều gắn liền với cuộc sống hiện hữu của chính bản thân chúng ta là cận phương tiện. Đạt mọi thứ cận phương tiện hằng ngày, chuyển hóa từ thô, tế sang vi, diệu, để rồi nhập cứu cánh, ấy mới thực sự là đọc tụng và thọ trì kinh Pháp Hoa, mới thực sự khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, mới mở - thấy - biết - gặp gỡ - nhập = Phật tánh. Khi chưa biết và chưa tin chính mình có sẵn

Phật tánh thì bằng mọi cách làm sao cho mình mở, mình khai, mình thấy, mình biết để mình tin, để mình gặp gỡ, để mình hòa nhập lại Phật tánh của chính mình. Cho nên mọi địa hạt liên quan đến cuộc sống đều là cận phương tiện. Nương cận phương tiện để đạt viễn phương tiện, nương viễn phương tiện để đạt cứu cánh, tin nhập Phật tánh và rốt ráo thành Phật. Vào phẩm Phương tiện chúng ta thăm sâu hơn.

Bài số ba này vẫn còn ở cận phương tiện, so với thời kỳ thuyết ba thừa pháp. Bài trước, chúng ta đã thông qua duyên khởi và phương pháp dẫn nhập. Bài hôm nay chúng ta tiếp tục bàn thảo thêm bốn nét còn lại (*toàn phẩm Tựa chia sáu nét*).

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Bồ tát Văn Thù giải nghi

19 - Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với Ngài Di Lặc đại Bồ tát cùng các vị Đại sĩ: “Các thiện nam tử! Như chỗ ta xét nghĩ thì nay Đức Thế Tôn, khi muốn thuyết pháp lớn luôn mưa pháp lớn, thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn và diễn nghĩa pháp lớn.

Các thiện nam tử! Ta từng ở nơi các Đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này. Phật trước kia phóng hào quang rồi, liền thuyết pháp

lớn. Cho nên biết chắc rằng, hôm nay Đức Phật phóng quang thì cũng lại như vậy. Đức Phật muốn cho chúng sanh đều đặn nghe pháp mẫu nhiệm, mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên mới hiện điềm lành này.

20 - Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, diễn nói chánh pháp. Ban đầu, giữa, rốt sau, ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo mẫu, thuần một không tạp, đầy đủ cả tướng Phạm hạnh thanh bạch.

Phật vì người cầu đạo Thanh Văn, nói pháp Tứ đế, dứt khỏi sanh già bệnh chết, cứu cánh Niết bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp mười hai nhơn duyên. Vì hàng Bồ tát, nói sáu pháp Ba La Mật, làm cho chúng đặn quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc nhứt thiết chủng trí.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù cho đại chúng biết rằng Ngài đã từng trợ tuyên chánh pháp cho Chư Phật thuở quá khứ. Đức Phật nào trước khi tuyên thuyết pháp

lớn cũng đều nhập định hiện điềm, biến tướng, phóng quang như Đức Phật Thích Ca hôm nay vậy. Bởi vì trước những cơn mưa lớn thì lúc nào cũng phải có sấm chớp lẫn mây đen vần vũ. Nếu thuyết các pháp lớn mà không hiện điềm biến tướng thì ở đời rất ít người tin theo.

Chúng ta vào đời muốn làm việc gì quan trọng, phải khởi những dấu hiệu đặc biệt trước khi khai mở sự việc quan trọng. Hãy áp dụng đoạn kinh này vào sự sống. Khi sự sống đạt kết quả, đem kinh nghiệm này đưa vào phương pháp tu hành cầu giải thoát về mặt tâm linh.

Về vô lượng kiếp quá khứ, có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai gồm đủ mười tôn hiệu, thuyết pháp cũng chia ba thừa, mỗi thời kỳ một thừa.

① **Bốn pháp Diệu chắc thật:** Dành cho hàng cầu Thanh Văn.

② **Mười hai pháp Duyên sanh:** Dành cho hàng cầu Duyên Giác.

③ **Sáu pháp Ba La Mật:** Dành cho hàng cầu Bồ tát.

Nếu lướt qua đoạn này, giới tu học Pháp Hoa sẽ không liễu ngộ được kinh A Hàm ẩn chứa nơi kinh Pháp Hoa.

1/. Thời kỳ thứ nhất: Bốn pháp Diệu chắc thật

- ❶ Pháp khổ chắc thật
- ❷ Pháp tập hợp nhân khổ chắc thật
- ❸ Pháp dứt khổ chắc thật
- ❹ Pháp nhập đạo giải khổ chắc thật.

Cây khổ chia thành ba nhánh:

- Khổ khổ
- Hoại khổ
- Hành khổ

Ba nhánh này ra hoa kết trái thành tám trái khổ:

a/. *Pháp khổ chắc thật* (Khổ đế)

1. Sinh khổ
2. Già khổ
3. Bệnh khổ
4. Chết khổ
5. Thương yêu xa lìa - khổ
6. Oán ghét ở chung nhau - khổ
7. Cầu chẳng được - khổ
8. Năm uẩn chứa đầy - khổ

(Năm uẩn: Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức)

b/. *Pháp tập hợp nhân khổ chắc thật* (Tập đế)

Tập đế nó ẩn nơi tám mươi bốn ngàn phiền não, nó có mặt khắp mọi nơi. Không giữ gìn tâm ý để vừa khởi tà niệm là phiền não dấy lên, cấp tốc nó tập hợp đầy đủ các phiền não phụ cận, làm khổ con người. Muốn biết ai chỉ huy tám mươi bốn ngàn phiền não này thì phải thuộc tên hiệu danh mười phiền não gốc.

Mười phiền não gốc là: Tham - Sân - Si - Mạn - Nghi - Thân kiến - Biên kiến - Giới cấm thủ và Tà kiến. Mười phiền não gốc này nó thuộc con nhà **Kiết Sử**. Kiết Sử chia hai nhóm: Lợi Sử và Độn Sử.

c/. Pháp dứt khổ chắc thật (Diệt đế)

Muốn trừ khổ, trước nhất thuộc nhào bài thơ đoạn mười phiền não gốc:

“**Tham - Sân** nghiệp chướng không chừa
 Bo bo mà giữ tương đưa ích gì ?”
 Dứt **Si** - dứt **Mạn** - dứt **Nghi**
 Mới mong phổ đạo Từ bi ích đời
Thân kiến - Biên kiến buông rời
Kiến thủ - Giới cấm người ơi chớ màng
Tà kiến dẫn đến điêu tàn
 Đoạn mười phiền não tâm an ý hòa.

Muốn dứt khổ để nhập đạo giải khổ, phải dứt trừ mười phiền não gốc. Muốn dứt trừ, chia hai thời kỳ tu luyện: Thời kỳ thứ nhất trải qua thứ lớp “**Kiến đạo sở đoạn hoặc**”. Đặc thứ lớp một, tu luyện thứ

lớp hai: “*Tu đạo sở đạo hạnh*”. Đến đây luyện tu đắc Thánh quả phải luyện tu bốn món gia hạnh:

- ① Noãn vị
- ② Đảnh vị
- ③ Nhãn vị
- ④ Đắc thế đệ nhất vị

d/. *Pháp nhập đạo giải khổ* (Đạo đế)

Tu đắc dứt khổ tức là đã trải qua bốn gia hạnh, đắc Thánh quả, nhưng mới dứt khổ chứ chưa giải khổ. Dứt có thể trở lại, vì sự lý chưa viên dung, cần phải nhập đạo giải khổ. Muốn nhập đạo giải khổ, cần phải tu chứng đắc ba mươi bảy phẩm trợ đạo:

Tóm lược 37 phẩm trợ đạo:

- ① Bốn món niệm xứ.
- ② Bốn món chánh cần.
- ③ Bốn món như ý túc
- ④ Năm căn
- ⑤ Năm lực
- ⑥ Bảy phần Bồ đề
- ⑦ Tám phần Chánh đạo

Tổng cộng 37 phẩm trợ đạo.

*
**

THI KỆ TÓM GỌN DỄ NHỚ

Bốn niệm xứ và bốn chánh cần

Bốn như ý túc ấy nguyên nhân
 Năm căn – Năm lực luôn vắng lặng
 Bảy phần Bồ đề đạo đã gần
 Cộng tám chánh đạo tròn duyên hợp
 Ba mươi bảy phẩm – trợ đạo phần

2/. Thời kỳ thứ hai: Chuyển pháp Duyên Giác thừa

MƯỜI HAI PHÁP DUYÊN SANH
 Dành cho những ai cầu Duyên Giác



Chư Phật quá khứ Thọ nhận liên tục, chư Phật vị lai cũng đều chuyển ba thừa pháp, chia ba thời kỳ. Đức Phật Thích Ca cũng chuyển ba thừa pháp.

CHUYỂN MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

“Nước non vẫn nặng lời thề
 Nước ra biển cả vẫn về cùng non”.
 Còn ta sao chẳng sắt son
 Chưa quay trở lại để tròn nguyên xưa.

*
 **

Dứt mê tối - Hành lọc lừa
 Chẳng lưu thức biến - Xóa chừa sắc danh
 Sáu cửa thuận diệt tịnh thanh
 Tiếp xúc - Thọ nhận rành rành pháp không
 Ai nhiễm dứt, đắc thần thông
 Nhớ lưu lời Phật ngoài trong tinh tường
 Hữu đắc diệu - Nhập chơn hương
 Sanh phước, mở trí muôn phương thấm nhuần
 Già kinh nghiệm - Hết giống sân
 Mười hai nhân dứt, nhập thân Phổ Hiền.

*
 **

Đến đây hành giả Pháp Hoa tư duy thế nào? Pháp Phật phương tiện chia ba thừa pháp, để hướng dẫn từng thời kỳ, chứ không bắt buộc từng người phải tu thừa này hay thừa khác. Người muốn thực hành Pháp Hoa phải học và tu bốn pháp Diệu chắc thật và mười hai pháp Duyên sanh (*Tứ đế và Thập nhị nhân duyên*). Thời kỳ thứ ba mới tu vào sáu pháp Ba La Mật. Bộ kinh Pháp Hoa có sáu pháp Ba La Mật của Bồ tát tu (*Ba La Mật là rốt ráo*). Chúng ta khỏi mở rộng ở phần giảng luận.

Ai căn bản Tứ đế và Thập nhị nhân duyên và Lục Ba La Mật, khi vào hành trì Pháp Hoa sẽ vững vàng căn bản, dễ chứng đắc. Ai chưa học và tu ba thời kỳ pháp này, nên quay lại học kỹ ở kinh Pháp Hoa cũng đầy đủ ba thời kỳ pháp, nhưng quá tóm gọn. Nếu không có căn bản ba thời kỳ pháp, sẽ vất vả như cậu học trò chưa có thể học sinh mà đã nhận thẻ sinh viên, bước vào Đại học thì chỉ “học đại” mà thôi. Hành giả Pháp Hoa kinh chưa học và tu nhuần nhuyễn về ba thời kỳ pháp mà đã vội vàng vào hành trì Pháp Hoa thì chỉ có “**hoa pháp**” mà thôi. Tức là khi gặp Pháp Diệu sẽ hoa mất.

*

**

Chánh văn

Kế lại có Đức Phật, cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, kế lại có Đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai vạn Đức Phật đều đồng một tên hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh và cũng đồng một họ, họ Phả La Đà.

Ngài Di Lặc nên biết! Đức Phật trước, Đức Phật sau, đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh có đầy đủ mười tôn hiệu, những pháp được nói ra, đầu, giữa, sau đều lành.

Đức Phật rốt sau, khi chưa xuất gia có tám vị vương tử: người thứ nhất tên Hữu Ý, thứ hai tên Thiện Ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên

Bửu Ý, thứ năm tên Tăng Ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hưởng Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Tám vị Vương tử đó có oai đức tự tại, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe vua cha xuất gia chứng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, họ đều bỏ ngôi vua, cũng xuất gia theo, phát tâm Đại thừa, thường tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thưở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn các Đức Phật, vun trồng các cội lành.

Giảng luận

Mật nghĩa tám Vương tử

Đọc kinh văn, chữ nghĩa rất rõ ràng. Rằng thưở xưa, có một vị vua sanh tám vị Vương tử. Vua bỏ ngôi xuất gia, thành Phật, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai và tám người con cũng theo vua cha xuất gia, đắc đạo làm Pháp sư. Nhưng đây chỉ là hiểu theo nghĩa văn tự. Còn ẩn nghĩa là thế nào? Mật nghĩa của đoạn văn kinh này là sao? Chứ hiểu đơn thuần theo văn tự thì còn gì là Diệu Pháp.

Trong mỗi chúng ta, ai cũng có Tâm và Ý. Tâm là vua, ý là vương tử. Tám Vương tử tượng trưng cho tám thức. Muốn thọ trì kinh Pháp Hoa, phải gồm cả tâm lẫn ý. Chẳng những nhãn - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý, cả sáu đều ý thức, mà đòi hỏi phải đủ cả tám

đều phải ý thức (*tám Vương tử*) thì mới thọ trì kinh Pháp Hoa, tức là tám Tâm vương, nhưng không phải cả tám tỉnh thức cùng một lúc.

❶ Trước nhất, người con thứ nhất **Hữu Ý**. Phải hữu ý, tức là ý phải hiện hữu.

❷ Tiếp theo, người con thứ nhì **Thiện Ý**. Khi đã hiện hữu, lúc ấy mới xả bỏ điều ác, luôn luôn hiện hữu điều thiện.

❸ Tiếp theo người con thứ ba **Vô Lượng Ý**. Khi ý đã luôn luôn hiện diện và thức tỉnh, nhất là ý đã toàn thiện thì ý mới bao la rộng mở, đến vô lượng, vô biên, thấu rõ các pháp, thấy rõ các pháp giới

❹ Tiếp theo là người con thứ tư **Bửu Ý**. Giai đoạn thứ tư, ý đã quý báu sáng chiếu như ngọc minh châu.

❺ Tiếp theo là người con thứ năm **Tăng Ý**. Bốn giai đoạn qua, ý đã thuần thực, tức là đã hiện hữu, đã thức tỉnh toàn diện, vừa uyên, vừa bác, quý báu tinh ba. Lúc này, ý bước vào ngưỡng cửa hòa hợp. Tăng có nghĩa là hòa hợp. Ý hợp cùng với bảy giác quan.

❻ Tiếp theo là người con thứ sáu **Trừ Nghi Ý**. Giai đoạn này, ý đã phá được sự ngờ vực, không còn nghi ngờ. Trái lại, ý đã có một niềm tin kiên cố. Không còn nghi chỉ còn tin. Tin tưởng tuyệt đối nơi

chân lý. Tin mình có Phật tánh. Tin mình sẽ thành Phật.

⑦ Tiếp theo là người con thứ bảy **Hương Ý**. Giai đoạn này là giai đoạn của Mạc Na. Mạc Na là thức thứ bảy của con người. Thức này kiên chấp, thuần thực, duy nhất có một chủ hướng, là vận chuyển tất cả những gì của sáu giác quan, Mạc Na thu nhận được mang về cho A Lại Gia, tức là nhập kho tạng thức và ngược lại, chuyển từ tạng thức, đem giao qua cho sáu giác quan. Tu luyện đến thời kỳ hướng ý là lúc Mạc Na đã hoàn toàn hòa hợp với sáu giác quan, nên chỉ có một “chủ hướng” duy nhất. Tin mình có tánh Phật.

⑧ Cuối cùng là người con út **Pháp Ý**. Giai đoạn sau cùng, ý đã thấm nhập các pháp. Đây là giai đoạn A Lại Gia thức đã chuyển sang vô thức và đã biến thành bạch tạng thức, thấm nhập trùng trùng pháp giới bao la.

Có được tám vương tử - tám ý như thế thì Tâm (*phụ vương*) mới Nhật, mới Nguyệt, mới Đăng, mới Minh, mới Như Lai.

Ngài Bồ Tát Văn Thù nhắc khéo đại chúng, ai muốn tu đắc kinh Pháp Hoa, trước nhất phải tu luyện tám tâm vương phải diệu hữu, được thiện, được quý báu, được rộng mở, được trừ nghi, được đúng hướng, được đắc thực tướng các pháp. Tức là

tám thức phải chuyển sang vô thức. Phải làm vương tử, phải rời thế tục, nhập vào thanh tịnh, trang nghiêm (*tám vương tử xuất gia*). Phải chuẩn bị chuyển sang trí, sang tuệ, hầu nhập tâm lóe sáng như đèn, như mặt trăng, như mặt trời. Ý đang vào thời kỳ khai thị ngộ nhập Phật tri kiến.

Hai vạn Đức Phật đều đồng một danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Đức Phật sau cùng thứ hai vạn, khi chưa xuất gia Ngài làm vua và có sanh tám Vương tử. Vua cha xuất gia thành Phật, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, vị Phật sau cùng thứ hai vạn, có tám Vương tử cũng xuất gia. Thời kỳ này, có Bồ tát Diệu Quang trợ tuyên chánh pháp cho Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Đức Phật vì Bồ tát Diệu Quang và đại chúng thưở đó mà thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Thời pháp này kéo dài sáu mươi tiểu kiếp, mà mỗi tiểu kiếp là mười sáu triệu tám trăm ngàn năm. Thính chúng cũng ngồi luôn nơi Đạo tràng sáu mươi tiểu kiếp.

Nhiều học giả nghiên cứu đến đoạn kinh này, bán tín bán nghi. Nếu không tin thì không thuộc hàng thức giả, nếu tin thì quá xa thực tế. Có thời pháp nào đến sáu mươi tiểu kiếp mà cả vị thuyết lẫn những người nghe vẫn ngồi im lặng, chú ý nghe và cảm thấy nhanh chừng một bữa ăn.

Thời kỳ kiếp tăng, con người sống hàng triệu tuổi. Thời kỳ kiếp trụ, con người sống hàng ức ức tuổi. Vậy một thời pháp lâu như thế, chẳng có gì là lạ cả. Nhưng với thời kỳ kiếp giảm chúng ta đang sống đây, rất ít người thọ đủ một trăm tuổi. Vậy mà đem trình bày rằng, có Đức Phật thuyết một thời pháp suốt sáu trăm ngàn năm, mà đại thánh chúng nghe cảm nhận nhanh khoảng chừng một bữa ăn. Nếu y theo kinh, theo văn tự mà giải nghĩa, liệu rằng được mấy người tin. Chẳng những khó tin, mà còn hoang mang. Chính mật nghĩa là ở chỗ đó. Chính pháp diệu là ở chỗ đó. Phần bí thuật ngôn ngữ văn tự ở chỗ rất sâu kín đó. **Sáu mươi tiểu kiếp, ngắn bằng thời gian ăn xong một bữa cơm!**

Chúng ta thường đọc trong giáo thuyết của đạo Phật: “Không gian vô biên, thời gian vô tận”. Câu kinh trên mang ý nghĩa thời gian vô tận. Giáo sư Đại học mới đủ khả năng chứng minh được hình học vũ trụ. Học sinh Trung học làm sao vẽ được đường bay cho phi thuyền vũ trụ. Chỉ có hành giả Pháp Hoa kinh, mới liễu tri đoạn kinh tả về thời gian sáu trăm ngàn năm ngắn bằng khoảng một bữa ăn. Nghiên cứu sinh Pháp Hoa kinh, hoặc người tụng đọc Pháp Hoa kinh thì làm sao liễu nghĩa được đoạn kinh này. Đạo Phật là đạo giải thoát. Như vậy, không chỉ đơn thuần lo giải thoát không gian, còn thời gian thì không cần giải thoát,

mà lại xưng là hành giả Pháp Hoa kinh, hoặc là đệ tử của Đức Điều Ngự Sư thì cũng oan ức cho đạo Phật và tội nghiệp cho người ấy.

Ai liễu nghĩa, thâm nhập vào đoạn kinh này thì mới giải thoát được thời gian. Thời gian một sát na và một tiểu kiếp, mười sáu triệu tám trăm ngàn năm, bằng nhau. Thời gian một bữa ăn và thời gian sáu mươi tiểu kiếp bằng nhau. Hiểu được mới liễu nghĩa. Có liễu nghĩa mới là hành giả Pháp Hoa. Có liễu nghĩa mới tu chứng Pháp Hoa kinh.

Đại tướng Nãi Mộc (*Nhật Bản*) áp dụng quy tắc này, giúp nước Nhật thắng đệ nhất thế chiến. Gần đây nhất, tại Việt Nam, trong sách lược giải phóng quê hương đã khéo áp dụng quy pháp rút ngắn thời gian, qua một câu gồm tám chữ: “***Trường kỳ kháng chiến nhất định thành công***”. Hai chữ “***trường kỳ***” nó giải quyết tất cả. Sáu mươi tiểu kiếp rút gọn vào một thời thuyết pháp, thật ra quá mật nghĩa. Ai muốn khám phá nét mật nghĩa này, nên nghiên cứu lời của Đại tướng Nãi Mộc (*Nhật Bản*) và câu châm ngôn tám chữ, của hai cuộc chiến giành độc lập của Việt Nam. Nếu chưa bằng võ thì xin mời xem một tuồng lớp, hoặc một vở kịch tại rạp hát, hoặc trước máy truyền hình, có lẽ sẽ dễ bằng võ vấn đề hơn.

Chánh văn

21 - Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai lúc đó nói kinh Đại thừa tên “Vô Lượng

Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”. Nói kinh đó rồi, Phật liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng nhập chánh định “Vô Lượng Nghĩa Y Xứ”, thân và tâm chẳng động.

22 - Khi ấy trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha Mạn đà la, hoa Mạn thù sa, cùng hoa Ma ha Mạn thù sa, để rải trên Đức Phật, cùng đại chúng. Khắp cõi nước Phật, vang động sáu điệu.

Lúc đó trong hội, hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn la na, Ma hầu la dà, nhơn, phi nhơn, cùng các vị tiểu vương, các vị Chuyển Luân thánh vương ... *vân vân* ... Các đại chúng đó đặng điều chưa từng có, vui mừng, chấp tay, chú tâm nhìn Phật.

23 - Bấy giờ, Đức Như Lai Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tướng lông trắng giữa chơn mày phóng luồng hào quang chiếu cả một vạn tám nghìn cõi ở phương Đông chẳng nơi nào không trùm khắp. Các cõi mà hiện giờ chúng ta đang thấy, chính là các Phật độ đó vậy !

Bồ tát Di Lạc nên biết! Khi đó trong hội, có hai mươi ức Bồ tát thích nghe pháp, các vị Bồ tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật, đặng điều chưa từng có, nên muốn biết vì duyên

cớ gì mà Phật phóng ánh quang này. Khi ấy trong hội có vị Bồ tát, hiệu Diệu Quang, có tám trăm người đệ tử.

24 - Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định vì Diệu Quang Bồ tát thuyết kinh Đại thừa, tên “Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, chẳng rời chỗ ngồi.

25 - Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi nghe đến sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nghe Đức Phật thuyết pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bấy giờ, trong chúng chẳng có người nào thân tâm sanh lười mỏi.

Giảng luận

Năm đoạn kinh văn này, Bồ tát Văn Thù trùng tuyên lại ý nghĩa: Thuở quá khứ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa vừa hoàn mãn, Đức Phật liền nhập Chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Liên lúc ấy, trời mưa hoa cúng dường. Tăng Ni Phật tử cả Đạo tràng, kể cả trời thần người quỷ rồng đều ngạc nhiên, gặp điềm lành chưa từng có.

Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như

Lai từ lông trắng giữa chặn mây phóng một luồng hào quang sáng soi về phương Đông trùm khắp các cõi, cũng giống như điềm hôm nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện điềm biến tướng vậy. Các cõi mà qua luồng hào quang từ chặn mây Đức Thích Ca phóng ra soi rọi cho mọi người trong hội đang thấy, cũng chính là các Phật độ mà luồng hào quang của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xưa kia từng chiếu soi vậy.

Bồ tát Văn Thù lại nhấn mạnh rằng: Đạo tràng lúc đó gồm hai mươi ức vị Bồ tát, cũng đón điềm lành và cũng ngạc nhiên. Đạo tràng lúc đó có Bồ tát Diệu Quang và tám trăm vị đệ tử của Bồ tát này.

Đại chúng đang phân vân thắc mắc thì Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định và vì Bồ tát Diệu Quang thuyết kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, suốt thời gian dài sáu mươi tiểu kiếp. Đại thánh chúng cũng ngồi yên nghe pháp suốt thời gian sáu mươi tiểu kiếp.

Trì tụng qua năm đoạn này chúng ta tư duy thế nào? Tại sao thuở quá khứ lâu xa vô lượng kiếp về trước, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai trước khi thuyết kinh Pháp Hoa, phải nhập định phóng quang hiện điềm lành. Ngày nay Đức Phật Thích Ca sắp thuyết kinh Pháp Hoa, lại cũng nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, rồi cũng phóng quang,

hiện điềm biến tướng y như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai.

Chúng ta lọc những gì thuộc về mật nghĩa nơi năm đoạn kinh này, để áp dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta.

Chánh văn

26 - Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai trong sáu mươi tiểu kiếp thuyết kinh đó rồi, liền từ ở chúng ma, phạm, Sa môn, Bà la môn và trời người, A tu la mà tuyên bố rằng: “Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập vô dư Niết bàn”.

Khi đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai liền thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng và bảo các Tỷ kheo rằng: “Ông Đức Tạng Bồ tát này kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng chánh giác”. Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm, bèn nhập Vô Dư Niết bàn.

27 - Sau khi Đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp, vì người mà diễn thuyết.

28 - Tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai đều học với Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Các vị vương tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn vạn ức Đức Phật, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật rốt sau hiệu là Nhiên Đăng.

29 - Trong hàng tám trăm người đệ tử, có một người tên Cầu Danh. Người này tham ưa danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu Danh. Người này cũng trồng nhiều nhưn duyên căn lành nên đặng gặp vô lượng trăm nghìn vạn ức Đức Phật mà cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen.

30 - Bồ tát Di Lạc nên biết! Diệu Quang Bồ tát lúc đó đâu phải người nào lạ, chính là ta đây. Còn Cầu Danh Bồ tát là Ngài đấy.

Nay thấy điềm lành này, cùng với xưa không khác, cho nên ta xét nghĩ, hôm nay Đức Phật Như Lai sẽ thuyết kinh Đại thừa tên “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”.

Giảng luận

Mượn tích xưa dẫn việc nay

Năm đoạn kinh văn này bổ túc giúp chúng ta rõ thêm nghĩa kinh. Quá khứ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa suốt thời gian sáu mươi tiểu kiếp. Khi thời pháp đã hoàn mãn, Đức Phật tuyên bố giữa

đại chúng, nửa đêm hôm đó sẽ nhập Niết bàn. Đồng thời thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Đúng nửa đêm hôm đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai nhập Niết bàn.

Bồ tát Diệu Quang thay Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, thọ trì kinh Pháp Hoa suốt tám mươi tiểu kiếp.

Tám vị Vương tử của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, đều được Bồ tát Diệu Quang dạy dỗ, cho đến khi đắc thành quả vị Phật. Vị thành Phật sau cùng là Đức Phật Nhiên Đăng.

Trong số tám trăm đệ tử của Bồ tát Diệu Quang, có một vị tên là Cầu Danh. Ngài Cầu Danh cũng đầy đủ phúc duyên, phụng sự cúng dường vô lượng Chư Phật, nhưng sự tu hành có phần giải đãi, thường hay đến những nhà giàu sang để hóa độ, nên đời gọi là Cầu Danh. Nhờ nhiều túc duyên thiện lành, nên đến nay gặp Đức Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật.

Xưa Bồ tát Cầu Danh - Nay Bồ tát Di Lặc

Xưa Bồ tát Diệu Quang - Nay Bồ tát Văn Thù

Tích xưa như điềm nay, cho nên quyết định rằng: Đức Phật Thích Ca sắp chuyển pháp lớn thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Sự luân lưu trong cõi phàm tục này không thể dễ dàng trí

suy lường, dùng mắt phàm để quan sát. Phải có mắt tuệ như Bồ tát Văn Thù mới quán chiếu những sự bất khả tư nghì. Ai tư duy sâu về năm đoạn kinh này thì đều rõ biết tất cả mọi sự tạo tác lành dữ trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, nó luôn hiện hữu.

Việc làm của chư Phật quá khứ và chư Phật hiện nay, việc làm của chư Bồ tát quá khứ cũng như của chư Bồ tát hiện nay không hề sai khác.

Xưa Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hiện điềm biến tướng nhập định phóng quang và thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nay Đức Phật Thích Ca cũng y như vậy!

Chuyển đi dù cách xa bao lâu, rồi cũng hoàn lại. Cho nên người hiểu đạo làm gì cũng nghĩ hậu quả của nó.

Chánh văn

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, trùng tuyên ý nghĩa trên, bằng thơ kệ tóm gọn:

**31 - Ta nhớ thuở quá khứ
 Vô lượng vô số kiếp
 Có Phật Nhân Trung Tôn
 Hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh
 Đức Thế Tôn thuyết pháp
 Độ vô lượng chúng sanh
 Vô số ức Bồ tát**

Khiến vào trí huệ Phật

- 32 - Khi Phật chưa xuất gia
 Vua sanh tám Vương tử
 Thấy Đại Thánh xuất gia
 Cũng theo tu Phạm hạnh
- 33 - Phật thuyết kinh Đại thừa
 Tên là Vô Lượng Nghĩa
 Ở trong hàng đại chúng
 Mà rộng tỏ phân biệt
 Phật thuyết kinh này xong
 Liên ở nơi pháp tòa
 Ngồi xếp bằng nhập định
 Tên “Vô Lượng Nghĩa Xứ”
 Trời rưới hoa Mạn đà
 Trống trời tự nhiên vang
 Các trời rồng quỷ thần
 Cúng dường đấng Thế Tôn
 Hết thấy các cõi Phật
 Đồng thời vang động lớn
- 34 - Phật phóng quang giữa mây
 Hiện các việc hy hữu
 Ánh sáng chiếu phương Đông
 Mười tám nghìn cõi Phật
 Chỉ sinh tử nghiệp báo
 Của tất cả chúng sinh
 Lại thấy các cõi Phật

Đồng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly, pha lê
Ấy bởi Phật quang chiếu

35 - Lại thấy hàng trời người
Rồng, thần, chúng Dạ xoa
Càn thát, Khẩn na la
Đều cúng dường Phật mình

36 - Lại thấy chư Như Lai
Phật đạo tự nhiên thành
Thân màu như núi vàng
Đoan nghiêm và vi diệu
Như trong tịnh lưu ly
Hiện ra tợ vàng ròng
Thế Tôn nơi đại chúng
Dạy thuyết nghĩa thâm diệu

37 - Mỗi mỗi các cõi Phật
Chúng Thanh Văn vô số
Do Phật quang soi rọi
Thấy hết đại chúng kia
Hoặc có các Tỷ kheo
Trú yên nơi núi rừng
Tinh tấn gìn tịnh giới
Dường như giữ minh châu

38 - Lại thấy chư Bồ tát
Bố thí và nhẫn nhục

Nhiều như cát sông Hằng
 Ấy nhờ Phật sáng soi
 Lại thấy hàng Bồ tát
 Thấm sâu các thiền định
 Thân tâm chẳng lay động
 Để cầu đạo vô thượng
 Lại thấy chư Bồ tát
 Biết pháp tướng tịch diệt
 Tự ở quốc độ mình
 Thuyết pháp cầu Phật đạo

39 - Bấy giờ hàng tứ chúng
 Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
 Hiện sức thần thông lớn
 Hết thảy lòng mừng vui
 Mỗi người tự hỏi nhau
 Việc này nhân duyên gì ?

40 - Bạc trời người tôn kính
 Vừa từ chánh định dậy
 Khen Bồ tát Diệu Quang
 Ông là mắt của đời
 Hết thảy đều tin về
 Luôn giữ gìn tạng pháp
 Như pháp mà ta nói
 Chỉ ông mới chứng biết
 Thế Tôn khen ngợi xong

Khiến Diệu Quang vui mừng
Liên thuyết Pháp Hoa kinh
Trải sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời khỏi tòa ngò
Diệu Pháp mà Phật nói
Chỉ pháp sư Diệu Quang
Là trọn hay thọ trì

41 - Phật thuyết Pháp Hoa này
Khiến chúng vui mừng rồi
Liên chính trong ngày đó
Bảo với hàng trời, người
Nghĩa thật tướng các pháp
Đã nói các ông rồi
Ta nay đứng giữa đêm
Sẽ vào cõi Niết bàn
Các ông lòng tinh tấn
Phải rời sự buông lung
Chư Phật rất khó gặp
Ức kiếp gặp một lần

42 - Thấy các con của Phật
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thấy thấy đều sầu não
Sao Phật gấp diệt vậy ?
Đấng Thánh chúa Pháp vương
An ủi vô lượng chúng

Sau khi Ta diệt độ
 Các ông chớ buồn lo
 Bồ tát Đức Tạng đây
 Nơi Vô lậu thiết tướng
 Tâm đã chứng thông đạt
 Kế đây sẽ thành Phật
 Hiệu Tịnh Thân Như Lai
 Cũng độ vô lượng chúng

43 - Đêm đó Phật diệt độ
 Như củi hết, lửa tàn
 Chia phân các Xá lợi
 Mà xây vô lượng tháp
 Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni
 Đông như cát sông Hằng
 Lại càng thêm tinh tấn
 Tu cầu đạo vô thượng

Giảng luận

Đoạn này Bồ tát Văn Thù trùng tuyên thơ kệ tóm gọn, trình bày Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai về thưở quá khứ, thuyết pháp độ vô số chúng sanh, vô số Bồ tát.

Chưa xuất gia, Phật là vua sanh tám Vương tử và tám Vương tử cũng theo vua cha xuất gia.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết Đại Thừa Vô Lượng. Thuyết xong, Đức Phật

nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, trời mưa hoa cúng dường. Đức Phật phóng quang giữa chạn mây chiếu mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Trời người quý thần nường hào quang thấy rõ tướng hảo của Chư Phật các cõi ấy. Thấy Chư Phật thành tựu các công đức, thân sáng tợ lưu ly. Thấy cả chúng sanh các cõi ấy.

Thấy chư Bồ tát các cõi ấy tu hạnh bố thí nhẫn nhục, kể cả những vị trụ sâu vào thiền định. Cũng có nhiều vị Bồ tát thuyết pháp và tu cầu Phật đạo. Tứ chúng lại thấy Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hiện sức thần thông quan trọng. Mọi người tự hỏi nhau vì nhân duyên gì mà Đức Phật hiện điềm biến tướng lạ như thế.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định, khen ngợi Bồ tát Diệu Quang và vì Bồ tát Diệu Quang thuyết kinh Pháp Hoa, trải sáu mươi tiểu kiếp. Ngài Diệu Quang Pháp sư triệt ngộ phụng giữ thọ trì. Sau đó Phật tuyên bố cho đại thánh chúng biết trong nửa đêm nay sẽ nhập Niết bàn.

Hàng đệ tử nghe Đức Phật nhập diệt thấy đều ưu buồn. Đức Phật an ủi là có Bồ tát Đức Tạng thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, sẽ thay Phật rộng độ vô lượng chúng. Đức Phật nhập Niết bàn, hàng đệ tử xây vô lượng bửu tháp để phụng thờ Xá lợi Phật. Hàng đệ tử của Đức Phật số đông nhiều

hơn cát sông Hằng, càng tu hành tinh tấn, nhất tâm cầu thành Phật.

Câu chuyện của đoạn kinh lược tả về Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thời quá khứ. Các nhân vật của những đoạn thơ kệ này như trong một câu chuyện cổ tích. Vậy mà thử hỏi trong giới Phật giáo đồ, cả Tăng lẫn tục, liệu được mấy người nhớ? Trái lại, truyện hư cấu Tam Quốc, Phong Thần, tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung ... *vân vân* ... chỉ đọc qua một vài lần mà rất nhiều người thuộc nhớ từng nhân vật. Thật cũng lạ thay !

Rất mong bộ Pháp Hoa giảng luận này sẽ thay chỗ nhớ của quý vị.

Chánh văn

**44 - Riêng Pháp sư Diệu Quang
 Vững giữ Phật pháp Tạng
 Suốt tám mươi tiểu kiếp
 Rộng thuyết kinh Pháp Hoa
 Còn tám vị Vương tử
 Được Diệu Quang mở khai
 Vững bền đạo vô thượng
 Được gặp vô số Phật
 Cúng dường Chư Phật xong
 Thuận theo tu đạo lớn
 Nói tiếp đắc quả Phật
 Lần lượt thọ ký nhau**

Đấng Phật rốt đời sau
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Đạo sư của thiên tiên
Độ thoát vô lượng chúng

45 - Pháp sư Diệu Quang đây
Có một người đệ tử
Tâm thường cửu biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà giàu sang
Bỏ bê việc tu tập
Buông hết không thông thuộc
Do vì nhân duyên ấy
Nên gọi là Cầu Danh
Nhưng cũng làm nghiệp lành
Được gặp vô số Phật
Cúng dường nhiều Đức Phật
Thuận theo tu đại đạo
Đủ sáu Ba La Mật
Nay gặp Đức Thích Ca
Thọ ký sau thành Phật
Hiệu là Phật Di Lạc
Rộng độ hàng chúng sanh
Số đông nhiều vô lượng

46 - Sau Phật ấy diệt độ
Kẻ lười biếng là Ngài

Còn Pháp sư Diệu Quang
 Nay thời chính là Ta
 Ta thấy Phật Đăng Minh
 Điềm sáng trước như thế
 Cho nên biết rằng nay
 Phật sẽ thuyết Pháp Hoa
 Tướng nay như điềm xưa
 Là Chư Phật phương tiện
 Nay Phật phóng hào quang
 Tiếp bày nghĩa thực tướng
 Các người nay nên biết
 Chắp tay một lòng chờ
 Phật sẽ rưới mưa pháp
 Toàn bộ người cầu đạo
 Ai người cầu ba thừa
 Nếu có chỗ nghi hối
 Phật sẽ dứt trừ cho
 Khiến hết chẳng còn nghi

Giảng luận

Pháp sư Diệu Quang vâng giữ lời Đức Phật
 Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, phụng trì giáo
 pháp suốt tám mươi tiểu kiếp, rộng thuyết kinh
 Pháp Hoa. Bồ tát Diệu Quang giáo huấn tám vị
 vương tử, một lòng tin đạo vô thượng, gặp cúng
 dường Chư Phật. Cả tám vị đều nối tiếp thọ ký nhau

thành Phật, vị thành Phật sau cùng hiệu Nhiên Đăng Như Lai, đạo sư của chư Thiên, chư Tiên.

Bồ tát Diệu Quang cũng còn có tám trăm đệ tử, trong số có một vị tên là Cầu Danh, do vì tu hành biếng trễ, cầu danh lợi không nhằm chán, kinh điển không thông thuộc. Tuy nhiên vị Cầu Danh này cũng có gieo trồng nhiều phúc đức nhân duyên, nên được gặp rồi phụng sự cúng dường vô lượng Chư Phật, tròn đủ hạnh Lục Ba La Mật, nên kiếp này gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai và được thọ ký sau này sẽ được thành Phật, hiệu là Di Lạc Như Lai, đủ mười tôn hiệu, rộng độ vô lượng chúng sanh.

Lúc Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai diệt độ, vị Bồ tát Cầu Danh đó là Ngài (*tức là Bồ tát Di Lạc*), còn Diệu Quang Pháp sư chính là Ta (*tức là Bồ tát Văn Thù*).

Tướng điềm hiện nay, giống y tướng điềm thuở xa xưa. Vì vậy nên chắc chắn là Đức Phật Thích Ca Như Lai sắp thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phổ bày nghĩa thực tướng của các pháp. Vị nào nơi Đạo tràng hiện tu cầu ba thừa pháp thì nay hãy chú tâm nghe lãnh hội Nhất thừa pháp. Nếu còn chỗ nào nghi ngờ thì từ từ Đức Phật sẽ thuyết kinh Pháp Hoa, giải trừ hết mọi nghi hối, khiến cho tất cả không còn tư tưởng chấp ba thừa pháp.

Mật nghĩa đoạn kinh này, chúng ta đã thấy rõ. Ngài Bồ tát Văn Thù và Ngài Bồ tát Di Lặc đóng vai chỉ trích và chịu chỉ trích, mục đích là để cảnh tỉnh đại chúng thuở đó, đồng thời để lưu truyền lời cảnh thức này lại cho hậu thế ngàn sau.

III - TÓM KẾT

Phẩm Tựa tạm chia thành tám nét chính để dễ hiểu, kỳ thực thì có vô số. Nhưng dù bao nhiêu nét, cũng chẳng quan trọng. Điều cốt yếu là chúng ta nên nắm sáu phần cốt lõi của phẩm kinh:

1. Bảy điểm thành tựu.
2. Phương pháp dẫn nhập.
3. Cách thức và người giới thiệu.
4. Nhân sự nòng cốt.
5. Tình cảm và lý trí.
6. Giải thoát không gian và thời gian

Trong sáu nét này, đáng lưu ý nhất là “Tình cảm và lý trí” luôn luôn song hành. Quá thiên lệch về tình cảm, sẽ dẫn đến sự trì trệ. Quá thiên lệch về lý trí, sẽ dẫn đến tình trạng khô khan. Vào đời, biết bao nhiêu nhân vật tên tuổi bị thất bại cay đắng cũng do cách điều hành sự việc thiên lệch một bên: hoặc lý trí, hoặc tình cảm.

Nếu bộ kinh Pháp Hoa không phải do Bồ tát Di Lặc gợi ý khai mở và Bồ tát Văn Thù trợ tuyên thì kinh Pháp Hoa không thành công to lớn như vậy.

Chưa có một quyển sách, một bộ kinh nào, đông người sùng bái như kinh Pháp Hoa. Suốt dòng thời gian, từ khi Phật còn tại thế, cho đến ngày nay, càng ngày số lượng tái bản càng vượt cao gấp bội. Số người đọc tụng, thọ trì, in sao, viết chép, cúng dường, nghiên cứu, chú giải, thực hiện mỗi lúc mỗi đông. Hai Ngài Bồ tát dùng thân pháp gì mà đặc biệt như thế ?

Ngoài tính cách Đại Bồ tát được đời xưng tụng, hai vị Bồ tát này, mỗi vị hiển bày một đức tính cần thiết cho dòng đời:

- Bồ tát Di Lặc sử dụng tình cảm siêu đẳng.
- Bồ tát Văn Thù ứng dụng lý trí tuyệt vời.

Cả lý trí và tình cảm hài hòa nhau, để biến thành chất sống vô cùng phong phú. Chúng ta vào cuộc sống hằng ngày, nên ứng dụng quy pháp này, hầu nâng cao nếp sống cho bản thân, gia đình, tộc họ và muôn loài.

Tình cảm và lý trí trở thành lý Bất Nhị, chẳng phải một, mà cũng chẳng là hai. Làm bất cứ việc gì phải hội đủ hai yếu tố theo nguyên lý Bất Nhị. Làm gì phải có lý có tình: Có lý thiếu tình chẳng làm, có tình thiếu lý không thực hiện.

Phẩm Tựa - Mở đề kinh Pháp Hoa hội đủ lý tình. Ngài Di Lặc tình cảm, Ngài Văn Thù lý trí. Tình lý giúp sáng tỏ Pháp Diệu từ ban đầu.

Hành giả Pháp Hoa liễu nghĩa phẩm Tựa, như người nắm chiếc chìa khóa vào cổng nhà. Liễu nghĩa phẩm Tựa, mới thấy tầm mức quan trọng của bộ kinh tối thượng này, có liên quan mật thiết đến đời sống hiện hữu của chính mình, mà hàng ngày mình không thể nào thiếu Diệu Pháp Liên Hoa.

Bất cứ ai, còn hiện sống trên quả đất này, còn thở không khí này, kể cả trời thần quỷ rồng, muốn vươn lên, thấm nhập vào hai chữ an vui và thoát khỏi sự trói cột, bởi không gian, thời gian, nét nhăn và muốn giữ nụ cười hằng hữu trên môi, với bớt hoặc chấm dứt giọt lệ ai hoài thì không thể thiếu phương pháp vi diệu bông sen nhập trần này, tức là không thể thiếu Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh và muốn đạt ngộ hữu hiệu pháp diệu nhập đời thì trước nhất phải thấu suốt tường tận phẩm Tựa kinh Pháp Hoa.

Hai bài học số hai và ba chỉ giải đại cương những nét căn bản. Phẩm Tựa kinh còn chứa hàng vạn triệu điều ẩn nghĩa. Phẩm Tựa và toàn bộ kinh, đang hoan hỷ mở cửa đón mời các hành giả Pháp Hoa, nhất là những bậc đã nghiên cứu thẩm sâu từng chữ, từng nét hoặc từng phần pháp Diệu Đại thừa bông sen nhập thế (*kinh Pháp Hoa*).

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 4

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai

- Đức Phật xả định và phân tích.
- Mười như vậy.
- Ba lần Tôn Giả Xá Lợi Phất thưa thỉnh và ba lần Đức Phật chưa nhận lời.

I - MỞ ĐẦU

Liễu nghĩa phẩm Tựa là đã nắm được chiếc chìa khóa vào cổng Pháp Hoa. Thấm sâu vào phẩm Phương Tiện là hành giả đã bước lên thêm Pháp Hoa, để chuẩn bị vào liễu nghĩa hết các phẩm là đủ chìa khóa làm chủ ngôi nhà Diệu Pháp Liên Hoa. Ai ai cũng mong ước như vậy.

Đến nay, số người đọc tụng kinh Pháp Hoa càng ngày càng đông. Nhiều nơi không đủ kinh để

tụng. Nhưng đọc tụng để mà đọc tụng, chứ ít thấy ai đọc tụng để đem “Pháp Diệu” nhập đời, áp dụng vào cuộc sống của chính mình hằng ngày.

Cuối thế kỷ thứ V, đầu thế kỷ thứ VI (574-622), bộ kinh Pháp Hoa được Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ chữ Phạn sang chữ Trung Hoa. Đầu tiên, kinh chữ Hoa này được chuyển sang Nhật Bản. Vị Thái tử nước Nhật thời đó, đã giải nghĩa thành một bộ “Luận về kinh Pháp Hoa”. Cũng từ đó, bản Hiến pháp Nhật Bản, gồm mười bảy điều khoản, đã căn cứ theo tinh thần bộ kinh Pháp Hoa này. Và bằng Hiến pháp này, vị Thái tử Nhật (Shotoku) đã thiết lập bộ luật đầu tiên ở Nhật, đến nay ngót một ngàn bốn trăm năm và vẫn truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, có ảnh hưởng thấm sâu trong giới quần chúng Nhật, ích lợi lớn rộng nhờ áp dụng thực tiễn tinh thần kinh Pháp Hoa vào cuộc sống văn minh, thực dụng của cả một dân tộc.

Ở Việt Nam chưa gặp nhân duyên thuận hợp, cho nên kể cả trong giới Tăng tín đồ, cũng vẫn còn lơ là đối với kinh Pháp Hoa hướng hồ người thường, tức là chưa thấm sâu, lan rộng vào đời sống hằng ngày thuộc các tầng lớp quần chúng. Ví dụ như phẩm Phương Tiện, liệu được mấy người thấm sâu vào tận “nghĩa gốc” đầu đề phẩm kinh, chứ đừng nói là cốt lõi của toàn phẩm. Hiểu sai hai

chữ Phương Tiện thì khó liễu nghĩa toàn phẩm kinh.

Phương Tiện là phương cách tiện dụng để thích hợp mọi căn cơ của chúng sanh. Phương thuộc Lý, Tiện thuộc Sự. Dĩ bất biến là phương, ứng vạn biến là tiện. Bất biến tùy duyên và tùy duyên bất biến. Tùy duyên là tiện, bất biến là phương. Độ sanh thuộc tiện, cứu cánh thành Phật thuộc phương.

Các kinh Đức Phật tuyên thuyết từ trước thuộc về tiện. Từ Pháp Hoa trở về sau các kinh thuộc phương.

Phẩm Phương Tiện này là chiếc cầu nối giữa hai thời kỳ: Quyền và Thực. Tức là quyền biến và thực tướng các pháp. Trước thì quyền, từ đây về sau là thực.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

◆ Đức Phật xả định và phân tích

1 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Trí huệ của các Đức Phật sâu xa vô lượng. Môn trí huệ đó khó hiểu, khó vào. Tất cả hàng Thanh Văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được, là vì sao vậy?”

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số các Đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp

của các Đức Phật, dũng mãnh, tinh tấn, danh tốt đồn khắp, thành tựu pháp rất sâu chưa từng có, tùy nghi mà nói pháp, ý thú khó hiểu.

Xá Lợi Phất ! Từ Ta thành Phật đến nay, đã dùng các món nhờn duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìm dặt chúng sanh, khiến xa lìa lòng chấp, là tại vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và Ba La Mật.

Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát tam muội, đều sâu vào chốn không ngần mé, thành tựu tất cả pháp chưa từng có.

Xá Lợi Phất ! Như Lai hay dùng các cách phân biệt, khéo nói các pháp, lời lẽ êm dịu, làm vui đẹp lòng chúng.

Xá Lợi Phất ! Tóm lại mà nói, vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Đức Phật thấy đều thành tựu rồi.

Giảng luận

Đoạn kinh chánh văn này chúng ta thẩm sâu từng chữ, từng câu. Như muốn hiểu được tướng của các pháp thì hành giả phải thông suốt các pháp căn bản như: tứ vô lượng tâm, tứ vô ngại trí, tứ thiên, tứ định, tứ vô sở úy, bát giải thoát môn, tam môn, tứ

trí, ngũ nhãn, lục thông ... Pháp môn nào cũng phải hiểu, phải thông. Dù chưa chứng đắc nhưng hành giả phải hiểu, phải liễu. Lúc ấy mới hy vọng hiểu được phần nào về thực tướng của các pháp.

Có nhiều người vừa tập tham thiền vài năm đã cố chấp, tự phong tặng mình là Thiền giả, Thiền sư, tự cho pháp môn mình đang tu là siêu tuyệt hơn cả và hủy báng, chê bai các pháp môn khác. Thiền cũng chỉ là một trong nhiều pháp môn tu căn bản lúc ban đầu mà thôi.

Một điểm đặc sắc của đoạn kinh, mở đầu pháp Diệu bông sen Đại thừa, mà chúng ta ít người chú tâm về ba ý chính. Sau khi thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, Đức Thế Tôn ngồi yên lặng, nhắm mắt, nhập đại định, phóng quang.

- Phóng quang phá nghi và khai mở tâm trí cho đại chúng.
- Nhập đại định, chờ sự giới thiệu mở đề của hai vị Bồ Tát Di Lặc và Văn Thù.
- Yên lặng, chọn phương cách phù hợp và chọn người tiêu biểu.

Chúng ta để ý: Khi vừa xả định, Đức Phật liền chọn Tôn Giả Xá Lợi Phất, là vị trí tuệ đệ nhất trong hàng Thánh Tăng làm người tiêu biểu và câu khai mở đầu tiên là nhắc các pháp căn bản cần phải có, ấy là điều kiện tiên quyết, để đủ tiêu chuẩn đón nhận thực tướng của các pháp.

Chánh văn

2 - **Thôi Xá Lợi Phất ! Chẳng cần nói nữa, là tại vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có nhưt mà Phật đã thành tựu đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chơn thật của các pháp đó, có nghĩa là các pháp: “Tướng như vậy, tính như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhơn như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, các thứ trước sau rốt ráo như vậy”.**

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca lại phân tích giải bày về chơn thật của các pháp cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và hội chúng tại Hội Pháp Hoa, qua luận giải Thập như thị pháp (*Mười như vậy*). Đức Phật còn chi tiết hơn, Ngài tóm lược chơn thật của các pháp bằng công thức Thập như thị pháp (*mười như vậy*), giúp cho hàng hậu học dễ nhớ, dễ liễu ngộ.

Muốn hiểu được đoạn kinh nhấn mạnh về mười như vậy thì trước nhất chúng ta phải hiểu rõ chữ **Như**.

Như là tất cả tướng tánh thể lực ... của các pháp thủy đều như nhau. Nhưng nếu nói thế thì các nhà khoa học sẽ phản đối ngay. Vì giới khoa học phân tích các pháp qua sự biểu hiện của từng pháp. Trái lại địa hạt của “đạo học” thì không thể dừng ở nơi

sự biểu hiện đó, mà phải thẩm sâu đến tận cùng của các pháp. Tức là phải tìm hiểu đến chỗ cùng tột của các pháp. Tìm đến chỗ “**Như vậy**”. Thế nào mới được gọi là Như?

Theo phẩm Bồ tát kinh Duy Ma, Như là không hề có hai, chẳng hề khác biệt.

Nhiều người căn cứ vào sự biểu hiện của các pháp, nên phân biệt cái nọ với cái kia. Đó là lầm tưởng chấp giả làm thực.

Như: là cái cùng cực, của chân thật. Vì vậy nên chúng ta thường gặp các danh từ: *Như pháp tính, thực tế, thực tướng*, tất cả đều đồng một nghĩa.

Mặc dù thế giới hiện tượng và sự vật là đa dạng, nhưng *bản chất* của các pháp chỉ là một và một tức là Như. Như cũng gọi là Lý. Lý cũng gọi là Như.

Như thị: Là trình bày đúng như thế, đúng đạo lý là như vậy đó, không thể sai khác (*kinh Thắng Man bảo vật, quyển thượng thứ chín*).

◇ TỔNG LƯỢC MUỠI NHƯ VẬY :

❶ **Như vậy thứ nhất: Tướng như vậy**

Hết thấy “tướng” của các pháp vốn nó là như vậy. Thế nào là tướng như vậy? Tướng như vậy là tướng chơn thực. ←Thực tướng → đồng nghĩa Không tướng. Thế thì tướng của các pháp là không tướng như thế là thế nào? Làm sao hiểu? Vì câu này

không phải dành cho hàng Tiểu - Trung - Đại học hiểu. Cũng không phải hàng Bác học, hàng siêu học, mà chỉ dành cho hàng tu chứng mới hiểu câu “Tướng các pháp vốn là như vậy”. Nói khác hơn, thì ***Tướng các pháp vốn như thị***, các pháp là như thật, là hằng còn. Các pháp không hề sanh, chẳng hề diệt, chẳng hề tăng, chẳng hề giảm. Vì vậy cho nên gọi tướng các pháp là không tướng. Giới bác học và khoa học muốn hiểu vấn đề này, phải mượn các “nguyên tố” của vật lý để làm chiếc cầu, từ đó quán chiếu cho đến khi bừng tuệ, lúc bấy giờ mới có thể hiểu về tướng chơn thật của các pháp.

Khi còn ở Trung cấp Phật giáo thì hiểu tướng các pháp vốn là ***vô thường***. Nhưng đã nhập vào Nhất thừa Pháp Hoa thì bắt đầu tu luyện để thẩm nhập tướng các pháp vốn là chơn thường. Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường mà là ***chơn thường***. Thi kệ phẩm Phương tiện bản Hán văn: “***Thị pháp trụ pháp vị***”. Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã Việt dịch: “***Pháp trụ trên ngôi pháp***”. Vậy thì pháp nào trụ trên pháp nào? Khi tu chứng đắc đến trình độ “chơn thường” thì các pháp vốn đồng một pháp, nhưng khi đang đi vào Phương tiện để đạt Nhất thừa thì phải nương nhờ nhịp cầu để qua sông, phải tập tu theo phương pháp Phương tiện, mượn pháp này trụ trên pháp kia. Phải khởi mượn từ “***Pháp tịnh trụ vững trên pháp động***”, từ

đó mới thẩm nhập chơn thường. Vì vậy nên mới có pháp môn tu luyện pháp tịnh trụ trên pháp động (Pháp trụ trên ngôi pháp).

Chẳng riêng kinh Pháp Hoa mà ở các bộ kinh Đại thừa và Tối thượng thừa, Đức Phật đều dạy như thế. Như kinh Kim Cương “**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”. Chẳng phải hữu tướng thì các pháp là vô tướng. Cũng kinh Kim Cương, nếu theo âm thanh, sắc tướng mà cầu Như Lai thì chẳng thể nào thấy Như Lai, vì âm thanh sắc tướng cũng là không tướng.

Vì thế cho nên mới Như thị thứ nhất là “Tướng như vậy”. Tức là Tướng thế gian hằng còn. Không tướng nó mới luôn luôn tồn tại. Là Tướng như vậy đó! **Như thị tướng.**

② *Như vậy thứ hai: Tính như vậy*

Liễu nghĩa được Tướng như vậy thì mới quán chiếu để liễu ngộ Tính như vậy. Bởi vì tính tướng chẳng hai. Vì **thực tướng** chơn không, hằng còn thì **thực tính** cũng chơn không, hằng còn. Nói cách khác dễ hiểu hơn là khi học Phật pháp cấp thấp thì phải quán chiếu để liễu ngộ riêng từng mỗi tánh, mỗi tướng của các pháp. Nhưng khi nhập vào Pháp Hoa Nhất thừa thì phải liễu ngộ rằng: Các pháp đều vốn cùng bản tính. Bởi vì Tính các pháp vốn là tính chơn không. Chơn không chẳng phải không như

lông rùa, sừng thỏ. Ai liễu ngộ tính không thì mới đắc ngộ tính hòa hợp. Chưa liễu ngộ tính không thì không thể có hòa hợp. Chưa hòa hợp thì làm gì có ngôi Tăng Bảo.

Hoặc dù có liễu ngộ tính không, chỉ khi nào sống hòa hợp thì lúc đó là lúc chứng minh được pháp tính không. Vậy tính của các pháp là tính chơn không. Là tính như vậy! **Như thị tính.**

③ *Như vậy thứ ba: Thể như vậy*

Thể của các pháp vốn là chơn không. Chơn không cũng còn gọi là thực thể. Thực thể đồng nghĩa với “Bản thể không”. Vì Bản thể không, nên kinh Pháp Hoa mới định danh là Như thị thể. Như thị thể là Thể như vậy. Bản thể các pháp đồng một thể chơn không. Nhưng chớ hiểu nó không hẳn hoi như lông rùa, sừng thỏ. Nếu chẳng phải không thì là có à! Chẳng có, cũng chẳng không! Bát Nhã tâm kinh “... **Thể trống không, nên không nhãn giới**”. Làm sao dùng mắt để quan sát được thể. Cũng chẳng dùng ý quán chiếu được thể. Liễu ngộ được thể của các pháp là chơn không thì mới hiểu được các pháp vốn nó hằng hữu. Mới hiểu lời Đức Phật dạy nơi kinh Pháp Hoa: Thế gian tướng thường còn! Phản ánh đúng bản thể gọi là như. Vậy thể các pháp đều là thể như vậy. Tức là **Như thị thể.**

④ *Như vậy thứ tư: Lực như vậy*

Khi các thứ Tướng tính thể đều như vậy thì tự nhiên có năng lực. Phản ảnh đúng năng lực của nó nên gọi Lực như vậy. Khi Lực chơn thật là Lực của lý không, vì nó không hề có pháp nào làm chủ thể.

Thuốc nổ, ngòi nổ, lửa duyên hợp thì tự nhiên nổ. Khi nổ lực của nó phá hủy các pháp khác. Vậy không phải do thuốc nổ làm chủ thể, cũng chẳng phải do ngòi nổ, lại càng không phải do lửa làm chủ thể. Nếu lửa là chủ thể của lực nổ thì sao khi lửa hợp với thuốc lại có ánh sáng. Lực nổ công phá các pháp này nó tồn tại ở đâu, ta tìm chẳng thấy? Như khi đủ duyên thì phát tiếng nổ. Vậy có phải lực nổ nó thường trụ ở nơi chơn không? Nếu ai phản đối, nó không thường trụ nơi chơn không thì nó tồn tại ở đâu, xin chỉ rõ! Nếu không chỉ được chỗ cùng cực của nó thì phải thừa nhận là lực của sức nổ vẫn là như. Vẫn hằng còn ở chơn không. Chơn không đồng nghĩa với chơn lý. Chơn lý đồng nghĩa với thực lý. Tóm lược các danh từ lực chơn không, lực chơn lý, lực thực lý vẫn bằng một danh gọi, Lực như vậy. **Như thị lực.**

❶ *Như thị thứ năm: Tác động như vậy*

Mọi tác động của các pháp đều không do từ một pháp nào cả. Như vậy sự biểu hiện của mỗi pháp không thể làm chủ được các pháp, cho nên không có pháp nào tác động được pháp. Mọi sự tác động nó đều do duyên hợp của các pháp. Mà đã là

do duyên hợp thì nó phải trở lại điểm cùng cực. Mà điểm cùng cực này nó cũng từ chơn không. Giữ được lý chơn không thì vắng lặng, thì tịch diệt, chẳng bị pháp nào tác động. Cho nên hành giả, thức giả, trí giả Pháp Hoa kinh phải liễu ngộ như thị tác. Tức là mọi sự tác động là do từ nơi động. Giữ không cho động. Luôn luôn ở nơi tịnh mặc thì mọi tác động vẫn nằm nguyên nơi chơn không, chẳng bao giờ bị pháp nào tác động. Nên kinh Pháp Hoa Đức Phật tóm gọn nơi mười như vậy, trong đó có pháp tác như vậy. Tức là không có pháp nào chủ thể của sự tác động là như vậy. **Như thị tác.**

⑥ *Như vậy thứ sáu: Nhân như vậy*

Các pháp chẳng có pháp nào do từ một nhân, mà nó phải từ nhiều nhân hợp lại mới thành một pháp. Đấng tĩnh lặng, hàng Bồ tát và người liễu ngộ được lý như thì không bao giờ sử dụng tâm ý cá thể để chuyển di các nhân này hợp lại thành một pháp, dù là pháp ác hay pháp thiện cũng vậy.

Khi tâm sở kể cả tâm vương tham gia chuyển từng nhân duyên lại thành một pháp thì pháp ấy không phải chơn mà là giả pháp, hoặc là tà pháp. Bởi vì nhân của pháp vốn nó là chơn, mà ta dụng tâm chuyển nó thì tự nhiên nó biến thành giả. Dụng tâm sở tâm vương chuyển các nhân, để chúng duyên lại với nhau thành một pháp thì đó là mưu mô, đó là cơ mưu gần đồng nghĩa cơ khí. Vì

vậy nên bậc trí không nên dụng tâm sở tâm vương mà cứ để tự nhiên cho chơn tâm bừng khai hòa hợp mọi nhân duyên nhau mà thành thì đây mới gọi là chơn pháp. Mới gọi các pháp từ nơi chơn không. Có vậy được như thế mới gọi là Nhân như vậy. Tức là **như thị nhân**.

⑦ **Như vậy thứ bảy: Duyên như vậy**

Các nhân đều chơn không và tự nhiên duyên hợp lại mới là pháp chơn không. Là pháp chơn thật. Là pháp như vậy.

Thế nào là duyên chơn thật. Là duyên như vậy. Là duyên chơn không?

Pháp nào con người dụng tâm ý duyên thành thì pháp đó không phải pháp chơn thật. không phải pháp của chơn không! Bởi vì sự duyên hợp của nó khởi từ sự cố tâm, cố ý chứ không từ tự nhiên.

Cây bông hồng từ những nhân tự nhiên và khi nở hoa nó cũng từ các nhân tự nhiên, chúng cùng duyên hợp thành cây bông hồng. Giai đoạn bông hồng nở hoa nó cũng tự nhiên, bông kia duyên với sắc tố, với đạm tố, với hương tố ... Các tố ấy từ chơn không chứ không phải sắc màu chứa trong lọ, hương thơm chứa trong chai, các nguyên tố chứa trong kho tàng. Duyên như thế mới là các nhân từ chơn không, các nguyên tố từ chơn không tự nhiên duyên nhau thành bông hồng. Được như thế mới gọi là duyên chơn không. Duyên từ thực tướng. Mới gọi là duyên

như vậy. Nếu một bông hồng từ con người tạo nên bằng giấy, hoặc bằng nhựa cao su qua dụng tâm duyên nó lại với màu đỏ hoặc vàng do mực màu. Hương thơm do nước hoa từ trong lọ xịt vào và nhiều nhân tố khác do nhân tạo duyên lại với nhau thì các bông hồng ấy không hề có tự nhiên, nó là bông giả. Bởi vì tướng tánh thể lực tác nhân duyên thảy đều giả. Nhất là do từ giả nhân giả duyên, cho nên không thể gọi các bông hồng đó là bông hồng thật. không phải thật thì chẳng phải duyên từ chơn không. **Như thị duyên.**

⑧ *Như vậy thứ tám: Quả như vậy*

Khi các tướng tánh thể lực ... nhất là nhân và duyên đều khởi từ thực tướng, từ chơn không thì sự đắc quả cũng chơn không, cũng thực tướng, cũng như vậy.

Quả như vậy là sự đắc quả theo pháp tu nhất thừa đều đưa đến chỗ cùng tột của quả vị. Cùng tột quả vị tu chứng là đến đâu? Đến vô thượng giác, đến thành Phật. Đức Phật thuyết tam thừa là phương tiện, người tu có chịu rồi tam thừa để tu đắc chứng đắc quả vị nhất thừa, quả vị thành Phật thì mới gọi là Quả như vậy. Quả như vậy là thế nào? Là quả chơn không, là quả thực tướng, là quả đạt được lý sự chơn thật. Là quả như vậy. **Như thị quả.**

⑨ *Như vậy thứ chín: Báo như vậy*

Quả chơn thật thì ảnh hưởng chơn. Sự báo ứng thủy đều chơn thật. Ma ba tuần là phi chơn thật, mà lại giả Phật, để dễ mục thị cho Tôn Giả A Nan thì sự báo ứng đối với Tôn Giả A Nan vẫn là phi chơn thật.

Một người chưa đầy đủ các yếu tố chơn thật, mà giả làm một vị sư, dù có giả giống y hệt một nhà sư thật thì sự ảnh hưởng, sự báo ứng vẫn là phi chơn thật, vẫn là nhà sư giả.

Tu Pháp Hoa kinh là xóa bỏ tam thừa, nhập vào nhất thừa hành trì các pháp chơn thật. Tức là luyện đặc pháp như thật. Tướng tính thể lực tác nhân duyên quả thủy đều như thực thì báo cũng là như thực. Là báo như vậy. Là **như thị báo**.

⑩ *Như thị thứ mười: Rốt ráo như vậy*

Rốt ráo như vậy, hoặc nói khác hơn Ba la mật như thị. Khi tin tưởng tuyệt đối vào Phật thừa, liễu ngộ Phật thừa, tu luyện chứng đắc Phật thừa, tất cả đều khởi tu luyện từ các pháp như thật tướng, như thật tính, như thật thể, như thật lực, như thật tác, như thật nhân, như thật duyên, như thật quả, như thật báo thì rốt ráo thủy đều như thật.

Lý luận thì như thế, nhưng liễu và ngộ, hiểu và biết, trí và tri, chứng và đắc đến rốt ráo thành Phật thì phải trải qua nhiều giai đoạn cam go. Vì vậy

hành giả Pháp Hoa kinh tu luyện chỗ nên phân biệt không gian và chỗ cố chấp thời gian thì mới đạt đến chỗ rốt ráo như thật, hành giả, thức giả, trí giả Pháp Hoa kinh. Điều đáng lưu ý là muốn tu đến rốt ráo pháp như thật, bắt buộc phải khởi từ **Lục độ Ba la mật**. Bồ thí rốt ráo. Trì giới rốt ráo. Tinh tấn rốt ráo. Nhẫn nhục rốt ráo. Thiền định rốt ráo.

Khi hiểu được mười như thật, tức là hiểu mười như vậy. Hiểu rồi cần phải biết. Trí rồi cần phải tri. Tri rồi cần phải chứng, phải đắc. Đắc đến chỗ rốt ráo thành Phật, lúc bấy giờ mới gọi là rốt ráo như thị. Rốt ráo như vậy. **Như thị rốt ráo**.

Lược tóm đoạn giảng luận mười như vậy: Mỗi pháp như vậy có ý nghĩa riêng của pháp ấy. Nhưng rời ra từng pháp không có giá trị. Pháp này phải quyện pháp kia. Tướng tính thể lực ... phải quyện với nhau, vì các pháp vốn đồng một pháp. Khi đạt đến tột cùng thì các danh từ tướng tính ... nhân duyên quả báo ... cũng không còn nữa.

Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh mười pháp như vậy để làm then chốt khởi xác quyết niềm tin. Nhất định phải tin thực tướng của các pháp là pháp không tướng không tánh ... là như vậy. Là rốt ráo thành Phật. Chẳng những riêng kinh Pháp Hoa mới nhấn mạnh như thị pháp, mà tất cả các bộ kinh đều mở đầu bằng hai chữ Như thị. Tức là như vậy. Nếu ai tin lời Đức Phật thuyết ghi lại nơi kinh là chơn thật,

là như vậy đó thì đọc tiếp toàn kinh, không tin thì thôi, đừng đọc! Như vậy “**Ta**” nghe, chứ không phải “**Tôi**” nghe như vậy.

Toàn bộ kinh Pháp Hoa Bồ tát hiểu cả, nhưng pháp không tướng Bồ tát vẫn chưa tri, vẫn chưa chứng đắc đó là pháp không tướng.

Mười như vậy nhấn mạnh về pháp không tướng, chính văn có mấy câu – Giảng luận có mấy trang, hơn nữa chúng ta lại là phàm nhân, vậy làm sao dễ liễu ngộ. Rất khó đắc pháp không tướng. Phải thẩm sâu, phải đọc đoạn này hàng trăm, hàng ngàn lần và hiểu và biết và trí và tri và chứng và đắc đoạn này, hầu mới dễ liễu ngộ nhiều đoạn kinh. Tu luyện chứng đắc các pháp vốn chơn không.

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

**3 - Đấng Thế Hùng khó lường
 Các trời cùng người đời
 Tất cả loài chúng sanh
 Không ai hiểu được Phật
 Phật lực chẳng sợ gì
 Giải thoát các tam muội
 Và pháp khác của Phật
 Không ai so lường được
 Vốn từ vô số Phật**

Đầy đủ tu các đạo
 Pháp nhiệm màu rất sâu
 Khó thấy khó rõ được
 Trong vô lượng ức kiếp
 Tu các đạo đó rồi
 Đạo tràng đặng chứng quả
 Ta đều đã thấy biết
 Quả báo lớn như vậy
 Các món tánh tướng nghĩa
 Ta cùng mười phương Phật
 Mới biết được việc đó

4 - Pháp đó không chỉ được
 Vắng bật tướng nói năng
 Các loài chúng sanh khác
 Không có ai hiểu đặng
 Trừ các chúng Bồ tát
 Kể sức tin bền vững
 Các hàng đệ tử Phật*
 Từng cúng dường các Phật
 Tất cả lậu đã dứt
 Trụ thân sau rốt này
 Các hạng người như vậy
 Mà sức cũng không kham
 Giả sử đầy thế gian

* Đại Bồ tát

Đều như Xá Lợi Phất
 Cùng suy, chung so lường
 Chẳng đo được Phật trí
 Trú khắp mười phương giới
 Đều như Xá Lợi Phất
 Và các đệ tử khác
 Cũng đầy mười phương cõi
 Cùng suy chung so lường
 Cũng lại chẳng biết được
 Bực Duyên giác trí lanh
 Vô lậu thân sau rốt
 Cũng đầy mười phương cõi
 Số đông như tre rừng
 Nhóm này chung một lòng
 Trong vô lượng ức kiếp
 Muốn xét thật trí Phật
 Chẳng biết được chút phần
 Bồ tát mới phát tâm
 Cúng dường vô số Phật
 Rõ thấu các nghĩa thú
 Lại hay khéo nói pháp
 Như lúa, mè, tre, sậy
 Đông đầy mười phương cõi
 Một lòng dụng trí mâu
 Trải hằng sa số kiếp
 Thấy đều chung suy lường
 Chẳng biết được trí Phật

Hàng bát thối Bồ tát
Số đông như Hàng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng hiểu được.

Giảng luận

Đoạn kệ này Đức Phật nhấn mạnh về nghĩa thực tướng của các pháp. Hiểu thực tướng các pháp thì hàng Thánh Tăng có thể hiểu, nhưng biết rõ thực tướng của các pháp thì hàng Bồ tát mới biết, chứ những vị sơ phát tâm Bồ tát cũng khó mà biết. Từ hiểu đến biết, từ biết đến chứng đắc, từ chứng đắc đến áp dụng, mỗi mỗi phải trải qua một thời kỳ tu luyện. Chỉ có Chư Phật mới dung và thông giữa Sự và Lý. Chỉ có Chư Phật mới vô quái ngại giữa Sự và Lý. Chỉ có Chư Phật mới hoàn toàn đầy đủ Phật trí. Khi còn tu luyện chứng đắc năm thức, tức là chứng đắc phần Sự. Tu luyện chứng đắc thức thứ sáu là Ý, thức thứ bảy là Mạc Na, thức thứ tám là A Lại Da và thức thứ chín (*tạm gọi là thức thứ chín*) là Yêm Ma La. Chẳng phải thức, lại càng chẳng phải trí. Tức là vô thức. Đắc được vô thức là chứng đắc phần Lý. Chúng sanh có Phật tánh mà thiếu Phật tướng, tức là chưa chứng đắc phần Sự tướng. Thánh Tăng và sơ phát tâm Bồ tát thì chứng đắc cả hai, nhưng vẫn còn phân biệt tướng riêng, tánh riêng, sự riêng, lý riêng. Khi nào chuyển thức sang trí, nhập trí và

chứng đắc Phật trí, ấy là lúc không còn tánh riêng, tướng riêng. Lúc ấy là lúc chứng đắc và áp dụng, dung thông thực tướng của hết thảy các pháp. Thực tướng các pháp đồng nghĩa với không tướng. Không tướng chẳng phải là ngoan không. Thực tướng bao gồm cả Sự lẫn Lý, cả tánh lẫn tướng, chẳng hề có sự phân biệt làm hai, chẳng hai cũng chẳng một. Cho nên mới có : **“Tướng thế gian hằng còn”**.

Vì vậy nên đoạn thơ kệ này Đức Phật mới nhắm vào Tôn Giả Xá Lợi Phất làm điển hình. Tôn Giả Xá Lợi Phất là vị trí tuệ đệ nhất, nhưng mà trí tuệ còn nằm ở thánh trí, chứ chưa đắc Phật trí, nên vẫn còn phân biệt tánh riêng, tướng riêng, còn phân biệt có tam thừa. Mà hễ còn phân biệt thì khó nhập Phật trí. Chưa nhập Phật trí thì chưa chứng đắc thực tướng của các pháp.

Chánh văn

5 - Lại bảo Xá Lợi Phất
 Pháp nhiệm mầu rất sâu
 Vô lậu khó nghĩ bàn
 Ta nay đã đặng đủ
 Chỉ Ta biết tướng đó
 Mười phương Phật cũng vậy
 Xá Lợi Phất phải biết
 Lời Phật nói không khác
 Với pháp Phật đã nói

Nên sanh sức tin lớn
Pháp của Phật lâu sau
Cũng nói chơn thật thôi
Bảo các chúng Thanh Văn
Cùng hàng cầu Duyên Giác
Ta khiến thoát buộc khổ
Đến chứng đặng Niết bàn
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt cho khiến ra khỏi.

Giảng luận

Chẳng những giới Tăng Ni Phật tử ngày nay, nghe pháp liền chấp pháp, mà chư Thánh Tăng, hàng Duyên Giác thuở Phật còn tại thế, khi nghe Phật dạy lời nào cũng chấp lời đó. Chỗ này mới là cái gút khúc mắc của việc tu học Phật. Nếu nghe không nhớ, không giữ, không tin thì lấy pháp nào để tu? Còn bảo rằng: “**Không tu mới gọi là tu, không chứng mới gọi là chứng**” thì chúng ta không có quyền nói câu này, mà phải nhường lại cho Bồ tát nói. Chấp tín giữ pháp mới có pháp để tu. Nhưng khi tu chứng đắc rồi nên xả. Cũng ví như học trò Tiểu học, xả chương trình Tiểu học để học Trung học, xả chương trình Trung học để học Đại học, Cao học, nghiên cứu Bác học. Chỉ xả thôi, chứ không

phải xả là vứt bỏ. Không phải lên Đại học rồi vứt bỏ hai mươi bốn chữ cái. Lên Đại học quên bằng không còn để ý đến bốn phép tính cộng trừ nhân chia. Khi trình độ chúng sanh còn thấp, Đức Phật thuyết ba thừa giáo: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật thừa. Nhưng khi trình độ đại chúng đã đạt giáo pháp đến chỗ cao siêu thì Đức Phật lại thuyết Nhất thừa giáo, tức là tất cả chúng sanh, ai cũng có thể tu cầu thành Phật. Tu cầu thành Phật không phải hủy bỏ pháp Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên. Bằng chứng cụ thể là nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca vẫn tổng lược lại pháp Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên ... Đoạn thơ kệ ở phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa, Đức Phật nhấn mạnh là Ngài dụng phương tiện thuyết ba thừa giáo, khiến cho chúng sanh thoát khổ, chứng Thánh quả, chứng Niết bàn, Thanh Văn. Nhưng khi chứng Niết bàn Thanh Văn rồi thì nhiều vị lại cố chấp cho đó là cứu cánh tuyệt đối. Vì vậy nên khi Đức Phật thuyết Pháp Hoa, mới nhắc cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác rời khỏi sự chấp tam thừa, để nhập về Phật thừa. Vậy mà một số vị hành giả Pháp Hoa luôn luôn tuyên bố rằng: “Con phá chấp”. Thật sai lầm vô cùng, bởi vì chúng ta có ai đắc Thanh Văn, Duyên Giác đâu mà phá? Chúng ta còn đang thực hành, còn đang là hành giả, chưa là thức giả, chưa là trí giả thì làm gì sánh với các bậc siêu học Thánh

Tăng, mà bảo là mình phá chấp. Chưa có lấy gì phá ?

Chánh văn

◆ Ba lần thưa thỉnh

6 - Khi đó trong đại chúng có hàng Thanh Văn lậu tận A La Hán như nhóm Ngài A Nhã Kiều Trần Như ...*vân vân*... một nghìn hai trăm người và hạng người phát tâm Thanh Văn, Duyên Giác, Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đều nghĩ rằng: Hôm nay Đức Phật cố chi lại ân cần ngợi khen pháp phương tiện mà nói lời này: “Pháp mà Phật chứng được rất sâu khó hiểu, những lời nói ra ý thú khó biết, tất cả hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác đều không thể nắm đến được”.

Đức Phật chỉ nói một nghĩa giải thoát, nếu chúng ta cũng chứng được pháp đó thì đến được Niết bàn, nhưng mà nay chẳng rõ đường hướng nghĩa đó.

7 - Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất biết lòng của bốn chúng nghi ngờ, mà chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Như thế, duyên gì mà Phật ân cần ngợi khen pháp phương tiện thứ nhất, nhiệm mầu rất sâu khó hiểu của các Đức Phật?”

Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi. Cúi xin Đức Thế Tôn bày nói việc đó. Có gì mà Đức Thế Tôn ân cần khen ngợi pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bằng kệ rằng:

8 - Đấng Huệ Nhứt Đại Thánh
 Lâu lắm nói pháp này
 Tự nói ra các thứ
 Lực, Vô úy, tam muội
 Thiền định và giải thoát
 Là pháp chẳng nghĩ bàn
 Pháp chứng nơi đạo tràng
 Không ai hỏi đến đặng
 Ý con khó lường đợc
 Mà cũng không hỏi đợc
 Không hỏi Phật tự nói
 Khen ngợi đạo mình làm
 Các Đức Phật chứng đặng
 Trí huệ rất nhiệm mầu
 Hàng vô lậu La Hán
 Cùng người cầu Niết bàn
 Nay đều sa lưới nghi
 Phật có chi nói thế ?
 Hạng người cầu Duyên Giác.

Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni
Các trời, rồng, quỷ, thần
Cùng với Càn thất bà
Nhìn nhau những đấn đo
Cúi trông đấng Túc Tôn
Việc đó là thế nào
Xin Phật thương dạy cho
Trong các chúng Thanh Văn
Phật nói con hạng nhứt
Nay con nơi trí mình
Nghĩ ngờ không rõ được
Đó là pháp tốt ráo
Hay là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chấp tay cúi trông chờ
Xin ban tiếng nhiệm mầu
Nói cho lời như thật
Thả các trời, rồng, thần
Số đông như Hằng sa
Bồ tát cầu thành Phật
Số nhiều có tám muôn
Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển Luân Vương đến
Đều lòng kính chấp tay
Muốn nghe đạo đầy đủ.

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất, một trong mười vị đệ tử lớn và là vị đệ nhất trí tuệ. Vậy mà khi nghe Đức Phật cho biết rằng hàng Thánh Tăng, hàng Duyên Giác, hàng sơ cơ phát tâm cầu Bồ tát, không thể nào liễu đạt nghĩa thực tướng của các pháp, chỉ có Phật cùng Phật mới thấu đạt trọn vẹn pháp này mà thôi thì tư tưởng của Ngài Xá Lợi Phất bị chao đảo, không hiểu thực tướng của các pháp là thế nào, nên trình thưa xin Đức Phật chỉ bày pháp thực tướng.

Vị Giáo sư Đại học kể cho học sinh Trung học nghe về công thức hình học siêu không gian, hàng học sinh này không tài nào lãnh hội.

Hàng Thánh Tăng, hàng Bích Chi Phật, kể cả tám vạn Bồ tát mà còn ngẩn ngơ khi nghe Đức Phật tả về pháp tu chứng của Chư Phật là chứng đắc đến “*thực tướng*” các pháp.

Nhưng nực cười thay lại có một số hành giả Pháp Hoa kinh, dám to gan võ ngực khoe khoang rằng: tôi đã chứng đắc thực tướng của các pháp! Tội lắm các người ơi! Không hiểu thì tội ít, nhưng không chứng mà tự tăng thượng mạn khoe đã chứng thì tội không biết dường nào. Tội lộng ngôn, tội lừa bịp kẻ khác đoạ đến đâu? Hiểu hoặc biết là khác, mà chứng đắc nhập vào thực dụng lại chẳng phải là chuyện đơn thuần. Chỉ có Chư Phật mới chứng đắc và thực dụng. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa là bộ kinh dạy chúng sanh tu thành Bồ tát và dạy Bồ tát thành

Phật. Chúng ta chỉ phát tâm tu cầu thành Phật, mà chưa thành được thì chưa chứng đắc và chưa áp dụng thực tướng của các pháp vào cuộc sống hằng ngày.

Chánh văn

9 - Khi đó Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa. Nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.

Giảng luận

Pháp chưa đúng thời, chưa nên thuyết. Chúng ta tu học Pháp Hoa, nên nhập tâm đoạn kinh này. Việc chưa đúng lúc chưa nên làm, ý chưa chín chu toàn và chưa hợp duyên chưa nên nói. Dù cho có người cần cầu, cũng nhất quyết từ chối, như Đức Phật từ chối lời thỉnh cầu của Tôn Giả Xá Lợi Phất vậy.

Chánh văn

◆ **Tôn Giả Xá Lợi Phất thỉnh cầu lần thứ hai**

10 – Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Là vì sao vậy? Hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức A Tăng Kỳ chúng sanh đã từng gặp các Đức Phật, các căn mạnh lớn, trí huệ sáng suốt, được nghe Phật dạy, chắc có thể kính tin”.

Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa này liền nói kệ rằng:

Đấng Pháp vương vô thượng
Nói thôi xin đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin

Giải luận

Mặc dù Đức Phật không nhận lời thỉnh cầu truyền pháp, nhưng Tôn Giả Xá Lợi Phất vẫn nài nỉ thiết tha. Đọc đoạn kinh này, chúng ta mới thấy giá trị của việc chưa nhận lời và việc kiên trì thỉnh cầu của Tôn Giả Xá Lợi Phất. Nếu là chúng ta thì tiếp tục thỉnh cầu, hay nản chí bỏ cuộc? Nản chí thì sao gọi là tu học kinh Pháp Hoa. Đây là chuyển Pháp Hoa vào đời, hay là bị Pháp Hoa chuyển.

Chánh văn

◆ Đức Phật vẫn từ chối

Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: “Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, A tu la đều sẽ kinh nghi, Tỷ kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa vào hầm lớn”. Khi đó Đức Phật nói lại bằng kệ rằng:

Thôi thôi chẳng nên nói
Pháp Ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin

Giảng luận

Tại sao trời thần người nghe pháp tối thượng lại kinh sợ nghi ngờ? Tại vì cõi thế gian này thường chấp ngôn ngữ, văn tự. Trước kia, khi trình độ đại chúng còn thấp, nên Đức Phật chia giáo pháp ba thừa. Nay, trình độ đại chúng đã liễu ngộ giáo pháp khá cao, nên Đức Phật thuyết nhất thừa. Trước kia, Đức Phật thuyết các pháp vốn vô thường, nay Đức Phật sẽ thuyết các pháp vốn hằng còn. Vì đột ngột như vậy, nên thế gian nghe sẽ có người hoang mang, hoặc nghi ngờ. Tại sao lại như thế? Bởi vì họ đang mắc bệnh cố chấp.

Chúng ta có nhiều người nghe pháp, cũng y như thế! Nghe thầy này nói, hoặc đọc sách này rồi, sau đó nghe thầy khác nói, hoặc đọc sách khác, gặp chỗ khác nhau liền đem đối chiếu, rồi bình phẩm chê bai thầy này, hủy báng sách kia. Nhất là một số vị Tỷ kheo tăng thượng mạn, lúc nào cũng thấy mình là trên và tuyệt vời hơn tất cả. Họ có biết đâu, chính họ đã tự đào hố chôn mình.

Chánh văn

◆ **Tôn Giả Xá Lợi Phất thỉnh cầu lần thứ ba**

Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này, hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đời đời đã từng

theo Phật học hỏi, những người như thế, chắc hay kính tin lâu dài an ổn, nhiều điều lợi ích.

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng vô thượng lưỡng túc
 Xin nói pháp đệ nhất
 Con là trưởng tử Phật
 Xin thương rành rõ nói
 Vô lượng hội chúng đây
 Hay kính tin pháp này
 Phật đã từng đời đời
 Giáo hóa chúng như thế
 Đều một lòng chấp tay
 Muốn nghe lãnh lời Phật
 Chúng con nghìn hai trăm
 Cùng hạng khác cầu Phật
 Nguyện Phật vì chúng này
 Cúi xin phân biệt nói
 Chúng đây nghe pháp ấy
 Thời sanh lòng vui mừng

Giải luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất phải ba lần thưa thỉnh Đức Phật truyền dạy pháp nhất thừa. Ngoài nghĩa chính của kinh văn thì còn nhiều ẩn nghĩa. Hành giả Pháp Hoa kinh, khi thực hành theo Pháp Hoa, có liễu được những ẩn nghĩa, những mật nghĩa của

kinh văn thì mới bưng vờ được Pháp Hoa, mới đưa Pháp Hoa nhập đời, như hoa sen rời bùn vậy.

Nhập vào dòng đời, nếu mình đóng vai chủ xưởng, liệu mình có đủ đức kiên nhẫn chờ đợi đủ ba lần được mời thỉnh như Khổng Minh hay không? Trái lại nếu mình đóng vai nhu cầu, liệu mình có đủ tánh kiên trì như Lưu Bị ba lần đi mời hay không? Nhà Tây Thục đã áp dụng đoạn kinh ba lần thưa thỉnh vào cuộc sống. Việc nhỏ nhất phạm vi gia đình, trong tục lệ gả cưới, Tổ tiên ta cũng áp dụng trùng với quy thức ba lần của kinh Pháp Hoa. Quy thức ba lần là cách thực nghiệm về tánh nhẫn nại. Nhập đời có bản lĩnh, mà thiếu nhẫn nại, e khó thành công. Trên mọi địa hạt giao tế, dù có bản lĩnh giỏi, nhưng nhẫn nại dở thì nhất định sẽ thất bại. Quy tắc ba lần áp dụng cho cả hai chiều, bên cung cũng như bên cầu.

Riêng phần đạo học, ba lần từ chối và ba lần thỉnh cầu là phương pháp dẫn cách nghe nhập chánh niệm. Lần thứ nhất giúp Tiền ngũ căn. Lần thứ hai đệ lục ý thức. Lần thứ ba đệ thất và đệ bát thức (*Mạc Na và A Lại Da*). Ba lần thỉnh và ba lần từ chối là sáu lần. Trải qua sáu lần thì đại chúng còn ai không chú ý nghe, không chú ý nhận.

Giải rõ thêm ba lần thưa thỉnh

Sự giao tế thành công nhờ nhẫn nại đợi chờ.

Kết quả của ba lần nghe:

- + Thứ nhất: Tiền ngũ căn (Mắt - tai - mũi - lưỡi - thân).
- + Thứ hai : Đệ lục ý thức.
- + Thứ ba : Tiềm thức (*Mạc Na và A Lại Da*)

Áp dụng đoạn kinh này vào đời sống, bằng cách làm việc gì cũng phải chờ cho hội đủ nguyên lý, lập đi lập lại ba lần. Đoạn kinh thưa thỉnh ba lần và từ chối ba lần, còn nhiều ẩn nghĩa, còn nhiều điểm Diệu.

Tâm nhập được một vài ẩn nghĩa của đoạn kinh này thì thân sẽ điềm đạm hơn và ý nhập được đoạn kinh này thì miệng sẽ đạt nhiều công đức hơn. Đọc suông kinh Pháp Hoa, chỉ có phước chứ chưa có công đức. Áp dụng kinh Pháp Hoa từng chữ, từng câu, từng đoạn, sẽ đạt công đức không thể nghĩ bàn. Vì vậy nên nghi thức khai kinh mới có câu: “Dù cho tạo tội hơn núi cả, chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng”. Vài ba hàng là áp dụng nghĩa kinh vài ba hàng, hoặc áp dụng ẩn nghĩa một đoạn kinh vào cuộc sống, chứ không phải đọc suông vài ba hàng, mà diệt trừ được tội lỗi to như núi cả!

Phần giảng luận phẩm Phương tiện còn tiếp hai bài (*bài năm và bài sáu*).

III - TÓM KẾT

Chúng ta lưu ý những điểm chính của bài, vì bài này mới một phần ba phẩm Phương Tiện.

* **Tên đề phẩm kinh** : Phương là phương cách chính xác. Tiện là tiện lợi. Uyển chuyển cho phù hợp và tiện lợi, nhưng không mất phương cách chính xác.

* **Đức Phật xả định và phân tích** : Vào phẩm này, Đức Phật mới khởi sự thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Còn phẩm Tựa thứ nhất, tuy rất quan trọng, nhưng mà do Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc giới thiệu. Phẩm Tựa như phần khai mạc. Phẩm Phương Tiện như phần vào nghị sự của phiên họp vậy.

Đức Phật phân tích gì ? Phân tích tất cả những giáo thuyết Đức Phật nói ở các thời trước là “**quyền**”. Từ kinh Đại thừa về sau, thông suốt ba thừa, thành một Phật thừa, từ đây mới là “**thực**”.

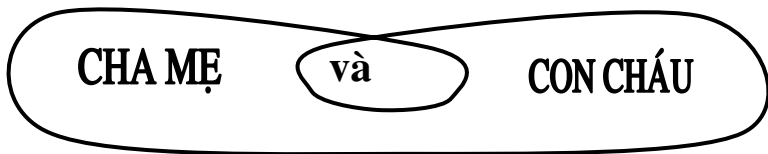
Thực là gì ? Thực có nghĩa là thực tướng các pháp. Thực tướng tức đồng không tướng. Từ các hàng Bích Chi Phật, Thánh Tăng, trời thần người quỷ rồng, tất cả không ai có thể thống suốt nghĩa thực tướng của các pháp. Chỉ có Chư Phật, mới thống suốt thực tướng các pháp.

Ý nghĩa của đoạn kinh này thì nhiều vấn đề, nhưng nếu chúng ta liễu nghĩa được bốn nét quan trọng: ❶ Thân cận ❷ Thực hành ❸ Mười như vậy

④ Ba lần thưa thỉnh là chúng ta đã dễ nắm lấy phần then chốt của đoạn kinh.

1/. **Thân cận:** (*Dùng đơn vị gia đình ví dụ để dễ hiểu*)

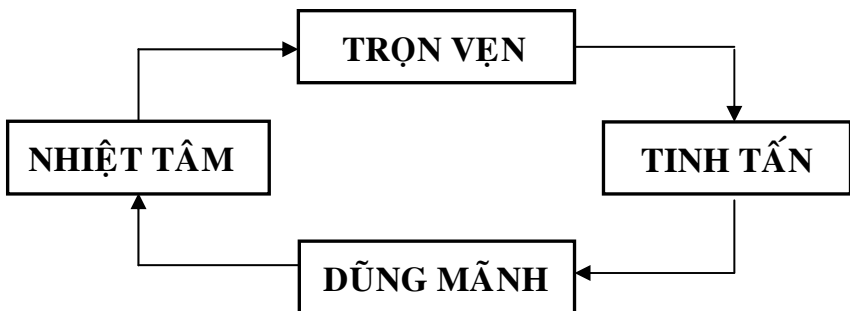
Thân cận và Mật thiết giữa cha mẹ và con cháu như hình vẽ dưới đây thì sẽ hiểu sự thân cận nơi nghĩa kinh:



Đoạn kinh này, nhiều nơi hiểu lầm giữa hai chữ thân cận và gần gũi. Thân cận không có nghĩa là gần gũi. Khi vào phẩm An Lạc Hạnh sẽ giảng giải rộng phần này.

2/. **Thực hành** (*Cuộc sống hằng ngày, muốn thực hành bất cứ một việc gì, sự thực hành cũng cần phải đủ bốn tiêu chuẩn*).

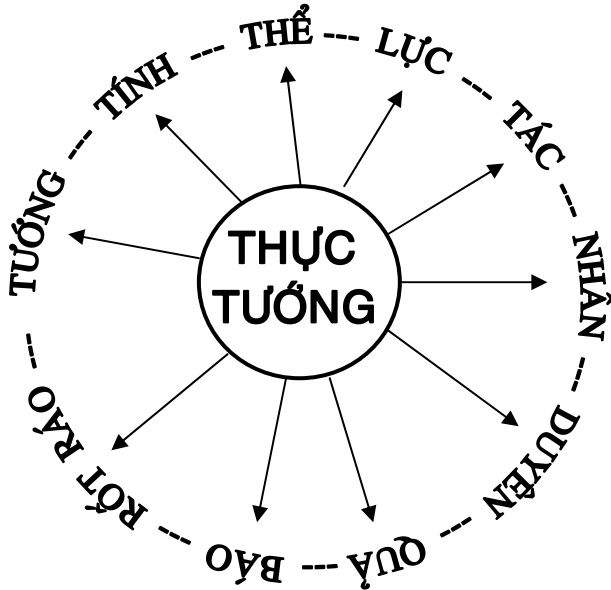
Trọn vẹn + Tinh tấn + Dững mãnh + Nhiệt tâm



Trong bốn tiêu chuẩn này lại còn đòi hỏi đầy đủ bốn dữ kiện:

Thành tín + Khả năng + Đồng chí hướng + Nhiệt tình

3/. Mười như vậy

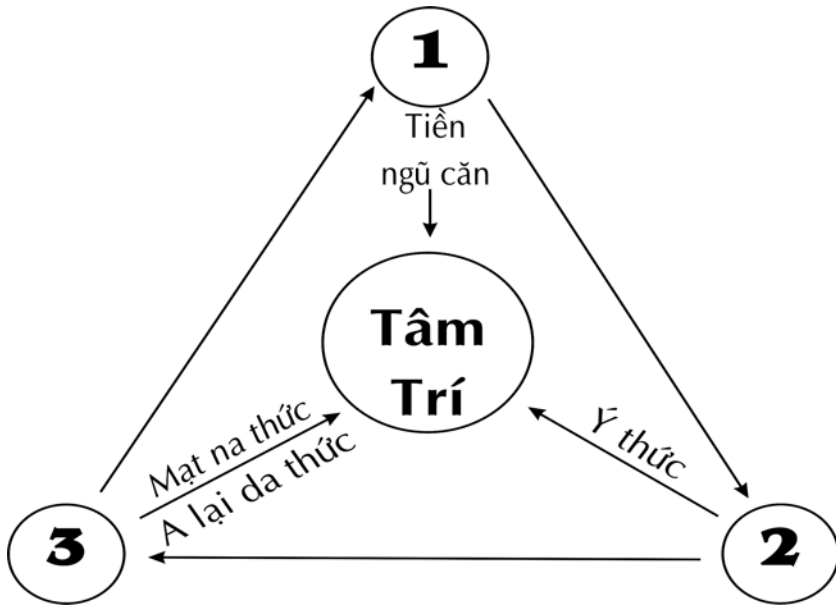


Quan trọng của phẩm Phương Tiện là mười như vậy. Liễu nghĩa được mười như vậy là liễu nghĩa được phần quan trọng của phẩm Phương Tiện.

4/. Ba lần thưa thỉnh :

Ba lần thưa thỉnh đóng vai trò quan trọng cho mọi địa hạt thành tựu. Thiếu ba lần thưa thỉnh và ba lần đợi chờ sự thưa thỉnh là hoàn toàn thiếu sót

những yếu điểm thành tựu về mọi mặt đạo cũng như đời, nhất là việc tu luyện về tâm trí.



Tóm tắt bốn nét quan trọng của đoạn kinh:

* Thứ nhất: Nhấn mạnh chỗ thân cận, mà là thân cận mật thiết.

* Thứ nhì: Nhấn mạnh chỗ thực hành, mà là thực hành trọn vẹn, dũng mãnh, nhiệt tâm và tinh tấn.

* Thứ ba: Nhấn mạnh chỗ Mười như vậy (*thập như thị pháp*), mà là như vậy của tướng chơn thật.

Như vậy của thực tướng, chứ không phải của giả tướng. Toàn bộ Tướng + Tánh + Thể + Lực + Tác + Nhân + Duyên + Quả + Báo và Rốt ráo đều là thực tướng. Nắm vững một pháp thì thông suốt các pháp. Thông suốt một như thị thì thông suốt cả mười như thị. Hiểu được tướng của bông sen thì hiểu được tính của bông sen. Tướng bông sen thường trụ như thế nào thì tánh bông sen cũng thường trụ như thế ấy.

* Thứ tư: Nhấn mạnh chỗ ba lần thưa thỉnh và chờ đủ ba lần thưa thỉnh mới nhận lời. Tại sao như thế? Tại vì con người vốn dễ nhớ, nhưng lại mau quên. Phàm làm việc gì dù quan trọng, hay là bình thường, cũng phải trải qua ba lần. Lần thứ nhất tác dụng tiền ngũ thức. Lần thứ nhì tác dụng đệ lục ý thức. Lần thứ ba tác dụng đệ thất và đệ bát thức, tức là Mạc Na và A Lại Da thức (*tiềm thức*).

Đa phần chốn nhân gian thường áp dụng theo phương cách đi xin việc của Ngài Khổng Tử. Ngài Thánh này trong 14 năm xin việc tại các nước chư hầu, như Tề, Tào, Tống, Trần, Thái, Khuông, Diệp, Sở, chứ ít người áp dụng chờ đủ ba lần được mời như Ngài Khổng Minh, và lại càng rất ít người chịu áp dụng theo Đức Phật Thích Ca, chờ ba lần nhập Diệu.

Đọc tụng phẩm Phương Tiện, khi qua đoạn này, nhiều người lướt qua, vì nghĩ rằng đoạn kinh không có liên quan với cuộc sống của mình hằng ngày.

Nếu ai đọc tụng kinh như vậy là sai nguyên lý. Tư duy sâu sắc và hãy áp dụng vào nếp sống hằng ngày về quy pháp ba lần này, xem sự hiệu nghiệm và sự thành công đạt đến mức nào. Lúc bấy giờ mới hiểu sự mầu nhiệm.

Khi nào bạn đem bốn nét chính đoạn này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, áp dụng đến khi đạt kết quả mỹ mãn, lúc ấy xin bạn nhớ phổ truyền sâu rộng và hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh, cùng được công đức như bạn.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát hương sen vi diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

5

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 5

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai
(tiếp theo)

- Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn
- Năm ngàn người bỏ pháp hội ra đi
- Đức Phật hoan hỷ
- Đức Phật chính thức chuyển Nhất thừa pháp để giáo hóa Bồ Tát

I - MỞ ĐẦU

Phần đầu phẩm Phương Tiện, Đức Phật dạy chúng ta khi nhận thức đời, nên nhận thức đến chỗ thực tướng, bởi vì pháp nào cũng hoàn nguyên về

thực tướng của nó. Mỗi pháp dù có chia thành nhiều khía cạnh khác nhau: tướng khác với tánh, thể khác với lực ... *vân vân*... Nhưng vốn nó đồng một thực tướng. Vì vậy khi nhận chân được thực tướng của mỗi pháp thì tướng, tánh, thể, lực, ... mà ta đang trực diện hằng ngày, nó cũng chỉ là giả tướng mà thôi. Việc quan trọng tiếp theo là khi rõ nó đều là giả tướng thì mình phải dẫn phần giả tướng này thẩm nhập sâu vào thức, vào trí của mình cho trọn vẹn. Khi đã thẩm nhập tròn đầy rồi thì cần phải thực hành. Khi thực hành cần phải **trọn vẹn**, phải **tinh tấn**, phải **dũng mãnh**, phải **nhật tâm**. Nhờ thực hành đủ bốn yếu tố quan trọng này mà hành giả Pháp Hoa mới liễu thông được mười Như thị pháp. Cả mười mặt, khía cạnh nào cũng đạt đến chỗ “**Như thị pháp**” cả !

Hôm nay, phần tiếp theo phẩm Phương Tiện, bài này Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn. Khi sắp mưa lớn thì trời đất chuyển động trước, sau đó nước mới tuôn trút. Khi chưa mưa thì có người mong mưa, nhưng khi sắp mưa thì lại bỏ cuộc chạy trốn mưa. Pháp lớn của Đức Phật cũng vậy.

Đoạn kinh này giúp chúng ta mở trí đi vào đời một cách thung dung hơn. Đây là dành cho những ai liễu thông phần mật nghĩa.

Điểm quan trọng của đoạn kinh này, là tại hội Linh Sơn lúc sắp thuyết kinh Pháp Hoa, mà năm

ngàn thính chúng lại rời bỏ ra đi, vậy mà Đức Phật lại hoan hỷ. Ngài lại còn công bố rằng: Trấu lép đã ra khỏi, Đạo tràng còn toàn hạt chắc!

Kể từ đoạn này, Đức Phật bắt đầu thuyết kinh Pháp Hoa, bộ kinh lớn nhất của đạo Phật, bộ kinh dạy chúng sanh hiện đời thành Bồ tát và thành Phật, dạy Bồ tát thành Phật.

II.- NỘI DUNG

Chánh văn

1/. Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn

13 - Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, há đâu ta chẳng nói. Ông nay lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ đó, Ta sẽ vì ông rành rõ giải nói.

Giảng luận

Khi đầy đủ nhân duyên, Đức Phật nhận lời thuyết giảng pháp lớn. Nhưng nhận lời với bốn điều kiện tiên quyết:

- Thính chúng phải lắng nghe.
- Thính chúng phải khéo tư duy.
- Thính chúng phải rõ.
- Thính chúng phải nhớ

Bất cứ một buổi thuyết giảng nào, mà thiếu bốn yếu tố này thì xem như không có thời thuyết giảng.

Chánh văn

2/. Năm ngàn thánh chúng bỏ pháp hội ra đi

14 – Khi Đức Phật vừa nói lời đó, trong hội có các Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cả thầy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà lui khỏi. Vì sao vậy? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng, lại tăng thượng mạn, chưa đắc mà nói đã đắc, chưa chứng mà cho đã chứng, có lỗi dường ấy, cho nên họ không ở lại, Đức Thế Tôn cũng để mặc kệ họ không ngăn cản.

Giảng luận

Khi Đức Phật còn tại thế, mà vẫn có trường hợp, năm ngàn vị học trò bỏ pháp hội ra đi. Ngày nay, hàng học trò bỏ chùa, bỏ thầy ra đi, âu cũng là việc dĩ nhiên mà thôi! Tại sao? Tại nghiệp chướng của họ sâu nặng. Tại túi tham không đáy. Tại tánh cao ngạo ngập tràn. Điều quan trọng không phải ở chỗ số lượng nhiều hay ít, nếu có người nghe không nhận nổi ra đi càng tốt, bởi vì đã lọc những hạt giống lép, giống hư ra khỏi hàng ngũ! Sở dĩ kinh Pháp Hoa ngày nay được lưu truyền sâu rộng là nhờ thuở đó năm ngàn người đã bỏ pháp hội ra đi và bây giờ cũng còn nhiều ngàn người không còn ở lại Đạo tràng. Lưu ý là không phải cố ý lọc, mà là tự nhiên lọc thì Đạo tràng mới thực sự thuần khiết.

Chánh văn

15 – Bấy giờ, Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Trong hội ta đây giờ không còn nhành lá, mà rặt là hạt chắc. Xá Lợi Phất! Những kẻ tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt thôi. Ông nay nên khéo nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng: “Vâng! Thưa Thế Tôn, con nguyện muốn nghe”.

Giảng luận

Từ thuở quá khứ Chư Phật, đến thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi mãi mãi đến bây giờ và dẫn đến ngàn sau, lúc nào cũng vậy. Đạo Phật, đạo Tiên, hoặc bất cứ đạo nào cũng đều thế cả. Đa phần khi người học trò mới đến cầu đạo thì ngoan ngoãn rất dễ thương, nhưng khi vừa học được chút ít thì đã nứt mầm phản thầy, nghĩ rằng mình giỏi hơn sư phụ, đó là chưa nói vi phạm nhiều sai quấy bị tôn sư rầy la quở trách thì hờn giận. Hoặc hạng người tham sân si, nên khi còn đang ở với thầy, đang được thầy bảo bọc dưỡng nuôi, nhưng họ cũng chẳng vừa lòng, họ đang âm thầm nuôi dưỡng mầm mống phản thầy, lừa bạn, dối gạt tín thí đàn na, khi đủ cơ hội thì lập tức trốn, hoặc công khai bỏ đi. Ngoài nhóm xuất gia thì hàng ngũ tại gia, lại cũng còn nhiều người tác tệ, muốn mình được nổi bật hơn đồng bạn, nên sẵn sàng chờ đợi ngoài cổng chùa, để đón rước những gả phản thầy về lập cơ ngơi phụng dưỡng riêng để

hôm sớm hầu hạ, gọi là cúng dường, nhưng than ôi, chính họ là những người phá đạo, bởi vì chính họ mới là những kẻ phá hòa hợp Tăng: “**Tăng xa chúng Tăng tàn**”.

Ngày xưa, Đức Phật là đấng toàn năng toàn giác, Ngài chẳng sử dụng phương pháp ngăn trừ nhóm người lòng dạ xấu xa, đê tiện ấy, mà Ngài chỉ dạy một câu: “Rất tốt, thành phần nhành lá đã rơi, Đạo tràng hiện còn người đầy đủ nhân duyên, những kẻ ngạo mạn đã rời khỏi”.

Chúng tôi tụng đọc đến đoạn kinh này rơi nước mắt, thương Đức Phật vô cùng. Một đấng giáo chủ, thần thông quảng đại, cũng chỉ buông xuôi một câu nhẹ nhàng thế thôi! Gãm thân phận mình cùng các Ngài đại ân sư, đã từng mở tâm từ dưỡng nuôi học trò. Đúng là “Họa hổ họa bì, nan họa cốt”.

Nhưng tà phản bội ra đi còn hơn những kẻ làm ký sinh trùng, ẩn lại nơi tông môn, chờ thầy chết để bán chùa, bán Phật, bán kinh, kể cả bán lương tâm con người. Họ đã làm hoen ố đạo Phật. Nhưng bàn lui rồi cũng phải nói tới, rằng trong hàng đệ tử vẫn còn biết bao người trung thành. Nếu thuở đó không còn những hạt chắc thì giờ này làm gì còn đạo Phật!

Chúng tôi lại buồn nhiều hơn khi tụng câu: “**Xá Lợi Phất! Như thị tăng thượng mạn nhưn thối**

diệc giai hỷ. Nhữ kim thiện thính, đương vị nhữ thuyết”.

Tức là Đức Phật khuyên chúng con rằng kẻ tăng thượng mạn đã rút lui rồi, các con hãy “**khéo**” lắng nghe. Đức Như Lai sẽ vì các con mà tuyên thuyết pháp lớn. Ôi sao mà cao cả! Ôi sao mà từ ái! Đức Thế Tôn ôi! Lúc nào chúng con cũng được cảm nhận Đức Thế Tôn đã thiên bá ức hóa thân, đứng cạnh chúng con, vò đầu chúng con, truyền trao cho chúng con niềm cao cả, sự từ ái và khuyên nhủ chúng con rằng các con chớ nên nản lòng, chú ý làm gì số phần tử cao ngạo, phản thầy lừa bạn, họ đã quên mất chính họ. Vẫn biết giáo dưỡng học trò như người nhà vườn săn sóc bông xoài, tuy số rụng thì nhiều, nhưng cũng không phải là chẳng còn quả nào tồn lưu nơi vườn cội. Giáo dưỡng học trò như trứng cá nở cả ngàn vạn cá con. Tuy rơi rớt tiêu hao quá nhiều, nhưng không phải cuối cùng chẳng còn con nào tồn tại để trở lại nguồn xưa.

Chánh văn

16 - Đức Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất:
 “Pháp mầu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như bông linh thoại đến đúng thời kỳ mới hiện ra. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói, không hề hư vọng.

Giảng luận

Đoạn kinh này lại còn làm nổi bật ý nghĩa, trước khi Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài lại còn nhấn mạnh một lần nữa, bằng cách đem hoa linh thoại, tức hoa Ưu Đàm Bát La, loài hoa mấy ngàn năm mới nở một lần: Khi nào có thánh nhân nhập đời thì hoa này mới nở. Việc thuyết kinh pháp đúng thời cũng như thế. Năm ngàn người rời khỏi hội thì hội Pháp Hoa mới đúng thời.

Đoạn kinh này giúp cho những ai mang hạnh nguyện nhập đời, độ mình và độ đời, những ai nhận sứ mệnh ân sư giáo dưỡng học trò sẽ không còn nản lòng, trái lại càng thêm nghị lực, hầu mạnh dạn lặn sâu vào dòng đời trong đục, nếm mùi vị đắng cay trở thành ngon ngọt.

Chánh văn

17 - Xá Lợi Phất! Các Đức Phật theo thời nghi nói pháp. Vì sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ như duyên, lời lẽ thí dụ, diễn nói các pháp.

Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các Đức Phật mới biết được đó. Vì sao vậy? Các Đức Phật Thế Tôn, chỉ do một nhưn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai mở tri kiến Phật để đặng thanh tịnh, mà hiện ra nơi đời; Vì muốn chỉ bày tri kiến Phật cho chúng

sinh, mà hiện ra nơi đời; Vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, mà hiện ra nơi đời, Vì muốn cho chúng sanh chứng nhập vào tri kiến Phật, mà hiện ra nơi đời. Xá Lợi Phất! Đó là các Đức Phật do vì một nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Giảng luận

Những lời Như Lai sắp nói, không dư không thiếu, không sai trái, không xa rời lý chơn thật một mảy may. Nhưng vì áp dụng vô số cách phương tiện, để dễ độ cho nhiều trình độ chúng sanh chẳng giống nhau, nên sự diễn bày có hơi khác, thế thôi! Cho nên các vị không thể tư duy, hoặc phân tách mà liễu tri. Chỉ có Như Lai và chư Phật mới chứng đắc trọn vẹn.

Chủ đích của Đức Phật và chư Phật, thể hiện nơi thế gian, cũng chỉ có một mục đích duy nhất, đó là “**Vì một đại sự nhân duyên**”. Vậy đại sự nhân duyên gì? Đại sự nhân duyên của Đức Phật Thích Ca Như Lai và chư Phật là:

- + **Dạy bảo** chúng sanh **mở khai** tri kiến Phật.
- + **Chỉ bày** chúng sanh **thấy** tri kiến Phật.
- + **Khiến cho** chúng sanh **tỏ ngộ** tri kiến Phật
- + **Hướng dẫn** chúng sanh **chứng nhập** tri kiến Phật

Tức là, Như Lai và chư Phật vì một đại sự nhân duyên khai thị ngộ nhập cho mỗi mỗi chúng sanh, ai ai cũng đều khai mở, thấy rõ, tỏ ngộ, chứng nhập vào tri kiến Phật vốn đã có sẵn của chính mình, hầu sớm chứng đắc quả vị Phật. Vì mục đích duy nhất đó, nên Như Lai và chư Phật, xuất hiện vào nơi thế gian này.

Phân tích ý nghĩa đoạn này có sáu nét chính

- ❶ Thính chúng thuần nhất.
- ❷ Đem hoa ưu đàm so sánh với thời cơ nói pháp.
- ❸ Đúng thời, đúng lúc mới nói.
- ❹ Xác quyết những lời Như Lai sắp tuyên thuyết: không dư, không thiếu, không sai trái, không xa rời pháp chơn thật, dù là một mảy may.
- ❺ Chủ đích là phổ truyền một đại sự nhân duyên.
- ❻ Đại sự giáo hóa này, được chia bốn đoạn: khai mở, chỉ bảo, khiến cho và hướng dẫn.

Chúng sanh **khai mở** hầu **thấy biết** để **gặp lại** và **hòa nhập** vào tánh Phật của chính mình.

Tại sao chia làm bốn bước khai thị ngộ nhập? Tại vì , ví như một ngôi nhà, chủ nhà phải mở cửa, vào nhà mới thấy trong nhà có vật báu. Khi thấy được bảo vật trong ngôi nhà rồi, lúc bấy giờ mới hiểu chính ngôi nhà mình có của quý báu, rồi mới

sử dụng của báu. Từ đó người chủ nhà không còn đói rách, phiền não, khóc than, đau khổ nữa.

Đức Phật và chư Phật, trước kia khi còn làm chúng sanh như chúng ta, các Ngài cũng tối tăm, đâu hiểu chính mình có sẵn tánh Phật. Nhờ chư Phật quá khứ, khai mở cho thấy rõ tánh Phật và chỉ dạy, hướng dẫn cho ngộ nhập tánh Phật sẵn có và từ đó dần dần tu luyện thành Phật. Khi các Ngài thành Phật rồi, thấy chúng sanh mê tối như các Ngài thuở xưa, nên các Ngài mới thị hiện vào thế gian, để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Lúc đầu chư Phật dùng phương tiện, khai mở tâm trí chúng sanh, để cho chúng sanh, mọi người, mọi loài, ai ai cũng tự thấy rõ chính mình đã có sẵn tánh Phật như chư Phật.

Khi thấy rõ rồi thì liền được gặp lại và sau đó hòa nhập tánh Phật hằng hữu đó. Lúc ấy mới thấy rõ ràng, thế giới này là một cõi tịch lặng, bình an, không hề có sự khổ đau. Tưởng như vậy thì tánh như vậy. Tánh cũng tịch lặng. Tánh tướng thường tịch lặng. Tất cả đều thường tịch lặng. Khi nào hóa nhập được cái “Tiểu cá vị” vào đại bản ngã và nhập vào chơn ngã tịch lặng, tức là đã ngộ nhập Phật tri kiến. Từ đó mới tinh tấn tu luyện cho đến khi đắc quả thành Phật. Ai ai, người nào, loài nào cũng đều được như vậy.

Điều quan trọng nhất là phải tin nghe lời Đức Phật **khai**, tức là phải mở khai tánh Phật sẵn có của chính mình và mọi kẻ khác cũng giống mình. Tự tin ai ai cũng khai mở được Phật tánh. Rồi từ đó **thị ngộ nhập tri kiến** Phật, để rồi sẽ chứng đắc quả vị Phật.

Chánh văn

18 - Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: “Các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi”.

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp, không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa.

Giảng luận

Tụng đọc đoạn kinh này, nếu không bình tâm, đọc đi đọc lại nhiều lần, rồi tư duy để thấu hiểu thì hành giả kinh Pháp Hoa sẽ ngỡ rằng tại sao Đức Phật nhấn mạnh là kinh Pháp Hoa chỉ nhằm giáo hóa cho hàng Bồ tát, còn chúng ta thì sao đây? Hãy bình tâm phân tích đoạn kinh làm hai câu. Câu đầu: “*Chư Phật chỉ nhằm giáo hóa hàng Bồ tát*”. Câu tiếp theo: “*Tất cả việc làm của Như Lai và chư Phật là để khai mở cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, chứ không hề có thừa nào khác, chẳng hề có hai hoặc ba thừa*” (Âm Nho: *Chư Phật Như Lai đản*

giáo hóa Bồ tát. Chư hữu sở tác thường vị nhất sự, dung dĩ Phật chi tri kiến thị ngộ chúng sanh).

Nghĩa là chư Phật chỉ dùng một Phật thừa giáo hóa chúng sanh, tỏ ngộ tri kiến Phật. Mà khi tỏ ngộ tri kiến Phật thì vị đó đâu còn là chúng sanh nữa. Tối thiểu cũng là hàng sơ phát tâm Bồ tát. Khi nhập vào Bồ tát thì lúc đó Đức Thích Ca Như Lai, hoặc chư Phật chỉ nhắm mục đích duy nhất là giáo hóa hàng Bồ tát thành Phật.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là giáo hóa chúng sanh thành Bồ tát, thành Phật, riêng hàng Bồ tát thành Phật. Vì vậy nên ngoài tên Diệu Pháp Liên Hoa, lại còn thêm một tên nữa "***Pháp giáo Bồ tát, chư Phật đều hộ niệm***". Vì nguyên nhân này mà Đức Thích Ca Như Lai và chư Phật mới nhập đời.

Chánh văn

19 - Xá Lợi Phất! Pháp của tất cả các Đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật thưở quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Vì pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp, rốt cùng đều đặng chứng "Nhứt thiết chủng trí".

Xá Lợi Phất! Thưở vị lai, các Đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ

thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo Phật nghe pháp, rốt cùng đều đặng chứng “Nhứt thiết chủng trí”.

Xá Lợi Phất! Hiện nay đây, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các Đức Phật Thế Tôn làm nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các Đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp đó đều là một Phật thừa, các chúng sanh ấy theo Phật nghe pháp, rốt ráo đều đặng chứng “Nhứt thiết chủng trí”.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ tát, vì muốn đem tri kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào tri kiến Phật vậy.

Xá Lợi Phất! Nay Ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thâm tâm chấp trước, Ta tùy theo bốn tánh kia, dùng đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá Lợi Phất! Như thế đều vì để chứng đặng một Phật thừa “Nhứt thiết chủng trí”.

Giảng luận

Chư Phật nhập vào đời:

+ Cũng chỉ vì để giáo hóa chúng sanh **Khai** (mở): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để chỉ bày cho chúng sanh **Thị** (chỉ): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để khiến cho chúng sanh **Ngộ** (tỏ ngộ): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để hướng dẫn chúng sanh **Nhập** (nhập): tri kiến Phật

Khai thị ngộ nhập

Chúng sanh trải qua bốn giai đoạn khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, mới đắc quả vị Bồ Tát. Bồ tát thì từ Sơ địa đến Thập địa. Khi chứng đắc quả vị Bồ tát rồi lại tiếp tục được sự giáo hóa của Đức Phật Thích Ca, hoặc của chư Phật mà đắc thành quả vị Phật.

Đức Phật Thích Ca nói rõ thêm rằng: Thuở quá khứ, thuở vị lai (*sau này*) lẫn hiện nay, chư Phật ở khắp mười phương, kể cả Đức Phật Thích Ca, hết thấy chư Phật, ba đời đều vì chúng sanh mà dùng hết phương tiện, lời lẽ khéo léo mà thuyết ba thừa, nhưng rốt ráo chỉ có một Phật thừa thôi.

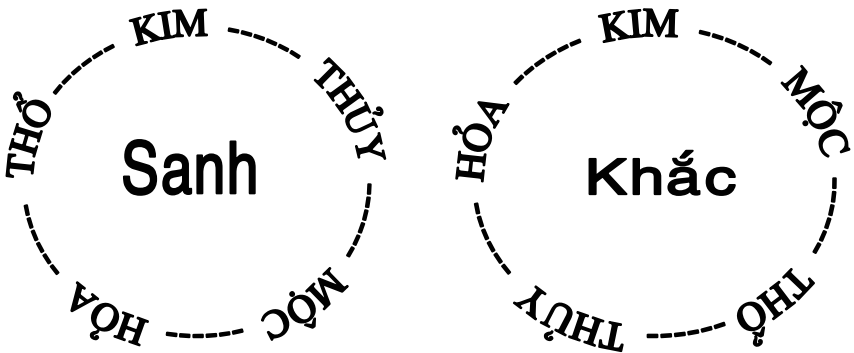
Đặc biệt, chư Phật mười phương ba đời, không phải vì khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sanh, mà cả chư Bồ tát cũng thuyết ba thừa, nhưng cũng chỉ một Phật thừa để rộng độ mà thôi.

Có người lại phân vân rằng, vậy thì kinh Pháp Hoa có liên quan gì với chúng ta đâu? Sao lại không có liên quan! Chư Phật dạy chúng sanh thành Bồ tát. Trong số chúng ta dù chưa thành Bồ tát, nhưng đang đi trên lộ trình để đến chứng đắc Bồ tát, hoặc phát nguyện tu hạnh Bồ tát. Nói cách khác để hiểu hơn, trong giới tu sĩ và cư sĩ thuộc bốn chúng đệ tử Đức Phật, có thể tạm chia bốn thành phần. Thành phần thứ nhất tu theo kiểu giải đãi, gặp ai cũng tin, ai nói sao theo vậy, chẳng mục đích, chẳng phương hướng, sự tu chẳng căn bản. Hạng thứ nhì là hạng lợi dụng đạo Phật để thụ hưởng phần vật chất, nói gọn hơn là hạng người mượn đạo tạo đời, hoặc ẩn vương nường Phật. Hạng thứ ba là hạng tu cầu chứng đắc, hoặc an vui cho riêng mình. Ai sống chết mặc ai, tìm chỗ yên ổn tĩnh tu một mình. Thành phần này Đức Phật bảo là chiếc xe nhỏ thuộc Thanh Văn thừa. Thành phần thứ tư và cũng thuộc thành phần cao thượng nhất của đạo Phật, đó là thành phần chỉ biết phục vụ mà chẳng hề nghĩ đến thụ hưởng. Thành phần này là thành phần ***“Lấy tâm thiên hạ làm nhà. Nụ cười như loại bài ca của mình”***. Thành phần này phát tâm Bồ đề rộng lớn, tức là trước nhất phát tâm tu cầu thành Phật, đồng thời phát tâm rộng độ chúng sanh. Đức Phật gọi thành phần này là hàng sơ phát tâm Bồ tát, hoặc hàng phát nguyện sống Bồ tát hạnh. Hiện nay trong

hàng đệ tử của Đức Phật, số sơ phát tâm Bồ tát, hoặc sống theo Bồ tát hạnh đông gấp đôi, gấp ba lần so với các thành phần tiêu cực kia.

Đức Phật Thích Ca lại nhấn mạnh rằng kinh Pháp Hoa giáo hóa cho chúng sanh hiểu rõ về thực tướng của các pháp. chúng sanh và Bồ tát chỉ hiểu, hoặc biết được thế nào là thực tướng của các pháp, chứ chưa chứng đắc thực tướng của các pháp.

Vậy thì thực tướng là gì? Là mười như thị pháp thảy đều như thực. Như thị tức là thực tướng. Tướng tánh thể lực đều như thị. Nói riêng về thể thì chẳng có cái nào làm chủ cho cái thể nào. Cũng ví như nguyên lý của ngũ hành tương sanh tương khắc vậy (*chẳng hành nào làm chủ hành nào*)



Thực tướng không phải học thuyết, lại càng không phải là chủ thuyết, nó lại không phải là gì cả. Con voi là con voi, chứ không giống cái quạt, không giống cái chổi, không giống cột nhà ... Thực tướng của các pháp không thể suy luận, bàn thảo, mà là

phải học và tu luyện. Chỉ có Phật mới chứng đắc thực tướng của các pháp. Hàng Bồ tát chỉ mới **biết** thôi, còn chúng ta ai tu luyện chơn chánh thì cũng chỉ ở tầm mức **hiểu** mà thôi.

Chánh văn

20 - Xá Lợi Phất! Trong cõi nước ở mười phương, hai thừa còn không có, hà huống có ba.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, đó là: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế, Xá Lợi Phất nhằm lúc kiếp loạn trước, chúng sanh nhơ nặng, bốn xén, tham lam, ghét ganh, thành tựu các căn chẳng lành, cho nên các Đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

Giảng luận

Khắp các cõi, khắp mười phương, hai thừa Thanh Văn, Duyên Giác là Tiểu thừa cũng chẳng hề có chứ đừng nói là có ba thừa.

Tại sao Đức Thích Ca Như Lai và chư Phật phải chia ra ba thừa pháp? Tại vì trình độ căn cơ chúng sanh sai khác, không đồng đều, nên phải chia làm ba, chứ thực ra chỉ có một Phật thừa mà thôi.

Tụng đọc đoạn kinh này, chúng ta phải liễu nghĩa. Ba hay là một không có nghĩa khư khư chấp cứng. Cũng như Tiểu học, Trung học, Đại học, tuy

chia ba, nhưng kỳ thực đâu phải là ba. Vì dù Đại học cũng phải từ Tiểu học dần dần mới vào Đại học.

Tu học cũng vậy. Nếu bỏ kinh điển Tiểu thừa, bỏ kinh điển A Hàm, bỏ Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Tứ niệm xứ, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi ... Tức là bỏ các phương pháp cơ bản chín bộ kinh Tiểu thừa để nhảy tót vót lên các bộ kinh Kim Cang, Viên Giác, Đại Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Đại Niết Bàn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm ... thì thật không gì sai lầm cho bằng. Trái lại chỉ chấp nhận các bộ kinh Tiểu thừa, không tiến lên tu học kinh Đại thừa thì lại càng sai lầm hơn. Trình độ Ngài Xá Lợi Phất đã chứng Thánh quả, nên Đức Phật mới dạy chuyển sang Nhất thừa pháp. Tu học Phật thừa, tức là Đại thừa.

Vậy Tiểu thừa, Đại thừa cũng chỉ một gốc mà ra. Tam thừa hay Nhất thừa, cũng chỉ từ một thừa pháp mà ra. Trong kinh Pháp Hoa dung chứa đầy đủ các kinh Tiểu thừa và Đại thừa, nhưng chỉ tóm lược, hoặc chỉ nhắc phớt qua thôi. Dù lên Đại học, người sinh viên vẫn không thể nào bỏ bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia và hai mươi bốn chữ cái khi học ở Tiểu học.

Ai học Phật mà còn phân chia Đại thừa, Tiểu thừa là sai lầm nghiêm trọng.

Chánh văn

21 - Xá Lợi Phất! Nếu đệ tử Ta tự cho mình là A La Hán cùng Duyên Giác, mà không nghe không biết việc của các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát thì người ấy chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên Giác.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Các Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni tự cho mình đã đặng A La Hán, thân sau rốt sẽ rốt ráo Niết Bàn, bèn lại chẳng chí quyết cầu đạo Vô thượng chánh đẳng, chánh giác. Nên biết nhóm đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao vậy? Nếu có Tỷ kheo thiệt chứng quả A La Hán mà không tin pháp này thì quyết không có lẽ ấy, trừ phi sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những kinh như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có đặng, nếu gặp Đức Phật khác ở trong pháp này bèn đặng hiểu nó.

Xá Lợi Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các Đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

Giảng luận

Lại thêm một lần nữa Đức Phật Thích Ca Như Lai nhấn mạnh sự quan trọng về nhất thừa Phật

giáo. Càng quả quyết hơn, Đức Phật chẳng những phủ nhận hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, mà cả hàng A La Hán, hàng Duyên Giác, nếu ai tự thỏa mãn nơi hai quả vị Tiểu thừa, không chịu tham cầu tinh tấn tu luyện để chứng đắc Phật thừa thì vị đó đều không phải đệ tử của Như Lai.

Vậy trong hạng phàm phu, nếu có ai thường tuyên bố chỉ chấp nhận pháp Tiểu thừa, phủ nhận pháp Đại thừa, nhất là không nhận Phật thừa, không phát tâm Bồ đề, không cầu Bồ tát đạo thì những người này dù đang là Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, hay hàng A La Hán, Bích Chi Phật thì Đức Thế Tôn cũng đều phủ nhận vị đó chẳng phải đệ tử của Đức Thích Ca và của chư Phật khắp mười phương.

III.- TÓM KẾT

Mặc dù kinh Pháp Hoa chỉ có Phật và Phật mới thông suốt liễu tri, còn hàng thánh Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng không thể thấu suốt toàn triệt. Hàng chúng sanh, hàng tứ chúng đệ tử Phật, kể cả Thanh Văn, Duyên Giác cũng không thể nào liễu tri Pháp Hoa kinh, nhưng Bồ tát thì có thể **biết**, hàng tứ chúng và chúng sanh thì có thể **hiểu** với điều kiện là phải tu luyện đúng pháp. Nếu chúng sanh và hàng tứ chúng không **hiểu** thì làm sao tu cầu nhất thừa. Còn hàng Bồ tát không **biết** thì làm sao tu cầu thành Phật.

Vậy trong kinh Pháp Hoa điểm nào thẩm sâu khó nhất? Xin thưa, thực tướng của các pháp. Thông suốt thực tướng là hiểu biết nhất thừa. Chúng ta và Thánh Tăng tuy chưa chứng đắc nhưng được “**hiểu**”, được “**biết**”. Nhưng muốn hiểu hoặc biết là phải nhuần nhuyễn phân khai thông nơi phẩm Phương Tiện. Nếu tu Pháp Hoa chưa hiểu, chưa biết phẩm Phương Tiện thì hai mươi sáu phẩm còn lại của bộ Pháp Hoa cũng khó mà liễu đạt ý nghĩa.

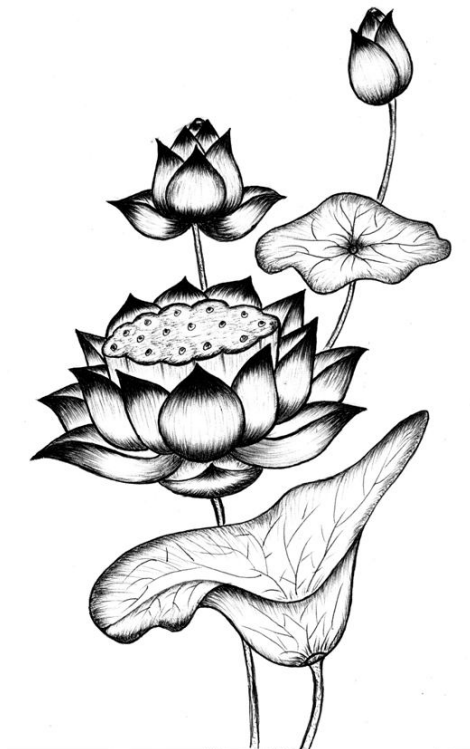
Tại sao phẩm Phương Tiện được đặt lên hàng quan trọng như vậy? Xin thưa! Dù là phẩm kinh khai mở pháp nhất thừa, nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa quá súc tích, các nét quan trọng mà các bộ kinh khác, kể cả các phẩm khác của kinh Pháp Hoa đều không có, hoặc quan trọng ở điểm khác. Ví dụ như: Năm ngàn đệ tử Đức Phật bỏ pháp hội ra đi. Đức Phật khen ngợi đây là dịp tốt vì trấu lép không còn. Thập như thị pháp. Pháp thế gian hằng còn. Nói chung, phẩm Phương Tiện còn rất nhiều nét mật nghĩa quan trọng như: Đức Phật xả định phân tích, ba lần thưa thỉnh, chờ qua ba lần thưa thỉnh Đức Phật mới nhận lời chuyển pháp lớn. Đức Phật chính thức chuyển pháp lớn để giáo hóa hàng Bồ tát. Đức Phật khẳng định chỉ có một Phật thừa, chứ không hề có thừa nào khác. Trùng tuyên phần thơ kệ. Phần thơ kệ phẩm Phương Tiện lại quan trọng hơn phần chính văn.

Vì tầm mức quan trọng nên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa dành một bài học cho phần thơ kệ. Điều quan trọng hơn hết là giới tu học Pháp Hoa có quý trọng giáo pháp hay không? Có thị kính như thị Phật hay không? Nghĩa là có kính trọng kính, nhìn thấy kính như nhìn thấy Phật, gặp bài học Phật pháp như đã gặp được Đức Phật hay không? Nếu giới tu học Phật thành tâm kính trọng giáo pháp thì chắc chắn dù kính có khó đến đâu cũng vẫn dễ hiểu. Không ngại suối e sông ngăn cách mà chỉ sợ lòng người e suối ngại sông. Mỗi bài học nếu được giới tu học Phật đọc đi, đọc lại hằng trăm lần, mỗi câu mỗi chữ ẩn nghĩa đọc đi đọc lại hằng ngàn lần thì mới có thể liễu ngộ phần nào. Ngày nay người tu Pháp Hoa thường tu cầu phước, chứ ít người chuyên tu bưng tuệ, hoặc thống suốt kính văn. Rất mong giới hậu học đừng giẫm lên vết xe cũ, là y kính giải nghĩa, hoặc ly kính nhất tự, vì trường hợp trước oan Phật ba đời, còn trường hợp sau khác nào ma nói.

Tu học hiểu phẩm Phương Tiện, các phẩm khác sẽ dễ hiểu. Kính lạy ngôi Tam Bảo từ bi gia hộ cho chúng con thẩm nhập kính tạng trí huệ như biển. Xin chư thiên, chư tiên, chư thần, nhất là tám bộ hộ pháp trời rồng quỷ thần quảng bá sâu rộng phẩm Phương Tiện. Giới tu huệ và giới tu phước, phát tâm in sao viết chép kính Pháp Hoa, nhất là phẩm Phương Tiện, đồng thời truyền rộng khắp năm châu.

Kính lạy bậc đại trí tuệ Tôn Giả Xá Lợi Phất, cùng chư hiền Thánh Tăng và chư hiện tiền Tăng gia lực hộ trì phẩm kinh này.

Hồi hướng công đức này đến thủy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

6

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 6

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai

(tiếp theo)

- Pháp nào trụ trên pháp nào ?
- Tại sao tướng thế gian lại vĩnh hằng ?

I - MỞ ĐẦU

Thường thơ kệ dùng để lập lại và cũng để tóm gọn toàn phần kinh văn, phần nhiều ngắn hơn, gọn hơn. Nhưng thỉnh thoảng cũng có phẩm, phần thơ kệ lại làm nổi bật những điểm mà phần kinh văn chưa đề cập, như trường hợp phẩm Phương Tiện này. Đa phần giới tu học Phật khi gặp thơ kệ trùng tuyên lại phần kinh văn thì lướt qua, chứ không thẩm sâu. Tu học Phật như vậy có phần thiếu sót chăng? Nếu

phẩm Phương Tiện mà cũng lướt qua thì làm sao thấu hiểu “*Pháp nào trụ trên ngôi pháp nào và tại sao tướng của thế gian mà lại thường còn?*” Không thấu hiểu hai vấn đề mật nghĩa của phẩm kinh này thì làm sao thấu hiểu Thập như thị pháp. Mà Thập như thị pháp không hiểu thì tu học kinh Pháp Hoa là tu học chỗ nào? Tu học làm sao? Làm sao những mật nghĩa của kinh Pháp Hoa nhập tạng thức. Tạng thức không được tàng chứa những mật nghĩa của kinh điển thì vô thức lấy gì bùng khai? Không bùng khai Yêm Ma La thức thì trí từ đâu phát, tuệ từ đâu bùng? Tất cả các câu hỏi dồn dập trên, nếu hành giả Pháp Hoa kinh không giải tỏa được thì chúng ta tu học kinh Liên Hoa là tu học cái thứ gì? Đã gọi là một sinh viên Sử địa, hoặc khoa học nhân văn, mà không hiểu niên lịch của Hùng Vương kéo dài hai ngàn sáu trăm hai mươi hai năm và tại sao chỉ có mười tám vua Hùng mà niên lịch trị vì của thời đại Hùng Vương lâu như thế?

Việc tu học kinh Pháp Hoa cũng vậy, không hiểu Như Lai mà theo Như Lai là hủy báng Như Lai. Như Lai chứng đắc gì? Chứng đắc thực tướng của các pháp. Hàng đệ tử của Như Lai dĩ nhiên là không thể nào chứng đắc thực tướng các pháp được. Không chứng đắc, nhưng phải hiểu. Nếu không hiểu phải học và phải tu. Không chịu tu học thì làm sao

hiểu. Còn bảo tu học như thế nào thì không ở phạm vi của một bài Phật pháp.

Riêng về mặt dịch thuật “*phân thơ kệ*” phẩm Phương tiện, nhiều dịch giả dịch có sự khác nhau:

- Các bản dịch chữ Hán: Hán dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Hòa thượng Trí Tịnh Việt dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Hòa thượng Tuệ Hải Việt dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Tổ đình Quán Thế Âm giảng dịch toàn phẩm 3.180 chữ
- Hòa thượng Trí Quang Việt dịch toàn phẩm 6390 chữ

Có dịch giả dịch theo thể năm chữ, vị khác lại dịch theo thể bốn chữ. Dịch theo thể nào, hoặc thêm hoặc bớt không quan trọng, chỉ quan trọng là không xa rời ý nghĩa của kinh văn và sáng nghĩa, nhất là hợp lý hợp tình, khiến người đọc, người tụng dễ hiểu. Còn phần người đọc người tụng thì không thể đọc hoặc tụng một vài lần, mà phải đọc ít nhất là hằng trăm lần, tụng hằng ngàn lần. Đoạn nào thích nhất thì trích đoạn đó, lập đi lập lại và nhấn mạnh từng câu, từng chữ như điệp khúc, lúc ấy mới bừng sáng ý kinh.

Phẩm Phương Tiện chia thành ba bài học, bài này là bài kết của phẩm Phương Tiện.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Khi ấy, Đức Phật Thích Ca Như Lai thuyết
thơ kệ trùng tuyên nghĩa kinh:

22 - Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni,
 Có bụng tăng thượng mạn.
 Ưu bà tắc ngã mạn,
 Ưu bà di chẳng tin,
 Hàng bốn chúng như thế
 Số lượng đến năm ngàn,
 Chẳng tự thấy lỗi mình,
 Nơi giới có thiếu sót,
 Bo bo tì vít mình,
 Trí nhỏ - đã lộ ra,
 Bọn cám tẩm trong chúng;
 Oai Đức Phật phải bỏ,
 Nhóm đó kém phước đức,
 Chẳng kham lãnh pháp này.
 Còn lại không cộng lá,
 Chỉ toàn hột chắc thôi.

Giải luận

Trong bốn chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni và nam
 nữ Phật tử, số lượng năm ngàn người, đang hiện
 diện nơi Đạo tràng, vừa nghe Đức Phật tuyên bố
 sắp thuyết *Nhất thừa*, tức là Phật thừa thì vội vàng
 rời chỗ ngồi đến lễ Phật và ra khỏi hội. Lý do rất
 đơn giản, đó là họ đã có tánh tăng thượng mạn, cao
 ngạo. Mới chứng đắc hoặc hiểu phần nào giáo pháp

ở nơi Thanh Văn thừa, hoặc Duyên Giác thừa, họ tự cho là đã chứng đắc và thông hiểu đến tuyệt đích rồi, nên không cần nghe thêm về Nhất thừa pháp nữa. Đoạn này Đức Phật lập lại phần kinh văn bằng phần thơ kệ và nhấn mạnh: Trong đại gia đình hội Pháp Hoa không còn hạng tám cám, mà chỉ còn thuần rất những hạt chắc, tức là hàng có chủng tử tốt. Những ai tâm hồn cá biệt vị kỷ thì không đủ sức thọ nhận pháp tối tôn, tối thượng. Khi sắp thuyết Phật thừa Đức Thế Tôn cần tăng uy đức nên đương nhiên phải loại bỏ hạng tám cám trong chúng để Đạo tràng chỉ còn lại loại lúa chắc hạt.

Chánh văn

**23 – Xá Lợi Phất khéo nghe,
 Pháp mà các Phật đắc,
 Vô lượng sức phương tiện,
 Mà vì chúng sanh nói.
 Tâm của chúng sanh nghĩ,
 Các món đạo đã làm,
 Bao nhiêu những tánh dục,
 Nghiệp lành dữ đời trước.
 Phật biết hết thế rồi,
 Dùng các duyên thí dụ,
 Lời lẽ sức phương tiện,
 Khiến tất cả vui mừng,
 Hoặc là nói Khế kinh (Tu Đa La)**

(Già đà) Cô khởi cùng Bốn sự,
 Bốn sanh, Vị tăng hữu,
 Cũng nói những Nhơn duyên,
 (A Bà Đà Na) Thí dụ và Trùng tụng (Kỳ đà)
 Cùng Ưu Bà Đề Xá.
 Căn độn ưa pháp nhỏ,
 Tham chấp nơi sanh tử,
 Nơi vô lượng Đức Phật.
 Chẳng tu đạo sâu mâu,
 Bị các khổ não loạn,
 Vì đó nói Niết bàn,
 Ta bày Phương tiện đó,
 Khiến được vào huệ Phật.
 Chưa từng nói các ông,
 Sẽ đặng thành Phật đạo,
 Sở dĩ chưa từng nói,
 Vì giờ nói chưa đến;
 Nay chính là đến giờ,
 Quyết định nói Đại thừa.

Giảng luận

Khi chứng đắc quả vị Phật, Đức Thế Tôn phải sử dụng vô số phương tiện vì chúng sanh mà thuyết giải sự lý chơn thật, hầu hóa độ muôn loài. Nhưng vì chúng sanh đắm chấp theo dục tánh thấp kém, đã chất chứa nhiều đời, nhiều kiếp. Đức Phật rõ hết tất cả quan niệm đạo hạnh nghiệp lành, nghiệp dữ của

chúng sanh trải qua và tồn đọng lâu đời, cho nên mới dùng hết mọi nhơn duyên, nhất là dùng vô số phương tiện hợp với chúng sanh, kể cả dùng những ví dụ để chúng sanh hiểu, hầu mới độ được họ. Hoặc thuyết chín bộ kinh thuộc Tiểu thừa cũng chỉ là phương tiện độ chúng sanh. Chín bộ kinh Tiểu thừa (*Hán Việt – Phạn âm*):

- ❶ Trường hàng - Tức là Tu Đa La kinh
- ❷ Trùng tụng - Tức là Kỳ Dạ kinh
- ❸ Cô khởi - Tức là Già Đà kinh
- ❹ Nhân duyên - Tức là Ni Đà Na kinh
- ❺ Thí dụ - Tức là A Ba Đà Na kinh
- ❻ Bốn sự - Tức là Y ĐỀ MỤC ĐÀ GIÀ

kinh

- ❼ Bốn sinh - Tức là Xà Đà Già kinh
- ❽ Vị tầng hữu - Tức là A Phù Đà Đạt Ma kinh
- ❾ Luận nghị - Tức là Ưu Bà ĐỀ XÁ kinh

Kệ tóm lược chín bộ kinh Tiểu thừa:

Trường hàng sang Trùng tụng

Cô khởi và Nhân duyên

Chuyển duyên tròn Thí dụ

Bốn sự và Bốn sanh

Tám thành Vị tầng hữu

Luận nghị mới kết thành

Giới tu học Phật trước khi vào học Diệu Pháp Liên Hoa và các bộ kinh Đại thừa cũng cần phải thông hiểu đại cương về chín bộ kinh Tiểu thừa này.

Kinh Phật có mười hai bộ, trừ chín bộ vừa nêu thì Đại thừa có riêng ba bộ:

- ① Thọ ký - Tức là Hòa Ca La Na kinh
- ② Tự thuyết - Tức là Ưu Đà Na kinh
- ③ Phương quảng - Tức là Tùy Đà Lược kinh

Suốt thời gian phương tiện thuyết chín bộ kinh, Đức Thích Ca Như Lai chưa hề dạy rằng các ông sẽ được thành Phật. Không phải Đức Phật thiên lệch, nhưng vì chưa đúng lúc, nhất là phải chờ đợi đủ nhân duyên. Vào hội thượng Pháp Hoa, nhân duyên đã chín mùi, tức là đúng thời cơ, hợp căn tánh thính chúng, những người tha thiết muốn tu cầu thành Phật theo phương pháp Nhất thừa.

Chánh văn

**24 - Chín bộ pháp của Ta,
Thuận theo chúng sinh nói,
Vào Đại thừa làm gốc,
Nên mới nói kinh này.
Có Phật tử tâm tịnh,
Uyển chuyển lại lành lợi,
Nơi vô lượng các Phật,
Mà tu đạo sâu mầu.
Vì hàng Phật tử này,
Nói kinh Đại thừa đây,
Ta ghi cho người đó,
Đời sau thành Phật đạo.
Bởi thâm tâm niệm Phật,**

Cùng tu trì tịnh giới,
 Hạng này nghe thành Phật,
 Mừng rơn lan khắp mình.
 Phật biết tâm của họ,
 Nên nói cho Đại thừa,
 Thanh Văn hoặc Bồ tát,
 Nghe pháp mà Ta nói,
 Nhẫn đến một bài kệ,
 Đều thành Phật không nghi.

Giảng luận

Vì tùy thuận chúng sanh trong thời điểm đó, nên Đức Thích Ca Như Lai mới thuyết chín bộ kinh Tiểu thừa, để hóa độ cho chúng sanh vào những bước mở đầu. Cũng ví như học văn hóa, mở đầu thầy giáo phải dạy từ mẫu giáo, rồi mới đến tiểu trung học. Khi nào lên Đại học, Bác học mới dạy phương pháp cao siêu.

Dù là nơi Đạo tràng, năm ngàn người đã bỏ cuộc, nhưng số còn ở lại quá đông. Số này nghe việc thành Phật đã thấy niềm hoan hỷ tràn ngập khắp châu thân. Đức Phật lại nhấn mạnh, Thanh Văn hoặc Bồ tát dù chỉ nghe Phật thuyết một bài kệ Phật thừa thì vị đó nhất định sẽ thành Phật.

Chánh văn

**25 – Trong cõi Phật mười phương,
 Chỉ có pháp một thừa,**

Không hai cũng không ba,
Trừ Phật phương tiện nói.
Chỉ dùng danh tự giả,
Dắt dẫn các chúng sanh,
Để nói trí huệ Phật,
Các Phật ra cõi đời.
Chỉ một việc thiết đó,
Nếu hai chẳng phải chơn,
Rốt chẳng đem Tiểu thừa,
Mà tế độ chúng sanh.
Phật tự trụ Đại thừa,
Y pháp của mình đặc,
Định, Huệ, Lực trang nghiêm,
Dùng để độ chúng sanh,
Tự chứng đạo vô thượng.
Pháp bình đẳng Đại thừa,
Nếu dùng Tiểu thừa độ,
Cả đến một người thôi,
Thời ta đọa san tham.
Việc ấy tất không được,
Nếu người tin về Phật,
Như Lai chẳng dối gạt,
Cũng không lòng tham ganh,
Dứt ác trong các pháp,
Nên Phật ở mười phương,
Mà riêng không chỗ sợ,
Ta dùng tướng trang nghiêm,

Ánh sáng soi trong đời,
Đấng vô lượng chúng trọng,
Mà nói ẩn thiết tướng.

Giảng luận

Đức Phật lại xác nhận rất hùng hồn, nếu Như Lai dùng pháp Tiểu thừa để hóa độ chúng, dù chỉ một người thì Phật đọa san tham. Vậy chúng ta phải hiểu rõ rằng suốt thời gian thuyết chín bộ kinh Tiểu thừa, là Đức Phật hướng dẫn chúng sanh đang đi đến giải thoát. Ai chấp Tiểu thừa là địa điểm tối hậu, hoặc ai hướng dẫn người mới đến Thanh Văn thừa, tuyên bố là đã đến địa điểm tối hậu là đọa.

Chánh văn

26 - Xá Lợi Phất! Nên biết!
Ta vốn lập thế nguyện,
Muốn cho tất cả chúng,
Bằng như Ta không khác.
Như đời xưa Ta nguyện,
Nay đã đầy đủ rồi,
Độ tất cả chúng sanh,
Đều khiến vào Phật đạo
Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả,
Kẻ vô trí lộn xộn,
Mê lầm không nhận lời,

Ta rõ chúng sanh đó,
Chưa từng tu cội lành;
Chấp chặt nơi ngũ dục,
Vì si ái sanh khổ,
Bởi nhân duyên các dục,
Sa vào ba đường dữ;
Xoay lăn trong sáu nẻo,
Chịu đủ những khổ độc,
Thân mọn thọ bào thai,
Đời đời tăng trưởng luôn.
Người đức mỏng ít phước,
Các sự khổ bức ngặt,
Vào rừng rậm tà kiến,
Hoặc chấp có, chấp không;
Nường gá các chấp này,
Đủ sáu mươi hai kiến,
Chấp chặt pháp hư vọng,
Bền nhận không bỏ đặng,
Ngã mạn tự khoe cao,
Dua nịnh lòng không thiệt,
Trong nghìn muôn ức kiếp,
Chẳng nghe danh tự Phật,
Cũng chẳng nghe chánh pháp,
Người như thế khó độ.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này Đức Thế Tôn phân tích hạng người nào khó độ. Những ai sống theo tâm hạnh Bồ tát thì lúc nào cũng cầu mong mọi người, mọi loài, thủy thủy đều được an vui, thấm nhuần Phật pháp, vượt khỏi sanh tử luân hồi, hầu sau này chứng đắc thành Phật. Nhưng tâm nguyện tốt là một lẽ, sự việc thực tế không thể giản đơn như vậy! Cho nên có lắm lúc, một vài vị sơ phát tâm Bồ tát, sống quá nhiệt tình với mọi người, nhưng gặp những người nghịch lại Đại thừa thì liền phát cáu. Hôm nay chúng ta tụng và thẩm sâu vào đoạn thơ kệ này, chắc chắn, từ đây và mãi mãi sẽ không còn nổi quạu nữa. Bởi vì chính Đức Thích Ca Như Lai đã công bố rất rõ ràng nơi đoạn thơ kệ của phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa này rồi. Đức Phật xác quyết là có sáu mươi hai loại chấp tà kiến, Đức Phật không thể độ cho họ thành Phật được.

Lục thập nhị

Đây là Lục thập nhị kiến, Skt là devasasti distayah, chỉ sáu mươi hai tà kiến mà ngoại đạo ở Ấn Độ xưa kia chấp trước nhầm lẫn. Cách quy định để tính con số sáu mươi hai này không giống nhau:

❶ Quyển 14 kinh Trường A Hàm cho là có mười loại gồm sáu mươi hai kiến chấp, nhưng theo lý luận mà ngoại đạo chấp trước thì phân ra hai loại: “Bốn kiếp bốn kiến” và “Mạt kiếp mạt kiến”. Bốn kiếp bốn kiến là y theo tiền tế ở quá khứ mà

khởi phân biệt kiến, gồm năm loại mười tám kiến, bao quát bốn loại “thường luận”, bốn loại “diệt thường diệt vô thường luận”, bốn loại “biên vô biên luận”, bốn loại “chủng chủng luận” và hai loại “vô nhân nhi hữu luận”.

Mạt kiếp mạt kiến là y theo hậu tế ở vị lai mà khởi phân biệt kiến, gồm năm loại bốn mươi bốn kiến bao quát mười sáu loại “hữu tướng luận”, tám loại “vô tướng luận”, tám loại “phi hữu tướng phi vô tướng luận”, bảy loại “đoạn diệt luận”, năm loại “hiện tại Niết bàn luận”, cộng chung sáu mươi hai kiến.

② Theo Đại Phẩm Bát Nhã và Đại Trí Độ Luận thì sáu mươi hai kiến gồm: Trên ngũ uẩn đều lập tứ cú, tức ngũ uẩn trong quá khứ mỗi cái gồm có bốn cú “vô thường”, “thường vô thường”, “phi thường”, “phi vô thường”, thành hai mươi cú. Ngũ uẩn hiện tại mỗi cái gồm có bốn cú “hữu biên”, “vô biên”, “hữu biên vô biên”, “phi hữu biên phi vô biên”, thành hai mươi cú. Ngũ Uẩn vị lai mỗi cái có bốn cú “như khứ”, “bất như khứ”, “như khứ bất như khứ”, “phi như khứ phi bất như khứ”, thành hai mươi cú. Cộng tất cả lại là sáu mươi cú, tính thêm hai cú “đoạn thường” là “thân dữ thân như” và “thân dữ thân dị” là sáu mươi hai kiến.

③ Quyển 23 Nam Bốn Niết Bàn kinh cho rằng do năm kiến mà sanh ra sáu mươi hai kiến “Ly đẳng

tứ kiến” là hai mươi kiến, “Sắc giới diệc đồng” là hai mươi kiến, “Tứ tâm của vô sắc giới”, mỗi thứ có bốn kiến là mười sáu kiến. “Biên kiến” có sáu tức gồm tam giới mỗi cái đều có “thường đoạn” hai thứ. Cộng chung lại tất cả là sáu mươi hai kiến.

Ngoài ra còn nhiều cách tính ở các kinh điển khác nữa, nhưng tựu trung đồng nhất quan điểm cho sáu mươi hai kiến là những chấp trước tai hại của chúng sinh, khiến khó được Phật độ.

Nghĩa chi tiết về sáu mươi hai loại chấp tà kiến quá cao, chúng tôi cũng không thể phân giải cho tường tận được. Hơn nữa, trình độ của hành giả mới tập bước đầu vào cổng, hoặc vào sân, người nào tuyệt lắm là chỉ mới bước lên thêm Pháp Hoa, nên chúng ta cũng chưa đủ và cũng chưa nên thăm sâu về danh từ, mà chỉ tổng quát, nhất là đi sâu vào phương diện ẩn nghĩa, được như thế là tốt quá rồi!

Chánh văn

**27 – Cho nên Xá Lợi Phất,
Ta bày các phương tiện,
Nói các đạo dứt khổ,
Chỉ cho đó Niết bàn.
Ta dẫn nói Niết bàn,
Cũng chẳng phải thiệt diệt,
Các pháp từ xưa giờ,
Tướng thường tự vắng lặng.**

Phật tử hành đạo rồi,
 Đời sau đặng thành Phật,
 Ta có sức phương tiện,
 Mở bày pháp ba thừa.
 Tất cả các Thế Tôn,
 Đều nói đạo Nhất thừa,
 Nay trong đại chúng này,
 Đều nên dứt trừ nghi,
 Lời Chư Phật không khác,
 Chỉ một – Không hai thừa.

Giảng luận

Đức Phật phương tiện thuyết các pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên và các bộ kinh thuộc về Tiểu thừa. Trong phần này, Đức Phật có chỉ rõ quả vị Niết bàn, nhưng đây chỉ mới nửa phần Niết bàn, chứ chưa thuyết giảng rốt ráo toàn phần Niết bàn. Muốn tu luyện liễu thông kinh Pháp Hoa, trước nhất phải liễu thông thế nào là toàn phần Niết bàn, thế nào là nửa phần Niết bàn. Thanh Văn thừa chỉ chứng đắc *Hữu dư Niết bàn*, Phật thừa mới chứng đắc *Vô dư Niết bàn*. Hữu dư chỉ một nửa, Vô dư mới toàn phần. Kinh Thắng Man Bảo Hốt, quyển hạ giải thích thêm rằng: “Hữu dư Niết bàn còn biến dịch sanh tử. Vô dư Niết bàn không còn biến dịch sanh tử”.

Duy thức tướng tông, còn giải thích thêm rằng: “Phật dẹp bỏ hóa thân, lẩn ứng thân, trở về gốc của “*chân thân*”, đó là Vô dư Niết bàn”.

Tín Tông Tam Muội Hoa Nghiêm Thiên Thai, giải thích rõ hơn: “Dứt bỏ vọng kiến, quy về *Chơn như*, thu *Hóa thân* trở về với *Bổn thân* thì là nhập *Vô dư Niết bàn*”.

Nói tóm, tại sao Niết bàn Thanh Văn lại chưa trọn vẹn? Rất dễ hiểu, Niết bàn và sanh tử không hề khác nhau, tức là không hề có hai. Vậy mà Thanh Văn chưa chứng đắc thực tướng của pháp này, nên cố chấp rằng sanh tử là đáng chán. Niết bàn là đáng vui!

Chánh văn

28 – Vô số kiếp trước kia,
 Vô lượng Phật diệt độ,
 Trăm nghìn muôn ức Phật,
 Số nhiều không lường được.
 Các Thế Tôn như thế,
 Đủ thứ duyên thí dụ,
 Vô số sức phương tiện,
 Dẫn nói các pháp tướng.
 Các Đức Thê Tôn đó,
 Đều nói pháp Nhất thừa,
 Độ vô lượng chúng sanh,
 Khiến vào nơi Phật đạo.

Lại các đại Thánh chúa (Chư Phật),
 Biết trong lòng ham muốn,
 Của Trời người quần sanh,
 Ở tất cả thế gian,
 Dùng phương tiện khác nhau,
 Giúp bày nghĩa đệ nhất.

Giảng luận

Không chỉ riêng một mình Đức Phật Thích Ca Như Lai, mà hết thấy vô lượng, vô số chư Phật từ nhiều đời nhiều kiếp, rộng khắp mười phương cũng đều thuyết trùng trùng, lớp lớp các phương tiện, nào nhân duyên, nào ví dụ ... *vân vân* ... Mục đích cũng chỉ để phổ truyền pháp Nhất thừa, tức là “ai ai cũng được quyền thành Phật”.

Chánh văn

29 – Nếu có loài chúng sanh,
 Gặp các Phật quá khứ,
 Nghe pháp mà bố thí,
 Hay trì giới – Nhẫn nhục.
 Tinh tấn mọi Thiên Trí,
 Tu phước tuệ mọi cách,
 Những người như thế đó,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Sau các Phật diệt độ,
 Nếu người lòng dịu lành,

**Các chúng sanh như thế,
Đều đã thành Phật đạo.**

Giảng luận

Có nhiều người tu học Phật, nhưng nghe nói đến Nhất thừa đều nghĩ là khó quá, nhất là nghe đến chuyện thành Phật thì lại càng phân vân hơn. Rồi tự hỏi mình, làm thế nào tu Pháp Hoa kinh đây? Đọc tụng đoạn thơ kệ này, chắc không còn ai phân vân thắc mắc gì nữa cả!

Loài chúng sanh nào thưở quá khứ xa xưa đã gặp được Phật, đã nghe Phật dạy, rất tinh tấn, hoặc thiên định, hoặc trí tuệ, nói chung là phước huệ song tu thì nhất định những hạng người đó sẽ thành Phật.

Đoạn trước Đức Phật dạy sáu mươi hai loài hữu tình khó độ, là vì các hạng này cố chấp. Họ mới đạt đến quả A La Hán chứng đắc Thanh Văn quả, hoặc họ mới hiểu được Hữu dư Niết bàn, mà đã cố chấp cho là tột đỉnh thì làm sao Phật độ cho họ thành Phật được.

Chánh văn

**30 - Các Phật diệt độ rồi,
Người cúng dường Xá Lợi,
Dựng muôn ức thứ tháp,
Vàng, bạc và pha lê,
Xà cừ cùng mã não,**

Ngọc mai khô, lưu ly,
 Thanh tịnh rộng nghiêm sức,
 Trau giồi nơi các tháp,
 Hoặc có dựng miếu đá,
 Chiên đàn và gỗ trầm,
 Gỗ mật cùng gỗ khác,
 Mọi gạch ngói bùn đất,
 Hoặc ở trong đồng trống,
 Đắp đất thành miếu Phật,
 Nhẫn đến trẻ con đùa,
 Vun cát làm tháp Phật,
 Những hạng người như thế,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh thêm rằng: Hạng người nào có thể tu luyện thành Phật? Không những hiện tại, mà những ai hướng về chư Phật quá khứ đã nhập Niết bàn, lưu lại Xá Lợi, phát tâm thành kính xây tháp miếu cúng dường Xá Lợi, tháp quý bằng vàng bạc ngọc ngà, cho đến đất đá cây gỗ gạch ngói. Tất cả hạng người này nhất định sẽ thành Phật. Chữ tháp miếu ở đây có nghĩa là chùa tháp, thờ Xá Lợi Phật, hoặc thờ hình tượng Phật, thấy đều được hưởng phước đức và sẽ thành Phật. Vậy mà có một số trường hợp, có những vị tu sĩ Phật giáo lại hủy báng việc xây tháp, cất chùa, bảo rằng xây

chùa tháp là sai chánh pháp. Họ biện luận rằng, khi Đức Phật còn tại thế, rày đây mai đó, chứ không hề có chùa. Vậy thì Tinh xá Kỳ Hoàn là gì? Nếu ai đó đọc kỹ đoạn thơ kệ này, chắc là sẽ thay đổi lập trường, tán dương công đức xây tháp, cất chùa thờ Phật, thờ kinh, thờ Tổ, kể cả thờ Xá Lợi Phật Tổ.

Chánh văn

**31 - Nếu như người vì Phật,
 Xây dựng các hình tượng,
 Chạm trở thành các tượng,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Hoặc dùng bảy thứ báu,
 Hay thau, đồng, đồng đỏ,
 Chất nhôm cùng chì kẽm,
 Sắt, gỗ cùng với bùn,
 Hoặc dùng keo, sơn, vôi,
 Nghiêm sức làm tượng Phật
 Những người như thế đó,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Vẽ vờ hình tượng Phật,
 Trăm tượng phước trang nghiêm,
 Tự làm hoặc bảo người,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Nhẫn đến trẻ con đùa,
 Dùng cỏ cây và bút,
 Hoặc lấy móng tay mình,**

Mà vẽ hình tượng Phật,
 Những hạng người như thế,
 Lần lần góp công đức,
 Đầy đủ tâm đại bi,
 Đều đã thành Phật đạo,
 Chỉ dạy các Bồ tát,
 Độ thoát vô lượng chúng.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ trước phân tích công đức việc tạo dựng chùa tháp. Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh công đức của việc kiến tạo tượng hình Phật, đó là hiện tại gieo hạt giống Phật, các đời sau nhất định sẽ gặt quả thành Phật. Việc đơn giản nhất là những đứa trẻ nào khi ngồi chơi lại tự dùng móng tay, vẽ vào đất bùn, đất cát, dạng giống hình tượng Phật thì nhất định các bé đó sau này sẽ thành Phật. Việc rất dễ dàng như thế, nhưng không dễ dàng nếu thiếu thành tâm thiện chí và niềm tin.

Chánh văn

32 – Nếu người nơi tháp miếu,
 Tượng đắp và hình vẽ,
 Dùng hoa, hương, phan, lọng,
 Lòng kính mà cúng dường,
 Hoặc khiến người trởi nhạc,
 Đánh trống, thổi tù và,

Tiêu, sáo, đàn, không hầu,
 Tỳ bà, chụp chã đồng,
 Các tiếng hay như thế,
 Dem dùng cúng dường hết,
 Hoặc người lòng vui mừng,
 Ca ngâm khen Đức Phật,
 Nhẫn đến một tiếng nhỏ,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đây phân tích công đức của những ai ở nơi chùa tháp, trước hình tượng Phật thành tâm dâng hương hoa, phan lọng, hoặc sử dụng tất cả các nhạc khí, nhạc cụ để thổi nhạc, nhất là ca hát, ngâm vịnh tán dương Đức Phật thì những vị đó đời vị lai sẽ đắc thành quả vị Phật. Như vậy tại sao trong giới Phật giáo lại có những người tránh hoặc bài bác âm nhạc?

Chánh văn

33 - Nếu người lòng tán loạn,
 Chỉ cần dùng cành bông,
 Cúng dường nơi tượng vẽ,
 Lần thấy vô số Phật,
 Hoặc có người lể lạy,
 Hoặc lại chỉ chấp tay,
 Nhẫn đến giờ một tay,
 Hoặc chỉ hơi cúi đầu,

Để mà cúng dường tượng,
 Lần thấy vô lượng Phật,
 Tự thành đạo vô thượng,
 Rộng độ chúng vô số,
 Vào Vô dư Niết bàn,
 Như củi hết lửa tắt,
 Nếu người lòng tán loạn,
 Vào bên trong tháp miếu,
 Một xưng Nam mô Phật,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Nơi các Phật quá khứ,
 Tại thế hoặc diệt độ,
 Có người nghe pháp này,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đơn giản thật là đơn giản, về mặt lễ nghi hình thức, đối với những người mới vừa tin Phật. Nhưng nghiêm khắc cũng lắm nghiêm khắc, đối với những người theo đạo Phật rất lâu, song thiếu tâm thành, nhất là thiếu tin tưởng, rằng mình có Phật tánh và không tin tưởng mình sẽ thành Phật. Người tâm tính tán loạn, nhưng khi vào chùa tháp, chí thành, chí kính niệm danh hiệu Phật thì người đó nhất định cũng sẽ thành Phật. Người tâm tán loạn còn được như vậy, huống gì giới Tăng Ni Phật tử. Nhưng với

một điều kiện duy nhất, đó là phải tin pháp Nhất thừa, tức là Phật thừa.

Chánh văn

34 - Các Thế Tôn vị lai,
Số nhiều không thể lường,
Các Đức Như Lai đó,
Cũng phương tiện nói pháp,
Tất cả các Như Lai,
Dùng vô lượng phương tiện,
Độ thoát các chúng sanh,
Vào trí vô lậu Phật.
Nếu có người nghe pháp,
Không ai chẳng thành Phật.
Các Phật vốn thệ nguyện,
Ta tu hành Phật đạo,
Khắp muốn cho chúng sanh,
Cũng đồng đắc đạo này,
Các Phật đời vị lai,
Dầu nói trăm nghìn ức,
Vô số các pháp môn,
Kỳ thiệt vì Nhất thừa,
Các Phật lưỡng túc tôn,
Biết pháp thường không tánh,
Giống Phật theo duyên sanh,
Cho nên nói Nhất thừa.
Pháp đó trụ ngôi pháp,
Tướng thế gian thường còn.

Nơi Đạo tràng biết rồi,
 Đức Phật phương tiện nói,
 Hiện tại mười phương Phật,
 Của trời người cúng dường,
 Số nhiều như hằng sa,
 Hiện ra nơi thế gian,
 Vì an ổn chúng sanh,
 Cũng nói pháp như thế.
 Biết vắng bật đúng nhất,
 Do dùng sức phương tiện,
 Phải bày các món đạo,
 Kỳ thiệt vì Phật thừa.
 Biết các hàng chúng sanh,
 Thâm tâm luôn nghĩ nhớ,
 Nghiệp quen từ quá khứ,
 Theo tánh, dục, tinh tấn,
 Và các căn lợi độn,
 Dùng các món nhơn duyên,
 Thí dụ cùng lời lẽ,
 Tùy cơ phương tiện nói.

Giảng luận

Toàn phần thơ kệ của phẩm Phương tiện thì đoạn này quan trọng nhất, bởi vì khi bạn mới bước vào đạo Phật bạn đã được ăn sâu vào tư tưởng câu: “*Các pháp vốn vô thường*”. Đến nay bạn đã lên trình độ học Đại thừa thì bạn lại gặp câu thơ kệ nơi

đoạn kinh này: “*Các pháp vốn hằng còn*”. Mâu thuẫn chẳng? Không mâu thuẫn, trái lại còn hậu thuẫn. Khi trình độ bạn còn kém, chưa hiểu tý gì về Phật pháp, mà dạy rằng: “Các pháp vốn hằng còn” thì làm sao bạn hiểu. Nhưng dạy các pháp vốn vô thường thì bạn rất dễ hiểu. Bạn cầm cái bát trên tay, vô ý làm rơi bể nó: Vô thường! Mới gặp mặt người thân quen buổi sáng, buổi chiều nghe cáo phó: Vô thường! Mới ngày nào đây, ông A giàu sang phú quý, vậy mà hôm nay ông ấy đang hành khất, vợ chết không có hòm chôn: Ôi vô thường! Các pháp vốn vô thường thì rất dễ hiểu.

Bạn liễu ngộ được lý vô thường, tâm hồn bạn sẽ đạt được an vui, bất cứ là hoàn cảnh nào. Giáo pháp Phật ích lợi như thế đó! Nhưng bây giờ lại ích lợi thêm, vì bạn đã trải qua thời gian tu học lâu năm, đã lên đến trình độ Đại thừa, cũng ví như sinh viên đại học. Vậy không lẽ cũng mãi nhai đi nhai lại câu: “Các pháp vốn vô thường” mãi hay sao? Nếu vô thường thì chết là mất, mà mất thì bạn tu làm gì? Học thuyết chết là mất là học thuyết “*đoạn diệt*”. Hôm nay bạn nên học thêm câu: “*Các pháp vốn hằng còn*”. Khi nào bạn chứng đắc cao hơn nữa, bạn sẽ liễu ngộ chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, lại cũng chẳng phải lừng chừng nửa thường, nửa vô thường, mà các pháp vốn nó là *không tướng*. Không tướng tức là *thực tướng*. Giáo

pháp mà ba đời chư Phật chứng đắc, Bồ tát chỉ mới biết, chúng sanh ai giỏi thì mới hiểu thực tướng là thế nào, chứ không thể chứng đắc.

Trước khi vào học chỗ khó học này, chúng ta thông qua hai câu:

... *Thị pháp trụ pháp vị*
Thế gian tướng thường trụ ...

Việt dịch: ... *Pháp trụ trên ngôi pháp*
Thế gian tướng thường còn ...

Thoát dịch : ... *Pháp tịnh trụ trên động*
Tướng thế gian hằng còn ...

Pháp nào trụ trên pháp nào? Tại sao tướng thế gian thường trụ? Tại sao pháp tịnh trụ trên pháp động? Hy vọng những mẫu chuyện ví dụ sau đây dù chưa đủ thông toàn bộ, nhưng tối thiểu cũng giúp bạn mở cái gút khó để bạn dễ tư duy.

Pháp tịnh trụ trên động
Tướng thế gian hằng còn

❶ Một người đi tàu lửa, tàu lửa động, nhưng ông ta vẫn giữ được giấc ngủ qua đêm rất yên lành! Như thế có phải là pháp tịnh trụ trên pháp động hay không?

❷ Biển qua cơn bão bùng giông tố, vậy mà chẳng có con cá, con tôm nào bị thương, hoặc bị chết cả! Như thế có phải là pháp tịnh trụ trên pháp động hay không? Người nào đắc được pháp tịnh trụ

trên pháp động là người ấy đang sống rất an vui nơi cuộc sống hiện tại: *Tướng thế gian hằng còn.*

Bởi vì hết thấy các tướng thế gian vốn nó thường còn, dù trước mắt nó là vô thường, là biến đổi, nhưng bản chất về vật thể của mỗi mỗi nó vẫn tồn tại miên viễn.

❸ Một đóa hoa thơm, sau một tuần lễ, nó sẽ khô tàn, không còn đẹp và thơm nữa, như thế thì nó là vô thường, chứ sao bảo là hằng còn? Trước mắt thì nó là vô thường, nhưng lâu dài thì nó vẫn là hằng còn. Vậy xin đặt câu hỏi: Sau khi hoa tàn, sắc đẹp của hoa nó đi đâu? Mùi thơm của hoa nó tan mất thế nào? Nó chẳng đi đâu cả, nó vẫn hằng còn với không gian, lẫn thời gian.

Trên khoảng không bao la là cái kho tàng vô tận, sẽ thu chứa màu sắc đẹp của hoa, thu chứa hương thơm của hoa và thu chứa toàn phần các nguyên tố, diệp tố ... của hoa.

- Tại sao biết ?

- Qua thí nghiệm, sau khi hoa tàn, đem hạt hoa trồng vào đất. Vài tháng sau, cây hoa này lại nở những đóa hoa khác, y như đóa hoa đã tàn. Nghĩa là cũng màu sắc đẹp như thế, cũng hương thơm như thế, diệp tố, nguyên tố đều y như hoa trước, chẳng thiếu sai chút nào. Hãy đặt câu hỏi: Cái hoa sau này ai đem cho nó mùi hương, sắc đẹp, hay là nó tự thu hút từ khoảng không, từ kho tàng vô tận. Tức là kho

tàng vô tận đã chứa tất cả. Như vậy có phải là **thường còn** hay không?

Không những hoa, mà con người, loài vật, kể cả muôn loài, cũng đều như thế. Vậy các hình tướng thế gian thuộc về vật thể nó biến hay nó thường? Nó vô thường mà nó vẫn là thường.

- Nó biến mà nó thường, nó thường để nó biến. Dù biến, dù thường, nhưng bản chất của nó vốn thường trụ. Học Phật pháp khi còn trình độ Tiểu học phải học cho thuộc “Hình tướng các pháp vốn vô thường”. Nhưng khi học đến trình độ Đại thừa thì phải học để hiểu, để biết chắc chắn rằng hình tướng các pháp vốn hằng còn. Có đạt ngộ pháp hằng còn này thì mới tu chứng đắc giáo pháp Phật. Có đạt ngộ tướng các pháp vốn hằng còn thì mới liễu thông phẩm Phương Tiện. Nêu thêm một chứng minh cao hơn về **Thế gian tướng hằng còn**.

Ví như hoa sen, khi nở khi tàn. Tàn để chuẩn bị nở. Khi tàn, hương sắc của nó tạm cất nơi kho trời vô tận, tức là nơi khoảng không bao la mênh mông. Chờ khi mặt đất nở một bông sen khác thì hương và sắc kia, kể cả các nguyên tố khác cũng cùng lúc đồng trở lại với hoa sen. Chốn hư không kia là nơi kho tàng vô tận, chẳng hề phân không gian thành ranh giới và cũng chẳng bao giờ tính đếm thời gian có tháng ngày. Hương tố, sắc tố, đạm tố, diệp tố và nhiều tố khác ...*vân vân*... Chúng có đổi thay nhưng

chúng hằng còn bất biến. Dù nó đi vào thế gian, nó thuộc tướng thế gian, nhưng tướng thế gian có hai: “Giả tướng và thực tướng”. Phần nào thô, tế và vi thì thuộc giả tướng, còn phần nào đã tinh lọc thành Diệu, để rồi thành “Diệu hữu” thì đều thuộc về thực tướng. Các pháp cũng đều như thế! Diệu hữu và chơn không vốn đồng một bản thể. Khi còn trình độ phương tiện Tam thừa thì các pháp vốn vô thường, nhưng khi vào Nhất thừa, vào Như thị pháp, khi liễu ngộ thực tướng các pháp. *“Các pháp thủy đồng không tướng. Không tướng kia như tượng sắc không”* (Bát Nhã). Vì vậy cho nên khi hiểu pháp tịnh trụ trên pháp động thì mới hiểu **Tướng thế gian hằng còn.**

Chánh văn

35 – Ta nay cũng như vậy,
 Vì an ổn chúng sanh,
 Dựng các món pháp môn,
 Rao bày nơi Phật đạo,
 Ta dùng sức trí huệ,
 Rõ tánh, dục chúng sanh,
 Phương tiện nói các pháp,
 Đều khiến đặng vui mừng,
 Xá Lợi Phát nên biết !
 Ta dùng mắt Phật xem,
 Thấy sáu đường chúng sanh,

Nghèo cùng không phước huệ,
 Vào đường hiểm sanh tử,
 Khổ nối luôn không dứt,
 Sâu tham nơi ngũ dục,
 Như trâu “mao” mển đuôi,
 Do tham ái tự che,
 Dui mù không thấy biết,
 Chẳng cầu Phật thế lớn,
 Cùng pháp dứt sự khổ,
 Dẫn sâu các tà kiến,
 Lấy khổ mà thay khổ,
 Phật vì chúng sanh này,
 Mà sanh lòng đại bi.

Giảng luận

Trong sáu loài chúng sanh, đa phần đều muốn an vui nhưng lại tạo quả khổ. Muốn siêu thoát mà lại tạo quả luân hồi, đắm chìm nơi năm dục:

- ❶ Ham sắc đẹp ❷ Ham tiền của ❸ Ham danh vị
- ❹ Ham ăn uống ❺ Ham ngủ.

Đức Phật bảo: “Bệnh nặng nhất của chúng sanh là ái nhiễm”. Đức Phật ví họ như loài trâu mao (*cũng đọc là Ly*), yêu quý đuôi hơn sinh mạng của nó. Thà nó chịu đánh đập, chứ nó không chịu mất lông đuôi. Đức Phật vì hạng người này, trải đại từ bi tâm, phổ truyền pháp Phương Tiện. Nếu ai đạt pháp

Phương Tiện, mà không cố chấp Tam thừa, lúc ấy Đức Phật mới trao cho Nhất thừa pháp.

Chánh văn

36 – Xưa, Ta ngồi Đạo tràng,
 Xem cây cùng kinh hành,
 Trong ba mươi bảy ngày,
 Suy nghĩ việc như vậy :
 Trí huệ mà Ta đắc,
 Vi diệu cao tột bậc,
 Chúng sanh các căn chậm,
 Tham vui si làm mù,
 Các hạng người như thế,
 Làm sao mà độ đặng ?
 Bảy giờ các Phạm vương,
 Cùng các trời Đế Thích,
 Bốn Thiên vương hộ đời,
 Và trời Đại tự tại,
 Cùng các thiên chúng khác,
 Trăm nghìn ức quyến thuộc,
 Chắp tay cung kính lễ.
 Thỉnh Ta thuyết pháp cho,
 Ta liền tự suy nghĩ,
 Nếu chỉ khen Phật thừa,
 Chúng sanh chìm nơi khổ,
 Không thể tin pháp này,
 Do phá pháp không tin,
 Rớt trong ba đường dữ,

Ta há không nói pháp,
 Vội vào Niết bàn sao !
 Nhớ lại Phật quá khứ,
 Sức phương tiện đã làm,
 Ta nay chứng đặng đạo,
 Cũng nên nói ba thừa.

Giảng luận

Khi Đức Thích Ca đắc thành quả vị Như Lai, Ngài dùng trí tuệ quán chiếu, thấy chúng sanh căn cơ còn thấp kém, nghiệp chướng quá sâu dày, đắm mê nơi ngũ dục, tham sân si ngập tràn. Như thế thì làm sao thuyết Phật thừa được? Nếu thuyết Phật thừa, đại chúng nghe không liễu ngộ, không khởi lòng tin, rồi hủy báng chánh pháp, sa đọa vào ba đường dữ. Khi thấy nghịch duyên như vậy, Đức Phật định thu thần thị nhập Niết bàn. Liền lúc đó, các vị Phạm Thiên vương, Đế Thích Thiên vương, bốn vị Tứ Thiên vương hộ đời, cùng trăm ngàn vạn ức Thiên chúng quyến thuộc, đến trước Đức Thế Tôn đánh lễ và thỉnh cầu Phật chuyển pháp luân. Cũng vừa lúc Đức Phật bỗng nhớ thuở chư Phật quá khứ, đã từng thực hành rộng truyền pháp phương tiện, thuyết ba thừa.

Tại sao hiện nay Đức Thế Tôn lại không áp dụng như vậy? Chính vì từ bi tâm nên Phật phương tiện thuyết tam thừa. Lợi thì rất nhiều, nhưng hại cũng không ít, vả chăng khi Đức Phật nhập diệt

không xảy ra rắc rối. Nạn chia rẽ nội bộ giới Tăng lữ, chia thành hai phái Thượng tọa bộ tức là Tiểu thừa và Đại chúng bộ tức là Đại thừa và đã trải dài khắp năm châu, suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ. Mãi đến cuối thế kỷ XX dương lịch, tại Việt Nam có Bồ tát Quảng Đức tự thiêu và chư Thánh tử đạo phát tâm hy sinh thân mạng cúng dường chánh pháp. Từ đó tại Việt Nam mới hợp nhất được hai hệ phái Tiểu thừa và Đại thừa.

Chánh văn

**37 - Lúc ta nghĩ thế đó,
Mười phương Phật đều hiện,
Tiếng ngân an ủi Ta,
Hay thay ! Đức Thích Ca !
Bực Đạo sư hạng nhất,
Đặng pháp vô thượng ấy,
Theo gương tất cả Phật,
Mà dùng sức phương tiện,
Chúng tôi cũng đều đặng,
Pháp tối diệu hạng nhất,
Vì các loài chúng sanh,
Phân biệt nói ba thừa,
Trí kém ưa pháp nhỏ,
Chẳng tự tin thành Phật,
Cho nên dùng phương tiện,
Phân biệt nói các quả,**

**Dầu lại nói ba thừa,
Chỉ vì dạy Bồ tát.**

Giảng luận

Một Đức Phật nhập đời, độ đời thì hết thầy chư Phật khắp mười phương đồng hộ niệm. Một vị Tăng thừa hành Phật sự, phụng sự chúng sanh, nếu được chư Tăng khắp mười phương đồng hỗ trợ thì nhân loại và muôn loài được nhuần triêm công đức biết bao!

Khi Đức Thích Ca Như Lai bỗng nhớ pháp phương tiện mà chư Phật quá khứ đã thực hiện, nên Đức Thế Tôn quyết định dùng phương tiện thuyết giảng pháp ba thừa thì chư Phật khắp mười phương đều ứng hiện, dùng ngôn ngữ cõi trời Phạm Thiên để tán dương việc làm của Đức Phật Thích Ca. Chư Phật cũng thuật rằng, tất cả chư Phật Như Lai cũng đều sử dụng pháp phương tiện, vì chúng sanh mà Phật thuyết ba thừa. Tuy thuyết ba thừa, nhưng kết vẫn vào Phật thừa để độ chư Bồ tát.

Chánh văn

38 - Xá Lợi Phất nên biết !

**Ta nghe các Đức Phật,
Tiếng nhiệm mầu rất sạch,
Xưng “Nam mô chư Phật” !
Ta lại nghĩ thế này,
Ta ra đời trước ác,**

Như các Phật đã nói,
 Ta cũng thuận làm theo.
 Suy nghĩ việc đó rồi,
 Liền đến thành Ba Nại,
 Các pháp tướng tịch diệt,
 Không thể dùng lời bày,
 Bèn dùng sức phương tiện,
 Vì năm Tỷ kheo nói,
 Đó gọi chuyển pháp luân,
 Bèn có tiếng Niết bàn.
 Cùng với A La Hán,
 Tên pháp, tăng sai khác,
 Từ kiếp xa đến giờ,
 Khen bày pháp Niết bàn,
 Dứt hẳn khổ sanh chết,
 Ta thường nói như thế.

Giảng luận

Âm thanh chư Phật khắp mười phương vọng về thế giới Ta Bà vừa nhiệm mầu, vừa vi diệu, ngợi khen và khuyến khích Đức Phật Thích Ca nên phương tiện thuyết ba thừa để rộng độ chúng sanh. Đức Thích Ca Như Lai hoan hỷ thực hành phương tiện thuyết tam thừa.

Rời cõi Bồ đề, đến thành Ba La Nại, nơi Vườn Nai phương tiện thuyết tam thừa, độ năm anh em ông Kiều Trần Như. Ngôi *Tăng bảo* có từ đó và việc Đức Phật chuyển pháp luân để có ngôi Pháp

bảo cũng phát khởi từ đây. Điều đáng chú ý, Pháp bảo từ bài pháp đầu tiên, đến nhiều năm sau Đức Phật khai mở con đường về Niết bàn, nhưng mới chỉ là Niết bàn của Thanh Văn thừa, chưa hoàn toàn rốt ráo, vì vậy cho nên mới gọi là phương tiện thuyết tam thừa. mới nêu và hướng dẫn *Niết bàn Hữu dư*, chứ chưa giáo hóa chứng đắc toàn triệt *Niết bàn Vô dư*.

Chánh văn

39 - Xá Lợi Phất phải biết !

Ta thấy các Phật tử,
 Chí quyết cầu Phật đạo,
 Vô lượng nghìn muôn ức,
 Đều dùng lòng cung kính,,
 Đồng đi đến chỗ Phật,
 Từng đã theo các Phật,
 Nghe nói pháp Phương tiện,
 Ta liền nghĩ thế này :
 Sở dĩ Phật ra đời,
 Là để nói Phật huệ,
 Nay chính đã đúng lúc.

Giảng luận

Đức Phật cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và đại chúng biết là khi nhìn thấy hàng đệ tử Như Lai, những vị quyết tâm cầu Phật đạo, số đông nhiều hằng trăm ngàn vạn ức, đồng đến trước Phật thành

tâm cung kính Phật. Số đông này tiền kiếp đã từng nghe chư Phật quá khứ phương tiện thuyết tam thừa. nên Đức Thích Ca Như Lai mới quả quyết rằng: Chư Phật nhập đời cũng chỉ vì khai mở Phật huệ cho chúng sanh. Cho nên nay đã đúng thời, Như Lai nhất định phổ truyền giáo pháp như chư Phật đã từng phổ truyền. Đọc tụng đoạn thơ kệ trên, hành giả Pháp Hoa kinh tăng trưởng niềm tin rằng chính mình nhất định có khả năng thành Phật.

Chánh văn

40 - Xá Lợi Phất phải biết !
Người căn chậm trí nhỏ,
Kẻ chấp tướng kiêu mạn,
Chẳng thể tin pháp này.
Nay Ta vui vô úy,
Ở trong hàng Bồ tát,
Chính bỏ ngay phương tiện,
Chỉ nói đạo vô thượng,
Bồ Tát nghe pháp đó,
Đều đã trừ lười nghi,
Nghìn hai trăm La Hán,
Cũng đều sẽ thành Phật.
Như nghi thức nói pháp,
Của các Phật ba đời,
Ta nay cũng như vậy,
Nói pháp không phân biệt.

Việc chư Phật ra đời,
 Lâu xa khó gặp được,
 Mà cho dù đã gặp,
 Nói pháp này vẫn khó
 Vô lượng vô số kiếp,
 Nghe pháp này cũng khó
 Kể hay nghe pháp này,
 Là người cũng khó có.
 Thí như hoa Linh thoại,
 Ai ai cũng ưa mến,
 Cõi trời người ít có,
 Lâu lâu trở một lần.

Giảng luận

Hạng người trí thấp kém, tính tình kiêu mạn, dù có phương tiện thuyết cách nào họ cũng không tin Phật thừa. Vì vậy đến đây vào hội thuyết Pháp Hoa, Đức Phật chính thức công bố thông qua, không còn nhắc Nhị thừa, hoặc Tam thừa nữa, chỉ còn Nhất thừa thôi. Pháp Nhất thừa này Đức Phật chủ đích là thuyết dạy hàng sơ phát tâm Bồ tát và hàng Bồ tát, y pháp tu hành, hầu sớm chứng đắc quả vị Phật.

Ngoài số vị A La Hán bỏ Đạo tràng ra đi thì số còn lại nơi Đạo tràng một ngàn hai trăm vị A La Hán hiện hữu nhất định cũng sẽ thành Phật.

Thuở xưa chúng sanh khó gặp chư Phật xuất hiện vào đời. Nay cho dù gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai nhập đời, nhưng nghe được pháp Nhất thừa lại còn khó hơn, mà kẻ hay nghe pháp này cũng khó có. Khó như hoa Linh thoại đối với đời là loài hoa quý hiếm, mấy ngàn năm, khi nào đời có Thánh nhân xuất hiện, loài hoa này mới một lần nở. Như vậy pháp Nhất thừa vô cùng quý báu, ai đủ duyên lành mới được nghe, mới được đọc tụng, in sao, viết chép, cúng dường, nhất là nghe xong, tụng xong, khởi niềm tin, mà tin thật thấm sâu vào pháp Nhất thừa mới thật là tuyệt diệu vậy.

Chánh văn

41 - Người nghe pháp mừng khen,
 Cả đến nói một lời,
 Thời đã là cúng dường,
 Tất cả Phật ba đời.
 Người đó còn ít có,
 Hơn cả hoa Ưu đàm,
 Các ông chớ có nghi,
 Ta là vua các pháp,
 Khắp bảo các đại chúng,
 Chỉ dùng đạo Nhất thừa,
 Dạy bảo các Bồ tát,
 Không Thanh Văn đệ tử.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh, ai nghe pháp Nhất thừa rồi tin tưởng mừng khen, kể cả tán thán một lời thôi, công đức của người này bằng cúng dường khắp chư Phật ba đời. Hạng người như thế còn hiếm có hơn hoa Ưu đàm. Đức Phật giáo hóa chúng sanh thành Bồ tát, giáo hóa hàng Bồ tát thành Phật. Những ai còn chấp giữ quả Thanh Văn thì không còn là đệ tử của Đức Phật nữa.

Chánh văn

42 - Xá Lợi Phất các ông!

Thanh Văn và Bồ tát,
 Phải biết pháp mâu này,
 Là bí yếu các Phật.
 Bối đời năm ác trước,
 Chỉ tham ưa các dục,
 Những chúng sanh như thế,
 Rốt không cầu Phật đạo,
 Người ác đời sắp tới,
 Nghe Phật nói Nhất thừa,
 Mê ngờ không tin nhận,
 Phá pháp đọa đường dữ,
 Người tự trọng trong sạch,
 Quyết chí cầu Phật đạo,
 Nên vì bọn người ấy,
 Rộng khen đạo Nhất thừa.
 Xá Lợi Phất nên biết !

Pháp các Phật như thế,
Dùng muôn ức phương tiện,
Tùy thời nghi nói pháp.
Ai chẳng học tập tu,
Không hiểu đặng pháp này,
Các ông đã biết rõ,
Phật là thầy trong đời.
Việc phương tiện tùy nghi,
Không còn lại nghi lầm,
Lòng sanh niềm vui mừng,
Tự biết sẽ thành Phật.

Giảng luận

Đoạn kết phẩm Phương tiện, Đức Phật căn dặn đại chúng và Tôn Giả Xá Lợi Phất, kể cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát lưu ý rằng pháp Nhất thừa là bí pháp nhiệm mầu của chư Phật ba đời. Vì vậy nên chúng sanh khó hiểu, khó liễu đạt, bởi vì đời năm trước ác, chúng sanh tham đắm năm dục lạc, nếu thuyết giảng cho họ, họ không tin nhận hủy báng pháp Nhất thừa và sẽ bị đọa ba đường dữ. Pháp Nhất thừa chỉ phổ truyền cho hạng người tâm thanh tịnh, biết hổ biết thẹn khi bị sai lầm. Phải dùng đủ nhiều cách dù là phương tiện phổ truyền để rồi dẫn đến Nhất thừa pháp. Nhất thừa pháp đòi hỏi người tin phải học, phải tu, phải luyện. Tin chưa đủ,

học chưa đủ, mà phải cả tu luyện mới liễu thông pháp Nhất thừa.

Đức Phật đạo sư cả ba cõi, dù tùy nghi phương tiện nhưng không thể nào lầm lẫn. Chúng sanh nào tự tin, tự hiểu rằng mình sẽ thành Phật thì tâm luôn luôn hoan hỷ.

Giới tu hành kinh Pháp Hoa nên học rất thâm sâu nơi phẩm Phương tiện và tu luyện theo lời chỉ dẫn của Đức Thế Tôn để liễu thông Nhất thừa pháp.

III - TÓM KẾT

Bài này nói riêng, ba bài học về phẩm Phương Tiện là chìa khóa mở cửa vào tòa lâu đài Pháp Hoa.

Đọc phẩm Phương Tiện nên chú ý từng chữ, nổi bật nhất là những đoạn, những câu ẩn nghĩa:

- * Năm ngàn người rời pháp hội.
- * Thập như thị pháp.
- * Pháp trụ trên ngôi pháp.
- * Thế gian tướng thường còn.
- * Chư Phật và Đức Phật Thích Ca Như Lai vào đời chỉ vì phổ truyền thực tướng của các pháp.
- * Chúng sanh hàng chơn tu chỉ “*hiếu*” thực tướng.
- * Bồ tát chỉ “*biết*” thực tướng.

* Chư Phật mới “*chứng đắc*” thực tướng.

Phẩm Phương Tiện còn nhiều ẩn nghĩa, nhất là phần thơ kệ nơi bài số sáu này chưa được giảng giải. Thực tướng không thể dùng sáu giác quan để nhận biết, cũng không dùng thức, kể cả không thể dùng trí để quán chiếu mà chứng đắc. Phải từ hàng Bồ tát tu luyện mới chứng đắc thực tướng. Khi chứng đắc thực tướng các pháp, là đã chứng đắc quả vị Phật.

Phải có phong vũ biểu và đài thiên văn mới đo lường chính xác về sự thay đổi khí tượng và sự cố xảy ra giữa không gian. Sáu giác quan con người, dù tinh tế cách nào cũng không thể đo lường chính xác mọi hiện tượng trong vũ trụ, dù là tương đối.

Đức Phật Thích Ca và chư Phật xuất hiện ở đời, mục đích chính là chỉ dẫn cho chúng sanh thấy rõ thực tướng của các pháp. Thực tướng của các pháp là chơn không, và chơn không tức là thực tướng. Phật pháp và thế gian pháp, chẳng phải hai mà cũng chẳng phải một. Thực tướng và giả tướng, chẳng hề hai và cũng chẳng phải là một. Sóng và nước, chẳng hề hai mà cũng chẳng phải một. Muốn liễu nghĩa thực tướng các pháp thì trước tiên phải tin mình và chúng sanh, ai ai, loài nào, người nào cũng đều có Phật tánh. Muốn tin mình có Phật tánh thì phải liễu ngộ kinh Pháp Hoa, nhất là phẩm Phương tiện. Khi chính ta được khai mở, để thấy biết Phật

tánh rồi thì phải làm sao quay về gặp gỡ tánh Phật sẵn có ấy, và quan trọng là phải nhập vào tánh Phật ấy, lúc bấy giờ mới liễu nghĩa được thực tướng, mới vỡ lẽ rằng thực tướng chính là chơn không, các pháp có hình tướng thế gian, tướng nào cũng không ngoài thực tướng. Mười như vậy, tức là Thập như thị pháp, là mười phương pháp, dẫn nhập cho ta liễu nghĩa thực tướng.

Trong cơn mưa tầm tã của chiều đông lạnh, nó đã ngầm chứa đựng cái rục rờ của thêm xuân, và ngược lại cũng thế. Vậy cho nên, người học đạo không nên chạy trốn cái chiều đông lạnh, mà cũng không nên chạy đi tìm cái thêm xuân ấm áp vui vẻ kia. Thực tướng của hoa, không có sự nở hay tàn.

Xuân đi hoa vẫn nở

Xuân ở hoa vẫn rơi

Bận lòng chi rơi nở

Tự tại thả thuyền chơi

(Thơ Thích Thông Bửu)

Từ ngày biết cầm quyển kinh Pháp Hoa đọc tụng đến nay, chúng ta chỉ phớt qua và ngồi chờ sự mâu nhiệm của tha lực. Đồng ý là có sự mâu nhiệm của Tam Bảo, nhưng cũng ví như người xem truyền hình mở máy không đúng tần số, nhất là máy truyền hình chưa hoàn chỉnh thì làm sao ta thấy được hình và nghe được tiếng phát đi từ Đài truyền hình.

Bắt đầu từ hôm nay, chúng ta sửa đổi về lối tu mê mờ, tu phó mặc của mình. Chúng ta phải học, phải chiêm nghiệm, phải tinh tấn, phải tu tập. Nhất là phải tu luyện để mở khai, để thấy biết, để gặp gỡ, để hòa nhập vào thực tướng của các pháp. Thực tướng là tướng chơn không, là tánh Phật, là Phật tri kiến, là rõ biết Phật tánh.

Điều quan trọng nhất cần lưu ý là chẳng những biết Phật tánh của riêng mình, mà phải thấu hiểu rằng ai ai, mọi người, mọi loài và không riêng chúng hữu tình, mà cả loài vô tình như cỏ cây, bông, lá, đá, hoa, thủy thủy muôn vật cũng đều có giống Phật.

**Loài hữu hay vô tình
Đều có giống Phật cả.**

(Kinh Hoa Nghiêm và Niết Bàn)



Rất mong tất cả chúng ta đều là hành giả Pháp Hoa kinh, ai cảm thấy sự hiểu biết của mình về thực tướng còn mập mờ, tức là chưa hiểu rành rẽ, xin tinh tấn tu luyện theo phương pháp Nhất thừa. Việc cấp thiết trước mắt là hãy đọc ba bài số bốn, năm và sáu này nhiều lần. Đọc như khi ta còn bé ở trình độ Tiểu học, học bài thuộc lòng vậy. Dù ta có lớn bao nhiêu, có danh vị trong xã hội, có trí thức đối với xã hội bao nhiêu, nhưng quay về với kinh Pháp

Hoa, với thực tướng các pháp, chúng ta cũng vẫn là một bé ấu thơ. Bởi vì Bồ tát, Thanh Văn và Duyên Giác vẫn còn chưa chứng đắc Pháp Hoa kia mà!

Từ hiểu biết đến chứng đắc còn xa. Chúng ta không nên tự phụ mình đã chứng đắc, hay liễu ngộ thực tướng. Hiểu biết chưa đạt thì làm gì có chứng đắc? Nếu đọc thuộc lòng ba bài này mà chưa hoan hỷ thì quý vị nên tìm nghe băng nhựa, của ba buổi giảng khóa sáu này, thời gian gần chín tiếng đồng hồ (*sáu cuộn*). Nếu nghe băng nhựa vẫn chưa thỏa đáng thì nên trực tiếp đến Đạo tràng. Tốt nhất là nên hạ quyết tâm tu luyện. Phải có minh sư thiện hữu. Phải ấn định “giờ” tu luyện, tu luyện trọn vẹn, tinh tấn, dũng mãnh và nhiệt tâm.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Long Thiên Bát Bộ Hộ pháp hộ trì cho chúng ta sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát Liên Hoa. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả đều thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 7

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba

- Tôn Giả Xá Lợi Phất dâng lời biết ơn và bộc bạch tâm trạng lên Đức Phật.
- Tôn Giả Xá Lợi Phất, lặp lại lời trình bạch bằng thơ kệ.

- Đức Phật nhắc lại kiếp xưa của Tôn Giả Xá Lợi Phất.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất.
- Chư Thiên đánh lễ và tạ ơn Đức Phật đã khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho họ.

I - MỞ ĐỀ

Muôn loài, giống nào, vật nào cũng phải thuận theo nguyên lý “sinh diệt”. Nhỏ như cỏ, hoa cũng phải thế. Tức cũng trải qua bốn thời kỳ: đơm hoa, kết nụ, quả lớn, già hườm, chín rồi chín mùi. Sự học hành chữ nghĩa của con người, cũng phải tuần tự trải qua Tiểu học, Trung học, Đại học, Cao học, Bác học. Đó là mới kể sơ lược qua nguyên lý “sinh”, chứ chưa đề cập đến nguyên lý “diệt”. Vậy thì sự tu hành sao có thể vượt qua nguyên lý sinh và diệt? Dù biết rằng, ai ai cũng có sẵn trí tuệ và tánh Phật, nhưng phải tuần tự từng bước tu luyện: **khai, thị, ngộ, nhập, tri kiến Phật**. Phải gian khổ qua từng thời kỳ tu hành, mới đắc đạo. Chưa có giống cây nào, vừa đơm hoa, vừa quả chín cùng một giờ. Vậy thì sao có người tu học Phật, mới vừa vào chùa buổi sáng, buổi trưa đã trở thành Thượng tọa?

Qua hai phẩm kinh, gồm năm bài học, về phẩm Tựa và phẩm Phương Tiện, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa tại Đạo tràng này, đã giúp chúng ta

chhiêm nghiêm phần thẳm sâu của từng bước tu học. Khi thẳm sâu rồi, nếu ai chịu thực hành, nhất là chịu áp dụng vào nếp sống hằng ngày, theo tinh thần kinh Pháp Hoa, bộ kinh vi diệu nhập đời, thì chúng ta sẽ nếm được chất ngọt ngào tuyệt diệu về lời dạy của Đức Thế Tôn.

Bài học số bảy thuộc phẩm Thí Dụ (*phẩm này ba bài*). Chúng ta lắng đọng tâm hồn uống cạn lời bệch bạch của Tôn Giả Xá Lợi Phất, trình lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau đó, chúng ta thành tâm thu nhiếp, ghi nhớ trọn vẹn lời Thế Tôn thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và Đức Phật kể câu chuyện ngôi nhà lửa cùng ba thứ xe, để làm thí dụ cho giáo pháp ba thừa của chư Phật, cũng như của Ngài.

II - NỘI DUNG

1/. Tôn Giả Xá Lợi Phất dâng lời biết ơn và bệch bạch tâm trạng lên Đức Phật

Chánh văn

1- Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất phấn chấn vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chhiêm ngưỡng dung nhan của Đức Phật mà bạch rằng:

“Nay con từ Đức Thế Tôn nghe đặng tiếng pháp này, trong lòng hớn hở đặng điều chưa từng có. Vì sao? Con xưa cũng từ Phật đã nghe nói pháp như thế này, thấy các vị Bồ tát được

thọ ký thành Phật, mà phần chúng con chẳng được dự việc đó, tự rất cảm thương cho mình bị vượt khỏi tầm vô lượng tri kiến của Như Lai.

Thế Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vậy: “Chúng con đồng vào pháp tánh, tại sao Đức Như Lai lại dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho ?”

Đó là lỗi của chúng con chớ chẳng phải do Thế Tôn vậy. Vì sao? Nếu chúng con biết chờ Phật nói chất tố thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời chắc đã do pháp Đại thừa mà đặng độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, nên vừa mới nghe Phật nói pháp phương tiện liền vội tin nhận, suy gẫm chứng lấy.

Thế Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đêm hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi ngờ, thân ý thơ thối hoàn toàn an ổn. Ngày nay mới biết mình thiệt là Phật tử, sinh ra từ giáo thuyết của Phật, sinh ra từ chuyển hóa của pháp, là bốn phần của Phật và pháp.

Giảng luận

❶ Tôn Giả Xá Lợi Phất thành tâm dâng lời biết ơn Đức Phật, đã khai mở trí tuệ cho Tôn Giả và đại chúng.

❷ Tôn Giả Xá Lợi Phất bộc bạch những điều u uẩn trong lòng do thắc mắc phân vân trở ngại tạo ra. Tại sao Bồ Tát được thọ ký thành Phật, còn hàng Thánh Tăng không được thọ ký? Nhất là lúc thanh vắng, một mình, nếu không sáng suốt thường hay nghĩ bậy. Nghĩ rằng Đức Phật thiên vị hàng Bồ Tát, dành pháp môn thành Phật cho Bồ Tát, còn Thánh Tăng thì chỉ dạy pháp Tam thừa.

❸ Niềm u uẩn được phá tan, nhờ ngộ Phật tri kiến, nhờ nghe kinh Pháp Hoa, mới thấy sự nghi ngờ của mình là đầy tội lỗi. Điều này hàng Thánh Tăng như Tôn Giả Xá Lợi Phất và chư Thánh Tăng khác vẫn vướng mắc, huống gì chúng ta, ai vào cuộc sống mà khỏi mắc phải lưới nghi ngờ. Một nghi sanh mười ngờ, một ngờ là trăm tội. Như vậy, khởi lên một niềm nghi là tạo thành một ngàn điều tội. Vậy mỗi người chúng ta nơi Đạo tràng này, hãy tự xét lại mình, đang và sẽ thủ bao nhiêu nổi nghi? Người nào ít nhất cũng cả ngàn nổi nghi (*nhất là giới nữ, quý cô, quý bà*). Một ngàn nổi nghi, thành mười ngàn sự ngờ. Vậy nhân lên thành một triệu tội lỗi. Tội lỗi vì nghi nó nhiều như thế thì làm sao tu thành Phật? Cho nên, muốn diệt trừ nổi nghi, phải chặn từ gốc. Phải khai thị ngộ nhập Phật tánh. Chưa

đắc ngộ cũng phải liễu tri **thực tướng**. Muốn đắc thực tướng phải rõ và tu thập như thị pháp.

④ Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bạch lên Đức Phật rằng đám mây nghi ngờ phủ trùm tâm tư của Tôn Giả từ lâu, giờ này đã hoàn toàn tan biến, nhường lại bầu trời quang đấng, và giờ này do bình tĩnh nên chẳng những biết mình có Phật tánh, mà còn tự thấy rõ mình chính là con trưởng của Đức Phật nhờ nghe pháp, từ miệng Phật truyền dạy mà sanh trí tuệ, là bốn phần (*phần gốc*) của Phật và pháp.

Sự tu luyện của chúng ta, mỗi người cũng nên thay đổi tư tưởng như Tôn Giả Xá Lợi Phất.

2/. Khi ấy, Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Chánh văn

2 - Con nghe tiếng pháp này
 Được điều chưa từng có
 Lòng rất đổi vui mừng
 Lưới nghi đều đã trừ
 Xưa nay nhờ Phật dạy
 Chẳng mất nơi Đại thừa
 Tiếng Phật rất ít có
 Hay trừ khổ chúng sanh
 Con đã sạch phiền não
 Nghe cũng trừ lo khổ
 Con ở nơi hang núi

Hoặc dưới cùm cây rừng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy nghĩ việc này.
Than ôi ! Rất tự trách
Sao lại tự lừa dối
Chúng con cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Chẳng được ở vị lai
Nói pháp vô thượng đạo,
Sắc vàng, bâm hai tướng
Mười lực các giải thoát.
Đồng chung trong một pháp
Mà chẳng được việc đó
Tám mươi tướng tốt đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như thế
Các con đều đã mất

- 3 - Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật ở trong chúng
Danh vang khắp mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh.
Tự nghĩ mất lợi này
Chính do tự lừa dối
Con thường trong ngày đêm
Hằng suy nghĩ việc đó
Muốn đem hỏi Thế Tôn

Là mất hay không mất ?
 Con thường thấy Thế Tôn
 Khen ngợi các Bồ tát
 Vì thế nên ngày đêm
 Suy lường việc như vậy.

4 - Nay nghe tiếng Phật nói
 Tùy nghi mà dạy pháp
 Vô lậu khó nghĩ bàn
 Khiến chúng đến Đạo tràng
 Con vốn chấp tà kiến
 Làm thầy các Phạm Chí
 Thế Tôn rõ tâm con
 Trừ tà nói Niết Bàn
 Con trừ hết tà kiến
 Mà chứng nơi pháp không
 Bấy giờ lòng tự bảo
 Đã đến diệt độ rồi
 Mà nay mới tự biết
 Chẳng phải thiệt diệt độ
 Chừng nào đặng thành Phật
 Đủ ba mươi hai tướng
 Trời, người, chúng dạ xoa
 Rồng, thần đều cung kính
 Bấy giờ mới được nói
 Dứt hẳn không còn thừa
 Phật ở trong đại chúng

Nói con sẽ thành Phật
Nghe tiếng pháp như vậy
Lòng nghi ngờ đã trừ.

5 - Khi mới nghe Phật nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Não loạn lòng ta chẳng
Phật dùng các món duyên
Thí dụ khéo nói bày
Lòng kia an như biển
Con nghe, lưới nghi dứt.
Phật nói thưở quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp này
Phật hiện tại, vị lai,
Số nhiều đều vô lượng
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế.
Như Thế Tôn ngày nay
Từ sanh đến xuất gia
Đắc đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói
Đạo thật mà Phật nói
Ma vương không nói được
Vì thế con định biết

Không phải ma giả Phật
 Nghe tiếng Phật êm dịu
 Sâu xa rất nhiệm màu
 Nói suốt pháp thanh tịnh
 Tâm con rất vui mừng.
 Nghi hối đã hết hẳn
 An trụ trong thiết trí
 Con quyết sẽ thành Phật
 Được trời, người cung kính
 Chuyển pháp luân vô thượng
 Giáo hóa các Bồ Tát

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất dùng thơ kệ lập lại lời trình bạch của mình lên Đức Phật. Đoạn thơ kệ này gồm bốn điểm chính:

* Thứ nhất: Tôn Giả trình bày nỗi vui mừng của Tôn Giả, vừa liễu ngộ pháp Đại thừa Thập như thị pháp, tức là Pháp thực tướng.

* Thứ hai: Trình bày nỗi niềm u uẩn của Tôn Giả từ trước đến nay, tại sao hàng Thánh Tăng không được bình đẳng thọ ký thành Phật như hàng Bồ Tát. Và tại sao hàng Thánh Tăng chỉ học chương trình Tam thừa, mà không được học Nhất thừa pháp.

* Thứ ba: Tôn Giả tự sám hối những tư duy sai lầm của mình, suốt dòng thời gian đã qua. Vì chỉ mới đắc pháp “Không”, nghĩa là mới nửa chừng,

vậy mà đã tự cho rằng mình và hàng Thánh Tăng đã đến tuyệt đích. Nay nhờ nghe pháp Nhất thừa mới bừng tỉnh.

* Thứ tư: Tôn Giả thành tâm sám hối tội lỗi quá lớn: là vì chủ quan ở chỗ hiểu biết của mình, chỉ mới biết nông cạn, mà nói rằng chúng sanh không có quyền thành Phật, cho nên khi vừa mới nghe Phật tuyên xưng pháp Nhất thừa, xác định tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và tất cả chúng sanh đều được thành Phật thì Tôn Giả run sợ, nghi ngờ tướng ma giả Phật, làm não loạn Tôn Giả và đại chúng. Bây giờ vỡ lẽ ra, Tôn Giả mới thấy mình đầy tội lỗi. Lỗi thứ nhất là mờ tối không tin bậc đại trí tuệ. Thứ nhì, bậc đại trí tuệ ấy lại chính là vị Thầy đã từng cứu mình, mà mình lại dám nghi ngờ là ma giả Phật.

Ý nghĩa điểm cuối cùng của đoạn thơ kệ: Tôn Giả Xá Lợi Phất đại diện hàng Thánh Tăng chính thức tuyên bố cho tất cả trời, thần, người, quỷ, rồng và chẳng phải người, nhưng chưa chứng đắc thần biết rằng: chỉ có Phật thừa là giáo pháp tối hậu, dạy mọi loài, mọi người chớ nên tin lạng quạng, tin nửa vời như bản thân của Tôn Giả thời gian qua thì thật là nguy hiểm. Hiện tại Tôn Giả Xá Lợi Phất đã thâm nhập Phật tánh, đã liễu tri, chứng đắc Phật tri kiến và xin thệ nguyện tu trì cầu thành quả Phật, theo pháp môn Phật thừa.

Có nhiều bài văn viết về **Phát Bồ Đề tâm**, tức là phát tâm đại trí tuệ. Tâm đại trí tuệ là tâm thành Phật. Phần này được phân đông các bậc Pháp sư, Giáo thọ sư, Giảng sư, Giáo sư đề cập và nhấn mạnh để giới Tăng Ni Phật tử hiểu rõ, hầu phát tâm đại trí tuệ, phát tâm cầu thành Phật.

Nhưng vì nghiệp dĩ chúng sanh quá nặng, hoặc chưa đến lúc, hoặc sự giảng giải chưa gặp từ trường giữa người dạy và người nghe, cho nên việc phát tâm tu cầu thành Phật vẫn còn hời hợt ở ngoài vành môi, chứ chưa thấm nhập vào tâm ý, chưa khắc ghi vào tư tưởng. Chúng tôi xin nêu bằng chứng cụ thể:

Tại Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm, chia thành năm lớp học (*tối thứ Năm và suốt ngày Chủ nhật*), số học viên tới mấy ngàn vị. Chúng tôi gồm mười vị giáo thọ đã phân nhau giảng dạy, suốt tám năm dài, qua tám khóa. Đúng là một Đạo tràng khá gương mẫu. Nhưng đi sâu vào phần bưng khai tâm trí học viên thì chẳng tìm gặp. Xót xa quá! Chúng tôi mở cuộc thăm dò. Hỏi: “Quý vị đã phát nguyện thành Phật chưa?”. Tất cả yên lặng. Chúng tôi lập lại câu hỏi và yêu cầu giơ tay. Cả Đạo tràng giơ tay chưa được ba phần trăm. Chúng tôi lắc đầu chán ngán! Lập lại và nhấn mạnh câu hỏi “**Quý vị đã đọc lời thệ nguyện phát tâm cầu thành Phật lần nào chưa?**”. Đạo tràng giơ tay được năm phần trăm. Số không giơ tay chín mươi lăm phần trăm.

Chúng tôi thở dài não nuột! Thế thì việc hướng dẫn Phật pháp của mình, suốt tám chín năm, đã không thành công!

Quý vị chỉ học Phật pháp bằng hai tai và nói Phật pháp bằng nơi miệng, chứ chưa học Phật pháp và đọc tụng Phật pháp bằng ý hoặc tâm. Vậy thì mỗi ngày trì kinh, quý vị có tụng: “**Tứ hoằng thệ nguyện hay không?**”. Cả Đạo tràng đều giơ tay (*một trăm phần trăm*). Chúng tôi nhoẻn môi cười. Sao vừa rồi quý vị nghĩ và biểu quyết là chưa? Vậy câu thứ tư của Tứ hoằng thệ nguyện nói gì? **Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành**. Việc thành Phật cao thượng rất khó khăn, nhưng nhất quyết thệ nguyện thành: **Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành**, chẳng lẽ quý vị phát nguyện mà quý vị không nhớ. Bài “Tứ hoằng thệ nguyện” chúng tôi đã giảng tại khóa hai, đúng một giờ rưỡi, có thu băng nhựa. Quý vị chẳng những nghe giảng, mà còn nghe băng nhựa đến nháo dùn, vậy mà nữa nào quý vị lại quên cho đành. Chẳng những phát tâm ở Tứ hoằng thệ nguyện, mà mỗi tháng hai lần tụng Sám hối, mỗi đêm sám hối đều có đọc:

“**Con không cầu xin được hưởng phước báu nơi cõi trời, người. cũng không cầu xin đắc quả Thánh Thanh Văn, Bích Chi Phật. Kể cả cũng không dừng ở quả vị Bồ tát, mà mục đích cuối cùng của con là phát tâm chứng đắc A Nậu Đa La**

Tam Miệu Tam Bồ Đề” (có nơi dịch chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác). Vậy thì không lẽ quý vị, đến trước bàn thờ Phật, quỳ gối để giỡn với chư Phật ư! Lời thệ nguyện rành rành và thường xuyên như vậy, thế mà chúng tôi hỏi quý vị đã phát tâm tu cầu thành Phật chưa? Quý vị bảo rằng chưa! Như thế là thế nào?

Vì các nguyên nhân vừa nêu, nên hôm nay khi giảng luận đoạn kệ của Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất nơi phẩm Thí dụ thứ ba này, chúng tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa rằng: **“Ai không phát thệ nguyện thành Phật thì tốt nhất là đừng tụng đọc kinh Pháp Hoa”**. Bởi vì Đức Phật đã dạy rõ người nào tu hành theo đạo Phật, mà chưa phát tâm Bồ đề rộng lớn, tức là chưa phát tâm cầu thành Phật thì sự tu hành ấy, cũng ví như người đầu bếp, nấu cát mơ thành cơm vậy!

Như thế thì công phu mở Đạo tràng giảng luận kinh Pháp Hoa suốt mấy năm qua là việc nấu cát mơ thành cơm! Thật không gì chua xót cho bằng! Tại sao mọi người không tự tin mình có Phật tánh? Kể cả Ngài Thánh Tăng Xá Lợi Phất cũng vậy! Mãi sau, Ngài mới hối hận ăn năn. Phải chăng sự hối hận ăn năn của Tôn Giả Xá Lợi Phất, là một ánh đèn soi rọi vào các tâm hồn tăm tối, sợ thành Phật, mặc cảm rằng mình không thể nào thành Phật được!

Tụng đến phẩm thứ ba Thí Dụ kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, đến phần ẩn sâu mật nghĩa này, mong tất cả toàn thể học giả, hành giả, thức giả Pháp Hoa kinh, hãy chuyển tư tưởng Tiểu thừa sang tư tưởng Đại thừa. Chuyển tư tưởng Thanh Văn và Bích Chi Phật, tu cầu lợi ích riêng mình chuyển sang tư tưởng tu cầu chứng đắc quả vị Phật, rộng độ chúng sanh, thời gian bao lâu cũng được. Năm này chưa chứng đắc thì năm khác. Đời này chưa chứng thì đời khác. Nhược bằng có lâu xa, kiếp này chưa chứng thì kiếp khác nhất định sẽ chứng đắc quả vị Phật.

Đệ tử tên họ pháp danh Xin phát đại thệ nguyện: **“Tu cầu chứng đắc thành Phật”**.

Ngày nào cũng phát nguyện như thế và phát nguyện phải phát xuất từ tâm thành, ý thiết, chứ không chỉ đọc suông ở vành môi như từ trước đến nay.

3/. Đức Phật nhắc lại kiếp xưa của Tôn Giả Xá Lợi Phất

Chánh văn

6 - Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ta nay ở chốn hàng trời, người, Sa môn, Bà la môn, các chúng tụ hội mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo vô thượng mà giáo hóa ông, ông cũng lâu dài theo Ta thọ

học, Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông tái sanh vào trong pháp Ta”.

Xá Lợi Phất ! Ta thuở xưa đã dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại vẫn muốn khiến ông nghĩ nhớ đến đạo pháp mà chí nguyện ấy cần làm, nên nói cho các Thanh Văn nghe kinh Đại thừa tên là: “**Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm**” (kinh Diệu Pháp Liên Hoa dùng dạy hàng Bồ tát, được Phật giữ gìn).

Giảng luận

Đức Phật nhắc nhở Tôn Giả Xá Lợi Phất, tức là nhắc nhở chúng ta nhớ lại rằng: “Không phải Tôn Giả Xá Lợi Phất và chúng ta, mới gặp Phật pháp ngay đời này, mà là đã gặp Phật và giáo pháp, đã tu học theo giáo pháp giải thoát nhiều đời nhiều kiếp, nghĩa là lâu lắm rồi. Tại Tôn Giả Xá Lợi Phất và chúng ta lừng quên đó thôi.

Đức Phật không những truyền dạy riêng Tôn Giả Xá Lợi Phất, mà là chung cho hàng Thanh Văn và tất cả chúng sanh. Ngài thuyết kinh Pháp Hoa này để giáo hóa chúng sanh thành Bồ Tát, giáo hóa Bồ Tát thành Phật. Cho nên được chư Phật khắp mười phương hộ trì kinh này.

4/. Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất
Chánh văn

7- Xá Lợi Phất! Ông đến đời vị lai quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Nước tên: Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng thanh tịnh đẹp đẽ, an ổn, đầy đủ vui tươi, trời người đông đảo. Lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng ròng để giăng ranh bên đường, mé đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có bông trái. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

Xá Lợi Phất ! Lúc Đức Phật Hoa Quang ấy ra đời dầu không phải đời ác trọc mà bởi bốn nguyện nên nói pháp đủ ba thừa. Kiếp đó tên là “Đại Bửu Trang Nghiêm”. Vì sao gọi là “Đại Bửu Trang Nghiêm”? Vì trong cõi đó dùng Bồ Tát làm “Đại Bửu” vậy. Các Bồ Tát đó số đông vô lượng vô biên bất khả tư nghì, tính kể hay thí dụ đều không xuể được, nếu chẳng phải sức trí tuệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có bông đỡ chân.

Các vị Bồ tát đó không phải hàng mới phát tâm, mà đều đã trồng cội đức từ lâu. Trải qua

vô lượng trăm nghìn muôn ức chốn Phật, tịnh tu phạm hạnh, hằng được các Phật ngợi khen. Thường tu trí huệ của Phật, đủ sức thân thông lớn, khéo biết tất cả các pháp môn, ngay thật không dối, chí niệm bền vững, bực Bồ tát như thế, khắp đầy nước đó.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc còn làm Vương tử chưa thành Phật. Như dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ tát Kiên Mãn mà bảo các Tỳ kheo: Ông Bồ tát Kiên Mãn này kể đây sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như vậy.

Xá Lợi Phất ! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp. tượng pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất là vị đầu tiên trong hàng Thanh Văn (*đệ tử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni*), được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Đây là điều đặc biệt, mở đầu việc thọ ký cho hàng đệ tử của Đức Phật sau này. Kể cả các vị chưa đắc quả vị Thanh Văn, cũng

vẫn được thọ ký thành Phật. Kể cả những vị độc ác, nhiều tội lỗi, đang bị đọa ở ngục A Tỳ, như Đề Bà Đạt Đa, cũng vẫn được thọ ký thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai. Hàng hữu học, chẳng còn học, hàng Cư sĩ trời người ...*vân vân* ... Vị nào đủ nhân duyên đều được Đức Phật thọ ký.

Việc thọ ký cho từng vị, hoặc tập thể được thành Phật, là sự chứng minh hùng hồn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với lời tuyên bố của Ngài rằng: **“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều được thành Phật”**.

Chánh văn

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8 - Xá Lợi Phất đời sau

Thành đấng Phật trí khắp
Hiệu là Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ tát
Các công đức thập lực
Chứng đặng đạo vô thượng
Quá vô lượng kiếp rồi
Kiếp tên Đại Bửu Nghiêm
Cõi nước tên Ly Cấu
Trong sạch không vết nhơ
Dùng lưu ly làm đất

Dây vàng giảng đường sá
Cây bảy báu đủ màu
Thường có hoa cùng trái
Bồ Tát trong cõi đó
Chí niệm thường bền vững
Thần thông, Ba La Mật
Đều đã trọn đầy đủ
Nơi vô số chốn Phật
Khéo học đạo Bồ tát
Những Đại sĩ như thế
Phật Hoa Quang hóa độ
Lúc Phật làm vương tử
Rời bỏ nước vinh hoa
Nơi thân cuối sau cùng
Xuất gia thành Phật đạo
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Nhờ dân trong nước đó
Sống lâu tám tiểu kiếp
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sanh
Chánh pháp diệt qua rồi
Tượng pháp cũng bâm hai
Xá lợi rộng truyền khắp
Trời, người thấy cúng dường

Việc đức Phật Hoa Quang
Cũng đều như thế đó
Đấng lưỡng Túc Tôn kia
Tuyệt đối không ai bằng
Hậu thân là ông vậy
Nên phải tự vui mừng.

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thơ kệ, trùng tuyên lại phần chánh văn thọ ký. Nhấn mạnh sự thành tựu của Tôn Giả Xá Lợi Phất được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Quốc độ là Ly Cấu. Kiếp tên Đại Bửu Trang Nghiêm. Vì quốc độ này trang nghiêm bằng vô lượng Bồ tát, quý báu ở chỗ không phải bằng vàng bạc thay mặt đất, mà là ngọc Lưu ly thay mặt đất. Cây cảnh lá hoa bằng ngọc quý thất bảo. thọ mạng dài lâu của Đức Phật Hoa Quang mười hai tiểu kiếp. Chánh pháp ba mươi hai tiểu kiếp. Tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

5/. Chư thiên đảnh lễ và tạ ơn Đức Phật đã khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho các Ngài

Chánh văn

9 – Bây giờ bốn bộ chúng: Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di và cả đại chúng: Trời, rồng, dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà ... thấy Xá Lợi Phất

ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lòng rất vui mừng hớn hở vô lượng. Mỗi người đều cố y trên mình đa ng đắp để cúng dường Phật.

Thích Đề Hoàn Nhơn cùng Phạm Thiên Vương ... và vô số thiên tử cũng đem y đẹp của trời, hoa trời Mạn đà la, Ma ha Mạn đà la ... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liền trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các nhạc khí trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều thổi. Chư Thiên rưới các thứ hoa trời mà nói lời rằng: “Đức Phật xưa ở thành Ba La Nại, chuyển pháp luân lần đầu, nay lại chuyển pháp luân tối đại vô thượng”.

Lúc đó các thiên tử muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10 – Xưa ở thành Ba Nại

Chuyển pháp luân bốn đế
 Rành rõ nói các pháp
 Nay chuyển pháp luân lớn
 Tối diệu và vô thượng
 Pháp đó rất sâu mầu
 Ít có người tin nổi
 Chúng ta từ xưa giờ
 Bao lần nghe Phật nói
 Mà chưa từng được nghe

Thượng pháp thâm diệu này.
Thế Tôn nói pháp đó
Chúng con đều nương vui
Đại trí Xá Lợi Phất
Nay được lãnh Phật ký
Chúng con cũng như vậy
Quyết sẽ đặng thành Phật,
Trong tất cả thế gian
Tôn quý chẳng gì trên
Phật đạo chẳng thể bàn
Phương tiện tùy nghi nói,
Nghệp phước của chúng con
Đời này hoặc đời trước
Và công đức thấy Phật
Trọn hồi hưởng Phật đạo.

Giảng luận

Biết ơn, tạ ơn là định lý của cuộc sống, chẳng những riêng cõi người, mà cả cõi trời đều áp dụng định lý này. Các Ngài vua trời và các con vua trời, kể cả dân chúng cõi trời, không thiếu chỗ ở, phương tiện đi lại, nói chung là không hề thiếu thốn vật chất như chúng ta ở cõi người. Cho nên vấn đề mang ơn, tạ ơn và lễ bái đối với các Ngài hình như ít xảy ra. Nay vào hội chuyển kinh Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca, tại núi Linh Thứu ở quả đất, các Ngài vua trời về tham dự, bất ngờ được nghe giáo

pháp thâm diệu, pháp môn long trời lở đất “**Giáo pháp Phật tánh**” - “**Giáo pháp Phật thừa**” - “**Giáo pháp chúng sanh nào cũng được thành Phật**”. Các Ngài vỡ lẽ ra, bừng ngộ được điều chưa từng nghĩ, chứ đừng nói là phát nguyện. Các Ngài được Đức Phật khai thị để ngộ nhập Phật tri kiến. Vì đại ân đức đó, nên các Ngài đảnh lễ và dâng phẩm lễ cúng dường.

III - TÓM KẾT

Đoạn đầu phẩm Thí Dụ có năm nét chính. Bốn nét là phần Tôn Giả Xá Lợi Phất, nét thứ năm là hai Ngài Thiên Vương.

Đức Phật và Tôn Giả Xá Lợi Phất, muốn giúp chúng sanh thời đó và các thời sau này dễ thấy rõ sự tự ty mặc cảm của mình. Chẳng những tự ty mặc cảm, mà còn cố chấp. Mắc hai chứng bệnh quá nặng, nên cứ quanh quẩn làm chúng sanh, hoặc có tu hành tinh tấn thì cũng tu hành đến đắc Thánh quả, đến tự lợi riêng mình mà thôi, chứ không dám vươn tới thành Phật. Thường tình, khi hiểu biết được điều gì hơi cao xa hơn người khác là đã tự mãn rồi. Phá được bệnh tự ty thì lại mắc phải bệnh cố chấp. Phá được bệnh cố chấp thì mắc phải bệnh tự mãn.

Tất cả những lời trình bạch của Tôn Giả Xá Lợi Phất, là món thuốc tuyệt diệu để chữa khỏi ba

chứng bệnh nan y của chúng ta, kể cả trời người quỷ thần.

Đức Phật lần đầu tiên thọ ký cho một vị Thánh Tăng, là sấm sét phá tan vầng mây xám nơi tâm trạng của hàng Thánh Tăng, hàng Bích Chi Phật. Các Ngài Thánh Tăng, các Ngài Bích Chi Phật, thường tự mãn rằng: quả vị của mình đang chứng đắc là quả vị tuyệt đỉnh rồi, không còn ai có thể hơn mình được. Không ngờ Đức Phật vào Hội Pháp Hoa, chuyển pháp Nhất thừa, tiếp theo tuyên bố chấm dứt pháp phương tiện, thế là năm ngàn vị bỏ Pháp Hội ra đi. Đức Phật không ngạc nhiên, mà lại vui mừng rằng: “Trấu lép đã hết, nay Pháp Hội chỉ còn hạt chắc, nên có thể chuyển pháp Nhất thừa. Tức là pháp dạy chúng sanh lần Thánh Tăng tu chứng thành Phật”.

Đức Phật lại còn kể chuyện tiền kiếp xa xưa. Cách nay vô lượng kiếp Đức Phật đã từng làm Phật và đã từng giáo hóa Tôn Giả Xá Lợi Phất. Vậy mà đến kiếp này, Tôn Giả Xá Lợi Phất lại lờn quên. Nghe nhắc chuyện quá khứ tiền kiếp, Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất tỉnh ngộ, bừng nhớ tất cả pháp Đại thừa, vội vàng ăn năn sám hối và bộc bạch tâm trạng của mình. Tôn Giả thực sự đã nhờ Đức Phật mở khai chỉ rõ Phật tánh của mọi chúng sanh, ai ai cũng có, ai ai cũng có quyền thành Phật. Vì vậy Tôn Giả Xá Lợi Phất cũng có quyền thành Phật.

Nhờ sự mở khai của Đức Phật quá rõ ràng, nên Tôn Giả Xá Lợi Phất quày về gặp lại được tánh Phật của chính mình và nhập vào tánh Phật ấy. Liền lúc đó Tôn Giả thấy biết rất rõ ràng về tánh Phật của mình, nên mới trình bày lên tất cả nỗi niềm mừng vui của bản thân.

Đức Phật kịp thời thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, trải qua nhiều kiếp sau, khi công đầy quả mãn, Tôn Giả sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai.

Sự thọ ký của Đức Phật quá đột ngột, khiến trời người quý thần đều vỡ tung lớp vỏ cố chấp, lành hẳn chứng bệnh tự mãn. Nhất là chứng bệnh tự ty mặc cảm cho rằng mình còn là chúng sanh tội lỗi nhiều, không thể nào thành Phật được. Nhưng qua sự thọ ký này, đa số hàng trời thần người quý rỗng, đều bằng ngộ và tin mình có khả năng thành Phật.

Hai Ngài thiên Vương quỳ bạch Đức Phật dâng niềm hy vọng của phía trời thần, đồng thời thuyết kệ dâng lên Đức Phật tin tưởng chính mình sẽ được thành Phật.

Tu học Pháp Hoa kinh đến đây, nếu ai chưa tin mình có Phật tánh và nhất định sẽ thành Phật thì đừng đọc tụng thêm phẩm khác, mà nên quày lại đọc tụng ba phẩm: một, hai, ba. Tu đến khi nào tin Phật tánh của mình, lúc bấy giờ mới tụng phẩm thứ tư và các phẩm kế tiếp.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Hộ pháp, hộ trợ cho mọi giới, sớm liễu ngộ nghĩa thực tướng các pháp.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả các pháp giới chúng sanh đều thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 8

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba
(tiếp theo)

- Tôn Giả Xá Lợi Phất nêu thắc mắc.

- Đức Phật giải đáp.
- Đức Phật nêu ví dụ qua câu chuyện ngôi nhà lửa và ba xe.

I - MỞ ĐẦU

Giáo pháp Đức Phật truyền dạy Kinh Luật Luận không giống với các kinh sách khác ở chỗ thực hành và áp dụng vào cuộc sống, chứng nghiệm ngay trong giờ phút áp dụng đó.

Qua bảy bài học, nếu quý vị tu học viên, quý vị hành giả Pháp Hoa kinh, đã thực sự say sưa chiêm nghiệm, thực hành, áp dụng nhuần nhuyễn từng câu, từng chữ, từng bài thì hôm nay quý vị đã cảm thấy mình là một người khác, một người đang từ trong đường hầm bước ra vùng ánh sáng. Dù là mới vừa lóe, nhưng niềm tin đang nồng nhiệt đến với chính mình. Còn nếu cứ giữ thái độ cố chấp, đọc cho nhiều, đọc một ngày cho đủ một bộ, đọc để mọi người thấy mình là kẻ đang tu, đang tụng kinh Pháp Hoa thì khỏi cần bàn thêm. San bằng một quả núi, dễ hơn xóa quan niệm của người cố chấp.

Người xưa tu ít hơn bây giờ, nhưng tu mười người đạt hai, ba người. Còn bây giờ tu đông lắm, nhưng sự liễu ngộ ít hơn người xưa. Người xưa đọc một chữ, lạy một lạy và chiêm nghiệm chữ đó, rồi xướng đọc chữ đó. Khi nào nhập vào tạng thức, lúc bấy giờ mới đọc chữ kế tiếp. Hoặc vài ba chữ, hoặc

đọc một câu suốt ngày, có khi kéo dài từ ngày này đến ngày khác. Khi nào nhuần nhuyễn câu đó rồi, mới chuyển sang câu khác.

Xin thưa! Qua bảy bài học, quý vị tu học theo lối người xưa, hay vẫn ngã chấp, tu học đếm số nhiều chữ, chứ chẳng cần sự tinh túy từng chữ. Nếu theo lối tu cho có tu, chứ không cần chứng đắc thì đáng tiếc biết bao. Muốn biết pháp tào mạt, hay là hưng hiển, hãy nhìn người tu.

II - NỘI DUNG

1/. Tôn Giả Xá Lợi Phất nêu thắc mắc

Chánh văn

11- Bảy giờ, Xá Lợi Phất bạch rằng: “Thế Tôn! Con nay không còn nghi ngờ, tự mình ở trước Phật đặng thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm người đây, lúc xưa ở cương vị còn học, được Phật thường dạy rằng: “Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết, rớt ráo Niết bàn”. Các vị còn học, hết phải học đây cũng đều rời chấp ngã cùng chấp có, chấp không ... tự nói là đặng Niết Bàn, mà nay ở trước Đức Thế Tôn khi nghe chỗ chưa từng nghe, đều sa vào nghi ngờ. Hay thay Thế Tôn! Xin Phật vì bốn chúng nói như duyên ấy, khiến lìa lòng nghi hối”.

Giảng luận

Phương tiện là phải tùy căn cơ. Nếu Đức Phật thành Phật, rồi vội vàng đem phương pháp Ngài tu thành Phật dạy thì chắc chắn năm anh em Ngài Kiều Trần Như sẽ không bao giờ lãnh hội nổi. Cũng ví như, một Giáo sư Tiến sĩ, khi tốt nghiệp rồi, liền đem chương trình Tiến sĩ ra dạy cho học trò Trung học thì chắc chắn lớp học không có người nào theo học.

Tôn Giả Xá Lợi Phất sau khi qua khỏi tâm trạng hoang mang, Ngài liền đem tâm trạng hoang mang của một ngàn hai trăm vị đại chúng, trình bạch lên Đức Thế Tôn, để được Đức Phật giải bày cặn kẽ, hầu giúp những người bối rối nghi ngờ kia, được bừng ngộ như Tôn Giả.

Tâm trạng một ngàn hai trăm vị, nơi Đạo tràng thuở ấy, là tâm trạng của chúng ta hiện nay. Khi đạt được chút ít kiến thức, thành tựu được mảy may công đức tu hành, là đã chủ quan rằng mình tột đỉnh, xem kẻ khác như cỏ rác. Lớp lớn thì chưa truyền hết cho đàn hậu tấn, lớp trẻ thì lơ là học hỏi. Nhất là lớp học trò, được chút ít kiến thức, đã cho rằng mình giỏi, xem thường ân sư. Ân sư có dạy thêm lời nào, họ đã không tiếp thu, mà còn thậm trách, cho đó là những phương pháp xưa cũ. Thế hệ trẻ ngày nay phần nhiều rơi vào tình trạng vọng

động vật chất bên ngoài, bỏ quên sự tĩnh lặng bên trong tâm hồn.

Chẳng những tình trạng năm ngàn người bỏ cuộc, số một ngàn hai trăm người ở lại Đạo tràng, còn tệ hơn những kẻ ra đi. Tôn Giả Xá Lợi Phất thương thay cho hàng người này, thương thay cho thế hệ hậu lai, nên Ngài mạnh dạn trình bạch lên Đức Thế Tôn để được nghe lời giải về bí pháp, chẳng những cho thuở ấy, mà mãi cho ngàn ngàn đời sau vậy.

2/. Đức Phật giải đáp

Chánh văn

12 – Khi ấy, Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: Ta trước há không nói rằng: “Các Phật Thế Tôn dùng các món như duyên, lời lẽ, thí dụ, phương tiện mà nói pháp đều vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó ư? Các điều nói đó đều để dạy Bồ tát vậy. Nhưng Xá Lợi Phất! Nay ta sẽ dùng một thí dụ để chỉ rõ lại nghĩa đó, những người có trí do thí dụ mà đặng hiểu”.

Giảng luận

Các Ngài Thánh Tăng, trong đó có Tôn Giả Xá Lợi Phất, vì xót thương chúng sanh nghiệp nặng, nên đóng kịch, giả vờ không hiểu, hỏi tới bạch lui, mục đích để lưu lại lời giải thích cặn kẽ. Đây là áp dụng phương pháp xin toa thuốc hay cho bệnh nhân.

Một phương pháp cứu bệnh trầm kha cho chúng sanh về mặt tâm linh ở các đời sau vậy!

Nhưng than ôi! Thuốc thì còn đó, bệnh nhân thì hiện đây, nhưng liệu tìm có bao nhiêu bệnh nhân chịu uống thuốc. Bệnh gì? Bệnh chưa hiểu đã tuyên bố là hiểu, chưa biết đã cho là biết, chưa chứng tự xưng đã chứng, chưa đắc tự xưng đã đắc. Chẳng chịu tinh tấn tu học đến điểm tuyệt đỉnh của sự giải thoát thành Phật. Ôi thật là buồn, rằng gặp đời pháp nhược ma cường. Chư Thiên quên lời thệ nguyện. Chư Thần quên sứ mạng ngày xưa đã tuyên thệ. Hàng con trưởng Như Lai, đa phần muốn nhập hạnh Thanh Văn, Duyên Giác. Dòng đời ai đau khổ mặc ai. Lời dạy của Như Lai về Phật thừa hình như chỉ là cái bóng mờ xa lơ xa lắc.

3/. Đức Phật nêu ví dụ

Chánh văn

13 – Xá Lợi Phất! Như trong xóm làng của phủ huyện nọ, có vị Đại Trưởng giả tuổi đã già yếu, của cải vô lượng, nhà ông giàu lớn, người ở trong đó rất đông: hoặc một trăm, hai trăm cho đến năm trăm người, lầu gác đã mục, vách phen sụp đổ, chân cột hư nát, trính xuyên xiêu ngã, bỗng bốn phía đồng một lúc, lửa nổi lên đốt cháy nhà ấy.

Các người con của Trưởng giả hoặc mười người, hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người đang chơi ở trong khu có nhiều nhà cửa ruộng nương và các tô tở, trong đó có một căn rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra khỏi nhà đó.

14 - Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta đâu có thể do nơi cửa của nhà cháy này mà ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa mảng ham vui chơi giỡn không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân đau khổ lắm, mà lòng chẳng đếm xỉa, không có ý cầu ra khỏi.

Xá Lợi Phất! Ông Trưởng giả đó lại nghĩ: thân thủ của ta có sức mạnh, nên có thể dùng vật áo hoặc ghế đẩu đùm túm các con từ trong nhà mà chạy ra ngoài. Ông lại nghĩ: nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc rơi ngã lại bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ là nhà này đã bị cháy phải liền mau ra, chớ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế rồi ông theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: “Các con mau ra!”. Người cha dầu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng khứng tin chịu, chẳng sợ sệt, trọn không có lòng muốn ra, lại chẳng hiểu gì là lửa? Gì là

nhà? Thế nào là hại? Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

15 – Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ, nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị cháy thiêu, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con đừng khỏi nạn này.

Người cha biết các con đều vẫn có lòng ham thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có, chắc chúng nó thích lắm, mới bảo các con rằng: “Đây này là những món ít có khó đặng mà các con có thể vui thích, nếu các con không ra ngay mà lấy thì sau chắc phải nuối tiếc. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay để ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây, tùy ý muốn món nào cha đều sẽ cho cả”.

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình, nên lòng mỗi người đều hớn hở, cùng xô đẩy, đua nhau ruổi chạy, tranh ra khỏi nhà lửa. Khi đó Trưởng giả thấy các con đặng an ổn ra khỏi nhà lửa, đều ở nơi ngã tư đường ngòi chỗ đất trống không còn bị chướng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hớn hở.

Bấy giờ, các người con đều vòi vĩnh với cha rằng: “Cha lúc nãy hứa cho tụi con những đồ

chơi tốt đẹp, nào xe dê, xe hươu, xe trâu giò xin ban liền đi”.

16 - Xá Lợi Phất! Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng, chũng dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo chuông lắc, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi, dây bằng báu kết thắt các dải hoa rủ xuống, nệm chiếu mềm mại trải chông, gối đỏ để trên, dùng bò trắng kéo, da mượt sạch, thân hình mập đẹp khác thường có sức rất mạnh, bước đi chắc nịch mau lẹ như gió, lại có đồng tời tở để hầu hạ theo bên.

Vì cơ sao? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ngập nên ông nghĩ rằng: “Của cải của ta nhiều vô kể, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con. Những trẻ thơ này đều là con của ta, được thương yêu đồng đều không thiên lệch, ta có xe bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà cho đều chúng nó, chẳng nên sai khác. Vì sao? Vì dầu đem xe của ta cho khắp cả người một nước hãy còn không thiếu huống gì chỉ có các con”. Lúc ấy, các người con đều ngồi xe lớn đặng điều chưa từng có, vượt quá chỗ trước kia mình trông.

17 - Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ sao? Ông Trưởng giả đó đồng đem xe trâu báu lớn cho các người con, có lừa dối chăng? Xá Lợi Phất thưa: “Thưa Thế Tôn! Không, ông Trưởng giả đó chỉ làm cho các người conặng ra khỏi nạn lửa để toàn thân mạng chúng nó, nên chẳng phải là lừa dối. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng thì coi như chúng đã được đồ chơi tốt đẹp rồi, vả chẳng đây là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế Tôn! Dầu ông Trưởng giả đó chẳng cho một thứ xe rất nhỏ đi nữa thì cũng còn chẳng phải lừa dối. Vì sao? Vì ông Trưởng giả đó trước có ý nghĩ như vậy: “Ta dùng chước phương tiện cho các conặng ra khỏi, vì lý do đó nên coi như không lừa dối vậy. Huống hồ ông Trưởng giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!”.

18 – Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất! Như Lai cũng lại như thế. Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối, đủ cả chẳng thừa ra thứ gì mà trọn thành tựu vô lượng trí kiến, trí lực, vô sở úy; có sức đại thần thông cùng sức trí huệ đầy đủ các món phương tiện, trí huệ ba la mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu

việc lành lợi cho tất cả muôn loại mà sanh vào nhà lửa tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa: sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, ba độc; dạy bảo cho chúng sanh đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

19 - Ta thấy, các chúng sanh bị những sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy, cũng vì nắm món dục tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê đeo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ khổ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu sanh lên trời hoặc ở trong loài người thời nghèo cùng khốn khổ, bị khổ về người yêu thương phải xa lìa, kẻ oán ghét lại sống chung đặng. Các món khổ như thế mà chúng sanh lại chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm, không cầu giải thoát; ở trong nhà lửa tam giới này đông tây rảo chạy, dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

20 - Xá Lợi Phất! Phật thấy điều này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên dứt bỏ khổ nạn chúng, ban vô lượng vô biên món trí tuệ vui của Phật để chúng dạo chơi.

Xá Lợi Phất! Như Lai thấy điều đó rồi lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí huệ mà bỏ chước phương tiện, khen ngợi chúng sanh nghe các món tri kiến, trí lực, vô sở úy của Như Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà đặng độ thoát.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn đau khổ, đương bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí huệ của Phật.

21 - Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả kia dầu có sức mạnh mà chẳng dùng, chỉ chăm chăm phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều cho xe trâu báu lớn.

Như Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí huệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác cùng Phật thừa mà bảo rằng: “Các người không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê, ắt sanh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt. Các người mau ra khỏi ba cõi sẽ đặng chứng ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật thừa.

Nay ta vì các người mà bảo nhiệm việc đó quyết không dối vậy. Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành. Như Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng tiến, lại bảo: “Các người nên biết rằng pháp ba thừa đó đều là pháp các đấng Thánh khen ngợi, là pháp tự tại, không bị ràng buộc, không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món căn, lực, giác chi, thánh đạo, thiền định, vô lậu, cùng giải thoát tam muội ... *vân vân* ... để tự vui sướng, đặng vô lượng sự an ổn khoái lạc.

22 – Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết Bàn, gọi đó là Thanh Văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí huệ tự nhiên, ưa thích riêng lẽ vắng lặng, sâu rõ như duyên của các pháp, gọi đó là Duyên Giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu nhưt thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí,

các món tri kiến, lực, vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa. Bồ Tát vì cầu đặng thừa này thời gọi là Ma Ha Tát. Như các người con kia cầu xe bò mà ra khỏi nhà lửa.

23 - Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ không còn lo sợ, ông tự nghĩ, ta có của vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Như Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng, nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của ba cõi, đặng sự vui Niết bàn thì bấy giờ Như Lai bèn nghĩ: “Ta có vô lượng vô biên trí huệ, lực vô úy ... tạng pháp của các Đức Phật, các chúng sanh này đều là con của ta vậy nên đồng ban cho pháp Đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sanh diệt độ.

Những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiền định, giải thoát ... của các Đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng Thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch mẫu mực nhất.

24 – Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả ban đầu dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông Trưởng giả kia không có lừa dối, Như Lai cũng như thế, không có lừa dối ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh, sau rồi chỉ dùng Đại thừa mà độ giải thoát đó.

Vì sao? Như Lai có vô lượng tạng pháp trí huệ, lực, vô sở úy, có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

Xá Lợi Phất! Vì như duyên đó nên phải biết các Đức Như Lai dùng sức phương tiện, ở nơi một Phật thừa phân ra nói làm ba.

Giảng luận

Câu chuyện vị phú trưởng giả và ba thứ xe Đức Phật nêu ra để làm thí dụ cho giáo pháp ba thừa, do Đức Phật phổ truyền. Lúc đầu, Đức Thế Tôn truyền dạy ba thừa pháp. Khi trình độ học chúng đã liễu ngộ, Đức Phật liền dẫn dắt nhập vào một Phật thừa. Chúng ta lưu ý ba thừa đều nằm trong một Phật thừa. Ngôi nhà nằm trong tỉnh, tỉnh nằm trong phạm vi quốc gia, quốc gia nằm trong quả đất, trong bầu khí quyển, chứ không bao giờ bầu khí quyển nằm trong ngôi nhà. Vậy là ngôi nhà, quả đất và bầu khí quyển là ba đơn vị, nhưng ba không phải thực là ba,

mà cũng không hẳn là một. Không có ngôi nhà, không cần quả đất. Không có quả đất, không cần bầu khí quyển. Ngược lại cũng thế!

Đoạn kinh này khai mở tâm trí chúng ta. Nếu ai liễu ngộ được mật nghĩa của đoạn kinh này thì liền bừng khai tâm trí, vượt khỏi đường hầm tăm tối như từ trước đến nay đa số người chúng ta đã và đang sống. Ánh sáng nơi tâm trí chúng ta sẽ lóe dạng, để đón ánh bình minh của chơn lý sự thật do Đức Phật chỉ dạy nơi toàn bộ kinh.

Lại bàn giải thêm một số nét quan trọng về tư tưởng quá trớn của một số người phát tâm tu Đại thừa, lại xem thường Tiểu thừa, không thêm đọc sách Tiểu thừa, hoặc hủy báng Tiểu thừa. Đây là một điều sai lầm quá lớn, nếu không nói là nguy hiểm. Nếu những ai lỡ có tư tưởng như vậy, xin mời nghiên cứu thật chi tiết về bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì rõ, khi nào trong kinh Đại thừa Pháp Hoa lại không có các pháp Tứ đế, Bát chánh đạo, bảy điều giác ngộ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo ... *vân vân* ... Nói chung là những pháp môn nơi kinh Tiểu thừa đã dạy rất chi tiết thì kinh Đại thừa chỉ tóm gọn, có thể thôi! Như vậy tại sao chúng ta lại chê kinh Tiểu thừa, hoặc hủy báng Tiểu thừa pháp. Nếu hủy báng, hoặc chê bai pháp Tiểu thừa thì xin đặt thêm câu hỏi: **“Pháp Tiểu thừa có phải Đức Phật Thích Ca thuyết giảng hay không?”**. Một giả

thuyết khác, cụ thể dễ hiểu hơn: Có người sinh viên Đại học, hủy báng các phép toán cộng trừ nhân chia và hai mươi bốn chữ cái lúc còn lớp Tiểu học. Như vậy tư cách của người sinh viên này như thế nào?

Bước chân vào đạo, không nghiêm trì giới luật, không thông hiểu A Hàm, Phương Đẳng thì căn bản đâu để bước vào Đại thừa. Ngày nay lối học đạo nhảy vọt, băng ngang, vượt tấ, tu đốn, tu mật, tu thần thông mà quên phần căn bản. Có người còn hủy những pháp môn căn bản lúc ban đầu. Ôi thật đáng thương thay!

Lưu ý đoạn kinh nơi phẩm Tựa nêu trên là Đức Phật thuyết giảng cho vị Thánh Tăng Xá Lợi Phất, và lời Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bày tâm trạng của một ngàn hai trăm vị Thánh Tăng. Vậy chúng ta đã đạt trình độ Thánh quả chưa mà chê dục, chê ngang, hủy báng này, mỉa mai khác.

III - TÓM KẾT

Qua hai bài, chúng ta tạm chia thành tám nét lớn. Mỗi nét ẩn chứa hàng ngàn mật nghĩa. Tù căn cơ, trình độ mỗi người chúng ta “lãnh hội” và “liễu ngộ” giáo pháp của Đức Thế Tôn, nơi kinh Pháp Diệu bông sen nhập đời. Liễu ngộ nét nào, áp dụng vào cuộc sống nét đó. Nhất là phải thẩm sâu trọn vẹn nét đó, hoặc câu đó, hoặc chữ đó. Một đặc điểm nữa, tu học Pháp Hoa kinh phải tinh tấn, dũng mãnh và nhiệt tâm.

Nhấn mạnh một số bí pháp căn bản và cần thiết của hai bài học số bảy và số tám này:

✦ Phải thực sự liễu ngộ rằng nơi chúng ta đang sống, là ngôi nhà lửa tam giới. Dù các Ngài vua trời, ở các cõi trời, đã vượt khỏi dục giới, đang sống ở các cõi sắc giới và vô sắc giới, nhưng cũng vẫn còn là ngôi nhà lửa tam giới.

✦ Ba thừa pháp và một thừa pháp tuy hình thức khác nhau, nhưng nội dung vẫn là một. Ba loại xe tuy hình thức khác nhau, nhưng ý nghĩa nội dung như nhau. Thừa lớn bao gồm các thừa nhỏ, chứ không bao giờ thừa nhỏ bao gồm được thừa lớn. Xe lớn kéo xe nhỏ, chứ không bao giờ xe nhỏ chở xe lớn. Chữ Đại là to lớn. Chữ thừa (cũng đọc là thặng) tức là xe. Vậy xe lớn nhỏ khác nhau hình thức, nhưng đồng ý nghĩa là phương tiện để chuyên chở.

Quan trọng nhất là tư tưởng của chúng ta. Chúng ta phải bắt đầu học từ A - B - C, rồi từ từ mới lên Tiến sĩ ... Chứ chẳng ai ngang hông nhảy lên học Tiến sĩ. Và một điều đáng lưu ý, có nhiều người đạt trình độ Tiến sĩ, khi về làng khinh khi vị Thầy dạy mình từ thuở còn A - B - C ..., bảo rằng ông ấy sao gọi là Thầy được, ông ấy dốt nát, tôi đây Tiến sĩ mới là Thầy. Dù thành Phật, nhưng vẫn phải tôn trọng Phật tánh của chúng sanh, mọi loài chúng sanh và Phật đều bình đẳng tánh trí. Thể tướng khác

nhau, cao thấp thượng hạ, nhưng Phật tánh bình đẳng.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Long Thiên Bát Bộ Hộ pháp hộ trì cho chúng ta sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát Liên Hoa. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả đều thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 9

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba
(tiếp theo)

- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên câu chuyện ngôi nhà lửa
- Nên và không nên phổ truyền kinh Pháp Hoa.

I - MỞ ĐỀ

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể câu chuyện ngôi nhà lửa và ba thứ xe của ông phú trưởng giả, để thí dụ cho giáo pháp ba thừa, vừa đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ đối chiếu.

Qua hai bài học số bảy và tám, chúng ta đã rõ đại cương phần mở đề kinh. Đức Phật còn chu đáo hơn, Ngài lập lại một lần nữa về ý nghĩa những lời chỉ dạy này bằng thơ kệ, hầu thấm sâu vào tạng thức của người nghe, đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa.

Đặc biệt, văn cách truyền thừa của Đức Phật nơi phẩm kinh này lại càng quá đơn giản, gần như văn đối thoại. Từ đầu tới cuối phẩm kinh, chỉ có hai nhân vật chính, Đức Phật và Tôn Giả Xá Lợi Phất. Những nhân vật phụ thì có chư Thiên. Phần chư Thiên thì chỉ lướt qua và chỉ nêu tên hai Ngài vua trời siêu đẳng, đó là Ngài Phạm Thiên Vương ở cõi trời Phạm Thiên và Ngài Đế Thích Thiên Vương ở cõi trời Đao Lợi.

Về nhân vật trong mẩu chuyện kể, chỉ độc nhất có một vị phú trưởng giả. Các người con thì là nhân vật câm. Khi sử dụng ngôn ngữ thì cũng không nêu tên phú trưởng giả, chỉ mượn danh từ chung là ông nhà giàu vậy thôi. Thật là một phẩm kinh đơn giản, nhưng lại quá sâu sắc về phần nội dung. Đơn giản còn hơn truyện Tây Du. Tác phẩm Tây Du, ngoài bốn nhân vật chính còn chẳng biết bao nhiêu là nhân vật phụ của câu truyện. Nhưng mà Tây Du còn đơn giản hơn truyện Phong Thần, truyện Tam Quốc, truyện Phi Long, truyện kiếm hiệp Kim Dung ...

Sở dĩ chúng tôi đưa vào phần mở đề đông dài như vậy là có ý nhắc khéo các vị tu học viên, các hành giả, thức giả Pháp Hoa kinh rằng: Tất cả các mẩu chuyện nơi các sách khác, chuyện nào cũng rườm rà, nhiều nhân vật. Vậy mà quý vị nhớ rất rành rẽ. Còn những mẩu chuyện nơi kinh Pháp Hoa,

nhất là mẫu chuyện nơi phẩm Thí dụ này, rất đơn giản, đơn giản gần như văn đối thoại. Vậy mà trong chúng ta liệu được mấy người nhớ? Tại sao vậy? Nhờ quý vị câu trả lời.

II - NỘI DUNG

1/. Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Chánh văn

25 - Như ông Trưởng giả

Có một nhà lớn

Nhà đó đã cũ

Mà lại xiêu vẹo

Phòng nhà hư tổn

Gốc cột gãy mục

Trính xuyên xiêu vẹo

Nền móng nát rã

Vách phen sụp lở

Đất hồ rơi xuống

Mái lợp đổ dột

Kèo đòn bung khớp

Bốn bề cong vạy

Tạp như dầy đầy

Có năm trăm người

Nấu nướng trong đó

Chim mèo bù cắt

Quạ, thước, bồ câu

Rắn độc, bò cạp
Rít giời du diên
Mọt vách, cuốn chiếu
Chồn chuột đủ loại
Các giống độc trùng
Ngang dọc xen chạy
Dơ bản ứa tràn
Giòi bọ các loại
Bu bò trên đó
Cáo, sói, chồn hôi
Nhai gặm, giã đập
Cắn xé thây chết
Xương thịt vương vãi
Do đó bày chó
Đua đến ngoạm lấy,
Ốm đói lấm lét
Nơi nơi tìm ăn
Giành giựt cấu xé
Gầm gừ gào sủa
Nhà đó đáng sợ
Biến trạng dường ấy
Khắp chỗ đều có
Ly, mị, vọng, lường
Dạ xoa quỷ dữ
Ăn cả thịt người
Các loài trùng độc
Cầm thú hung ác

Sanh, ấp, cho bú
Tự giấu gìn giữ
Dạ xoa đua đến
Giành bắt mà ăn
Ăn no nê rồi
Lòng dữ thêm hăng
Tiếng chúng đánh nhau
Thật rất đáng sợ
Quý Cừu bàn trà
Ngồi xồm trên đất
Có lúc hồng đất
Một hoặc hai thước
Tới lui rảo bước
Buông lung chơi đùa
Nắm hai chân chó
Đánh la thất thanh
Lấy chân đạp cổ
Khủng bố để vui
Lại có các quý
Thân chúng cao lớn
Trần truồng đen xấu
Thường ở trong đó
Hét rền tiếng ác
Kêu la tìm mồi
Lại có giống quý
Cổ nhỏ bằng kim
Lại có giống quý

Đầu như đầu trâu
Hoặc ăn thịt người
Hoặc ngoạm thịt chó
Đầu tóc rối tung
Tàn ác hung hiểm
Đói khát bức ngặt
Kêu la chạy rong
Dạ xoa quỷ đói
Chim muông ác độc
Đói rảo bốn bề
Rình dòm cửa sổ
Các nạn dường thế
Ghê sợ không lường

26 - Nhà cũ mục đổ
Thuộc về một người
Người ấy mới ra
Thời gian chưa lâu
Sau đó nhà kia
Bỗng nhiên lửa cháy
Đồng lúc bốn bề
Ngọn lửa hừng hực
Rường cột trính xuyên
Tách nổ vang rền
Nát gãy rơi xuống
Vách phen lở sứt
Các loại quỷ thần

Cất tiếng kêu to
Các giống điều, thứu
Quý Cừ bàn trà
Kinh sợ sảng sốt
Không tự ra đặng
Thú dữ trùng độc
Chui núp lỗ hang
Quý Tỳ xá xà
Cũng ở trong đó
Vì phước đức kém
Bị lửa đốt bức
Tàn hại lẫn nhau
Uống máu ăn thịt
Những loại chồn hôi
Thời đều chết trước
Các thú dữ lớn
Tranh đến ăn nuốt
Khói khét phùn phụt
Phủ bít bốn bề
Rít giới, do diên
Cùng loài rắn độc
Bị lửa đốt cháy
Tranh vọt khỏi hang
Quý Cừ bàn trà
Đón bắt mà ăn
Lại các quý đỏi
Trên đầu lửa cháy

Đói khát nóng khổ
Sảng sốt chạy quàng
Cái nhà thế đó
Rất đáng ghê sợ
Nạn lửa độc hại
Chẳng chữa một ai

27 - Bấy giờ chủ nhà
Đứng ở ngoài cửa
Nghe người báo rằng:
Các con của ông
Trước vì dạo chơi
Mà vào nhà này
Thơ bé không hiểu
Chỉ ham vui vẻ
Trưởng giả nghe xong
Quính vào nhà lửa
Tìm phương cứu vớt
Con khỏi chết thiêu
Mới bảo các con
Kể các hoạn nạn
Ác quỷ độc trùng
Hỏa tai tràn lan
Thứ lớp các khổ
Nói luôn không dứt
Độc xà, người phúc
Và các Dạ xoa

Cùng Cưu bàn trà
Dã can, chồn, chó
Điêu, thúu, xi, hiêu
Hết thầy bá túc
Đói khát khổ gấp
Rất đáng ghê sợ
Chỗ khổ nạn thế
Hướng lại lửa lớn
Các con không hiểu
Dầu nghe cha dạy
Cứ vẫn còn ham
Chơi mãi không thôi.

28 - Bấy giờ Trưởng giả
Bèn nghĩ thế này:
Các con thế đó
Làm ta thêm sầu
Nay nhà lửa này
Không gì đáng vui
Mà các con ta
Vẫn ham vui chơi
Chẳng nghe lời dạy
Sẽ bị lửa hại
Ông bèn nghĩ ra
Bày các phương tiện
Bảo với các con:
Cha có nhiều thứ

Đồ chơi trân kỳ
Xe báu tốt đẹp
Xe dê, xe hươu
Cùng xe bò lớn
Hiện để ngoài cửa
Các con mau ra
Cha vì các con
Sắm những xe này
Tùy các con thích
Có thể dạo chơi
Các con nghe nói
Các xe như vậy
Tức thời giành đua
Rảo chạy khỏi nhà
Đến khoảng đất trống
Rời những khổ nạn
Trưởng giả thấy con
Ra khỏi nhà lửa
Nơi ngã tư đường
Mà tự mừng rằng
Ta nay mừng vui
Các con ta đây
Để nuôi rất khó
Nhỏ dại không hiểu
Mới vào nhà hiểm
Có nhiều trùng độc
Ly mị đáng sợ

Lửa lớn cháy phòng
 Bốn phía bùng lên
 Mà các con này
 Ham ưa vui chơi
 Nay đã cứu chúng
 Khiến đều đặng thoát
 Vì thế người ơi !
 Ta nay vui mừng
 Khi ấy các con
 Biết cha ngồi an
 Đều đến bên cha
 Thưa cùng ông rằng:
 Xin cho chúng con
 Ba thứ xe báu
 Như hồi nãy hứa
 Các con mau ra
 Sẽ cho ba xe
 Tùy ý lấy muốn
 Chính đúng lúc này
 Xin thương cấp cho.

Giảng luận

Đoạn hai mươi lăm, phần thơ kệ chính văn chữ Hán, mỗi câu bốn chữ, nên khi Việt dịch chúng tôi cũng giữ y bốn chữ như nguyên văn Đức Phật diễn tả tệ trạng trong ngôi nhà lửa của vị phú trưởng giả. Mục đích giúp người đọc, thọ trì dễ đối chiếu với

cuộc đời hiện hữu của mình đang sống trong cảnh giới lửa cháy. Cả tam giới: “Dục giới - Sắc giới - Vô sắc giới” mà chúng ta đang ở, không khác gì ngôi nhà lửa của vị phú trưởng giả mà Đức Phật đã mô tả.

Đoạn hai mươi sáu, Đức Phật nhấn mạnh sự rùng rợn, kinh tởm về ngôi nhà lửa của vị trưởng giả, để chúng ta liên tưởng sự rùng rợn, kinh tởm cảnh sống chúng sanh, nơi cõi tam giới này.

Đoạn hai mươi bảy, Đức Phật diễn tả tâm trạng của vị phú trưởng giả, vì thương con xông vào nhà lửa tìm cách cứu các con mình, báo động cho các con rõ sự nguy hiểm của ngôi nhà đang cháy. Mục đích kể đoạn này, để giúp hàng đệ tử Phật, lúc đó cũng như sau này, liên tưởng đến tâm trạng của Đức Phật, vì xót thương chúng sanh, xót thương chúng ta mà Đức Phật nhập vào ngôi nhà lửa tam giới, để giáo huấn chúng sanh thức tỉnh, sớm rời khỏi cõi này.

Đoạn hai mươi tám, Đức Phật diễn tả vị trưởng giả phải sử dụng pháp phương tiện, hứa cho các con ba thứ xe, để các con tha hồ dạo chơi. Các con nghe vậy, lòng vui mừng khôn xiết, liền rời nhà lửa. Khi các con ra khỏi nhà lửa, liền đến bên cha để chờ nhận xe từng loại theo sở thích từng người. Mục đích Đức Phật kể đoạn kệ này, để giúp chúng ta dễ liên tưởng đến việc làm của Đức Phật, vì thương xót

chúng sanh, vì thương xót hàng đệ tử thuở đó và sau này (*tức là chúng ta đây*) mà Đức Phật phân chia giáo pháp thành ba thừa. nhờ phương pháp này mà đa số chúng sanh vì ham chứng đắc ba thừa, nên rời bỏ ngôi nhà tam giới, theo Đức Phật học, tu để chứng quả tam thừa.

Chánh văn

29 - Trưởng giả giàu có
 Kho đụn đầy đầy
 Vàng bạc lưu ly
 Xa cừ mã nã,
 Dùng những vật báu
 Tạo các xe lớn
 Chủng dọn đẹp đẽ
 Khắp vòng bao lớn
 Bốn mặt treo chuông
 Dây vàng thắt tui
 Lưới màn kết châu
 Giăng bày phía trên
 Hoa vàng chuỗi ngọc
 Lòng thông rử khắp
 Lựa màu trang sức
 Quán vòng quanh xe
 Dùng nhiều hàng mềm
 Để làm nệm lót
 Vải quý mịn tốt

Giá trị nghìn muôn
Bóng láng trắng sạch
Trái trùn trên nệm
Có bò trắng to
Mập khỏe sức mạnh
Thân hình tươi mượt
Đẽ kéo xe báu
Đông những tôi tớ
Chực hầu bảo vệ
Đem xe đẹp thế
Ban cho các con
Các con lúc ấy
Vui mừng hơn hở
Ngồi xe báu đỏ
Dạo khắp bốn phương
Vui chơi khoái lạc
Tự tại vô ngại

30 - Bảo Xá Lợi Phất
Ta cũng như vậy
Tôn cả hàng Thánh
Cha của cõi đời
Tất cả chúng sanh
Đều là con ta
Say mê mùi đời
Không chút huệ tâm
Ba cõi không an

Giống như nhà lửa
Nạn khổ đầy dẫy
Rất đáng ghê sợ
Thường có sanh, già
Bệnh, chết, rầu lo
Các lửa như thế
Cháy phừng chẳng tắt
Như Lai đã lia
Nhà lửa ba cõi
Vắng lặng thông thả
An ổn rừng nội
Hiện ba cõi này
Đều là của ta
Chúng sanh trong đó
Chính là con ta
Nay ba cõi ấy
Có nhiều hoạn nạn
Chỉ một mình ta
Có thể cứu hộ
Dầu đã dạy bảo
Vẫn không tin nhận
Nơi các dục nhiễm
Sanh lòng tham mê
Bởi thế phương tiện
Mà nói ba thừa
Khiến các chúng sanh
Rõ ba cõi khổ

Mở bày diễn nói
Đạo pháp xuất thế
Thấy các con đó
Nếu tâm quyết định
Đầy đủ ba minh
Và sáu thần thông
Người được Duyên Giác
Bất thối Bồ tát
Này Xá Lợi Phất
Ta vì chúng sanh
Dùng thí dụ này
Nói một Phật thừa
Các ông nếu hay
Tin nhận lời đây
Tất cả đều sẽ
Chứng quả Phật đạo

31 - Thừa vi diệu này
Thanh tịnh hết thảy
Trong các thế gian
Không pháp nào trên
Phật đã vui nhận
Tất cả chúng sanh
Đều phải khen ngợi
Cúng dường lễ bái
Vô lượng nghìn ức
Trí lực, giải thoát

Thiền định trí huệ
Pháp khác của Phật
Đặng thừa như thế
Thả cho các con
Ngày đêm mãi mãi
Đặng ngồi dạo chơi
Cùng hàng Bồ tát
Với chúng Thanh Văn
Nương thừa báu này
Thẳng đến đạo tràng
Bởi như duyên đó
Tìm khắp mười phương
Không còn thừa khác
Trừ Phật phương tiện
Này Xá Lợi Phất!
Hết thầy bọn ông
Đều là con ta
Ta chính là cha
Các ông nhiều kiếp
Phật nói khổ đế
Chơn thật không sai
Nếu có chúng sanh
Không rõ gốc khổ
Quá say như khổ
Chẳng tạm bỏ được
Phật vì hạng này
Phương tiện nói dạy

Nguyên như các khổ
Tham dục là gốc
Nếu dứt tham dục
Khổ không chỗ nương
Dứt hẳn các khổ
Gọi đế thứ ba
Vì chứng diệt đế
Tu hành đạo đế
Lìa các khổ buộc
Gọi là giải thoát
Người đó do đâu
Mà đặng giải thoát?
Chỉ rời hư vọng
Cho là giải thoát
Kỳ thiệt chưa phải
Giải thoát tất cả
Phật nói người đó
Chưa thiệt diệt độ
Người đó chưa được
Đạo quả vô thượng
Ý ta không muốn
Cho đến diệt độ
Ta đấng pháp vương
Tự tại nơi pháp
An ổn chúng sanh
Nên hiện nơi đời
Này Xá Lợi Phất!

Pháp ấn của ta
Vì muốn lợi ích
Thế gian nên nói
Tại chỗ ông qua
Chớ tuyên truyền bừa
Nếu có người nghe
Tùy hỷ kính nhận
Phải biết người ấy
Là bực bất thối
Nếu người tin nhận
Kính pháp này đây
Người đó đã từng
Thấy Phật quá khứ
Cung kính cúng dường
Và nghe pháp này
Người nào có thể
Tin lời ông nói
Chính là thấy ta
Cũng là thấy ông
Cùng chúng Tỷ kheo
Và các Bồ tát.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ ba mươi, Đức Phật dạy Tôn Giả Xá Lợi Phất rằng tất cả chúng sanh đều là con của Như Lai, nhưng đa phần thiếu trí tuệ, đắm mê dục lạc nơi tam giới, nên cam nhận sự hủy diệt, chịu

luân hồi. Như Lai đã rời ba cõi, nhưng vì xót thương con, nhập vào ba cõi để cứu các con. Một mình Như Lai thừa sức cứu khắp chúng sanh. Nhưng ngặt nỗi đa số vì ham mê dục lạc, nên không nghe lời Như Lai. Vì lý do đó nên Đức Phật mới áp dụng pháp phương tiện, chia giáo pháp Nhất thừa thành ba thừa pháp. Nếu chúng sanh nào tin nhận giáo pháp Nhất thừa này thì nhất định sẽ thành Phật.

Đoạn kệ thứ ba mươi một, Đức Phật nhấn mạnh: Pháp Phật thừa vi diệu, chư Phật hộ trì, chúng sanh nếu tin nhận, cúng dường, lễ bái, trải nhiều kiếp sau khi đắc thừa như thế thì tự tại dạo chơi khắp ba cõi. Hàng Bồ tát và chúng Thanh Văn nương thừa này thẳng đến thành Phật.

Hiện tại, hàng Thanh Văn, Bồ tát nương theo pháp ba thừa đã chứng đắc giải thoát. Nhưng Như Lai bảo là chưa rốt ráo. Việc cấp thiết Như Lai phải làm, là truyền dạy trí tuệ Phật và chỉ cho hàng Bồ tát mới chứng đắc cấp kỳ, còn các hàng khác, phải tuần tự, trải qua nhiều giai đoạn.

Đoạn kệ thứ ba mươi hai, Đức Phật dạy thêm rằng dù hàng Thánh Thanh Văn, đã thực sự xa lìa được mọi hư vọng, nhưng vẫn chưa đạt toàn phần giải thoát, huống gì kẻ khác.

Vì vậy pháp Nhất thừa, không thể truyền trao cho người tâm ý vọng động. Những ai tâm ý thanh tịnh, tin tưởng, hoan hỷ, thành kính, tinh tấn, nghe

thực hành pháp Nhất thừa thì vị ấy đồng như các bậc bất thối chuyển. Kể cả nghe lời của Tôn Giả Xá Lợi Phất thay Đức Phật truyền dạy lại, thì người tin nghe đó cũng bằng gặp Như Lai, gặp chúng Tỷ kheo, Thánh Tăng và chư Bồ tát vậy.

◈ **Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên nghĩa trên (tiếp theo)**

Chánh văn

- 33 - Kinh Pháp Hoa này
 Nói cho người trí
 Kể thức cạn nghe
 Mê lầm không hiểu
 Tất cả Thanh Văn
 Cùng Bích Chi Phật
 Trong kinh pháp này
 Sức không hiểu được
 Chính Lợi Phất ông
 Còn nơi kinh này
 Vì tin đặt vào
 Hướng Thanh Văn khác.
 Bao Thanh Văn khác
 Do tin lời Phật
 Tùy thuận kinh này
 Chẳng phải trí mình
- 34 - Nay Xá Lợi Phất
 Kiêu mạn biếng lười

Vọng so chấp ngã
Chớ nói kinh này,
Phàm phu biết cạn
Quá mê năm dục
Nghe pháp không hiểu
Cũng chẳng nói cho
Nếu người không tin
Khinh chê kinh này
Thời là dứt cả
Giống Phật thế gian.
Có người xiu mặt
Đem lòng nghi hoặc
Ông nên lóng nghe
Tội báo người đó
Phật còn tại thế
Hoặc khi diệt độ
Có người chê bai
Kinh điển này đây
Thấy người đọc tụng
Biên chép thọ trì
Khinh bỉ ghét ghen
Đem lòng kết hờn
Tội báo người đó
Ông hãy lóng nghe
Người đó mạng chung
Vào ngục A Tỳ
Đây đủ một kiếp

Kiếp mãi lại sanh
Xoay vần như thế
Đến vô số kiếp
Từ địa ngục ra
Đọa vào súc sanh
Làm chó, làm chồn
Thân thể ốm gầy
Đen đũi ghẻ lác
Bị người chọc ghẹo
Lại còn bị người
Gớm nhờm rẻ rúng
Thường khổ đói khát
Xương thịt khô cằn
Sống chịu khổ sở
Chết vì ngôi đá
Vì đoạn giống Phật
Thọ tội báo đó.
Hoặc làm lạc đà
Hoặc sanh vào lừa
Thân mang chở nặng
Thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ nước, cỏ
Ngoài ra biết chi
Khinh chê kinh này
Mắc tội như vậy
Có khi làm chồn
Vào trong xóm làng

Thân đầy ghẻ lác
Lại chột một mắt
Bị trẻ nhỏ vây
Đánh đập liệng ném
Chịu nhiều đau khổ
Tới lúc phải chết.
Khi đã chết xong
Thọ thân mãng xà
Thân thể dài lớn
Năm trăm do tuần
Điếc ngậy không chửi
Uốn trườn bằng bụng
Bị các trùng nhỏ
Cắn rúc máu thịt
Bị khổ ngày đêm
Không tạm ngừng nghỉ
Khinh chê kinh này
Mắc tội như vậy.
Nếu được làm người
Các căn ám độn
Lùn xấu liệt què
Đui điếc lưng gù
Nói ra lời gì
Mọi người không tin
Hơi miệng thường hôi
Bị quý mị dựa
Nghèo cùng hèn hạ

Bị người sai khiến
Nhiều bệnh thân gây
Không nơi nương cậy
Dầu thân gần người
Người chẳng ngó ngang
Nếu có được gì
Thời lại quên mất
Nếu học nghề thuốc
Đúng phương trị bệnh
Mà bệnh nặng thêm
Hoặc phải đến chết
Nếu tự có bệnh
Không người chữa đặng
Dầu uống thuốc hay
Bệnh càng thêm nặng,
Người khác phản nghịch
Cướp giựt lấy của
Các tội dường thế
Mình mang vạ lây
Người tội như vậy
Mãi không thấy Phật
Là vua hàng Thánh
Nói pháp giáo hóa,
Người tội như vậy
Sanh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng, tai điếc
Mãi không nghe pháp

Trải vô số kiếp
Như cát sông Hằng
Sanh liền điếc câm
Các căn chẳng đủ
Thường ở địa ngục
Như dạo chơi vườn
Ở ác đạo khác
Như ở nhà mình
Đà, lừa, heo, chó
Là chỗ lại qua
Khinh chê kinh này
Mắc tội dường thế
Nếu sanh làm người
Điếc, đui, câm, ngọng
Nghèo cùng suy sụp
Dùng tự trang nghiêm
Sưng bủn khô khát
Ghẻ, lác, ung thư
Các bệnh như trên
Dùng làm y phục
Thân thể hôi hám
Nhờ nhớp không sạch
Chấp ngã sâu chặt
Nhiều tánh giận hờn
Dâm dục hỷ hừng
Chẳng chữa cầm thú
Khinh chê kinh này

Mắc tội dường thế.

35 - Này Xá Lợi Phất !
Người chê kinh này
Nếu kể tội ra
Cùng kiếp chẳng hết
Bởi nhờn duyên đó
Ta vẫn bảo ông
Với người vô trí
Chớ nói kinh này.
Nếu người lợi căn
Trí huệ sáng láng
Học rộng nhớ dai
Mong cầu Phật đạo
Hạng người như thế
Mới nên nói cho
Nếu người từng thấy
Trăm nghìn ức Phật
Trông các cội lành
Thâm tâm bền vững
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Nếu người tinh tấn
Thường tu lòng từ
Chẳng tiếc thân mạng
Mới nên nói cho.
Nếu người cung kính

Không sanh lòng khác
Lìa xa phàm ngu
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Xá Lợi Phất này !
Nếu thấy có người
Rời tri thức sằng
Gần gũi bạn lành
Người được như thế
Mới nên nói cho.
Nếu thấy Phật tử
Giữ giới trong sạch
Như minh châu ngời
Cầu kinh Đại thừa
Những người như thế
Mới nên nói cho.
Người không lòng giận
Ngay thẳng dịu hòa
Thường thương mọi loài
Cung kính các Phật
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Lại hàng Phật tử
Ở trong đại chúng
Lấy lòng thanh tịnh
Các món nhơn duyên
Thí dụ lời lẽ

Nói pháp không ngại
Những người như thế
Mới nên nói cho.
Nếu có Tỷ kheo
Vì nhứt thiết trí
Bốn phương cầu pháp
Chấp tay kính thọ
Chỉ ưa thọ trì
Kính điển Đại thừa
Đến không hề thọ
Kính khác một kệ
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Có người chí tâm
Cầu Xá Lợi Phất
Cầu kinh cũng thế
Đặng rồi lễ thọ
Người đó chẳng còn
Lòng cầu kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ
Sách vở ngoại đạo
Người được như thế
Mới nên nói cho.
Nầy Xá Lợi Phất !
Ta nói sự tướng
Người cầu Phật đạo
Kiếp cùng chẳng hết

**Những người như thế
Mới tin hiểu nổi.
Ông nên vì họ
Nói kinh Pháp Hoa.**

Giảng luận

Trong phần thơ kệ, cuối phẩm Thí Dụ thì đoạn ba mươi bốn và ba mươi lăm là hai đoạn có phần quan trọng đối với việc hoằng truyền kinh Pháp Hoa, nên bài học phải thêm một nét lớn, để rộng việc phân tích.

Phần chánh văn Đức Phật chỉ lướt qua. Nhưng phần thơ thì Ngài lại dặn đi, dặn lại Tôn Giả Xá Lợi Phất rất kỹ rằng: “Kinh Pháp Hoa là mẹ các kinh”. Vì vậy cho nên việc phổ truyền phải hết sức thận trọng. Ai nên trao truyền và ai không nên. Những hạng thiếu trí, bộn đăm mê dục lạc, những người thiếu phước đức, thiếu nhân duyên, nhất là những người thiếu niềm tin nơi kinh điển Đại thừa thì chớ nên phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Bởi vì, những hạng người này họ không đủ khả năng, hoặc họ không muốn hiểu những chỗ thâm thâm vi diệu của kinh Pháp Hoa. Ví dụ, như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết một thời pháp cả triệu năm mà đại thánh chúng nghe, cảm thấy lâu chừng một bữa ăn. Hoặc thị pháp trụ pháp vị. Thế gian tướng thường trụ. Hoặc tất cả

chúng sanh, gồm các loài súc sanh, cũng đều có tánh Phật và cũng đều sẽ được thành Phật. Tóm lại, hàng ngàn vạn triệu nét ẩn nghĩa như thế thì những hạng người tầm thường làm sao hiểu nổi! Họ không hiểu đã đành, tội nghiệp cho họ thôi! Đấng này đã không hiểu mà họ còn hủy báng, chê bai kinh điển, chống đối, hãm hại, vu khống người thọ trì kinh Pháp Hoa. Cho nên, hiện tại họ đã đoạn mất giống Phật, tương lai họ đọa vào A Tỳ địa ngục, đọa làm súc sanh, đọa làm người tật nguyền, ti tiện.

Vì tâm từ bi, nên Đức Phật dạy Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất, dạy tất cả đại chúng và nhất là dạy chúng ta sau này không nên nói cho hạng người ấy nghe, chứ đừng nói là chỉ dạy, phổ quảng, trao truyền kinh Pháp Hoa cho họ, mục đích cứu họ khỏi đọa A Tỳ địa ngục.

Nhưng nếu cứ cẩn thận, dè dặt thì pháp tối tôn, tối

mật, tối siêu, tối thượng, tối vi, tối diệu này làm sao thẩm nhập vào tim tủy của các tầng lớp chúng sanh, hầu khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho họ? Quy tắc này sẽ được chỉ bày nơi các phẩm khác, cũng nơi bộ kinh này.

Riêng phẩm Thí Dụ này, Đức Phật đơn lược mấy nét rằng: Đức Như Lai chỉ truyền dạy kinh Pháp Hoa cho hạng người trí, hạng người có đủ phước đức, căn duyên ... Nói chung là những thành

phần như thơ kệ đã nêu rõ. Đức Phật lại dặn Tôn Giả Xá Lợi Phất, phải y theo Đức Phật mà phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Quan trọng nhất, đoạn thơ kệ này liên quan đến chúng ta là những hành giả Pháp Hoa kinh, có chịu y theo lời Đức Phật hay không? Có cẩn thận dè dặt hay không? Có chọn thầy lành bạn tốt hay không? Có thẩm thấu kinh văn và nhất là có liễu nghĩa thơ kệ từng câu, từng đoạn, từng chữ, từng lời hay không?

Và khi đã thẩm nhập, đã liễu nghĩa rồi thì có chịu thực hành, áp dụng, hầu khiến cho bí pháp bông sen Pháp Diệu, sớm nhập vào dòng đời hay không?

Những câu hỏi dồn dập, nó có tác dụng như những tiếng sấm rền vang giữa bầu trời đầy đặc mây lành. Những tiếng sấm này khiến cho vầng mây lành nhẹ rơi từng giọt mưa pháp, thấm đượm dòng đời đang khô cháy. Và dòng đời đang đợi chờ từng giọt pháp vũ tuôn rơi.

III - TÓM KẾT

Phẩm Thí dụ là phẩm thứ ba, trong tổng số toàn bộ kinh hai mươi tám phẩm. Vì để dễ nhớ, dễ thẩm sâu vào phần kinh văn và thơ kệ, nên đã được chia thành nhiều bài học, có nhiều phẩm chia thành hai hoặc ba bài, toàn bộ gồm bốn mươi bài cho khóa

sáu của Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm (nơi di tích cuối cùng của Bồ tát Quảng Đức). Quý vị hành giả Pháp Hoa kinh và các Đạo tràng khác tùy nghi góp ý kiến, mục đích là làm thế nào cho người học, người đọc, người tu, người niệm, người thực hành kinh Pháp Hoa dễ hiểu, dễ nhớ hầu ham thích mới ham tu luyện. Có tu, có luyện mới thấy sự linh nghiệm, sự hiệu quả của kinh Pháp Hoa, đối với bản thân mình, gia đình mình, xã hội, quốc gia, nhân loại và muôn loài, cỏ cây, hoa lá, thủy thủy đồng được nhuần triêm công đức. Nói chung là dòng đời trong đục này, đang cần có sự hiện diện thấm nhập của kinh Pháp Hoa. Cũng ví như ao bùn đang đục kia, đang cần có sự hiện hữu của hoa sen vậy. Sen đến với ao bùn, ao bùn hết đục chỉ còn trong, hết hôi thối chỉ còn hương ngát. Kinh Pháp Hoa thấm nhập vào dòng đời, dòng đời hết đục chỉ còn trong, hết não phiền chỉ còn an lạc, chỉ có hương thơm ngào ngạt, giảm hoặc hết các mùi hôi thối dơ tanh.

Ba bài học, thuộc phẩm Thí Dụ, chia thành mười nét. Rất mong người đọc, người học, người tu, người hành, hãy nhớ rõ, hiểu rành, thấm nhập từng nét. Nét nào, câu nào, chữ nào cũng mầu nhiệm Pháp Hoa kinh.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca chứng minh, gia hộ cho chúng ta. Chư

Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Hộ pháp ủng hộ tất cả sớm liễu ngộ thực tướng các pháp.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin kết tất cả các pháp giới chúng sanh đều thành BỒ ĐỀ quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

CHÌA KHOÀ CUUA PHAÙP LƯIC

Nếu chưa liễu ngộ công thức HÒA mà chẳng đồng thì khó mà thực hành pháp LỰC HÒA.

- * Quân tử hòa nhi bất đồng.
- * Tiểu nơn đồng nhi bất hòa.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

10

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 10

PHẨM TÍN GIẢI - Thứ tư

- Bốn Ngài Thánh Tăng trình tín giải.
- Bốn Ngài Thánh Tăng nêu ẩn dụ bằng câu chuyện “Gã cùng tử”.

I - MỞ ĐỀ

Đề phẩm kinh là hai chữ Tín Giải. Thế nào là tín giải? Muốn thăm sâu, chúng ta phải mượn bốn chữ **Như thị - Ngã văn** của phẩm Tựa thứ nhất (*kinh Pháp Hoa*) để khai thông. Như thị trước, hay Ngã văn trước? Nghe trước hay tin trước? Không nghe làm sao tin? Không tin làm sao chịu nghe? Đặt câu hỏi song chiếu này, tức là đã thông hai chữ đề phẩm

kinh. Như thị là tin như vậy, Ngã văn là ta nghe. Vậy là tin trước. Không tin thì không chịu nghe, mà nghe đây không phải là riêng ta nghe mà là chúng ta nghe. Vì sao các vị Tôn giả này tin trước? Vì đã được nghe Đức Phật giảng bày các phẩm kinh trước, nên đến phẩm này là đã tin. Khi tin thì mới đứng lên giảng bày sự hiểu của mình.

Nói cách khác, Tín thuộc tình cảm, Giải thuộc lý trí. Tình cảm là hạnh của Bồ tát Di Lặc, lý trí là hạnh của Bồ tát Văn Thù. Trong giới tu hành, ít ai kiêm cả hai. Kinh Pháp Hoa bắt buộc hành giả phải đủ cả hai. Qua bốn phẩm kinh:

+ **Phẩm thứ nhất:** song hành cả tình cảm và lý trí.

+ **Phẩm thứ nhì:** liễu ngộ thực tướng của các pháp (*qua Thập như thị pháp*).

+ **Phẩm thứ ba:** quy về Nhất thừa pháp.

+ **Phẩm thứ tư:** Tín và Giải theo nhau cùng lúc. Tin xong hiểu liền. Nếu còn nghi thì làm sao tin tưởng tuyệt đối. Trái lại, chưa tin tưởng tuyệt đối thì làm sao vượt khỏi nghi, để đi đến chỗ giải nghi hiểu trọn (*vấn đề này phải có nhiều thì giờ bàn suy rộng*). Như câu chuyện triết lý khởi đầu con gà sanh trước, hay là cái trứng sanh trước. Nếu cái trứng sanh trước thì cái gì sanh ra cái trứng, nếu con gà sanh trước thì cái gì sanh ra con gà?

Câu hỏi tuy đơn giản, nhưng không phải dễ giải đáp. Ngoại trừ khi nào bạn chứng đắc được “**thực tướng các pháp**”, lúc ấy mới thông suốt. Hoặc tối thiểu cũng phải liễu nghĩa về thực tướng của các pháp thì mới hiểu thông chứ chưa hiểu trọn.

Phạm vi bài này chưa đi vào luận giải thẩm sâu. Xin mời quý vị hành giả Pháp Hoa kinh và quý vị thức giả, cùng toàn thể tu học viên lần giới nghiên cứu Pháp Hoa kinh, hãy khởi đầu bằng chữ tín. Bởi vì trong tín nó đã có giải, trong giải nó nằm sẵn tín (*Lý Bất Nhị*). Nhưng phải tín trước, bởi trong tất cả mở đầu các kinh đều “**Như thị**”, tức là như vậy. Giáo pháp Đức Phật dạy, chân lý do kinh điển chỉ dạy, đều là như vậy. Ai tin thì đọc, tụng, thọ, trì; ai không tin thì thôi. Như vậy “**Ta**” nghe, chứ không phải “**tôi**” nghe như vậy.

Ai tin? Bốn vị thánh Tăng tin (*Ngài Đại Ca Diếp, Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ngài Đại Ca Chiên Diên và Ngài Đại Mục Kiền Liên*). Tin gì? Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều sẽ được thành Phật. Tức là tin Nhất thừa pháp. Nhờ đâu? Nhờ liễu giải nghĩa Thập như thị pháp (*Mười như vậy*), cùng câu chuyện ngôi nhà lửa và được nhìn tận mắt, nghe tận tai, Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất được thành Phật.

Nét nhỏ nhiệm nhất là nghe Đức Phật dạy rằng: “Em bé chỉ dùng móng tay vẽ trên đất cát hình ảnh

Đức Phật, bé này nhất định sẽ thành Phật”. Vậy thì trình độ đã chứng Thánh như bốn Ngài, chắc chắn sẽ được thành Phật. Thế mà từ trước, bốn Ngài chỉ nghĩ đắc Thánh quả là cùng tột, là tuyệt đích rồi, chứ không dám mơ vọng được thành Phật. Nay vào hội thuyết Pháp Hoa đã nghe và chứng kiến Đức Thế Tôn tuyên bày pháp lớn. Sự giải bày rất cặn kẽ như thế, nên bốn Ngài tuyệt đối tin tưởng pháp Nhất thừa.

Trong niềm tin tưởng tuyệt đối này đã có sự nhận thức sâu sắc về Nhất thừa pháp. Đã ý thức được thế nào là thực tướng của các pháp rồi. Đã ý thức được mỗi chúng sanh đều có sẵn Phật tánh rồi. Đã giải nghi mọi mối ngờ vực rồi. Một khi nghi đã giải thì liền thoát khỏi mọi ràng buộc của giả pháp, của hý luận pháp. Cho nên có thể định nghĩa đề phẩm Tín Giải thứ tư này là: **“Đã tin nên hiểu, hiểu được nên tin”**. Bốn Ngài Đại Thánh Tăng đến trước Đức Phật Thích Ca, bộc bạch phơi bày. Nói cách khác là để trình những điều mà bốn Ngài đã hiểu và hiện đang tuyệt đối tin tưởng kinh Pháp Hoa (*Nhất thừa pháp*). Trong lời bộc bạch, bốn Ngài còn nêu ví dụ gả cùng tử.

II - NỘI DUNG

1/. Bốn Ngài Thánh Tăng trình tín giải

Chánh văn

1 - Lúc bấy giờ, các Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Đại Mục Kiền Liên, từ nơi Phật được nghe pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn dự ghi cho Ngài Xá Lợi Phất sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh lòng hy hữu hớn hở vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục, trịch áo bày vai phải, gối phải chাম đất, một lòng chấp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch Phật rằng: “Chúng con đứng đầu trong hàng Tăng, tuổi đều cao, tự cho đã được Niết Bàn không thể đảm nhận gì nữa, chẳng còn vươn lên cầu thêm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nghe nơi tòa, thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba pháp: không, vô tướng, vô tác. Đối với các pháp du hý thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ tát, lòng chúng con không ưa thích.

Vì sao? Đức Thế Tôn đã khiến chúng con ra khỏi ba cõi, đặng chứng Niết Bàn, còn giờ đây tuổi chúng con đã già nua, nên đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Phật đang dạy Bồ tát, chúng con không hề sanh một niệm ưa thích.

Nhưng hôm nay chúng con ở trước Phật nghe thọ ký cho Thanh Văn sẽ đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lòng rất vui mừng đặng pháp chưa từng có, đâu ngờ hôm nay bỗng nhiên đặng nghe pháp hy hữu, tự rất may đặng lợi lành lớn, vô lượng trân báu, chẳng tìm cầu mà tự nhiên được”.

Giảng luận

Bốn vị đại A La Hán này là bốn Ngài Thánh Tăng, đứng đầu hàng chúng xuất gia của Đức Phật, đều là hàng trưởng lão trong Tăng đoàn, đã từng xuất gia theo hầu nghe pháp và tu luyện đúng lời Đức Phật dạy và đều chứng quả vị Niết Bàn Thanh Văn, thoát ly sanh tử luân hồi, như vậy xem như đang an nhiên tự tại rồi, đã mãn nguyện, không còn cầu mong gì hơn nữa. Vậy mà khi vào hội thuyết kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã mở rộng pháp thực tướng, ba thừa chung về một thừa, chỉ có thành Phật. Lại được Đức Phật giảng rõ về **Như thị pháp**. Rồi ví dụ ba xe cùng ngôi nhà lửa. Lại còn thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất sau này sẽ được thành Phật, nhưt là liễu ngộ được pháp chơn không. Lúc bấy giờ bốn Ngài mới bừng vỡ rằng vậy thì quả vị các Ngài chứng đắc mới chỉ nửa vời thôi! Hoặc nói cách khác, là vẫn còn ở giả pháp mà thôi!

Như vậy thì rất đáng thương cho những ai đã làm đệ tử Đức Phật, kể cả xuất gia, lẫn tại gia mà thiếu nhân duyên, chưa được đọc tụng thọ trì in sao viết chép cúng dường, nhất là chưa liễu nghĩa phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa này thì sự tu luyện suốt đời cũng chỉ vớ vẩn mà thôi!

Dù tu pháp môn nào mà vẫn còn lẩn quẩn thì cũng vẫn như bốn Ngài Thánh Tăng mà thôi. Khi mình chưa tin trọn vẹn, khi mình chưa liễu ngộ chứng đắc “Như” thì làm sao hiểu cái lẩn quẩn của chính mình. Chưa hiểu được mọi sự lẩn quẩn của chính mình thì mình còn giải được cho ai?

Kinh Pháp Hoa chữ nào cũng quan trọng, lời nào, câu nào, phẩm nào cũng quan trọng cả! Chưa liễu ngộ phẩm Tín Giải thì xin khoan mở rộng các phẩm khác tiếp theo.

2/. Bốn Ngài Thánh Tăng nêu ẩn dụ bằng câu chuyện “Gã cùng tử”

Chánh văn

2 - Thế Tôn! Chúng con hôm nay xin thí dụ để rõ nghĩa. Có người tuổi thơ bỏ nhà trốn đi qua ở lâu năm nơi nước khác, từ mười, hai mươi, đến năm mươi năm. Sau đó tuổi lớn lại thêm nghèo nàn khốn khổ, nên phải rong ruổi bốn phương để cầu miếng cơm manh áo, lần lần tình cờ về lại bốn quốc.

Người cha từ trước đến nay đi tìm con không dạng bèn ở lại tại một thành trong nước. Nhà ông giàu lớn, của báu vô số, các kho đụn, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, trân châu ... thảy đều đầy đủ. Người giúp việc, phụ tá, dân phu rất đông. Voi, ngựa, xe cộ, bò, dê nhiều vô số. Lợi tức thâu vào rộng xa khắp đến các nước khác, khách thương buôn bán giao dịch rất đông đúc.

Bấy giờ, gã nghèo cùng kia, rảo đến các thị tứ, trải qua xóm làng, lần hồi đến nơi thành của người cha ở. Người cha hằng nhớ con, cùng con biệt ly hơn năm mươi năm mà ông vẫn chưa từng nói chuyện đó với ai, chỉ suy nghĩ lòng rất tiếc nuối. Ông tự nghĩ ta già nua lại có nhiều của cải, vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy nhưng lại không có con cái, một mai chết đi thời của cải tan nát vì không người để giao phó. Cho nên lòng tha thiết luôn nhớ đến con. Ông lại nghĩ: Nếu ta gặp dạng con mà giao phó của cải thì lòng sẽ thản nhiên khoái lạc không còn lo sầu.

3 - Thừa Thế Tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê kia lần hồi tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên cổng, nhìn xa thấy cha ngồi giường sư tử, ghé báu đỡ chân, các hàng Bà la môn, Sát đế lợi, Cư sĩ đều cung kính bao quanh. Trên

thân ông dùng chuỗi ngọc chơn châu giá trị nghìn vạn để trang sức, kẻ thường dân, người giúp việc tay cầm phát trần trắng, đứng hầu hai bên. Màn báu che trên, những phan đẹp thông xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ danh hoa, các vật báu chưng bày, la liệt tiền của xuất ra, thâu vào ... Có đủ các sự nghiêm sức dường ấy, oai đức rất tôn nghiêm. Gã cùng tử thấy ông này có thế lực lớn liền sanh lòng lo sợ, hối hận về việc đến nhà này, nó nghĩ rằng: “Ông này chắc là vua, hoặc là bực đồng vua, chẳng phải là chỗ của ta làm thuê mượn kiếm tiền công.

Chẳng bằng ta qua chỗ xóm nghèo có nơi cho mình ra sức để kiếm chén cơm manh áo. Nếu như ta đứng lâu ở đây hoặc rồi họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Gã nghĩ như thế rồi, liền bỏ chạy thẳng.

4 – Khi đó, ông Trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con liền nhớ biết, lòng rất vui mừng mà tự nghĩ rằng: “Của cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó rồi, ta thường nghĩ nhờ đứa con này chẳng biết làm sao gặp đặng, nay bỗng dưng nó tự đến rất vừa chỗ ý muốn của ta, ta dầu tuổi già vẫn còn tham con tiếc của”. Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt con lại.

Lúc ấy, kẻ phụ việc chạy mau bắt lại. Gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: “Tôi

không hề xúc phạm ai sao lại bị bắt?”. Kẻ phụ việc đi bắt đó càng gấp cưỡng ép giải về. Khi đó gã cùng tử tự nghĩ không tội chi mà bị bắt bỏ đây chắc định phải chết, nên càng sợ sệt ngắt xiu té xuống đất.

Người cha từ xa thấy vậy bèn nói với kẻ phụ việc rằng: “Không cần người đó đâu, chớ cưỡng ép giải đến. Hãy lấy nước lạnh rưới trên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó”.

Vì sao? Người cha biết con mình ý thấp hèn, tự biết chính mình giàu sang làm nó khiếp sợ. Biết chắc là con rồi nên dùng phương tiện, chẳng nói với người khác biết đó là con mình. Kẻ phụ việc nói với gã cùng tử: “Nay ta thả, người đi đâu tùy ý”.

Gã cùng tử vui mừng đặng điều chưa từng có, vội vàng đứng dậy, qua xóm nghèo để tìm cơm áo.

5 – Bấy giờ ông Trưởng giả mới lập mưu kế dụ người con, bèn sai hai người giúp việc hình sắc tiêu tụy không có oai đức: Hai người nên qua xóm kia, rồi từ từ nói với gã cùng tử, nơi đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Gã cùng tử nếu chịu thời dặt về đây khiến làm. Nếu nó có hỏi muốn sai làm gì, thời nên nói với nó rằng:

“Thuê người hốt phân, hai chúng ta cũng cùng người chung nhau làm”. Khi đó hai người phụ việc liền tìm gã cùng tử, rồi thuật đủ sự việc như trên.

6 – Bấy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả, sau đó liền cùng đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót trách buồn. Lại một ngày khác ông ở trong cửa sổ xa thấy con ốm o tiêu tụy, phân đất bụi bặm dơ bẩn. Ông liền cởi chuối ngọc, áo tốt mịn màng cùng đồ trang sức, lại mặc áo dơ rách, dùng đất bôi bẩn vào thân và cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng tởm. Ông bảo những người làm rằng: “Các người phải siêng làm việc chớ nên lười nghỉ. Ông dùng phương tiện đó đặt đến gần người con.

Lúc sau lại bảo con rằng: “Chàng trai này! Người nên thường làm ở đây đừng nên đi nơi khác, ta sẽ trả thêm tiền công cho người. Những đồ cần dùng như bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, người chớ lo ngại, lại có kẻ tổ già hèn xấu, nếu cần ta cấp cho, nên phải an lòng, ta như cha của người, chớ có sầu lo !

Vì sao? Vì ta tuổi tác già cả mà người thì trẻ mạnh, luôn trong lúc làm việc không lòng dối trá trễ nãi giận hờn, thốt lời thán oán. Các điều xấu xa, đều không thấy người có như các

người làm công khác. Từ nay về sau người như con đẻ của ta vậy”. Tức thời Trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử và gọi anh ta là con.

Khi đó gã cùng tử, dầu mừng việc tình cờ đó song vẫn tự cho mình là người ngoài làm công hèn hạ. Vì cố đó mà trong hai mươi năm trường vẫn chịu phạt sai biểu hốt phân, sau đó lòng gã mới lần thể tin, ra vào không e ngại rụt rè, nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chốn cũ tại xóm nghèo.

7 - Thế Tôn! Bấy giờ Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết, mới bảo cùng tử rằng: “Ta nay có rất nhiều vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít, việc thu xuất, người phải biết hết đó. Lòng ta như thế, người nên thể theo ý ta. Vì sao? Nay ta cùng người không là người dưng xa lạ, nên gắng dụng tâm chớ để sai sót”.

Khi ấy cùng tử liền nhận lời dặn bảo, nhận lãnh chuyện biết qua các cửa cái, vàng, bạc, trân báu và các kho tàng, mà không hề có ý mong lấy dù giá trị chỉ bằng chừng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chốn cũ, vẫn chưa bỏ được tâm chí thấp hèn.

8 - Lại trải qua ít lâu sau, cha biết tâm trí con đã dần thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm trạng mình ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến và hội cả thân tộc, quốc vương, quan đại thần, dòng quý tộc Sát đế lợi, hàng cư sĩ. Khi đã nhóm đủ, ông liền tự tuyên bố rằng: “Các ngài nên rõ, người này là con ruột của ta sanh ra, ngày trước trong thành nọ, nó bỏ trốn đi, nổi trôi khổ sở hơn năm mươi năm, nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở thành này lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây đụng gặp nó. Nó thiệt là con ta, ta thiệt là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải chi ra thâm vào, con ta đây đà coi biết”.

Thế Tôn! Khi đó gã cùng tử nghe cha nói như thế, liền rất vui mừng được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng: “Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng báu vật này tự nhiên mà đến”.

9 - Thế Tôn! Ông phú Trưởng giả đó là Đức Như Lai, còn chúng con đều như con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con của Phật.

Thưa Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp Tiểu thừa. Ngày nay Đức Thế Tôn khiến chúng con

suy nghĩ dọn trừ những cặn bã hý luận của pháp. Chúng con ở trong đó siêng năng tinh tấn đặng đến Niết Bàn, giá đáng chỉ một ngày công đã đặng mà rồi lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: “Ở trong pháp của Phật, do siêng năng tinh tấn nên đặng chỗ rộng nhiều”. Nhưng Đức Thế Tôn trước biết chúng con những ưa muốn sự hèn tẻ, ham nơi pháp Tiểu thừa, chúng con bèn bị Phật tạm buông bỏ chẳng chỉ cho rằng: “Các ông sẽ có phần bửu tàng tri kiến của Như Lai”.

Đức Thế Tôn đã dùng sức phương tiện nói bày trí huệ của Như Lai. Chúng con tin Phật chỉ bày đặng chứng Niết bàn giá đáng một ngày công, cho là đặng nhiều rồi, đối với pháp Đại thừa này không có chí cầu. Chúng con lại như trí huệ của Phật, vì các vị Bồ tát mà chỉ bày diễn nói, nhưng chính tự mình lại không có chí muốn nơi pháp đó.

Vì sao? Đức Phật biết chúng con ưa nơi pháp Tiểu thừa, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp, chúng con lại không tự biết mình thật là con Phật. Ngày nay chúng con mới biết Đức Thế Tôn ở nơi trí huệ của Phật không hề tiếc sển.

Vì sao? Chúng con từ xưa đến nay đúng thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi pháp Tiểu thừa,

nếu chúng con có tâm ham Đại thừa, thời Phật đã vì chúng con mà nói pháp Đại thừa rồi. Ở trong kinh này chỉ nói pháp nhất thừa. Lúc xưa Đức Phật ở trước Bồ tát chê trách Thanh Văn ham Tiểu thừa, nhưng Đức Phật thiết dùng Đại thừa để giáo hóa, vì thế nên chúng con nói vốn không có lòng mong cầu mà nay báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đến, như chỗ cần đặng của con Phật thì đều đã đặng đó.

Giảng luận

Bốn vị Thánh Tăng nêu ẩn dụ về gã cùng tử. Ngụ ý gã cùng tử bỏ nhà ra đi, là nói rằng chúng sanh đều là con của Đức Như Lai, đã tự bỏ bản tâm, chạy tìm giả ảo (*bội đạo trực giáo*). May gặp Phật pháp, nhưng lại hoảng sợ, không dám phát nguyện và tinh tấn tu cầu đắc quả vị Phật. Chỉ cầu quả Thanh Văn tự độ thấp kém như gã cùng tử chỉ cầu đủ cơm ăn, áo mặc và làm nhiệm vụ thấp hèn hốt phân.

Phân là chất hôi thối. Người tu hành chỉ chạy theo giả pháp thì chẳng khác nào gã cùng tử, trải qua nhiều chục năm chỉ chuyên việc hốt phân. Người cha giàu có phải phương tiện cải trang thành lão nô bộc, cũng làm công việc hốt phân, mới tiếp cận được gã, dụ gã về gần, giao gia sản và nhận là con.

Dù được làm con nuôi, cai quản gia tài giàu có, nhưng tâm ý gã cùng tử vẫn là đứa nghèo hèn, nó vẫn cố chấp, hạ cấp, ti tiện. Dù vậy, người cha vẫn không nản lòng, dùng mọi biện pháp để khai hóa, chuyển đổi tâm ý của con mình. Kết quả người con cùng tử này bừng khai tâm trí. Người cha vui mừng, họp làng nước, tộc họ tuyên bố: “Gã cùng tử là con tôi. Gia sản của tôi thuộc về nó”.

Bốn vị đại A La Hán kể câu chuyện thí dụ đã ví mình như con của ông Trưởng giả, bỏ cha trốn đi, khi quay về quên mất rằng mình chính là con của vị Trưởng giả. Trái lại tự nhận mình là người làm thuê, với nhiệm vụ **hốt phân**.

Tại sao các Ngài lại ví mình thấp hèn như vậy?

Thứ nhất trừ bệnh ngã mạn. Thánh Tăng cũng chỉ mới là gã hốt phân! Thứ nhì là mạnh dạn phơi bày sự thật là như thế! Vì sao? Vì dù Thánh cũng chỉ mãi quanh quẩn trong phần cặn bã của ngôn ngữ, của danh từ. Phật nói như thế này, Thánh nói như thế đó, nhà hiền triết nói như thế kia ... *vân vân* ...

Chấp lời nói, chấp văn tự, chấp bất cứ thứ gì, do thức và trí phân tích đều là cặn bã cả! Điều là phân hôi thối cả! Dù các Ngài chứng đắc Thánh quả cho riêng mình! Còn biết có ta có người, có Thánh có phàm là còn nhị nguyên, là còn mắc kẹt trong vòng lẩn quẩn. Ngày nào còn quẩn quanh trong

vòng lẩn quẩn thì ngày đó vẫn còn ôm đồm mớ cặn bã. Mà còn ôm đồm mọi thứ cặn bã thì ngày ấy vẫn còn là gã hốt phân! Bốn vị đại A La Hán ví dụ không hề sai trái với ý nghĩa của sự chơn thật chút nào cả!

Bốn Ngài đại Thánh Tăng tự ví mình như gã hốt phân. Vậy các vị phàm Tăng, trí giả, thức giả, hành giả, Tăng Ni, Phật tử, kể cả các giới từ trí thức đến bình dân, hãy chiêm nghiệm phần này để rồi tự ví mình là gã đang hốt thứ gì?

Tại sao kinh Pháp Hoa được Đức Phật bảo rằng đây là bộ kinh vua, đây là biển cả, so với sông suối ao hồ ... Tại sao kinh Pháp Hoa lại là mẹ đẻ các kinh? Tại vì kinh Pháp Hoa thu tóm tất cả các bộ kinh về Một, để chỉ rõ pháp chơn thật, chỉ rõ thực pháp của các pháp. khi nào còn dùng văn tự, lời nói, hình ảnh, âm thanh, mùi vị, chạm xúc, tư duy, phân tích, cân đo đong đếm, suy lường định nghĩa này, phân lý nọ ... là còn giả pháp, đều là những thứ phân dơ.

Thực pháp vốn là chơn không, vốn là như vậy. Nhưng nếu có kẻ nào nói thực pháp vốn là pháp không thì kẻ đó là kẻ hàm hồ. Hoặc thực pháp là như thế thì lại là gã khùng điên.

Các pháp vốn như vậy, mà cũng chẳng phải là một thứ vậy nào cả. Các pháp vốn chơn không, mà chẳng phải nằm ở chỗ không nào cả. Không đây là

không hề sanh cho nên làm gì có diệt, không hề dơ thì làm gì có sạch. Nó là như vậy chẳng mất, chẳng còn, chẳng thêm, cũng chẳng bớt. Liều ngộ, chứng đắc đến đó mới gọi là **Như**, mới gọi là **Như vậy**, mới gọi là **Như Lai**. Chưa chứng đắc, nhưng mà hiểu được để nhập về pháp “**Như**” đó mới được Phật thọ ký, để rồi tu trì chứng đắc quả vị Phật, chứng đắc quả Như.

Tất cả tánh tướng thể lực của các pháp đều là **Như**, đều là **Như vậy**.

Khi đã biết các pháp đều là Như vậy thì còn bon chen, hốt vài tấn phân, liệu có ích gì cho sự tu hành? Tu học Phật không bắt buộc phải đạt toàn triệt cả thiên kinh vạn điển, cũng không buộc quán triệt tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà chỉ xin toàn triệt một chữ **Như**, tức là các pháp vốn nó là Như vậy, vốn nó hằng còn. Kể cả các pháp thế gian vốn nó vẫn thường trụ (*Thế gian tướng thường trụ*).

Tụng đọc thọ trì phẩm Tín Giải xong hãy xếp kinh lại, tự soi chiếu để so sánh chính mình và bốn vị đại A La Hán nơi phẩm kinh này. Các Ngài là Thánh Tăng, mà tự thú nhận chính mình là gã cùng tử, mấy chục năm dài chỉ ham lo làm thuê hốt phân, mặc dù các Ngài đang sống bên gia sản giàu có tột đỉnh.

- **Các Ngài là gã cùng tử hốt phân!**
- **Còn chúng ta là gì và đang hốt gì?**

III - TÓM KẾT

Đọc phần đầu bài giảng luận phẩm Tín Giải, chúng ta cần phải nhuần nhuyễn các điều kiện sau đây:

❶ Phải nhớ danh hiệu của bốn vị đại A La Hán, tức là bốn Ngài Thánh Tăng nơi phẩm kinh này:

- * Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề.
- * Ngài Đại Ca Chiên Diên.
- * Ngài Đại Ca Diếp.
- * Ngài Đại Mục Kiền Liên.

(Nếu muốn hiểu rõ thêm xin hãy đọc mười vị đệ tử lớn của Đức Phật).

Đa phần trong chúng ta, khi đọc tiểu thuyết, hoặc truyện Tàu thì nhớ rõ từng nhân vật. Nhưng khi đọc, hoặc tụng kinh thì chẳng nhớ danh hiệu một vị nào cả! Chẳng những chỉ nhớ mà còn phải kể lại cho nhiều người khác nghe từng danh hiệu của mỗi vị trong kinh. Quý vị hãy cố gắng nhớ và siêng kể lại cho nhiều người nghe. Nếu được như vậy, quý vị sẽ dần dần nhận sự mâu nhiệm không ngờ.

❷ Tóm lược những lời trình bạch của bốn Ngài Thánh Tăng theo cách kể chuyện chứ không cần phải văn hoa bóng bẩy, hoặc thứ lớp như văn kinh.

❸ Thuật lại câu chuyện ẩn dụ do bốn Ngài kể trình lên Đức Phật về một gã cùng tử. Gã cùng tử làm gì? Chàng trai ấy là con của một vị nhà giàu,

mà tại sao lại trở thành gã cùng tử? Chàng cùng tử này chỉ làm việc hốt phân! Tại sao phải hốt phân?

④ Bốn vị Thánh Tăng tự sám hối với Đức Phật rằng: Suốt mấy chục năm qua, được làm đệ tử xuất gia của Phật, được hầu gần và tu tập pháp Phật, nhưng vì quá dại khờ nên chỉ tu luyện theo giả pháp. Vì vậy nên chúng con chính là gã cùng tử hốt phân.

⑤ Các Ngài Thánh Tăng tự nhận lỗi lầm của mình là quá ngu dại, bỏ trân châu bảo vật, để làm gã cùng tử hốt phân!

⑥ Mấy chục năm tu đắc giải thoát khỏi vòng luân hồi, chứng đắc Thánh quả A La Hán, vậy mà các Ngài tự nhận lỗi lầm của mình, tự ví mình là gã cùng tử hốt phân. Vậy thì chúng ta mấy chục năm qua tinh tấn tu luyện kinh Pháp Hoa, đã chứng đắc đến đâu rồi? Hiện nay mình hãy tự ví mình ngang đến tầm mức nào?

⑦ Hãy học cho hiểu, cho liễu, cho thông, cho ngộ giữa Niết bàn Thanh Văn và Niết bàn đắc quả vị Phật khác nhau thế nào? Tại sao Niết bàn Thanh Văn mới chỉ có nửa vơi thôi? Mới chỉ là gã cùng tử hốt phân thôi?

Quyết định quan trọng của hành giả kinh Pháp Hoa là sau khi đọc tụng phẩm Tín Giải này rồi thì tư duy thế nào? Tu tập làm sao? Nếu chưa tìm được

đáp số thì chúng ta tự nêu thêm một ẩn dụ khác để thêm sáng tỏ chữ đề Tín Giải.

Trước kia tất cả các nhà thông thái khắp trái đất đều tuyên bố rằng: “Quả đất vuông”. Trời tròn đất vuông, hoặc mẹ tròn con vuông. Tròn làm sao chứa vuông, tròn làm sao để vuông? Và có vị Thánh triết khác thì lại phán rằng: “Vũ trụ chỉ có một mặt trời, một mặt trăng và một quả đất”.

Vấn đề vũ trụ quan này Đức Phật đã dạy rất rõ ràng rằng: “Quả đất hình tròn. Không chỉ riêng một quả đất, một mặt trời, mà có vô số quả đất, vô số mặt trời, vô số thế giới và trùng trùng pháp giới bao la!”. *Sách nhị khóa hiệp giải* dạy cho giới Sa di trình độ Tiểu học, đã phân giải vấn đề quả đất - mặt trời - vũ trụ như thế. Vậy mà liệu được mấy người tin. Trình độ dân trí chưa đến, hoặc cố chấp những căn bã, vậy mà Đức Phật lại truyền dạy quá sớm, cho nên dù cũng có những vị liễu ngộ về nguyên lý của Phật giáo, nhưng lại không chịu trình bày, bởi vì nói ra liệu rằng có ai tin. Nhưng rồi gần đây trong số người thông thái lại có nhà bác học Ga-Li-Lê lại dám dũng dạc tuyên bố rằng quả đất tròn thì sau đó nhà thông thái này liền bị trừ giập.

Nhưng chơn lý lúc nào cũng là chơn lý! Vì chơn thật bất hư, cho nên đến thế kỷ này các nhà thông thái đồng loạt chẳng những dũng dạc tuyên bố quả đất tròn, mà còn tuyên bố dải ngân hà trên nền trời,

từ Bắc sang Nam có đến bảy mươi hai tỷ mặt trời. Danh từ ngân hà tiếng Pháp gọi là Voie Lactée, tiếng Anh gọi là Galaxy, hoặc Milky Way. Trên khoảng không mênh mông ở phía của cõi hư không là như vậy đó, vậy mà chúng ta chẳng chịu nhìn thấy. Chẳng phải chỉ đơn giản một dải ngân hà, mà Đức Phật đã dạy rằng vô số dải thiên hà. Trùng trùng pháp giới bao la như thế. Ngày nay khoa học phát minh đã tìm và chứng minh chính xác thêm nhiều dải thiên hà. Tin tưởng nhiều ngàn thế kỷ sau, loài người sẽ thông thái, sẽ hiểu rõ rằng khoảng hư không kia gồm có trùng trùng pháp giới bao la.

Trình độ hiểu biết loài người chưa vượt qua bảy mươi hai tỷ mặt trời của một dải thiên hà. Thậm chí một quả đất, một mặt trời cũng còn chưa liễu thông, chưa mở rộng kiến thức để vượt qua thì làm thế nào để liễu ngộ pháp chơn không của các pháp nơi kinh Pháp Hoa. Vì sao không hiểu, không vượt qua? Vì thiếu niềm tin nên không hiểu để giải thoát khỏi vòng lẩn quẩn. Chính mình lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn chưa giải thoát thì còn hy vọng giải được cho ai?

Tin phải tự mình tin. Hiểu phải tự mình hiểu. Muốn tin giải phải tinh tấn tu học đúng chánh pháp (*xem tiếp bài phẩm Tín Giải tiếp theo*).

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

11

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 11

PHẨM TÍN GIẢI - Thứ tư
(tiếp theo)

- Bốn vị Thánh Tăng bộc bạch tâm trạng lên Đức Phật rằng đã tin mình sẽ thành Phật.
- Bốn Ngài thuyết thơ kệ trùng tuyên câu chuyện gã cùng tử.

I - MỞ ĐẦU

Đọc kỹ bài mười phần đầu phẩm Tín Giải, nếu chưa liễu thông đọc tiếp phần thơ kệ bài mười một này, bằng chưa liễu thông thì nên đọc lại nhiều lần.

Thánh Tăng theo Đức Phật tu học suốt mấy chục năm, vậy mà quý Ngài tự sám hối rằng, các

Ngài sai khuyết, suốt thời gian dài chỉ làm việc của gã cùng tử hốt phân.

Ôi cao thượng thay tâm hồn của các vị Đại A La Hán. Nếu trong hàng bốn chúng đệ tử của Đức Phật ai cũng nhận biết chính mình còn thấp kém thì giờ này lời dạy của Đức Phật đã thấm sâu phổ rộng khắp hoàn cầu. Chẳng những riêng loài người, mà muôn vật đâu còn cảnh lầm than, khổ lụy điêu linh! Chiến tranh, hận thù làm gì còn đất để nảy sanh.

Dù thông thái đến đâu, khi chưa liễu ngộ, chưa chứng đắc được thực tướng của các pháp thì vẫn còn lẫn lộn trong phạm vi giả pháp. Có người phản bác rằng, khoa học không còn lẫn lộn, phổ biến cái nào là chứng minh chuẩn xác cái đó!

Chắc chắn không còn lẫn lộn à! Không lẫn lộn mà sao lại có phát minh? Vậy phát minh không từ trong lẫn lộn mà ra ư? Và chắc chắn những phát minh tuyệt vời của giới khoa học hiện nay nó không bị lỗi thời và sai bét đối với hậu lai hay không?

Có tự tin mới có tự hiểu, hiểu cho chính mình và hiểu để khai thông sự lẫn lộn cho những ai cũng đã từng lẫn lộn như mình.

Loài người quá cố chấp, quá tôn sùng những cặn bã của các nhà thông thái, mà lại lửng quên sự

thật lý chơn của các đấng tu chứng phổ truyền, nhất là Đức Phật.

Sự thì thật, lý thì chơn, gọi tắt là chơn thật do Đức Phật trình bày, đơn giản lắm. Đơn giản đối với ai đã tự tín chơn lý, tự giải chơn lý, nhất là phải tự soi lại chính mình đã tín và giải lý chơn thật hay chưa? Đã tri kiến được các pháp vốn đồng một tướng hay chưa? Một tướng vốn không tướng, không tướng tức tướng chơn không. Nếu chưa chứng đắc, hoặc ít nhất cũng liễu ngộ. Nếu chưa thì từ từ từng bước đi đến đích tối thượng ấy. Thệ nguyện không quẩn quanh trong cái vòng quanh quẩn, để đời đời kiếp kiếp mãi là gã cùng tử hốt phân!

II - NỘI DUNG

1/. Bấy giờ Ngài Ma Ha Ca Diếp muốn trùng tuyên lại nghĩa trên nên tuyên thuyết kệ rằng:

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

10 - Chúng con hôm nay

Nghe lời Phật dạy

Hớn hở mừng vui

Đặng chưa từng có

Phật nói Thanh Văn

Sẽ đặng thành Phật

Đấng báu vô thượng

Chẳng cầu tự được

Ví như đồng tử

Thơ bé không hiểu
Bỏ cha trốn đi
Đến nơi xứ người
Nổi trôi khắp chốn
Hơn năm mươi năm
Cha già buồn nhớ
Tìm khắp mọi nơi
Kiếm tìm đã mỏi
Liên ở một thành
Dựng nên cơ nghiệp
Ngũ dục đủ vui
Nhà ông giàu có
Quá nhiều vàng, bạc
Xa cừ, mã nã
Trân châu, lưu ly
Voi ngựa bò dê
Kiệu cang xe cộ
Ruộng đất người làm
Nhân sự quá nhiều
Xuất thu vô số
Bán buôn nước khác
Khắp cùng mọi xứ
Nghìn muôn ức chúng
Vây quanh cung kính
Thường được vua chúa
Mến thương quý trọng
Các quan, hào tộc

Cũng đều giao lưu
Vì các duyên cố
Người đến dập dìu
Giàu mạnh như vậy
Thế lực rất lớn
Mà tuổi xế chiều
Nên buồn nhớ con
Ngày đêm trông ngóng
Cái chết cận kề
Con dại bỏ ta
Hơn năm mươi năm
Kho tàng của báu
Biết tính sao đây?

11 - Bấy giờ cùng tử
Tìm cầu cơm áo
Trải khắp mọi nơi
Nước này nước nọ
Hoặc có khi được
Hoặc có lúc không
Đói khát gầy gò
Thân sanh ghẻ lác
Lần lựa trải qua
Đến thành cha ở
Tìm chỗ làm thuê
Đến trước nhà cha
Lúc ấy Trưởng giả

Đang ở trong nhà
Giăng màn trướng báu
Ngồi tòa sư tử
Thân tộc vây quanh
Đông người hầu hạ
Có người kế toán
Vàng, bạc, trân châu
Của cải ra vào
Giấy tờ ghi chép
Cùng tử thấy ông
Giàu có tôn nghiêm
Cho là vua chúa
Hoặc đồng bực vua
Kinh sợ tự trách
Sao mình đến đây ?
Lại tự nghĩ rằng:
Nếu đứng đây lâu
Sẽ bị bức ngặt
Ép buộc sai khiến
Suy nghĩ thế rồi
Rảo chân chạy thẳng
Hỏi thăm xóm nghèo
Trú ngụ làm thuê.

12 - Bảy giờ Trưởng giả
Ngồi tòa sư tử
Xa trông thấy con

Đương nhiên biết rõ
Bảo người phụ tá
Đuổi theo bắt về
Cùng tử hãì la
Té xỉu trên đất
Nghĩ mình bị bắt
Chắc sẽ chết thôi
Cơm áo mà chi
Khiến tôi thế này !
Trưởng giả biết con
Ngu dại thấp hèn
Chẳng chịu tin rằng
Ta là cha nó
Liên dùng mưu chước
Sai hai người khác
Mất chốt, thân lùn
Không có oai đức !
Các người hãy bảo
Rằng ta thuê nó
Hốt dọn phân nhơ
Trả công cao trội
Cùng tử nghe rồi
Liên theo người về
Dọn hốt phân nhơ
Tương tất phòng nhà
Trưởng giả đau lòng
Nhìn thấy con mình

Nghĩ con ngu dại
Ưả thích việc hèn
Lúc đó Trưởng giả
Mặc y phục cũ
Cầm đồ hốt phân
Đến chỗ con làm
Lân la gần gũi
Khuyên hẳn siêng làm
Thêm tiền cho người
Cho dầu xoa chân
Ăn uống đầy đủ
Thêm đệm dây ấm
Ông còn nói rằng:
Người nên siêng năng
Ông còn dỗ ngọt
Xem người như con

13 - Trưởng giả dụng trí
Dẫn cho ra vào
Trải hai mươi năm
Coi việc trong nhà
Cho biết vàng, bạc
Trần châu, pha lê
Các vật thu chi
Đều phân chỉ rõ
Cùng tử giữ phận
Nường nấu ngoài hiên

Tự cho phận hèn
Chẳng dám nghĩ đến
Cha biết lòng con
Đã dần rộng lớn
Muốn giao tài sản
Liên nhóm họ hàng
Quốc vương, đại thần
Sát lợi, cư sĩ
Nơi giữa tiệc mừng
Nó con của ta
Bỏ đi nước khác
Trải năm mười năm
Gặp con đến nay
Đã hai mươi năm
Trước ở thành kia
Mất đứa con này
Ta tìm khắp xứ
Tự nhiên nó đến
Phàm của ta có
Nhà cửa nhân công
Đều giao cho nó
Tùy nghi sử dụng
Con nhớ xưa kia
Ý chí kém hèn
Nay nơi cha mình
Đặng nhiều châu báu
Cùng với nhà cửa

Tất cả của tiền
Lòng rất vui mừng
Việc chưa từng nghĩ.

Giảng luận

Đoạn mười: Bốn vị Thánh Tăng nghe lời Phật dạy khắp thấy vui mừng vì đặng điều chưa từng có. Trước kia Đức Phật đã từng dạy các Thánh Tăng thấy đều thành Phật, kể cả các chúng sanh cũng vậy. Nhưng chúng con hàng A La Hán, nào có ai tin. Chúng con ví như gã cùng tử bỏ cha đi hoang. Người cha thường tưởng nhớ kiếm tìm khắp nơi.

Đoạn mười một: qua mấy chục năm, trên đường đi tìm việc làm, khiến xui lại gặp ngay người cha mình, nhưng gã thấy ông sang trọng quá, gã quên người cha và tưởng rằng đây là ông quan, ông vua cao quý quá, gã sợ bị bắt nên vội vàng bỏ chạy. Cha cho người chạy theo bắt lại. Gã cùng tử sợ quá chết xỉu, người cha cấp cứu rồi ra lệnh đuổi đi.

Đoạn mười hai: người cha giàu có kia hiểu được sự khiếp sợ của đứa con thấp hèn, nên ông sai người cũng thấp hèn như nó đi dụ về thuê gã hốt phân, cho nhiều cơm áo. Sau đó người cha cải trang thấp hèn mới đến gần được nó, nhận nó làm con nuôi, giao cho quản gia, nhưng hấn cũng vẫn còn kiêu luôn việc hốt phân.

Đoạn mười ba: sau nhiều chục năm làm việc quản gia kiêm việc hốt phân, gã cùng tử mới quen

và hiểu việc quản lý gia sản. Người cha mở tiệc mời làng nước thân tộc láng giềng và cả đức vua, long trọng tuyên bố gã cùng tử là con ruột của ông. Sau đó tiến hành lễ truyền trao gia tài cho gã cùng tử. Người con từ đây mở rộng tầm nhìn, thật là một việc mà gã chưa từng bao giờ nghĩ đến. Hấn vui mừng không tả xiết.

Bốn đoạn thơ kệ, lập lại để thêm sáng tỏ phần văn kinh. Chúng ta đọc các đoạn kệ tiếp theo để sáng tỏ phần mật nghĩa.

Chính văn

14 - Phật cũng như thế
Biết con ư thấp
Nên chưa nói rằng
Các người thành Phật
Chỉ nói chúng con
Đặng đức vô lậu
Trọn quả Tiểu thừa
Thanh Văn đệ tử
Phật trao chúng con
Đạo pháp tối thượng
Người tu pháp này
Sẽ thành Phật quả
Con vâng lời Phật
Vì Bồ tát lớn
Dùng các nhưn duyên
Cùng mọi thí dụ

Bao lời dạy hay
Truyền đạo vô thượng
Các hàng Phật tử
Nơi con nghe pháp
Ngày đêm suy gẫm
Tinh tấn tu tập
Bấy giờ các Phật
Liên trao dự ghi
Các ông đời sau
Sẽ đặng thành Phật
Pháp mầu bí tàng
Của tất cả Phật
Chỉ vì Bồ tát
Mà dạy việc thiệt
Chẳng vì chúng con
Nói pháp chơn yếu
Như cùng tử kia
Đặng gần bên cha
Dầu biết các vật
Lòng chẳng mong cầu
Chúng con dầu nói
Tặng pháp báu Phật
Tự không chí nguyện
Cũng lại như thế.

15 - Chúng con dứt trong
Tự cho là đủ

Chỉ xong việc này
Không biết việc khác
Chúng con đều nghe
Pháp tịnh cõi Phật
Giáo hóa chúng sanh
Vì sao như thế
Vì tất cả pháp
Không sanh không diệt
Không lớn không nhỏ
Vô lậu vô vi
Suy nghĩ như vậy
Chẳng sanh ưa muốn
Chúng con từ lâu
Không tham không thích
Lại không chí nguyện
Còn đối pháp mình
Cho là rất ráo
Chúng con từ lâu
Chuyên tu pháp không
Đặng thoát hoạn nạn
Khổ não ba cõi
Trụ thân rốt sau
Hữu dư Niết Bàn
Điều Phật dạy bảo
Chúng đạo chẳng uổng
Thời là có thể
Báo đợc ơn Phật

Chúng con dẫu vì
Các hàng Phật tử
Nói pháp Bồ tát
Để cầu Phật đạo
Mà đối pháp đó
Trọn không mong muốn
Đạo sư buông bỏ
Vì biết lòng con
Ban đầu không khuyên
Nói lợi có thiệt
Như ông Trưởng giả
Biết con chí thấp
Bèn dùng phương tiện
Hòa phục tâm con
Sau mới giao phó
Tất cả tài sản
Đức Phật cũng thế
Hiện việc ít có
Biết con Tiểu thừa
Dùng sức phương tiện
Điều phục tâm con
Mới dạy trí lớn
Chúng con hôm nay
Được chữa từng có
Chẳng phải trước mong
Nay tự nhiên được
Như cùng tử kia

Đặng vô lượng báu.

16 - Thế Tôn! Chúng con
Đặng đạo, chứng quả
Nơi pháp vô lậu
Đặng nhãn thanh tịnh
Chúng con lâu nay
Gìn tịnh giới Phật
Vậy nên hôm nay
Đặng quả báo đó
Trong pháp Pháp vương
Lâu tu phạm hạnh
Nay được vô lậu
Quả lớn vô thượng
Chúng con hôm nay
Thiệt là Thanh Văn
Truyền tiếng của Phật
Cho tất cả nghe
Chúng con hôm nay
Thiệt A La Hán
Ở khắp thế gian
Trời, người, ma, phạm
Khắp nơi trong chúng
Đáng lãnh cúng dường
Ở lớn Thế Tôn
Đem việc ít có
Thương xót dạy bảo

Lợi ích chúng con
Vô lượng ức kiếp
Ai báo đền được
Tay chấp chơn quy
Đầu đảnh lễ kính
Tất cả cúng dường
Đều không đền đặng
Hoặc dùng đầu đội
Hai vai cõng vác
Trải Hằng sa kiếp
Tận tâm cung kính
Lại đem món ngon
Vô lượng y báu
Các thứ đồ nằm
Đủ món thuốc thang
Gỗ quý chiên đàn
Các vật trân bảo
Để dựng tháp miếu
Y báu lót đất
Các việc như trên
Đem cúng dường Phật
Trải Hằng sa kiếp
Cũng không đáp được
Các Phật ít có
Vô lượng vô biên
Bất khả tư nghì
Sức thần thông lớn

Vô lậu, vô vi
 Là vua các pháp
 Hay vì kẻ thấp
 Nhẫn nhục điều đó
 Hiện tướng phàm phu
 Tùy cơ dạy nói
 Các Phật nơi pháp
 Được mọi tự tại
 Biết các chúng sanh
 Đủ thứ ưa muốn
 Và chí lực họ
 Tùy sức chịu nhận
 Dùng vô lượng dụ
 Vì chúng nói pháp
 Tùy các chúng sanh
 Cản lành đời trước
 Biết đã thành thực
 Hay chưa thành thực
 Suy lường mọi thứ
 Phân biệt rõ rồi
 Nơi đạo nứt thừa
 Tùy nghi nói ba.

Giảng luận

Xưa nay có ai muốn mình nghèo khổ, làm chàng hốt phân, muốn mình chỉ được làm người quản gia lại kiêm việc hốt phân. Thế mà oái oăm thay, ý chí thì không bao giờ dám trái lại. Bởi vì

không dám mạnh dạn vượt khỏi thân phận tự ty mặc cảm, không dám phá vỡ định mệnh. Định mệnh cho làm người, chỉ an phận làm người, hoặc tối cao là đắc Thánh, chứ không bao giờ dám nghĩ có Phật tánh, chứ đừng bảo là mình nhất định sẽ thành Phật.

Tâm trạng bốn Ngài Đại Thánh Tăng khi chưa liễu ngộ Nhất thừa thì các Ngài cũng tự ty mặc cảm như chúng ta:

- Cùng tử hàm ý nơi tâm hồn không hòa nhập được bao la, không liễu nghĩa được pháp cứu cánh giải thoát.

- Chàng hốt phân hàm ý nói các vị Thánh Tăng ưa gAum góp nhỏ nhặt, những pháp thuộc về pháp hữu, chứ chẳng có chút nào đạt được pháp **chơn không**.

- Người quản gia, nhưng vẫn còn hốt phân hàm ý nói sự tu học có chứng đắc, nhưng chưa thấy mình có Phật tánh, chưa phát nguyện tu cầu thành Phật, chưa tin tưởng mình sẽ được thành Phật và vẫn còn gAum góp những phần pháp hữu, cho nên mới chỉ là người quản gia kiêm việc hốt phân mà thôi.

Đoạn thơ kệ này bốn Ngài Đại Thánh Tăng tự động kết luận gã cùng tử trở thành chàng hốt phân. Chàng hốt phân trở thành người quản gia kiêm hốt phân. Người quản gia kiêm hốt phân, chính thức

thành vị chủ nhà, quản lý và chuẩn bị làm chủ gia tài lớn: “**Gia tài thành Phật**”.

Tụng đọc, tu niệm đoạn kinh này, chính mỗi chúng ta phải thấm sâu từng chữ, từng lời, hầu đạt ngộ ý chỉ cao sâu của từng đoạn kinh.

III - TÓM KẾT

Mật nghĩa đoạn kinh, năm ngàn người rời Pháp Hội ra đi thuộc phẩm Phương tiện là biểu thị tính **tự tôn**. Còn mật nghĩa gã cùng tử nơi phần ẩn dụ thuộc phẩm Tín giải này là biểu thị tính **tự ti**. Có chuyển hóa được tánh tự tôn và tự ti thì mới dễ nhập vào **tự tại**. Đạo Phật là đạo tự tại. Có tự tại mới hết phiền não. Có tự tại mới tin, mới hiểu, mới thoát!

Tín là tin tưởng – Giải là hiểu biết để rồi giải nghi. Có giải nghi là nhờ ý tỉnh thức. Ý thức rằng mình có Phật tánh. Ý thức rằng mình sẽ thành Phật. Ý thức rằng mọi người, mọi loài, ai ai, loài nào, vật nào cũng có Phật tánh và cũng được thành Phật. Có nhận thức, để rồi ý thức được như vậy thì mới hiểu và giải được tất cả mọi sự nghi vấn. Có hiểu biết và giải nghi thì mới tự tại. Có tự tại mới giải thoát được mọi sự ràng buộc. Có giải và thoát được mọi sự ràng buộc thì mới bừng khai Phật tánh, mới tin tưởng tuyệt đối vào pháp môn mình tu. Có Tín và Giải thì mới phát tâm tu cầu thành Phật.

Có người bảo: Bồ tát mới được thành Phật, còn mình là phàm phu, là chúng sanh, mà lại nói rằng mình sẽ thành Phật, như thế mất hạnh khiêm tốn rồi, chứ đừng nói chi đến chuyện mình sẽ thành Phật.

Xin thưa! Một học sinh Tiểu học không có quyền tin tưởng rằng mình sẽ làm nhà Bác học ư! Hoặc các em thiếu nhi không có quyền tin tưởng rằng sau này mình được làm người lớn, làm chủ gia đình ư !

Đặt thêm câu hỏi thứ hai: Một chú Điệu hoặc một vị Sa di, nhất là Sa di Ni, không được quyền tin tưởng rằng mình không khi nào được làm Hòa thượng, làm Ni sư ư ? Nếu bắt buộc phải nghĩ rằng chỉ có các Ngài Đại Hòa thượng, mới được thay mặt Phật, ở vào hàng Tăng Bảo và sau này thành Phật, còn hàng Cư sĩ, hàng Điệu chúng, Sa di, Sa di Ni không được quyền nghĩ, hoặc nói rằng mình sau này sẽ được dự vào hàng Tăng Bảo và đến một kiếp nào đó sẽ được thành Phật ư ? Hoặc nếu ai nguyện thành Phật sẽ mất hạnh khiêm cung ư ?

Tự tín và tự tôn khác nhau. Khiêm tốn và tự ty khác nhau. Đạo Phật không tự tôn, không tự ty, kể cả không tự hào, mà là tự tại. Tuyệt đối tin tưởng mình có sẵn Phật tánh và nhất định sẽ thành Phật, đó là tự tại, đó là tín, đó là hiểu. Có tín mới có hiểu. Có hiểu sâu mới có tín sâu. Tín những điều chính

đáng thì hiểu và giải tất cả mọi rắc rối, mọi phiền não trong đời sống hằng ngày của chính mình. Có tín, có hiểu thì mới tự tại, mới an vui, mới giải thoát.

Qua phẩm Tín Giải, hành giả Pháp Hoa khi đã thấm sâu vào phần mật nghĩa thì nên tinh tấn đọc tụng, in sao, viết chép, nghiên cứu, đồng mãnh, đồng thời phát nguyện thọ trì và phổ biến kinh Pháp Hoa.

Giới tu học Phật còn thấp hoang mang rằng: hàng Thánh Tăng, chứng quả A La Hán, tức chứng quả vị Niết Bàn, vậy mà các Ngài giải bày rằng chưa rốt ráo? Vậy thì lại còn một quả vị Niết Bàn hoàn toàn rốt ráo tịch tịnh hay sao? Vông đúng! Có hai quả vị Niết Bàn.

Nếu giải thích có hai, một quả vị của Thanh Văn và một quả vị của Phật thì thà rằng đừng nên giải thích; bởi vì giải thích tóm gọn quá như vậy lại càng làm cho giới sơ cơ thêm mịt mờ. Bài này chưa đủ điều kiện để giải thích chi tiết, nhưng xin thưa rằng có hai quả vị Niết Bàn:

* Một Hữu dư Niết Bàn.

* Một Vô dư Niết Bàn.

Chữ DƯ nghĩa là “**Hoặc nghiệp**”.

a. *Hữu dư Niết Bàn*: là đã dứt trừ được cái **nhân** sanh tử, nhưng chưa dứt được cái khổ **quả** của y thân hữu lậu.

b. *Vô dư Niết Bàn*: là dứt hoàn toàn khổ quả lẫn y thân, chẳng còn “**dư**” lại chút nào cả.

Hai loại Niết Bàn này đều cùng một thể, nhưng người tu ba thừa khi đắc thành đạo quả, cũng mới chỉ đắc Hữu dư, chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn. Hàng Thánh Tăng A La Hán mới đắc quả Niết Bàn hữu dư chứ chưa đắc cả hữu lẫn vô dư. Hàng Thánh Tăng khi mệnh chung chỉ lóe hiện vô dư, chứ chưa chứng đắc vô dư.

Hai loại Niết Bàn Hữu dư và Vô dư có thể phân thành ba môn loại:

❶ ***Phân biệt theo Tiểu thừa***: thì dứt hết cái nhân sinh tử chỉ còn khổ quả và làm cho khổ quả bị thui chột không còn sinh nữa. Vô dư Niết Bàn chỉ hiện ra lúc mệnh chung, bởi vì khi thân tàn, trí diệt thì tất cả các vật hữu tình cũng đều diệt hết.

❷ ***Phân biệt theo Đại thừa***: khi nhân biến dịch sinh tử đã dứt hết là Hữu dư. Khi quả biến dịch sinh tử đã dứt hết là Vô dư.

❸ ***Phân biệt theo cả Đại và Tiểu thừa***: Niết Bàn của Tiểu thừa tại sao là Hữu dư? Vì còn biến dịch. Còn Niết Bàn của Đại thừa tại sao là Vô dư? Vì không còn biến dịch cả nhân lẫn quả (*trích kinh Thắng Man Bảo Hốt quyển hạ*).

Một số luận giải khác về Hữu dư và Vô dư Niết Bàn:

Nghĩa không do Tiểu thừa luận rằng: Thánh nhân của tam thừa là đã dứt nhân sinh tử. Khi mệnh chung thân trí đều diệt hết, chẳng còn một vật hữu

tình nào trong pháp giới, lúc ấy là nhập Vô dư Niết Bàn.

Về phần Đại thừa có hai tông phái: tướng tông và tánh tông.

Tướng tông (*tông Duy thức*) luận giải rằng:

Hữu dư Niết Bàn của ***nhị thừa định tính*** là khi đến rốt ráo đều dứt hết. Còn Vô dư Niết Bàn của ***nhị thừa bất định tính*** và của Phật tính thì chẳng phải là thực diệt. Bậc nhị thừa mới lìa khỏi phân đoạn sinh tử, mà đã gọi là Vô dư Niết Bàn.

Đức Phật bỏ ***hóa thân, ứng thân*** trở về ***chân thân*** ấy mới thực là Vô dư Niết Bàn.

Các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai ở Trung Hoa lại lập luận rằng: Nhị thừa định tính và Nhị thừa bất định tính rốt ráo đều thành Phật. Vậy là pháp giới không hề có Vô dư Niết Bàn thực diệt.

Sự thật của chơn lý là dứt bỏ vọng kiến nhập **chân như**. Thu **hóa thân** nhập **chân thân**, đó mới thực là Vô dư Niết Bàn.

Các Ngài Thánh Tăng chứng quả A La Hán, dứt được vọng kiến, nhưng không nhập được chân như. Chẳng có hóa thân, vì vậy nên cũng chẳng nhập chân thân. Cho nên khi các Ngài vừa hiểu rằng mình mới đắc hữu dư, chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn, bởi vì chưa nhập chân thân, nên chẳng chứng đắc chân như. Lúc ấy mới giật mình nên các Ngài

mới đến trước Phật để giải bày tâm trạng của mình rằng, theo Phật nhiều năm mà chẳng khác nào con ông nhà giàu, gần cha mấy chục năm mà vẫn làm gã cùng tử, giữ việc hốt phân.

Sang phẩm Dược Thảo Dụ sẽ giải thêm về thân phận chúng ta như thế nào.

Kính lạy ngôi Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, mười phương chư Phật, chư vị Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng, chư hiện tiền Tăng từ bi gia hộ cho kinh Pháp Hoa phổ truyền sâu rộng, hầu khiến mọi người, mọi loài đều được mở rõ thấy biết ngộ nhập tánh Phật.

Nguyện chư Thiên giới quyền uy, chư Tiên, chư Thần, chư nhơn, chư phi nhơn, các loại quý thần, cùng Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp thù từ hỗ trợ kinh Pháp Hoa được hòa nhập vào dòng đời hầu ngát thơm hương sen diệu pháp.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyền thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui thuận tu và hoằng dương kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi ngày nhớ đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn: “Aum Lam” và đọc Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn: “Aum Xi Lâm”. Đọc lớn, đọc thầm cũng được. Trước khi ăn, uống, tắm, rửa, ngủ, nghỉ, lạy bái, tụng kinh, cúng Phật, đốt hương, dâng bông quả, chè, xôi cúng ... Nếu ta quên đọc Tịnh Pháp Giới và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn là ta đang sống với những chất ứ trước.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

12

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 12

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ - Thứ năm

- Đức Phật nêu ví dụ bằng câu chuyện cây cỏ thuốc.
- Đức Phật rưới mưa pháp bình đẳng.
- Đức Phật thuyết thơ kệ.

I - MỞ ĐỀ

Qua bốn phẩm kinh, gồm mười một bài, mỗi phẩm, mỗi bài, tuy ý nghĩa khác nhau, nhưng khi quy nạp thì lại đồng chung về một điểm. Phẩm **Tín Giải** thứ tư vừa qua, bốn Ngài Thánh Tăng trình bày nêu câu chuyện gã cùng tử, để làm nổi bật về

chữ **Tín**. Có **Tin** mới có **Hiểu**, có **Hiểu** mới có **Tin**. Gã cùng tử thiếu niềm tin, nên dù ở kề cận với người cha giàu sang, mà vẫn làm nghề hốt phân suốt hai mươi năm dài. Hàng Thánh Tăng ở gần Đức Phật, nhưng thiếu niềm tự tin Phật tánh của chính mình và cũng chẳng tin rằng mình sẽ được thành Phật, nên suốt bao nhiêu năm, vẫn ôm giữ pháp Không và Vô tướng, Vô tác, cho nên mãi lo xóa tẩy mọi hiện tướng hư vọng, không nhập nổi pháp **Thực tướng**. Để trả lời bốn vị Thánh Tăng và đại chúng, Đức Thế Tôn lại cũng dùng câu chuyện **Dược Thảo Dụ** để sáng tỏ vấn đề hơn.

Câu chuyện Dược Thảo Dụ thâm sâu hơn câu chuyện gã cùng tử. Câu chuyện gã cùng tử nhằm hiển dương hai pháp môn tu **Tín và Giải**. Câu chuyện **Dược Thảo Dụ** này mở rộng đến bốn pháp môn tu.

Câu chuyện ẩn dụ gã cùng tử, dụ phần sự tướng. Câu chuyện Dược Thảo Dụ này gồm cả tướng lẫn tánh.

Chúng ta cùng phân tích chẻ nhỏ và thẩm sâu vào toàn phẩm kinh và toàn bộ kinh Pháp Hoa, để tìm cho ra ngọc còn ẩn trong đá.

Trước khi vào phần nội dung phẩm Dược Thảo Dụ, chúng ta nên quán chiếu hai hình ảnh:

- Một cơn mưa lớn đang rải đều cả vườn cây và các vùng xung quanh.

- Một vị nông dân đang múc từng gàu tưới mỗi cây trong vườn, cây nào cũng một gàu.

Cuộc sống của mỗi chúng ta thường chủ quan rằng: Tôi rất bình đẳng với mọi người, nhất là đối với gia tộc, gia đình, quê hương ... Nhưng mà ngẫm kỹ lại xem có thực là bình đẳng chưa? Mà nếu có bình đẳng thì bình đẳng theo cách nào? Theo mưa rưới, hay là theo gàu tưới. Nếu theo mưa thì có cộng ý thức vào hay không? Như vậy là theo gàu tưới, mà gàu tưới không có tâm ý cộng vào thì chỉ là thứ gàu tác động chuyển nước. Mà nếu bình đẳng theo tâm ý chuyển gàu tưới thì là đại bất bình đẳng rồi còn gì! Vào phần giảng luận mới chi tiết vấn đề này hơn.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Ma Ha Ca Diếp và các vị đại đệ tử: “Hay thay! Hay thay! Ca Diếp khéo trình bày công đức chơn thật của Đức Như Lai. Đúng như lời các ông vừa nói. Đức Như Lai lại còn có vô lượng vô biên a tăng kỳ công đức, các ông đâu có nói vô lượng ức kiếp cũng không hết được.

Ca Diếp nên biết, Đức Như Lai là vua của các pháp, nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy. Phật ở nơi tất cả pháp dùng trí huệ

phương tiện mà diễn nói, pháp của Phật nói thấy đều đến bực nhứt thiết trí. Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp, cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại. Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo biết hết, rồi chỉ bày tất cả trí huệ cho hết thấy chúng sanh.

Giảng luận

Mở đầu phẩm kinh Dược Thảo Dụ, Đức Phật đã dạy Tôn Giả Đại Ca Diếp rất rõ ràng. Trước khi dạy một điều quan trọng, Đức Phật khen ngợi tán thán Tôn Giả Đại Ca Diếp: “**Này Tôn Giả Đại Ca Diếp cùng các đại đệ tử, ông thật vô cùng khéo biết tán thán và nêu lên những công đức của Như Lai. Đúng như ông đã nói...**”

Tu học kinh Pháp Hoa, chúng ta muốn chuyển hóa tư tưởng người khác, hoặc các loài khác, điều tiên quyết là phải nhớ đoạn kinh này, phải áp dụng đoạn kinh này vào cuộc sống. Phải biết khen ngợi và tán thán những ai đang đối diện với mình. Chúng ta hãy lắng nghe tiếp:

“**Này ông Ca Diếp! Dù như thế vẫn chưa đủ! Nếu ông có trình bày vô lượng ức kiếp, cũng không thể nào hết công đức của Như Lai. Bởi vì ...**”

Khi khởi sự phải tán dương người thì họ mới dễ chấp nhận lời chuyển hóa của mình một cách hoan hỷ. Đức Phật dạy chúng ta bằng câu chuyện gọn ngắn, nhưng đầy đủ bài học tâm lý. Người đời quan niệm sai lầm rằng kinh sách Phật giáo khô khan, nhiều triết lý khó nuốt. Thực tế đoạn văn kinh này cho ta thấy, giúp ta hiểu và dạy ta trở thành vị thầy tâm lý học, nếu ta chịu đọc tụng thực hành theo lời dạy nơi kinh, tức là đem những phương thức nơi kinh để áp dụng vào từng nhịp sống hằng ngày của chính mình thì còn lo gì sự thành công không đến với mình!

Câu quan trọng nhất của đoạn kinh: “**Như Lai là vua các pháp, không hề nói lời sai dối. Từ nơi các pháp, Như Lai khéo dùng trí phương tiện để diễn nói, dù uyển chuyển, nhưng hết thảy đều đưa đến chỗ nhất thiết trí**”.

Trong cuộc sống hằng ngày dù muốn uyển chuyển cách nào, nhưng rốt ráo chúng ta phải đưa nó về đúng chủ đích. Chủ đích của Đức Phật là đưa từng người, từng mỗi loài, tất cả mọi loài, không nhanh thì chậm, thảy thảy đều đắc **trí tuệ Phật**. Chữ nhất thiết trí trong kinh, chúng ta phải hiểu nghĩa của ba chữ này là **đắc trí tuệ Phật**.

1/. Đức Phật kể chuyện cây cỏ thuốc thấm mưa

Chánh văn

2 - Ca Diếp ! Ví như trong cõi Tam thiên đại thiên nơi núi, sông, khe, hang, ruộng, đất sanh ra cây cối, lùm rừng và các cỏ thuốc, bao nhiêu giống loại tên gọi màu sắc đều khác. Mây dày bủa giăng trùm khắp cõi tam thiên đại thiên đồng thời mưa xối xuống, khắp nơi nhuần thấm, cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc: hoặc thứ gốc nhỏ có thân nhỏ, nhánh nhỏ có lá nhỏ, hoặc thứ gốc vừa có thân vừa, nhánh vừa có lá vừa, hoặc thứ gốc lớn có thân lớn, nhánh lớn có lá lớn.

Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng trung hạ mà hấp thụ khác nhau. Một cụm mây tuôn mưa xuống mọi giống loại, mà cây hoặc cỏ đặng sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng cùng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ và cây đều có sai khác.

Giảng luận

Câu chuyện cây cỏ chia ba hạng (*đại trung tiểu*), nhưng từng mỗi loại cây lại chia thành bốn phần: rễ, thân, cành, lá. Loài người cũng như thảo mộc, cũng chia làm ba hạng lớn nhỏ khác nhau. Nhưng từng con người, nhất là những người tu học, ai ai cũng phải chia thành bốn giai đoạn, cũng phải tổng hợp đủ bốn phần rễ thân cành lá. Nếu thiếu

một thì cây ấy chẳng đơm hoa, kết trái, ví như người chẳng phát huệ trí.

Người nào tin sâu, tin chơn chánh thì như thảo mộc kia đâm rễ sâu vào đất phì nhiêu. Người nào giới đức trang nghiêm, như cây kia thân vững mạnh. Người nào định lực vững vàng, như thảo mộc kia giữ cành hợp gió, không lay động trái thời. Người nào bưng khai tỏa chiếu được tuệ, như được thảo kia lá xanh mơn mớn, thu nhập các nguyên tố đủ đầy.

Nói tóm dễ hiểu hơn, trong ba hạng tu thấp, vừa và cao, cũng ví như ba hạng dược thảo, nhỏ, vừa và lớn. Trong từng mỗi người tu, ai gồm đủ bốn phần Tín, Giới, Định và Tuệ, cũng ví như loài dược thảo, đủ bốn phần rễ, thân, cành và lá.

Thoáng nhìn thì không bình đẳng, nhưng thực tế thì bình đẳng.

Thực tế cơn mưa, bình đẳng rơi đều, không phân biệt cây lớn, cây nhỏ, loại cỏ, hoặc cây thuốc. Về phần tiếp nhận hạt mưa của từng loại và từng hạng cây thì lại càng bình đẳng hơn, bởi vì nó đâu dám đón nhận quá sức cần của nó. Nếu quá, nó sẽ thối rữa, long gốc, gãy cành, úa lá, còn đâu nó sống. Nhưng loài người nhìn thì cho không bình đẳng. Vì vậy các triết gia muốn chống sự bình đẳng tự nhiên này, thuyết minh và thực hiện nhiều học thuyết khác nhau. Có học thuyết dùng máy

bơm bơm đầy vườn của mình phân đồng đều, có học thuyết thì lại theo cách **gàu tưới**, tưới đều cây nào cũng hưởng nước bằng nhau. Cây ngò, cây ớt một gàu. Cây lúa, cây bắp cũng một gàu, và khổ nhất là cây xoài, cây mít cũng một gàu. Cả ba loại cây đều chết hết vì có thứ thừa, có loại thiếu. Trí tuệ Đức Phật rưới pháp, ví như cơn mưa. Học thuyết của các nhà thông thái thế gian là như gàu tưới. Gàu tưới thoáng nhìn thì thấy bình đẳng, nhưng thực tế lại là bất bình đẳng. Cơn mưa thoáng nhìn chẳng bình đẳng, nhưng thực tế tuyệt đối bình đẳng.

Liễu thông, đặc ngộ bí pháp bình đẳng như cơn mưa thì hoàn cầu hết chiến tranh, các tôn giáo sẽ yêu thương nhau. Hàng đệ tử Đức Phật sẽ sống đúng pháp lục hòa, sống đúng hòa hợp chúng.

2/. Đức Phật rưới mưa pháp bình đẳng

Chánh văn

3 - Ca Diếp nên biết! Đức Như Lai cũng lại như thế, hiện ra nơi đời như là vàng mây lớn nổi lên, dùng giọng tiếng lớn vang khắp thế giới, thổi cả các cõi trời, người, A tu la, như mây lớn kia trùm khắp cõi nước tam thiên đại thiên, ở nơi đại chúng mà xưng lời này:

“Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Người chưa được độ thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an thời làm cho được an, người chưa chứng Niết Bàn thời làm cho chứng Niết Bàn, đời nay và đời sau Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Nhất Thiết Kiến, là bậc Tri đạo, bậc Khai đạo, bậc Thuyết đạo. Các người, hàng trời, người, A tu la đều nên đến đây để nghe pháp vậy.

Bấy giờ có vô số nghìn muôn ức loài chúng sanh cùng đến chỗ Đức Phật mà nghe pháp. Lúc đó Đức Như Lai xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay giải đãi của các loài, thuận vừa sức họ kham được mà vì chúng nói pháp, chủng loại nhiều vô lượng, Phật đều khiến vui mừng đặng nhiều lợi lành. Các chúng sanh này nghe pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành, nhờ đạo được thọ hưởng vui và cùng được nghe pháp, đã nghe pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại, ở trong các pháp theo sức mình kham được lần lần đều được vào đạo.

Như mây lớn kia mưa rưới khắp tất cả cỏ cây lùm rừng và các cỏ thuốc, theo từng giống của mỗi thứ đều được đượm nhuần đầy đủ, đều được sanh trưởng.

Đức Như Lai nói pháp một tướng một vị, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, rốt ráo đến bậc “Nhất thiết chủng trí”. Có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai hoặc thọ trì đọc tụng, đúng như lời mà tu hành, mà hiểu được công đức, tự mình hay biết”. Vì sao ? Vì chỉ có Như Lai là biết chủng tướng và thể tánh của chúng sanh đó: Họ tưởng việc gì? Nghĩ việc gì? Tu việc gì? Tưởng thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để tưởng? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Dùng pháp gì để đặng pháp gì?

Chúng sanh ở mọi thứ bậc, chỉ có Đức Như Lai thấy các bậc đó đúng như thật, rõ ràng không bị ngại. Như cây cối lùm rừng các cỏ thuốc kia không tự biết tánh thượng trung hạ của nó.

Đức Như Lai biết pháp một tướng một vị ấy, đó là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, tướng rốt ráo Niết Bàn thường tịch diệt, rốt cùng về nơi không tướng. Phật biết như thế rồi xem xét điều ưa muốn trong tâm của chúng sanh mà dắt dìu họ, cho nên chẳng liên vì chúng vội nói “nhất thiết chủng trí”.

Ca Diếp! Các ông rất là hy hữu, có thể rõ biết Đức Như Lai tùy cơ nghi nói pháp hay tin

hay nhận. Vì sao? Vì việc các Đức Phật Thế Tôn tùy cơ nghi nói pháp, vì pháp khó hiểu khó biết.

Giảng luận

Khi Đức Phật truyền dạy giáo pháp, có một số vị Tỷ kheo vừa chứng đắc thánh quả A La Hán, đã xin Đức Phật cho đi truyền giáo các nước phía Nam, nhất là quốc độ sanh Công chúa Da Du Đà La. Đó là nước Tích Lan (*nay là Xrilanca*). Các đoàn truyền giáo này chưa được nghe Đức Phật thuyết các kinh Đại thừa và tối thượng thừa, nhất là kinh Pháp Hoa. Vì vậy cho nên các thế kỷ trước thì phái Phật giáo phía Nam (*Phật giáo Nam tông*) không chấp nhận kinh Pháp Hoa.

Cận đại, nền văn hóa nhân loại tiếp cận nhau, cho nên kinh điển của tôn giáo cũng được giao lưu. Kinh Pháp Hoa lại được dịch qua nhiều thứ chữ và phổ biến rộng khắp, cho nên dần dần các nước phía Nam chấp nhận kinh Pháp Hoa. Nếu không nhận kinh Pháp Hoa là không nhận rằng trong mỗi chúng sanh đều có Phật tánh ư? Không nhận mỗi chúng sanh đều sẽ được thành Phật ư? Pháp Hoa nêu những nguyên lý chính đáng, đó là điều thuận hợp, tại sao lại không thừa nhận?

Những đoạn kinh, lặp đi lặp lại, ẩn nhiều mật nghĩa như: “Chỉ có Đức Như Lai mới hiểu rõ

chúng tướng, thể tánh của từng mỗi chúng sanh. Họ nhớ gì? Nghĩ gì? Tu gì? Nhớ thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để nhớ? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Và bằng pháp nào để đặng pháp nào? Tất cả sự thấy, biết của chúng sanh đều còn ở các bậc cầu thang! Chỉ có Như Lai mới thấy, biết đúng sự thật của toàn tòa nhà pháp không tướng, thấy biết toàn diện, thấu suốt vô ngại”.

Hoặc một đoạn khác: “Chỉ có Như Lai mới biết suốt các pháp đều thuần một tướng, một vị. Vị giải thoát, tướng ly dục, tướng tịch diệt và hết thảy đều trọn về Chơn không”.

Từng chữ, từng câu, từng đoạn, từng phẩm của kinh Pháp Hoa đều ẩn nghĩa sâu mầu, dẫn dắt chúng sanh từng bước thâm nhập chơn lý. Nếu không chấp nhận kinh Pháp Hoa là từ chối các phương pháp tu luyện sâu mầu để chứng đắc **nhất thiết chủng trí** ư? Tức là chứng đắc quả vị Phật.

Cũng chính từ kinh Pháp Hoa, nơi phẩm này, Đức Phật long trọng công bố: Ngài là Phật, là Như Lai, gồm đủ mười tôn hiệu. Ai chưa được độ thì Ngài độ. Ai chưa giải thoát thì Ngài cởi mở cho giải thoát. Ai chưa an lạc, Ngài khiến cho an lạc. Ai chưa chứng Niết Bàn, Ngài khiến cho chứng Niết Bàn. Vậy, phủ nhận hoặc từ chối kinh Pháp Hoa là từ chối sự tế độ của Đức Phật? Từ chối sự giải

thoát? Từ chối sự an lạc? Kể cả từ chối sự chứng đắc Niết Bàn ư ?

Trong tinh thần an lạc nơi phẩm kinh này, khác với tinh thần an lạc nơi phẩm An lạc hạnh. Phẩm An lạc hạnh cao hơn. Tinh thần an lạc nơi phẩm Dược thảo này rộng rãi bao la bao nhiêu thì niềm an vui rộng bấy nhiêu. Hãy tự tại như dược thảo đón nước mưa. Không cố gắng, không tính toán, không dùng thủ đoạn, không xảo trá, không mánh khoe, không mưu lược, không tham vọng, không mong cầu. Một vị Hòa thượng thiếu giới đức và lúc nào cũng tính toán, mong cầu, mưu lược thì chưa chắc đã hưởng sự an lạc bằng một Cư sĩ thâm tín Đức Phật, tỉnh tâm niệm Phật! Tin sâu Đức Phật là rễ cây, giới hạnh là thân cây, tỉnh tâm là cành cây. Quán chiếu rộng tỏa khắp muôn phương và gAum thấu các nguyên tố về một tụ điểm, ấy ví như cành, đọt và lá cây. Dù thuộc cây hạng nào, cỡ hạng nào, cây lớn, vừa hoặc nhỏ cũng phân đủ bốn phần: “rễ sâu, cây vững, cành yên, lá tỏa” thì cây ấy mới thu đạt được sự tự tại và kết quả. Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát Phật thừa cũng phải đủ **Tín - Giới - Định** và **Tuệ** thì mới an vui, mới tự tại.

3/ Đức Phật thuyết kệ trùng tuyên lại nghĩa trên

Chánh văn

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng (*dịch bốn chữ như nguyên văn*):

4 - Phật hiện thế gian
 Phá chấp pháp hữu
 Thuận tánh chúng sanh
 Nhiều cách nói pháp
 Như Lai tôn trọng
 Trí tuệ sâu xa
 Giữ lâu pháp này
 Chẳng vội nói ra
 Người trí nếu nghe
 Có thể tin hiểu
 Kẻ mê nghi ngờ
 Thì quên mất hẳn
 Ca Diếp ! Vì vậy
 Theo chúng mà thuyết
 Dùng các nhân duyên
 Cho họ Chánh kiến.
 Ca Diếp nên biết !
 Ví như mây lớn
 Nổi lên thế gian
 Che trùm khắp cả
 Mây tuệ ngậm tẩm
 Chớp nhoáng chói lòa
 Tiếng sấm rền xa
 Khiến mọi loài vui

Mặt trời bị che
Mặt đất tối mờ
Mây mù bủa thấp
Dường như thể với
Trận mưa khắp cùng
Bốn phương xối xuống
Dòng tuôn vô lượng
Mặt đất hút đầy
Núi sông hang hóc
Chỗ rợp sanh ra
Cây cối cỏ thuốc
Các cây lớn nhỏ
Trăm giống lúa mè
Mía cùng với nho
Nhờ mưa mới nhuận
Thủy đều tươi tốt
Đất khô thấm khắp
Thuốc cây sum sê
Mây kia mưa xuống
Nước thuần một vị
Cỏ cây lùm rừng
Theo thứ đượm nhuần
Tất cả giống cây
Thượng trung cùng hạ
Hạ tánh lớn nhỏ
Đều đặn sanh trưởng
Gốc thân nhánh lá

Bông trái sum sê
 Một trận mưa rười
 Đều được tươi mát
 Theo thể tướng nó
 Tánh chia lớn nhỏ
 Nước nhuần vẫn một
 Đều được kết quả.

Giảng luận

Đoạn kệ này lập lại vầng mây và cơn mưa đối với các loài cây cỏ, sông suối, núi rừng là bình đẳng tánh hưởng nước và trao nước. Đức Phật là đấng Pháp vương, xuất hiện nơi cõi đời này, cũng chỉ vì chuyển sự mê chấp của chúng sanh cả ba cõi. Chúng sanh chấp hữu, Đức Phật chuyển sự chấp đó dẫn nhập hữu vào chơn không và dần dần khai sáng **Diệu hữu**. Cái hữu của dòng đời thế gian này là thô hữu giả tướng. Hữu của Đức Phật dạy là diệu hữu tự tướng “Hữu” pháp tự tướng. Chử hữu này là Diệu hữu, là thực tướng của các pháp, là đạt đến chỗ chứng đắc **pháp thực tướng**.

Đó là sự xuất hiện của đấng Pháp vương, là để chuyển phá các pháp hữu tướng của thế gian. Đức Phật là đấng: *Phá hữu pháp vương xuất hiện thế gian*.

Kể cả bản chính bằng chữ Hoa của Ngài Cư Ma La Thập dịch cũng chưa giải rộng để giới căn cơ thấp sáng rõ nghĩa này. Trí tuệ của Như Lai thâm sâu, cho nên Ngài cẩn trọng. Vì đời cố chấp đã lâu, nên Như Lai chưa vội thuyết. Chứ không phải vì quý tiếc trí tuệ của Ngài mà Ngài không vội thuyết (Cẩn mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết).

Bởi vì nếu thuyết pháp Đại thừa sớm, gặp người trí nghe thì liền Tín và Giải. Nhưng nếu gặp kẻ mê nghe thì liền đâm ra lo nghi. Nghi vấn vốn đã và đang ràng buộc, nếu thêm điều nghi nữa lại càng thêm buộc ràng. Cũng ví như cơn mưa, những cơn mưa đầu mùa xuân hạ, khác với cơn mưa thu đông. Xuân hạ mưa nhẹ nhàng, để cho các thứ cỏ cây còn nhỏ mới mọc, các loại cỏ thuốc, lẫn các thứ lúa mè bắp mía nho rau khởi giập gãy. Các thứ còn non, các cây thân còn yếu mỏng mảnh như thân cây mạ, mà gặp các cơn mưa cuối thu, đầu đông, mưa như cầm chĩnh mà đổ thì các cây mỏng mảnh này làm sao sống nổi.

Nếu lần đầu tiên chuyển pháp tại Vườn Nai mà Đức Phật thuyết pháp Đại thừa hoặc tối thượng thừa pháp, Pháp Hoa kinh thì có khác nào như trận mưa cầm chĩnh mà đổ của những ngày cuối thu đầu đông.

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

5 - Phật cũng như thế

Hiện ra trong đời
Như vàng mây lớn
Che trùm khắp cả
Đã hiện trong đời
Bèn vì chúng sanh
Phân biệt diễn nói
Nghĩa thật các pháp
Đại Thánh Thế Tôn
Ở hàng trời người
Nơi tất cả chúng
Mà tuyên lời này:
Ta bậc Như Lai
Đấng Lương Túc Tôn
Hiện ra nơi đời
Như vàng mây lớn
Thấm nhuần tất cả
Chúng sanh khô cạn
Khiến cho lìa khổ
An ổn vui mừng
Niềm vui thế gian
Cùng vui Niết Bàn
Các chúng trời người
Một lòng khéo nghe
Đều nên đến đây
Hầu đấng vô thượng
Ta đấng Thế Tôn
Không ai bằng được

An ổn chúng sanh
Nên nhập vào đời
Vì đại chúng nói
Pháp diệu cam lồ
Pháp đó một vị
Giải thoát Niết Bàn
Dùng một giọng mầu
Diễn xướng nghĩa này
Thường vì Đại thừa
Mà kết nhân duyên
Ta xem tất cả
Thấy đều bình đẳng
Không có đó đây
Cùng tâm yêu ghét
Ta không tham đắm
Cũng không ngăn ngại
Hằng vì tất cả
Bình đẳng nói pháp
Như lúc một người
Hay đồng cũng vậy
Thường nói pháp lớn
Không việc gì khác
Ngồi, đứng, đến, đi
Không hề nhàm mỏi
Dù cho thế gian
Như mưa thấm khắp
Sang hèn trên dưới

Phá giới hay giữ
Oai nghi đầy đủ
Hay thiếu oai nghi
Chánh kiến tà kiến
Động hay lợi căn
Khấp rười mưa pháp
Không chút nhàm mỏi
Tất cả chúng sanh
Được nghe pháp ta
Tùy sức mà nhận
Trụ ở các bậc
Hoặc ở trời, người
Chuyển luân Thánh vương
Thích, Phạm, các vua
Là cỏ thuốc nhỏ
Rõ pháp vô lậu
Chứng đặng Niết Bàn
Khởi sáu thân thông
Đặng ba món minh
Ở riêng núi rừng
Thường hành thiền định
Chứng đặng Duyên Giác
Là cỏ thuốc vừa
Cầu nơi Thế Tôn
Con sẽ thành Phật
Tinh tấn tu định
Là cỏ thuốc cao

Lại hàng Phật tử
Chuyên tâm Phật đạo
Thường hành từ bi
Biết mình làm Phật
Quyết định không nghi
Gọi là cây nhỏ
An trụ thân thông
Chuyển bất thối luân
Độ vô lượng ức
Trăm nghìn chúng sanh
Bồ Tát như thế
Gọi là cây lớn
Phật bình đẳng nói
Như mưa một vị
Tùy tánh chúng sanh
Chỗ thọ không đồng
Như cỏ cây kia
Bấm thụ đều khác.

Giảng luận

Đoạn kệ này rất đơn giản, nhưng nếu không chú tâm phân tích, hầu dễ đạt phần cốt lõi của kinh và kệ thì hành giả rất dễ bị lạc vào rừng rậm danh từ, có lắm chữ tối nghĩa.

Đoạn đầu: Đức Phật dạy rằng sự hiện hữu của Ngài nơi đời như vầng mây lành rải mưa bình đẳng, làm lợi ích cho muôn loài. Ngài công bố: “Ngài là Như Lai có đầy đủ pháp an vui giải thoát. Chúng

sanh nào đến với Ngài, sẽ đạt sự an vui giải thoát. Ngài không hề thiên vị ai và không bỏ ai”.

Đoạn tiếp theo, Đức Phật phân thành ba loại cỏ, hai loại cây:

❶ Chúng sanh nghe pháp, tùy sức thọ nhận. Trời người, Chuyển Luân Vương, Đế Thích, Phạm Thiên Vương, thấy các vị vua trời, cùng hàng Thánh Thanh Văn. Tất cả các thành phần này nghe pháp đều ví như *Cỏ thuốc nhỏ*.

❷ Hàng có đủ pháp thần thông chứng Niết Bàn, đắc quả vị **Duyên Giác Phật** là *Cỏ thuốc vừa*.

❸ Hàng tu hành tinh tấn, cầu thành Phật là *Cỏ thuốc lớn*.

❹ Hàng chuyên tâm nơi Phật đạo, thực hành hạnh từ bi, tự tin mình thành Phật: *Cây nhỏ*.

❺ Hàng trụ thần thông, chuyển pháp bất thoái, độ vô lượng chúng sanh, chứng quả Bồ Tát ví như *Cây lớn*.

Tức là phân chia thành ba cỏ, hai cây mà hạng nào cũng bình đẳng hút mưa, hạng nào cũng bình đẳng đắc pháp.

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

6 - Phật dùng dụ này
Phương tiện chỉ bày
Hết thủy ngôn ngữ
Diễn giải một pháp

Nơi trí huệ Phật
Một giọt như biển
Ta rưới mưa pháp
Cùng khắp thế gian
Pháp thuần một vị
Tùy sức tu hành
Như lùm rừng kia
Cỏ thuốc rừng cây
Tùy giống lớn nhỏ
Dần thêm sum suê
Pháp của chư Phật
Thường dùng một vị
Khiến các thế gian
Thả dựng đầy đủ
Từng bậc tu hành
Đều đặn đạo quả
Thanh Văn, Duyên Giác
Ở chốn núi rừng
Trụ thân rớt sau
Nghe pháp đặn quả
Gọi là cỏ thuốc
Đều đặn lớn thêm
Nếu các Bồ Tát
Trí huệ vững bền
Rõ suốt ba cõi
Cầu thừa tối thượng
Đó là cây nhỏ

Mà đặng thêm lớn
Có vị trụ thiên
Đặng sức thần thông
Liều đặc pháp không
Lòng rất vui mừng
Phóng tỏa hào quang
Độ các chúng sanh
Đó là cây lớn
Cũng đặng thêm lớn.
Như thế Ca Diếp !
Pháp mà Phật nói
Ví như mây lớn
Dùng mưa một vị
Nhuần nơi hoa người
Đều đặng kết trái
Ca Diếp phải biết
Dùng các nhân duyên
Các món thí dụ
Chỉ rõ đạo Phật
Là ta phương tiện
Chư Phật cũng thế
Nay vì các ông
Nói việc chơn thiệt
Các chúng Thanh Văn
Đều chưa diệt độ
Khắp các ông hành
Là đường Bồ Tát

**Từ từ tu học
Thả đều thành Phật.**

Giảng luận

Đoạn kệ số sáu (*phần cuối của phẩm kinh*), Đức Phật nhắc lại và nhấn mạnh về cách sử dụng phương tiện để tuyên bày giáo pháp. Nhưng dù tiện cách nào cũng vẫn không rời phương, dù uyển chuyển thế nào cũng không rời nguyên lý. Vầng mây thành mưa rưới bất kỳ đâu, nhưng vẫn thuần một vị mưa. Lời Phật dù phương tiện cách nào, nhưng vẫn không rời chơn lý, không mất phương hướng giải thoát thành Phật. Cũng ví như nước biển đều thuần một vị mặn.

**Chúng sanh nghe pháp
Tùy sức kham nhận
Hoặc ở trời, người
Chuyển luân Thánh vương
Thích, Phạm, các vua
Là cỏ thuốc nhỏ**

Trời người quỷ thần, kể cả các Ngài từ Chuyển luân Thánh vương, Phạm Thiên vương, Đế Thích Thiên vương đều chỉ là cỏ nhỏ. Như Ngài Chuyển luân Thánh vương là vị đại phước, đại trí, đại thần thông, có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, trên đầu có bảo luân chiếu sáng hàng ngàn hào quang, bay lượn trên không trung dễ như người đi trên mặt đất.

Phạm Thiên vương là danh từ chỉ chung cho các Ngài Thiên vương ở các tầng trời sắc giới, còn gọi là Sơ thiên thiên. Cõi này đã dứt hẳn sắc dục, hoàn toàn thanh tịnh, gồm có ba cõi trời: đệ nhất là Phạm chúng thiên, đệ nhị là Phạm phụ thiên, đệ tam là Đại Phạm thiên. Thế gian thường xưng tụng Ngài Phạm thiên vương, tức là Ngài Đại Phạm thiên vương thuộc đệ tam. Ngài còn có tên Thi Thí. Trong ba Ngài Phạm thiên vương thì Ngài Đại Phạm thiên vương là vị vua trời thâm tín Phật pháp đệ nhất. Hễ mỗi khi có một vị Phật thị hiện thế gian thì Ngài liền đến thỉnh Phật chuyển pháp luân. Các vị Phạm thiên ở kinh điển Phật giáo đề cập, khác với vị Phạm thiên của Hồi giáo.

Đế Thích Thiên vương là vị vua trời ở tầng trời thứ hai, của sáu tầng trời Dục giới, thấp hơn các tầng Sắc giới. Ngài Đế Thích Thiên vương ngự cung chính giữa, chung quanh còn ba mươi hai cung thuộc cõi trời Đao Lợi, có ba mươi hai vị Thiên tử ngự để ứng châu Ngài Đế Thích Thiên vương. Con số ba mươi ba chúng ta thường gặp nơi kinh là con số có liên quan đến ba mươi ba cung trời thuộc quyền ngự trị của Ngài Đế Thích Thiên Vương.

Sở dĩ chúng tôi sơ lược ba vị vua trời ghi ở phần thi kệ của phẩm Tín giải, để giới học Phật, nhất là Phật tử không còn ngã mạn, tự nghĩ mình

trình độ nghe pháp, tu hành ví bằng loại cây lớn hút nước mưa.

Các Ngài vua trời hùng uy, phước đức, thần thông, trí tuệ như thế, vậy mà Đức Phật còn dạy là ở hàng cỏ thuốc thôi, chứ không thể nào thuộc vào hàng cây. Bởi vì cây là của hàng Bồ Tát.

Lại có người mới tập tu, phương tiện, được thọ Bồ Tát giới, cũng khoe khoang bảo rằng tôi thọ Bồ Tát giới nên tôi thuộc hàng cây đại thọ. Nếu nghĩ mình là cây đại thọ thì chỉ là loại cây khô, dùng để đóng hòm, chôn những con người cống cao ngã mạn ấy, chẳng những chôn xuống lòng đất, mà chôn tận đáy Diêm cung.

Từ nay mong những vị trì tụng kinh Pháp Hoa phải học, phải hiểu, chớ nên tu mù hiểu mò. Dù vô tình vẫn bị đọa lạc, nếu không thành tâm sám hối.

III - TÓM KẾT

Xin trích mẫu chuyện tiểu thuyết Hiệp Khách Hành (của Kim Dung) để mở cho đoạn tóm kết.

Nơi vách đá của một hang động, có lưu lại nhiều bức vẽ về các bí kiếp võ thuật. Hằng năm, mỗi môn phái võ thuật phải cử một người đứng ngày giờ quy định, để đi vào hang động mà nghiên cứu bí kiếp võ thuật, gọi là đi dự *Lạp bát chúc*. Nhưng hỡi ôi! Nếu đi có ngày về thì còn gì để nói,

đằng này từ đời này đến đời khác, hằng trăm đời, ra đi không ngày trở lại.

Thế rồi vào năm ấy, có một chàng trai tên Thạch Phá Thiên lại phải thay mặt môn phái đi dự Lạp bát chúc. Chàng trai này có cái biệt danh là **Cầu tạp chủng** (chó lộn giống). Cầu tạp chủng mới vừa nhập vào hang động, đã say mê từng đường nét vẽ của bí kiếp. Những đường vẽ của bí kiếp đó hình dung như những con nòng nọc bơi lội trong hồ. Chàng chú tâm theo dõi một nét vẽ lớn hơn, tức là tập trung vào con nòng nọc lớn nhất trong bầy nòng nọc. Nó thành thoi bơi lội, lúc hiện ra một mình, lúc uốn lượn cùng bầy.

Nó lội hết bức vẽ này chuyển sang bức vẽ khác như nó uyển chuyển nhẹ nhàng trong hồ nước. Con nòng nọc bơi đi thì luồng hơi trong cơ thể hòa nhịp với máu huyết nơi cơ thể của chàng nóng ran từng luồng. Trải qua bao nhiêu giờ ngày tháng năm, kể cả ẩm thực và tiêu tiểu, chàng cũng chẳng hề quan tâm. Đến một hôm, con nòng nọc lượn qua một hoa sen thì liền rụng đuôi trở thành một con nhái. Chàng định thần cũng chẳng nhìn thấy nhái, nòng nọc, kể cả vách đá và bí kiếp cũng hoàn toàn trống không. Chàng vỗ tay reo to, toàn thân nóng ran, rồi mát rượi. Chàng mở mắt nhìn khắp hang động, hàng ngàn bộ xương khô, trong tư thế ngồi an nhiên. Chàng ung dung bước khỏi hang động.

Ngày họp mặt môn phái võ thuật, chàng trai Thạch Phá Thiên Cầu tạ tụng được mọi người tôn vinh lên ngôi vị Chưởng môn phái. Chàng nhận trách nhiệm với những điều kiện:

* Thứ nhất: võ thuật không ở những cú đấm, những cước, chưởng, chiêu, chỉ.

* Thứ nhì: võ thuật không luẩn quẩn nơi phân cơ bắp, nơi các giác quan, nơi ý nghĩ, nơi mưu lược, mà là tự tại, mà là an nhiên và sức mạnh của võ thuật phát xuất từ hư không và cuối cùng trả lại hư không.

* Thứ ba: ai nhận là môn sinh của môn phái phải thệ nguyện không hề đánh bất cứ một ai mà chỉ được chuyển kẻ đối thủ mà thôi.

* Thứ tư: môn sinh môn phái không cố chấp ngôn ngữ văn tự và bất cứ những gì được gọi là gia truyền.

* Thứ năm: môn sinh của môn phái chính mình tự chiến thắng không còn bị bảy thứ giết người: “**hỷ nô ái ố ai lạc cụ**” của chính mình sát hại mình.

Nếu toàn môn phái đồng ý và cùng giơ cao tay phát lời thệ nguyện ba lần thì Cầu tạ tụng này xin nhận trách nhiệm Chưởng môn phái.

Bộ kinh Phá Hoa, nhất là phẩm Dược Thảo Dụ, ví như bí kiếp võ thuật, khắc trên vách đá, nơi hang động kia vậy.

Tụng đọc phẩm Dược Thảo Dụ mà chẳng liễu thông hoặc hiểu lầm ý nghĩa về sự thấm hút nước mưa của ba loại cỏ, hai loại cây thì chỉ được phước, chứ không thể khai mở trí tuệ. Vì sao? Vì chưa giải nghi. Chưa giải nghi thì tín không sâu. Tín không sâu thì hành không chuyên. Hành không chuyên thì phát nguyện không tha thiết. Cả ba **tín hạnh nguyện** đều lỏng lẻo thì làm sao mở khai trí tuệ.

Hành giả Pháp Hoa, khi đọc tụng phẩm Tín Giải nơi đoạn: “Bốn vị Thánh Tăng bực bạch lên Đức Phật rằng dù đã chứng quả A La Hán, gần Phật mấy chục năm, nhưng hôm nay chúng con nghe được pháp **Nhất thừa**, chúng con cảm thấy như gã cùng tử dù gần người cha giàu sang mà vẫn làm việc hốt phân”. Các Ngài Thánh Tăng đắc quả Niết Bàn, dù chỉ là Hữu dư Niết Bàn, nhưng vẫn hơn chúng ta gấp bội phần. Vậy thì chúng ta và chúng sanh hốt gì đây?

Hành giả nghiên cứu phẩm Dược Thảo Dụ thứ năm, đoạn kệ bốn, nếu chặn ngang từ câu:

(Đọc trước sáu mươi câu rồi mới đọc các câu này thì dễ bứng vỡ hơn).

.....

Thích, Phạm, các vua

Là cỏ thuốc nhỏ

.....

Chúng đặng Duyên Giác

Là cỏ thuốc vừa

.....

Con sẽ thành Phật

Tinh tấn tu định

Là cỏ thuốc cao ...

Sơ quả Bồ tát ví như sự thấm hút mưa của cây nhỏ. Hàng Bồ tát và Đại Bồ tát ví như cây lớn.

Nếu đúng như vậy thì chúng ta và chúng sanh không nghe pháp ư! Nếu nghe thì thuộc vào loại nào đây? thuộc loại cỏ cây gì? Mới trích hai đoạn nơi hai phẩm kinh, chúng ta đã lúng túng, khó tìm đáp số. Nếu toàn phẩm, hoặc toàn bộ kinh thì sao đây?

Trước nhất giải nghi, các Ngài Thánh Tăng đã tự ví mình là kẻ hốt phân kiêm quản gia.

- **Quản gia** khác với **chủ gia**. **Thành Phật** mới tự tại vô ngại. Thánh Tăng chưa tự tại vô ngại. Chủ gia mới toàn quyền quyết định mọi việc gia đình, còn quản gia chỉ mới phân nửa quyền, chỉ trông nAum cai quản chứ không có quyền quyết định.

- **Hốt phân**: là dọn dẹp, tổng xuất hết tất cả các chất nhơ bẩn hôi thối. Ý nói người tu hành dẹp sạch mọi phiền não, dứt trừ được sanh tử, không đầu thai vào cõi nhơ ố đầy năm thứ ác trước này nữa. Nhưng mới dứt được nửa. Mới dứt được **khổ nhân** chứ chưa đoạn diệt được **khổ quả**. Mới dứt

phân đoạn sinh tử, nhập Hữu dư Niết Bàn chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn. Mới dứt hữu tướng chứ chưa nhập không tướng. Chưa trải được **hóa thân, ứng thân** thì lấy gì thu về để nhập **chân thân**. Vì vậy nên các Ngài Thánh Tăng khi hiểu rõ mới ví mình như gã cùng tử hốt phân.

Cũng ví như có người mới đậu Tú tài đã tự cho mình quá giỏi rồi. “**Ông Tú**” không tiếp tục học, cho nên khi bắt tay gánh vác việc đời thì chỉ lẩn quẩn dưới bầu khí quyển và đa phần chỉ lo dọn sạch về mặt vật thể, còn mặt triết lý, khoa học, y học và nhiều phương diện khác; nhất là đạo học thì những ông Tú không thể nào liễu ngộ và đảm nhiệm nổi. Khác với các ông Tú tài, một số cậu học sinh mới tiểu học, nhưng quyết tâm học đến Tiến sĩ, Bác học, hoặc Đạo sĩ.

Có một số người chúng ta và chúng sanh tu học nghe pháp như một số cậu học sinh tiểu học kia vậy; còn các Ngài Thánh Tăng nghe pháp như một số vị Tú tài kia nào khác.

Các vị Tú tài khi mới nửa vời đã bị **Sở tri chướng** nên không tấn tới được. Cũng vậy, các Ngài Thánh Tăng chứng Hữu dư Niết Bàn, ôm chấp cái hữu dư bảo đã đầy đủ, tuyệt đỉnh rồi. Các vị Tú tài lo dọn hết những phức tạp của xã hội, có khi nào nghĩ rằng dứt phiền não chính mình. Có khi nào thư thái ngồi xếp chân, theo tư thế hoa sen, hầu du

nhập không gian đâu? Trái lại một số cậu học sinh tiểu học, trình độ non kém nhưng ý chí cao siêu, nung chí học hành, sau hai mươi năm, đạt trình độ Bác học, Tiến sĩ, khoa học gia; nếu đạo học, đạo sĩ thì lâu hơn. Có khi nào các vị này vừa xếp chân là tâm thức du hành không gian, hoặc khi vào việc đời thì có khả năng yểm trợ hoặc chính mình thám hiểm không gian, ngoài bầu khí quyển.

Vậy hỏi các vị hành giả Pháp Hoa! Quý vị chọn thành phần nào? Thành phần một số vị Tú tài, hay là một số cậu học sinh tiểu học?

Còn việc nghe pháp như ba loại cỏ, hai loại cây, không lẽ trên mặt đất chỉ có năm loại này hút nước mưa, hay sao? Ngoài năm loại thảo mộc, còn biết bao thứ khác, thứ nào cũng có thể nhuần đượm nước mưa cả!

Chúng ta và chúng sanh, những người chú tâm tu học, chí thành chí thiết chẳng lẽ không thấm hút giáo pháp của Phật? Nếu thế thì còn gì là giáo pháp?

Trích đoạn chính văn nơi phẩm Dược Thảo Dụ để thêm sáng tỏ vấn đề là chúng sanh nghe pháp có đạt công đức không: ... **Đức Như Lai thuyết pháp một tướng một vị, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, rốt ráo đến bậc “Nhất thiết chủng trí”**. Nếu chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai hoặc thọ trì đọc tụng in

sao viết chép, đúng như pháp mà tu hành thì được công đức vô lượng, nhưng tự mình không hề hay biết”.

Chú ý năm chữ: **chúng sanh nào nghe pháp.**

Vậy thì ai bảo chúng ta và chúng sanh, những người nghe pháp không thấm nhuần giáo pháp của Phật?

Toàn bộ kinh còn nhiều đoạn, nhiều câu ẩn nghĩa này. Nhưng xác quyết nhất là Đức Phật thị hiện thế gian cũng chỉ vì **“Mở khai cho chúng sanh tỏ rõ, hầu thấy biết ngộ nhập tánh Phật”** (phẩm *Phương Tiện*). Đức Phật đã long trọng tuyên xưng rằng: **“Những người đáng độ = đang độ. Những người chưa độ = sẽ độ”**.

Vậy mưa đều cả vùng, cơ chi phẩm Dược Thảo Dụ, đoạn kệ thứ năm lại nhấn mạnh ba cỏ, hai cây thấm nhuần mưa là nghĩa gì? Bí pháp này dành cho hành giả Pháp Hoa tự liễu ngộ.

Phạm vi phần giảng luận về phẩm này xác quyết là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Mà muốn thành Phật thì phải thấm nhuần lời dạy của Đức Phật. Tu luyện theo lời dạy đó, dù trải lâu bao nhiêu ức kiếp, rốt ráo cũng được thành Phật.

Kính lạy ngôi Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, gia hộ chúng con và các pháp

giới chúng sanh, sớm nhập **Tín Giải** như các Ngài Thánh Tăng nghe pháp đều thấm nhuần giáo pháp, như vạn vật muôn loài đồng nhuần đượm nước mưa, nơi phẩm Dược Thảo Dụ.

Hồi hướng công đức này đến thấy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin tất cả các pháp giới chúng sanh đều kết thành **Bồ Đề** quyến thuộc, đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui tinh tấn tu luyện và hoằng dương chánh pháp.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh,
Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

13

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 13

PHẨM THỌ KÝ - Thứ sáu

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký cho bốn
vị Thánh Tăng :

- Đại Ca Diếp
- Tu Bồ Đề
- Ca Chiên Diên
- Mục Kiền Liên

I - MỞ ĐẦU

Qua mười hai bài học về kinh Pháp Hoa, hôm nay chúng ta bước sang bài mười ba, phẩm Thọ Ký.

Phẩm Thọ Ký thuộc về quy pháp tổ chức và truyền thừa. Giới thức giả chưa nghiên cứu được Đức Phật tổ chức theo mô hình nào mà hệ thống của Ngài, chẳng những thừa Ngài còn tại thế, mà mãi ngàn ngàn sau, vẫn không tìm ra mô hình tổ chức. Vậy mà hàng ngũ của Ngài vẫn không hề rối loạn, có phải thuộc về bí pháp hay không? Không! Vì nó rất giản đơn. Đức Phật tổ chức theo phương pháp của người thợ xây nhà, tại chúng ta không chú ý, nên chưa nhìn thấy! ***Phương pháp người thợ xây nhà.***

Tất cả các cơ cấu, từ ngàn xưa, đến ngàn sau, từ Đông sang Tây, vấn đề nhân sự là quan trọng nhất. Thành cũng do nhân sự, mà hư cũng do nhân sự. Trị yên cũng do nhân sự, mà loạn lạc cũng do nhân sự. Tất cả đều do nhân sự quyết định. Muốn có nhân sự tốt, phải huấn luyện và tuyển chọn.

Đức Phật chẳng những tuyển chọn nhân sự quá tuyệt vời, mà sự giáo huấn lại càng tuyệt vời hơn. Một sự giáo huấn thuần chuyên. Ngày nào Ngài cũng giáo huấn, giáo huấn suốt bốn mươi chín năm. Từ cổ chí kim, chưa ai đặt chương trình giáo huấn dài lâu như vậy. Ngoài hai đặc điểm nêu trên, Đức Phật còn thêm bốn đặc điểm nữa:

- Nhìn thấy hiền tài.

- Thu dụng hiền tài.
- Tin giao việc lớn cho hiền tài.
- Khi đã thu dụng, tin giao việc lớn cho hiền tài rồi thì không hề nghe lời gièm siểm của kẻ gian nịnh, mà phớt bỏ hiền tài.

Việc chọn mười vị đại đệ tử, thu dụng Tôn Giả Ưu Paly, tin giao việc lớn cho Phú Lô Na, truyền trao tâm ấn cho Tôn Giả Đại Ca Diếp ... thể hiện các đặc tính đó!

Khi đã đủ những đặc điểm quan trọng rồi, chuyển vào phần hệ thống hóa cấp lãnh đạo. Hệ thống theo nguyên tắc người thợ xây dựng nhà. Người thợ muốn xây dựng một ngôi nhà, ngoài các yếu tố: đất đai, phương hướng, không gian, vật liệu, nhân sự, thời tiết ...*vân vân*... Nói chung là đầy đủ nhân và duyên để dựng một ngôi nhà rồi, lúc bấy giờ người thợ bắt đầu chọn hệ thống chịu lực cho ngôi nhà đó.

Trước nhất chọn cây đòn dông, tiếp theo bốn cây cột lớn (*cột hàng nhất*) đỡ cây đòn dông, rồi đến cột hàng nhì, hàng ba, trính, xuyên, kèo, đòn tay, ruồi mè ... Nói chung toàn bộ sườn nhà. Nếu thiếu hoặc sai một, dù một cây nê, ngôi nhà ấy không thành, hoặc nếu có thành cũng sẽ sớm sập đổ. Khi đã hoàn thành một sườn nhà, lúc bấy giờ người thợ mới tiếp tục vách nóc sân vườn, rào giậu, cây kiểng ... Nói chung là hoàn chỉnh một ngôi nhà. Ngày nay cất nhà thì nền móng chịu lực, đà, sàn

làm bằng bê tông cốt sắt, nhưng cũng trải qua từng bộ phận trước sau có thứ tự.

Cách tổ chức của Đức Phật, khi nhận biết các yếu tố cần thiết về nhân sự đã đầy đủ, Ngài bước vào hội thuyết Pháp Hoa kinh. Ngoài việc nâng trình độ cho hàng đệ tử và tất cả trời người thần quỷ rồng thì kinh Pháp Hoa còn áp dụng nguyên tắc sắp đặt hệ nhân sự đúng quy pháp tổ chức. Phẩm Thí dụ, Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, là Ngài đã tuyển chọn xong cây đôn đông của tòa nhà Chánh pháp.

Phẩm Thọ Ký thứ sáu này, Đức Phật thọ ký cho bốn vị Thánh Tăng đã đầy đủ niềm tin và giải xả mọi nghi ngờ, mọi thắc mắc cho bốn vị đại đệ tử: Ngài Đại Ca Diếp, Ngài Tu Bồ Đề, Ngài Ca Diên Chiên và Ngài Mục Kiền Liên. Như vậy là Đức Phật chọn xong bốn cây cột chính cho ngôi nhà Chánh pháp.

Đến phẩm thứ tám, Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị đệ tử. Lúc đó là thời kỳ tuyển chọn cột kèo, đòn tay, ruồi mè cho ngôi nhà Chánh pháp.

Phẩm thứ chín thọ ký cho những vị đại trí thức, tức là những vị học giả và siêu học giả. Đó là thời kỳ hoàn chỉnh nhất về mặt tuyển chọn và phân trách nhiệm đúng cách tổ chức nhân sự của Đức Phật.

Thọ ký – Nguyên có nghĩa là lời dự ghi của Đức Phật về chuyện đệ tử đời sau chứng quả thành Phật, đồng thời cũng còn có nghĩa là ấn chứng, truyền trao, chứng nhận.

Đấng giáo chủ, hoặc bậc làm thầy, bậc lãnh đạo, lớp tiền bối, kẻ làm cha mẹ, anh chị, đều thuộc là bậc “*trên trước*”. Bậc này muốn thành công thì phải biết cách chứng nhận lớp người “*hậu tấn*” cách nào, để cho lớp người kế thừa họ trực nhận một cách hoan hỷ và vâng mệnh tuyệt đối.

Phương pháp của Đức Phật nơi phẩm Thọ Ký đã

quá rõ ràng. Đây là kim chỉ Nam giúp cho tất cả hàng trời người quý thần noi theo, để thành công về mặt tổ chức, về mặt tuyển chọn nhân sự, về mặt phân công trách nhiệm, truyền trao và trách nhiệm cho người thừa hành, thuộc hàng hậu tấn.

Xưa nay, một số quốc gia, tôn giáo, tộc họ, đã thành công vẻ vang là nhờ biết cách áp dụng phương pháp truyền trao. Trái lại cũng có nhiều tổ chức thất bại, bởi lý do truyền trao không đúng quy pháp, hoặc không có người để truyền trao. Chúng ta ai muốn thành công thì nên chú trọng về mặt nhân sự: Phương pháp giáo huấn - Phương pháp tổ chức và phương pháp truyền trao. Phẩm Thọ ký thứ sáu kinh Pháp Hoa mở đầu hướng dẫn chúng ta về phương pháp truyền trao.

Truyền trao - Chứng nhận, cả hai phải quyện lẫn thành một. Khi thành một rồi, bậc trao ký phải làm sao cho người nhận thọ ký khởi tâm thọ nhận cảm hứng một cách tuyệt đối. Nếu thiếu thì sự trao và nhận hoàn toàn mất ý nghĩa.

Khi chúng ta đã thẩm sâu phần nội dung của phẩm thứ sáu thì phải tiếp theo phẩm thứ tám và phẩm thứ chín để uống trọn phương pháp truyền trao thọ ký siêu đẳng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

II – NỘI DUNG

Chánh văn

1 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng qua lời nói thế này: “Ông Ma Ha Ca Diếp, đệ tử của ta, ở đời vị lai sẽ phụng thờ ba trăm muôn ức các Đức Phật Thế Tôn, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, rộng nói vô lượng đại pháp của các Đức Phật ấy, ở nơi thân rốt sau đặng thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Phật thọ mười hai tiểu kiếp. Chánh pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Tượng pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp. Cõi nước tốt

đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi gai góc cùng hầm tiêu chỗ tiểu dơ bẩn. Cối đó bằng phẳng không có chỗ lồi lõm, hầm hố gò nổi. Đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây để giảng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi sạch sẽ. Bồ tát trong nước đó đông vô lượng nghìn ức, các chúng Thanh Văn cũng lại vô số. Không có việc ma, dầu là có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp.

Giảng luận

Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp sau này được phụng thờ muôn vạn triệu Đức Phật và hiển dương giáo pháp của Chư Phật vào những thời kiếp đó. Sau rốt được thành Phật, hiệu là *Quang Minh*, kiếp tên là *Đại Trang Nghiêm*, quốc độ gọi là *Quang Đức*. Cộng cả ba *Quang Minh* - *Quang Đức* và *Đại Trang Nghiêm* – chúng ta sẽ có một đáp số thế nào? Đặc biệt quốc độ của Đức Phật Quang Minh, dù có ma và dân ma, nhưng không có ma sự và toàn thể ma ở quốc độ này đều ủng hộ Phật pháp.

Ngài Tôn Giả Đại Ca Diếp là vị đệ tử được Đức Phật truyền trao tâm ấn, qua phương pháp Niêm Hoa. Vị Tổ thứ nhất của Phật giáo, sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Tôn Giả Đại Ca Diếp thay mặt Đức Phật thống lãnh chư Tăng, tổ chức đại hội kết tập kinh điển. Tôn Giả Đại Ca Diếp là

cây cột trụ vững chắc, đủ làm niềm tin cho tứ chúng đệ tử Đức Phật, khi Phật không còn trụ tại thế gian. Một vị đại đệ tử như vậy, mà mãi đến thời kỳ thuyết Pháp Hoa, Đức Phật mới thọ ký và thọ ký sau Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất.

Phương pháp truyền trao của đạo Phật theo nguyên tắc Tổ Tổ tương truyền. Tông môn nào truyền trao đúng nguyên tắc thì tông môn đó hiển hưng. Tông môn nào truyền trao sai nguyên tắc, hoặc có tính cách truyền trao thiên vị, hoặc chưa kịp truyền trao thì tông môn đó lụn bại điêu tàn. Các tộc họ, quốc gia cũng thế! Áp dụng phương pháp Thọ Ký phẩm thứ sáu vào đời sống Giáo hội, tông môn, gia tộc, kể cả quốc gia, đều đem lại sự lợi ích hữu hiệu kéo dài nhiều đời sau vậy!

Bên dòng lịch sử của đạo Phật, lại thêm một dòng lịch sử Việt Nam. Đời Hùng Vương, sự truyền trao rất là tuyệt vời. Họ Hồng Bàng đã truyền trao quyền lãnh đạo quốc gia cho mười tám tộc vua Hùng. Lịch sử chưa xác minh là mỗi tộc có mấy ông vua và mười tám tộc vua Hùng có mấy trăm ông vua. Nhưng lịch sử có lưu lại mười tám tộc vua Hùng, đã giữ cho đất nước yên bình thịnh trị suốt hai ngàn sáu trăm hai mươi hai năm (2.622 năm). Không rơi giọt máu, không tà mũi tên. Cùng thời gian này, ở Trung Hoa, nhà Ân, nhà Thương, nhà

Châu ... đã tranh giành quyền cai trị, máu thành sông, xương như núi!

Tụng đọc đến đây nếu ai liễu ngộ được kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký thứ sáu thì chắc chắn chẳng còn xem thường việc truyền trao và nhận lãnh mà Đức Phật đã hướng dẫn nơi kinh Pháp Hoa.

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng (*dịch bốn chữ như nguyên văn*):

2 - Bảo các Tỷ kheo !

Ta dùng mắt Phật

Thấy Ca Diếp này

Ở đời vị lai

Qua vô số kiếp

Sẽ đặng thành Phật

Ở đời vị lai

Cúng dường kính thờ

Ba trăm muôn ức

Các Phật Thế Tôn

Vì trí huệ Phật

Tinh tu phạm hạnh

Đại thừa của Phật

Các hàng Thanh Văn

Vô lậu thân sau

Là con Pháp vương

Chẳng thể kể hết
Dầu dùng thiên nhãn
Cúng dường Tối Thượng
Nhị Túc Tôn xong
Tu tập tất cả
Trí huệ vô thượng
Ở thân rớt sau
Đặng chứng thành Phật
Cõi đó thanh tịnh
Lưu ly làm đất
Nhiều thứ cây báu
Bày hàng bên đường
Dây vàng giăng đường
Người ngó vui mừng
Thường thoảng hương thơm
Rải các hoa đẹp
Đủ các kỳ diệu
Để làm trang nghiêm
Cõi đó bằng phẳng
Không có gò hầm
Các chúng Bồ tát
Đông không thể kể
Tâm họ hòa dịu
Đặng thần thông lớn
Phụng trì kinh điển
Chẳng thể đếm biết
Phật đó sống lâu

Mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp
Quang Minh Thế Tôn
Việc Ngài như thế.

Giảng luận

Ngoài lời công bố thọ ký cho Tôn Giả Đại Ca Diếp, Đức Phật còn thuyết thi kệ trùng tuyên lại lời thọ ký. Chúng ta tư duy để hiểu tại sao Đức Phật thuyết kinh lại còn thuyết kệ. Chúng ta cũng rất tiếc lời thi kệ ghi từ chữ Phạn (*Bắc Ấn Độ*), sau này được dịch sang chữ Trung Hoa, rồi lại dịch một lần nữa thành chữ Việt, cho nên chỉ còn giữ được phần nào ý thơ, chữ âm và vần cũng như hồn thơ không còn đúng như lúc khởi thuyết. Vì vậy nên chúng ta đọc tụng không thưởng thức được toàn chất thơ trong thi kệ. Tại sao thuyết kinh lại còn thuyết kệ, sẽ giải ở đoạn khác.

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Ngài Đại Mục Kiền Liên, Ngài Tu Bồ Đề và Ngài Đại Ca Chiên Diên ... thấy đều run sợ một lòng chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề tạm rời, liền đồng nhau nói kệ rằng:

3 - Thế Tôn thật hùng mãnh
Pháp vương của dòng Thích
Vì thương xót chúng con
Mà ban truyền tiếng Phật.
Nếu rõ thâm tâm con
Chọn là kẻ thọ ký
Như dùng cam lộ rưới
Trừ nóng đặng mát mẻ
Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Lòng còn ôm nghi sợ
Chưa dám ăn liền ngay
Nếu lại đặng vua bảo
Sau đó mới dám ăn
Chúng con cũng như vậy
Hằng nghĩ Tiểu thừa dở
Chẳng biết phải làm sao
Đặng huệ vô thượng Phật
Dầu nghe giọng tiếng Phật
Nói chúng con thành Phật
Lòng còn ôm lo sợ
Như kẻ chưa dám ăn
Nếu được Phật thọ ký
Thì mới là an vui
Thế Tôn thật hùng mãnh
Thường muốn an thế gian

**Xin thọ ký chúng con
Như đói cần bảo ăn.**

Giảng luận

Tại sao Đức Phật phải đợi tới ba vị Đại Thánh Tăng trình kệ thỉnh cầu và giải bày tâm trạng của mình một lần nữa? Câu hỏi được nêu và quý vị sẽ được giải bày nơi toàn bộ Pháp Hoa, nếu chúng ta lắng sâu vào toàn văn bộ kinh.

Sau khi Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Đại Ca Diếp, ba vị Thánh Tăng bối rối, vì từ trước không hiểu rõ chính mình, nên cả ba đồng đến trước Phật làm lễ và quỳ dâng lời thi kệ rằng, cả ba đồng hiểu giáo pháp Nhất thừa, cả ba đồng hiểu Đức Phật phương tiện thuyết ba thừa và đến giờ đó cả ba đồng muốn được Đức Phật thọ ký. Cả ba Ngài đều trình bày rằng, như kẻ đói gặp tiệc vua, thức ăn ê hề nhưng chưa dám ăn, còn chờ lệnh. Cả ba Ngài đều nêu sự mặc cảm của mình, nghĩ mình đã là Thánh Thanh Văn, chấp pháp tam thừa nên không tin mình thành Phật, nay hiểu và tin pháp nhất thừa, giờ chỉ còn chờ Đức Phật thọ ký. Cho nên cả ba Ngài tự ví mình như kẻ đói đang chờ vua cho phép nhập tiệc sang trọng.

Tóm lược đoạn kinh và kệ là như thế, nhưng đem ý của đoạn kinh áp dụng vào đời sống của chính mình mới là điều đáng nói. Nhất là người dân của những nước bé nhỏ, chậm tiến, lúc nào cũng

mặc cảm, không dám ngẩng mặt nhìn trời cao rộng bao la.

Hàng đệ tử Phật, kể cả các vị Thánh Tăng, vẫn chưa tin rằng mình sẽ thành Phật, mặc dù Đức Phật đã long trọng tuyên bố: ***“Chúng sanh đều có tánh Phật, tất cả đều được thành Phật, đều sẽ thành Phật”***.

Chánh văn

4 – Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các vị đệ tử lớn, bảo các thầy Tỷ kheo rằng: “Ông Tu Bồ Đề đây đến đời vị lai phụng thờ ba trăm muôn ức na do tha Đức Phật, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, thường tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ tát, ở thân rốt sau đặng thành Phật hiệu: Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Kiếp đó tên Hữu Bửu, nước đó tên là Bửu Sanh. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, không có những gò, hầm, cát, sỏi, gai, chông cùng hầm tiêu hố tiểu đơ bản; hoa báu trải đất khắp nơi sạch sẽ, nhân dân cõi đó đều ở đài báu và lầu gác quý đẹp. Hàng đệ tử Thanh Văn đông vô lượng vô biên, tính kể cùng

thí dụ đều không thể biết. Các chúng Bồ tát đông vô số nghìn muôn ức na do tha.

Đức Phật thọ mười hai tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ đời hai mươi tiểu kiếp. Đức Phật đó thường ở trên hư không vì chúng nói pháp độ thoát đặng vô lượng Bồ tát cùng chúng Thanh Văn.

Khi đó, Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

5 - Các chúng Tỷ kheo
Nay bảo các ông
Đều phải một lòng
Đệ tử lớn ta
Là Tu Bồ Đề
Sẽ đặng làm Phật
Hiệu là Danh Tướng
Sẽ cúng vô số
Muôn ức các Phật
Theo hạnh Phật làm
Dần đủ đạo lớn
Thân rốt sau đặng
Băm hai tướng tốt
Xinh lịch đẹp đẽ
Dường núi báu lớn
Cõi nước Phật đó
Trang nghiêm sạch nhất

Chúng sanh được thấy
Không ai chẳng ưa
Phật trong cõi đó
Độ vô lượng chúng
Trong pháp của Phật
Bồ tát đông nhiều
Thấy đều lợi căn
Chuyển luân bất thối
Cõi đó thường dùng
Bồ tát trang nghiêm
Chúng Thanh Văn lớn
Chẳng thể đếm kể
Đều đặn ba minh
Đủ sáu thần thông
Trụ tám giải thoát
Có oai đức lớn
Phật đó nói pháp
Hiện nơi vô lượng
Thần thông biến hóa
Chẳng thể nghĩ bàn
Nhân dân hàng trời
Đông như hằng sa
Đều cùng chấp tay
Nghe lãnh lời Phật
Phật đó sẽ thọ
Mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ đời

**Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp trụ đời
Hai mươi tiểu kiếp.**

Giảng luận

Cả ba vị Thánh Tăng đồng quỳ dâng lời thơ kệ. Nhưng Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Tu Bồ Đề trước. Về các đời sau, Tôn Giả Tu Bồ Đề được phụng thờ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán hơn ba trăm tỷ Đức Phật và giáo pháp của Chư Phật. Chính bản thân Tôn Giả Tu Bồ Đề thường tu hành thanh tịnh và thực hành đầy đủ Bồ Tát đạo. Thân rốt sau được thành Phật, hiệu là **Danh Tướng Như Lai**, kiếp tên là **Hữu Bửu**.

Hiệu của Ngài là Tu Bồ Đề, thành Phật là Danh Tướng Như Lai, kiếp tên Hữu Bửu. Phần này khi trình độ cao hơn chúng ta sẽ tư duy thâm sâu hơn để hiểu mật nghĩa, tại sao là Danh Tướng Như Lai và Hữu Bửu là thế nào? Đoạn kinh này chúng ta cần đối chiếu với bản thân mình. Đã đến trình độ như Tôn Giả Tu Bồ Đề, mà cũng phải tinh tấn tu hành thanh tịnh, thực hành đầy đủ Bồ tát đạo. Phụng thờ, cúng dường, tôn trọng, cung kính, tán thán hơn ba trăm tỷ Chư Phật và giáo pháp Chư Phật, thân rốt sau mới được thành Phật. Chẳng những cúng dường, phụng thờ, tán thán Chư Phật, mà còn phụng thờ giáo pháp Chư Phật. Một điều

chúng ta nên tư duy là quả đất chứa đầy năm tỷ người, vậy mà con số Phật hơn ba trăm ngàn tỷ.

5 tỷ \longleftrightarrow 300.000 tỷ

So sánh hai con số để chúng ta rõ số kiếp tu hành của Tôn Giả Tu Bồ Đề lâu xa như thế nào. Người nào mới tu học vài năm, mà thắc mắc tại sao tôi chưa chứng đắc, xin hãy đọc đi đọc lại đoạn kinh này nhiều lần. Tụng đọc đoạn kinh này, chúng ta cần lưu ý một điều nữa. Ngài Tôn Giả Tu Bồ Đề là vị Thánh Tăng có điểm nào xuất sắc mà nơi hội thuyết kinh Kim Cương, Đức Phật lại nói thẳng với Tôn Giả Tu Bồ Đề . . . ?

Chánh văn

6 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỷ kheo: “Ta nay nói với các ông, ông Đại Ca Chiên Diên này ở đời tới, dùng các đồ cúng mà cúng dường phụng thờ tám nghìn ức Phật cung kính tôn trọng. Sau khi các Đức Phật diệt độ, ông đều dựng tháp miếu cao một nghìn do tuần, ngang rộng bao khắp năm trăm do tuần, tháp miếu đó dùng bảy món báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hiệp lại thành, cúng dường tháp miếu bằng các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương hoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan ...

Sau thời kỳ đó lại phải cúng dường hai mươi muôn ức Phật cũng như trước, cúng

dường các Đức Phật đó rồi, đủ đạo Bồ tát sẽ
đặng làm Phật hiệu: Diêm Phù Na Đề Kim
Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh
Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,
Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế
Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây
báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng
bên đường, hoa đẹp trải đất khắp nơi sạch sẽ.
Người được thấy đều vui mừng, không có bốn
đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A Tu
La. Các trời cùng người rất đông, các chúng
Thanh Văn và Bồ tát vô lượng muôn ức trang
nghiêm nước đó. Đức Phật đó thọ mười hai tiểu
kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu
kiếp, tượng pháp cũng trụ hai
mười tiểu kiếp.

Lúc đó Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên
mà nói kệ rằng:

7 - Các chúng Tỷ kheo
Đều một lòng nghe
Như lời ta nói
Chơn thiệt không khác
Ca Chiên Diên này
Sẽ dùng các món
Đồ cúng tốt đẹp
Cúng dường các Phật

Các Phật diệt rồi
 Dựng tháp bảy báu
 Cúng dường hoa hương
 Cúng dường Xá Lợi
 Thân ông rớt sau
 Đặng trí huệ Phật
 Thành Đẳng Chánh giác
 Cõi nước thanh tịnh
 Độ thoát vô lượng
 Muôn ức chúng sanh
 Đều được mười phương
 Đến kính cúng dường
 Ánh sáng của Phật
 Không ai hơn được
 Đức Phật đó hiệu
 Diêm Phù Kim Quang
 Bồ tát, Thanh Văn
 Dứt cả hữu lậu
 Vô lượng vô số
 Trang nghiêm nước đó.

Giảng luận

Cả chính văn và thi kệ của đoạn này, đều chủ đích về việc Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Ca Chiên Diên. Ngài Ca Chiên Diên phụng thờ và cúng dường chia thành hai đợt. Đợt đầu chỉ phụng thờ cúng dường tám tỷ Đức Phật. Tiếp theo dâng cúng dường hai trăm tỷ Đức Phật, cả hai thời kỳ

cộng chung là hai trăm lẻ tám tỷ Đức Phật. Ngài Ca Diếp cúng dường ba trăm ngàn tỷ Đức Phật. Ngài Ca Chiên Diên cúng dường hai trăm lẻ tám tỷ Đức Phật. Hai trăm linh tám so với ba trăm ngàn, hai con số sai biệt rất xa.

Ngài Tôn Giả Đại Ca Chiên Diên thành Phật, hiệu là *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai*. Chánh pháp, Tượng pháp thọ hai mươi tiểu kiếp. Thọ mạng Phật này cũng mười hai tiểu kiếp. Quốc độ này không có bốn đường hung dữ (*một cõi A Tu La hung, ba cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh dữ*). Mỗi vị Thánh Tăng tu hành tạo phần công đức trang nghiêm cho Phật độ của chính mình khác nhau.

Chúng ta cũng vậy, y báo chánh báo mỗi người mỗi khác, không ai giống ai. Điều quan trọng nhất là có lập công bồi đức, có tự trang nghiêm cho cõi Phật quốc của mình sau này hay không? Nhiều người không hiểu đạo, nên thường phát ngôn bừa bãi rằng: “Tôi tu **đốn** chứ không tu **tiệm**”. Nghĩa là tu tắt, tu mau, tu ngộ ngay, tu thành Phật liền hiện đời, như nàng Rong tám tuổi, chứ không chịu tu căn bản từ thấp lên cao, từ Tiểu thừa lên Đại thừa, từ kiếp này sang kiếp khác. Càng trải dài công năng tu trì, càng phụng thờ nhiều trăm ngàn Đức Phật thì càng tự tạo cho Phật quốc độ của chính mình càng

trang nghiêm. Cũng như cây danh mộc, càng nhiều năm thì chất lõi mới quý báu.

Chánh văn

8 - Lúc bảy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo trong đại chúng: “Ta nay nói với các ông, ông Đại Mục Kiền Liên đây sẽ dùng các món đồ cúng, cúng dường tám nghìn các Đức Phật, cung kính tôn trọng. Sau khi Đức Phật diệt độ đều dựng tháp miếu cao một nghìn do tuần, ngang rộng vòng khắp năm trăm do tuần, dùng bảy món báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hiệp lại thành. Đem các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiều và tràng phan để cúng dường tháp.

Sau lúc ấy lại phải cúng dường hai trăm muôn ức các Đức Phật cũng y như trước, rồi sẽ đặng thành Phật hiệu: Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Hỷ Mãn, nước tên là Ý Lạc. Cõi đó bằng phẳng, chất pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải hoa trân châu khắp nơi sạch sẽ, người được thấy đều vui mừng. Các hàng trời người rất đông, Bồ tát và Thanh Văn số nhiều vô

lượng, Đức Phật đó thọ hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp trụ lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ bốn mươi tiểu kiếp.

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

9 - Đệ tử ta đây
Đại Mục Kiền Liên
Bỏ thân này rồi
Sẽ gặp tám nghìn
Hai trăm muôn ức
Đức Phật Thế Tôn
Vì cầu Phật đạo
Cúng dường cung kính
Nơi các Đức Phật
Thường tu phạm hạnh
Trong vô lượng kiếp
Phụng trì pháp Phật
Các Phật diệt rồi
Xây tháp bảy báu
Tháp vàng cao rộng
Hoa hương kỹ nhạc
Dùng dâng cúng dường
Tháp miếu các Phật
Lần lần đầy đủ
Đạo hạnh Bồ tát
Nơi nước Ý Lạc

Mà đặng thành Phật
 Hiệu Đa Ma La
 Bạt Chiên Đàn Hương
 Phật đó thọ mạng
 Hăm bốn tiểu kiếp
 Thường vì trời người
 Diễn nói đạo Phật
 Thanh Văn vô lượng
 Như cát sông Hằng
 Ba minh, sáu thông
 Có oai đức lớn
 Bồ Tát vô số
 Chí bền tinh tấn
 Nơi trí huệ Phật
 Điều không thối chuyển
 Phật diệt độ rồi
 Chánh pháp trụ đời
 Bốn mươi tiểu kiếp
 Tượng pháp cũng thế

- 10 - Các đệ tử ta
 Oai đức đầy đủ
 Số năm trăm người
 Ta đều thọ ký
 Ở đời vị lai
 Điều đặng thành Phật
 Ta cùng các ông
 Đời trước nhân duyên

Ta nay sẽ nói
Các ông khéo nghe.

Giảng luận

Đoạn kinh văn và thơ kệ này, Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Mục Kiền Liên. Trong bốn vị đại đệ tử được thọ ký nơi phẩm Thọ Ký thì Ngài Tôn Giả Mục Kiền Liên là nổi bật hơn cả.

Hiệu Phật là *Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai* và đủ mười tôn hiệu. *Đa Ma La Bát* là Tinh võ cầu hiền, *Chiên Đàn Hương* là loại gỗ trầm, quý nhất ở Ấn Độ. Cũng ví như loại “trầm hương kỳ nam tỷ ngọ” của Việt Nam vậy (*giờ tỷ, giờ ngọ tự nó phát hương thơm*).

Đức Phật Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như

Lai thọ mạng dài lâu hai mươi bốn tiểu kiếp. Ba Ngài Tôn Giả trước, có Ngài mười hai tiểu kiếp, có Ngài hai mươi tiểu kiếp. Trong bốn vị Tôn Giả thì có hai vị xây hàng tỷ bảo tháp phụng thờ hàng tỷ Chư Phật.

Chúng ta cũng nên tìm hiểu việc hiện nay có một số Hòa thượng, Ni sư xây bảo tháp, để nhập nhục thân của mình vào đó, như vậy có đúng Chánh pháp không? Cũng đúng, mà cũng không đúng. Đúng là tất cả Chư Phật khi nhập Niết Bàn xong, hàng đệ tử xây tháp phụng thờ Xá Lợi của Đức

Phật đó. Ngày nay, một số Ngài Hòa thượng bắt chước vua chúa, xây tháp khi mình vẫn còn sống, e rằng như vậy là bị phạm vào chỗ trước tướng chãng?

Khi quý Hòa thượng viên tịch, nhục thân chôn vào lòng đất, để âm tử hút xuống đất, sau đó hàng đệ tử cải táng đưa phần xương cốt, hoặc ngọc xá lợi vào tháp thì mới đúng Chánh pháp. Còn chính vị Hòa thượng đứng ra đốc công xây tháp, rồi khi vừa viên tịch liền nhập cả xương cả thịt hôi thối vào bảo tháp là không đúng Chánh pháp. Nhiều vị tu hành đạt đến bậc Hòa thượng mà tụng kinh Pháp Hoa không tư duy về việc các Ngài Bồ tát xây tháp thờ Chư Phật như thế nào, để mình hành đúng Chánh pháp. Bồ tát xây tháp thờ Phật, chứ không phải chính Phật xây tháp thờ Phật. Đệ tử xây tháp thờ Hòa thượng, chứ không phải Hòa thượng xây tháp thờ Hòa thượng. Đó là chưa kể chỗ đặt ngôi tháp, có ảnh hưởng đến phương diện thẩm mỹ, có một số ngôi tháp đã làm phương hại đến thẩm mỹ của ngôi chùa.

III - TÓM KẾT

Phẩm thứ sáu vẫn còn ở phần sắp đặt hệ thống nhân sự, cho nên chưa thẩm sâu vào những ẩn nghĩa bất khả tư nghì. Tuy nhiên, không phải như thế là đơn giản, đừng thấy như vậy mà cho là dễ

dàng. Chớ nên chủ quan! Bởi vì kinh Pháp Hoa, từng chữ, từng câu, từng nét, mỗi mỗi đều mang một ý nghĩa truyền thừa, mỗi mỗi đều mang một dấu ấn sâu sắc, mỗi mỗi đều ẩn giấu một mật nghĩa kín đáo, không thể dùng ý để nghĩ, dùng lực để soi, dùng trí hiểu biết để hiểu biết. Cũng không thể dùng sức học, dùng kiến thức, dùng thâm niên, dùng khai mở để mà liễu đạt được. Ví dụ như phẩm Thọ ký, chỉ mới có bốn vị đại đệ tử của Đức Phật được thọ ký, nhưng mỗi vị một hiệu khác, một quốc độ khác.

- Ngài Ma Ha Ca Diếp thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai.
- Ngài Tuệ Mạng Tu Bồ Đề thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai.
- Ngài Ca Chiên Diên thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai.
- Ngài Mục Kiền Liên thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai.

Khi chúng ta trình độ cao hơn mới luận sâu các danh hiệu này.

Cả bốn Ngài đều đủ mười tôn hiệu Như Lai ... Thế Tôn. Mỗi danh hiệu mang một ẩn nghĩa sâu mầu. Chỉ khi nào hành giả thông suốt như nhà võ học thông suốt bí kiếp thì lúc ấy mới bừng ngộ. Cũng chính lúc ấy mới bừng vỡ và thốt lên: “*À ra là như thế*”. Còn chỉ đọc, tụng suông thì mọi người

tụng đọc kinh Pháp Hoa đều luôn luôn nghĩ rằng, đây là phẩm kinh thứ sáu trong tổng số hai mươi tám phẩm, của toàn bộ Pháp Hoa. Phẩm kinh này dành riêng cho bốn Ngài Thánh Tăng. Các Ngài được Đức Phật thọ ký về các đời vị lai được thành Phật, chứ chẳng liên quan gì đến mình. Không! Phẩm kinh này, trong mỗi chúng ta, ai ai cũng có phần, ai ai cũng phải noi theo, ai ai cũng cần phải có phẩm kinh này.

Còn cần thế nào? Cần để làm gì? Tại sao phải cần? Xin nhường câu trả lời cho hành giả Pháp Hoa, nhất là khi sự sống hằng ngày liên quan đến phẩm kinh và người nào đó, liễu ngộ hoặc vô tình áp dụng đúng tinh thần phẩm kinh đem lại kết quả bất ngờ, lúc đó chính là lúc câu trả lời xuất hiện: “À, ra là như thế”.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, phóng quang soi sáng tâm trí chúng con, xoa đầu thọ ký cho chúng con, để tất cả chúng con đều đồng được thấu đạt chiều sâu của phẩm Thọ ký. Ngưỡng mong Ngài Đại Phạm Thiên Vương, Ngài Đế Thích Thiên Vương, hết thảy các vị vua trời và các vị Thiên Ma vương, nói chung là cõi thiên giới quyền uy, phát đại từ bi tâm hộ trì cho toàn cõi nhân gian đồng được an lành, mọi chướng duyên tiêu diệt, căn lành tăng trưởng.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin kết Bồ Đề quyển thuộc cùng tất cả, nguyện đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì và phổ truyền kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Khi quán niệm đúng tử trường tự nhiên
thu hút mười phương đất trời ...

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

14

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 14

PHẨM HÓA THÀNH DỤ - Thứ bảy

- Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật.
- Sự quan trọng của tòa ngòai.
- Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

I - MỞ ĐỀ

Tu học qua sáu phẩm kinh, chúng ta đã hiểu một số bí pháp bổ ích cho cuộc sống hằng ngày, cho bản thân cùng những người “thân” và “cận” của chúng ta.

Bài này chúng ta học và thực tập thêm ba bí pháp nữa. Mong tất cả lắng hết ý (*tám thức*), chú hết tâm vào bài học để liễu thông ba bí pháp ở phần đầu phẩm kinh Hóa Thành Dụ này.

- * **Bí pháp thời gian.**
- * **Bí pháp tòa ngòai.**
- * **Bí pháp y báo chánh báo**

Tuy phẩm kinh mang tựa đề là Hóa Thành Dụ, nhưng hai phần ba đầu phẩm kinh đều chủ đích nói bí pháp thành công là nhờ: **Tòa ngòai - Chỗ ngòai - Thế ngòai - Người yểm trợ - Ngoại cảnh - Nội tại - Thời gian - Không gian.**

Một phần ba sau mới đến bí pháp Hóa Thành ví dụ. Dù chúng ta đã học các bí pháp:

- Người giới thiệu.
- Người giả vờ dốt nát.
- Thập như thị pháp.
- Thanh lọc trấu lép.
- Bình đẳng như cơn mưa.
- Có người hiểu và tin tưởng trung thành.
- Nhận sự trách nhiệm.

Nhưng hôm nay ở phẩm thứ sáu, chúng ta học thêm ba bí pháp của năm phẩm kinh một đến năm, tất cả đều là bí pháp:

- Thời gian.
- Sự quan trọng của tòa ngôi.
- Y báo chánh báo của Ngài Đại Thông Trí Thắng.

(Phẩm Hóa Thành Dự còn ba bí pháp nữa sẽ giảng luận ở bài mười lăm).

Toàn bộ kinh Pháp Hoa, có hằng vạn bí pháp thành công. Trước khi muốn thành Bồ tát, thành Phật, chúng ta phải thực tập, thực tu, thực luyện để thành người, thành tiên, thành trời, thành Thánh. Đó là điều kiện tiên quyết để bước vào tòa nhà Như Lai.

Bí pháp ví dụ nhìn thấy thì đơn giản, nhưng khi thực hiện thì không giản đơn chút nào.

Đạo khác đời về vấn đề này, là nên sử dụng “**Phương tiện trí**”. Đạo muốn dùng ví dụ để con người rời mê về giác, rời tà nhập chánh, ngoài các bí pháp cao siêu khác, người hướng đạo phải sử dụng bí pháp ví dụ. Câu chuyện hóa thành là bí pháp, **ví dụ** theo quy tắc **Phương tiện trí**.

Nếu có ai trong chúng ta, hoặc trong toàn thể trời người quỷ thần mà liễu thông và áp dụng bí pháp Hóa Thành Dụ thì cuộc sống ngày một thăng hoa, nhất định thành công trên mọi địa hạt. Dù chưa thành Phật ngay hiện đời, nhưng đây là nhịp cầu bước vào tòa nhà hỷ lạc, để chuẩn bị bước lên quả vị Như Lai.

Nhưng khổ thay, phương pháp của đời đa phần áp dụng nặng về vật chất và thiện xảo, nếu đạo cũng sử dụng như đời thì còn gì là đạo! Điều này rất quan trọng. Xin nhắc lại, đạo áp dụng phương pháp **ví dụ** phải đúng theo nguyên tắc **Phương tiện trí**. Nếu sai nguyên tắc này là lọt vào bình diện thế tục của đời.

Trí là trí tri, còn đại trí là trí tuệ. Phương tiện nghĩa là thuận lợi và đúng cách (*phương là đúng phương cách*). Uyển chuyển nhưng không rời chơn lý. Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Hay là: **Dĩ bất biến ứng vạn biến**. Hiện tượng có thể ứng vạn biến nhưng bản chất thì là bất biến. Hay là: Y

kinh giải nghĩa tam thế Phật oan. Ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết. Lưu ý cũng có một ít phần tử ví dụ, nhưng ví dụ theo tà. Nếu vậy là **cám đồ** chứ không phải ví dụ.

Để dễ hiểu và dễ nhớ phương pháp ví dụ cho người mê nhập giác, chúng ta phải áp dụng đúng nguyên tắc **Phương tiện trí**, đó là pháp phương tiện của đạo Phật.

II.- NỘI DUNG

1/. Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật

Chánh văn

1 – Đức Phật bảo các thầy Tỷ kheo:

“Thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp đã qua, lúc bấy giờ có Đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Nước đó tên là Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng. Các Tỷ kheo! Từ khi Đức Phật đó diệt độ đến nay rất là lâu xa, thí như mọi thứ đất trong cõi tam thiên đại thiên, mà giả sử có người lấy đem mài làm mực rồi đi khỏi một

ngàn cõi nước ở phương Đông bèn chấm một điểm chừng bằng bụi nhỏ, lại qua một ngàn cõi nước nữa cũng chấm một điểm, cứ lần lượt như thế chấm hết mực mài bằng đủ thứ đất kể trên. Ý các ông nghĩ sao? Số cõi nước đó, giáo sư toán hoặc đệ tử của ông ta có thể đạt tới ngàn mé để tính nổi số đó không?

- Thưa Thế Tôn! Không thể biết!

- Các Tỷ kheo! Những cõi nước người đó đi qua hoặc có chấm mực hoặc không chấm mực đều nghiền nát cả ra làm bụi, một hạt bụi tính một kiếp thì từ Đức Phật đó diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức a tăng kỳ kiếp. Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem thuở lâu xa đó dường như mới rành rành ngày nay.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2 - Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lương Túc Tôn
Tên Đại Thông Trí Thắng
Như người dùng sức mài
Hết tất cả thứ đất
Thảy đều làm thành mực
Qua hơn ngàn cõi nước

Mới chấ²m điể²m bằng bụi
 Như thế lần lựa chấ²m
 Hết các bụi mự²c này
 Số các cõ²i nướ²c đó
 Điể²m cùng với chẳ²ng điể²m
 Lại đều nghiê²n thành bụi
 Một bụi làm một kiế²p
 Số bụi li ti đó
 Số kiế²p còn lớn hơn
 Phật đó diệt đến nay
 Vô lượ²ng kiế²p như thế
 Trí vô ngại của Phật
 Biế²t Phật đó diệt độ
 Cả Thanh Văn, Bồ tát
 Như thấy diệt ngay đây
 Các Tỷ kheo nên biế²t
 Trí Phật tịnh vi điệ²u
 Vô lậu và vô ngại
 Suốt thấ²u vô lượ²ng kiế²p.

Giảng luận

Bí pháp thời gian đoạn kinh này đa phần chúng ta đều ngỡ tưởng rằng, Đức Phật Thích Ca trình bày thời gian thành Phật của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, dài lâu không thể nghĩ bàn là trình bày cho hàng Thánh. Không! Đức Phật trình bày cho chúng sanh, nhưng chúng sanh muốn hiểu phải trải qua ba động tác:

* *Động tác thứ nhất*:: Giả dụ như nghiền nhỏ ba ngàn đại thiên thế giới thành bụi, chế thành mực.

* *Động tác thứ hai*: Qua một ngàn cõi, chấm một giọt mực. Đi hết phương Đông, rồi đến các phương hướng khác. Chấm như vậy đến khi nào khô cạn số mực này, rồi kiểm lại được bao nhiêu cõi. Không có giáo sư toán nào, hoặc bất cứ ai, có thể tính đếm được số cõi này! Nhưng chưa! . . .

* *Động tác thứ ba*: Đem tất cả số cõi, đã chấm mực hoặc chưa chấm nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi là một kiếp. Nếu tính tiểu kiếp thì mười sáu triệu tám trăm ngàn năm. Vậy kiểm lại số kiếp từ khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thành Phật và nhập Niết Bàn đến nay là bao nhiêu kiếp? Nhất định không ai có thể quán suốt hoặc tính đếm được số kiếp này.

Đọc tụng đến đây ai cũng định ninh yên trí rằng Đức Phật Thích Ca trình bày về thời gian thành Phật của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai lâu xa dường ấy, nếu đơn giản như vậy thì còn gì mật nghĩa, còn gì bí pháp của kinh Pháp Hoa.

Phẩm Tựa, một lần Bồ tát Đại Trí Văn Thù đã nhấn mạnh về mật nghĩa “**thời gian**”. Nhưng mà thời gian này là đại chúng nương thần lực của Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Ngài thuyết một thời pháp dài lâu đến sáu trăm ngàn năm, nhưng đại chúng cảm nhận lâu chừng giây lát.

Hôm nay, phẩm Hóa Thành Dụ, Đức Phật cũng lại nhấn mạnh về điểm thời gian đối với **trí tuệ** Phật. Thời gian không còn có thể dùng số lượng cân đo đong đếm của các nhà trí thức thế gian, mà chỉ có trí tuệ Phật mới quán thông. Không những chỉ quán thông về sự dài lâu, mà còn thu rút ngắn thời gian. Ai liễu thông điểm này, là nắm bí quyết thành công, thấm thấu bí pháp, vệt sáng được sự ẩn mật của Pháp Hoa kinh về điểm thời gian.

Nêu một thí dụ dễ hiểu hơn. Nếu thực hiện công việc mà lúng lơ con cá vàng về mặt thời gian thì sẽ thất bại. Trái lại, quy định thời gian quá cứng nhắc, tính đếm từng giờ, từng phút thì nhất định phải khổ sở vì nó! Bởi vì khó đúng kỳ hạn, mà không đúng kỳ hạn thì mình xót xa, lo lắng, khổ não, sầu tức. Vậy hành giả Pháp Hoa xử sự về mốc thời gian như thế nào? **“Quên đếm giọt thời gian tâm hồn thôi ray rứt ...”** (trích *Từng giọt Ma Ni*).

Máy bay chở người thân đúng 11 giờ mới đáp, nhưng 9 giờ mình đã đến đợi ở sân ga rồi và cứ chốc chốc lại xem đồng hồ. Hai tiếng đồng hồ ở trường hợp này, lâu bằng hai ngày. Đó là chưa kể máy bay đến trễ hơn 2 giờ nữa thì thời gian này nó biến thành cực hình, trong lòng quý vị như có một lò lửa.

2/. Sự quan trọng của tòa ngôi

Chánh văn

3 - Đức Phật bảo các Tỷ kheo: “Đức Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp, Đức Phật đó lúc trước ngồi Đạo tràng phá quân ma rồi, sắp đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật pháp chẳng hiện ra trước mặt, như thế một tiểu kiếp cho đến mười tiểu kiếp, ngồi xếp bằng thân và tâm đều không động mà các Phật pháp còn chẳng hiện ra trước.

Thuở đó, các vị trời Đạo Lợi, trước vì Đức Phật đó, dưới cội cây Bồ đề trái tòa Sư tử cao một do tuần. Nơi tòa này Phật sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi Phật vừa ngồi trên tòa đó các trời Phạm Thiên Vương rưới những hoa trời khắp bốn mươi do tuần, gió thơm lâu lâu thổi đến, đùa dẹp hoa héo rồi rưới hoa mới, mãi như thế không ngớt mãi mười tiểu kiếp để cúng dường Đức Phật, cả đến khi Phật diệt độ cũng thường rưới hoa này. Các trời Tứ Thiên Vương vì cúng dường Phật nên thường đánh trống trời. Ngoài ra các vị trời khác thổi kỹ nhạc trời mãi mười tiểu kiếp, đến khi Phật diệt độ cũng lại như thế.

Các Tỷ kheo! Đức Đại Thông Trí Thắng Phật quá mười tiểu kiếp, các Phật pháp mới

hiện ra trước mặt thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai khi chưa xuất gia là một vị vua, có sanh mười sáu vị Hoàng tử. Khi xuất gia chuyên tu, nhập chánh định một tiểu kiếp, phá hết quân ma, nội ma và ngoại ma, nhưng không chứng đắc quả vị Phật, Ngài lại nhập đại định thêm mười tiểu kiếp nữa, rồi khi xả định cũng vẫn chưa thành Phật. Liên lúc đó, chư Thiên, chư Tiên của cõi trời Đao Lợi trải tòa ngồi, Ngài vừa ngồi lên liền đắc quả vị Phật. Mặc dù trong suốt mười một tiểu kiếp, Ngài vẫn được Phạm Thiên Vương các cõi trời rải hoa cúng dường, Tứ Thiên Vương các cõi trời đánh trống trời cúng dường, các cõi trời khác dâng kỹ nhạc cúng dường, nhưng Ngài vẫn chưa chứng đắc quả vị Phật. Mãi đến khi Thiên Vương và chư Thiên, chư Tiên, cõi trời Đao Lợi trải tòa ngồi, Ngài vừa ngồi lên liền chứng đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy đủ biết sự quan trọng của tòa ngồi đến tầm mức nào. Chúng ta tìm hiểu tại sao? Có rất nhiều mật nghĩa về tòa ngồi, chúng ta không thể hiểu hết thì làm gì có thể phơi bày hoặc bàn giải hết. Chỉ nên tìm hiểu một vài trường hợp thật sự cần thiết mà thôi.

* **Thứ nhất:** Đem nền móng so với tòa nhà thì không vào đâu cả, nhưng nền móng chưa đủ sức chịu lực thì nhà sập. Tu luyện cũng vậy. Tòa ngời so với việc tu luyện không nhằm vào đâu cả, nhưng khi ngời tịnh niệm mà thiếu tòa ngời, hoặc tòa ngời sai quy cách thì dù có nhập định suốt đời vẫn không đạt kết quả.

Hiện tại giới tu học Phật hầu như tám, chín chục phần trăm rơi vào tình trạng sai quy cách tòa ngời. Có người tịnh niệm mà chẳng có tòa ngời là gì cả, gặp đâu ngời đó, ngời sao cũng xong.

Tòa ngời khác tọa cụ. Ngời nghe pháp, hoặc tụng kinh thì chỉ có tọa cụ cũng được, nhưng ngời tịnh niệm thì phải có tòa ngời. Xếp tòa ngời phải sau cao trước thấp.

Xin xem bài tòa ngời nơi khóa hai Đạo tràng này, đầy đủ chi tiết hơn. Chẳng những xem, mà phải có người đã trải qua kinh nghiệm hướng dẫn về tòa ngời thì mới đúng quy cách.

* **Thứ nhì:** Bất kỳ địa hạt nào, thành hay bại, vinh hay nhục, nên hay hư, tốt hay xấu đều do chỗ ngời, do ghế ngời, do vị trí chính vị và tả hữu ... Nói chung là tòa ngời nó chiếm một phần quan trọng.

Đức Đại Thông Trí Thắng khi còn là vua, ngời tịnh niệm thiếu tòa ngời nên đã trải qua đến mười tiểu kiếp mà vẫn chưa đắc quả. Mãi đến hết tiểu kiếp thứ mười một, có chư Thiên, cõi trời Đạo Lợi

trải tòa ngò, Ngài ngò lên mới đắc quả vị Phật. Ý đoạn này là phải lo việc trải tòa ngò trước, rồi mới đến việc rải hoa, đánh trống, thổi kỷ nhạc sau, nếu ngược lại thì không thành tựu. Đó là chưa kể những địa điểm ngò, hướng ngò, người trực tiếp trải tòa ngò ...

* **Thứ ba:** Có một điều rất quan trọng mà người tu không nắm rõ quy tắc. Khi ngò tịnh niệm mà thiếu tòa ngò thì sẽ đem lại nguy hiểm, bị phong thấp, thấp khớp, có khi tê liệt nửa thân người. Bởi vì khi tịnh niệm, toàn thân đều tràn đầy dương điện tử, nếu không có vật cách đất, tức là không có tòa ngò, nhất là các chùa, hoặc tư gia nền gạch láng, ngò trên gạch tưng xong một thời kinh, hoặc nghe xong một thời pháp, hoặc tịnh niệm một thời mà thiếu tòa ngò thì chất âm tử từ lòng đất hút vào thân thể, cho nên càng đi chùa, càng tịnh niệm, càng tưng kinh mà lại thấy càng bệ rạc, đó là do phần lớn thiếu tòa ngò.

Sự quan trọng của tòa ngò còn nhiều lắm, mong mỗi chúng ta lưu ý thâm sâu để bưng khai nhiều khía cạnh khác. Phần giải thích nơi bài này thuộc về sự tướng. Khi vào phẩm An Lạc Hạnh mới tìm hiểu thêm về phần lý tánh của tòa ngò. Khi liễu thông giáo pháp ở trình độ tối thượng thừa thì tánh tướng viên dung, đến khi đó thì chẳng còn tánh tướng, chẳng còn tòa ngò vì cả hư không này đã là

tòa ngò. Lúc ấy tòa ngò hoặc chỗ mình đang ngò, bất cứ ở chỗ nào cũng là tòa ngò, cũng là hư không. Rồi đến độ không còn là hư không ... Chừng nào đến đó sẽ hay, bây giờ còn trình độ một hành giả Pháp Hoa, đang tu luyện phẩm thứ bảy, chúng ta nên tu học hiểu về tòa ngò đúng theo phương pháp bài học Hóa Thành Dụ, chứ đừng vói lên cao, tối tối thượng thừa, tối vô lậu, vô vi như thế chẳng lợi ích gì, mà còn chuốt thêm sự nguy hại.

*** Thân thế của Ngài Đại Thông Trí Thắng**

Chánh văn

Lúc Phật chưa xuất gia có mười sáu người con trai, người con cả tên Trí Tích. Các người con đó đều có các món đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nghe cha chứng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bỏ đồ trân bảo của mình đi đến chỗ Phật. Các người mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là vua Chuyển Luân Thánh Vương, cùng một trăm vị đại thần và trăm nghìn muôn ức như dân khác đều vây quanh nhau đi theo đến Đạo tràng, mọi người đều đến gần gũi Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Khi đã đến nơi tất cả đem đầu mặt mình lạy chơn Phật, đi vòng quanh Đức Phật xong, đều chấp tay một lòng

chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, rồi nói kệ khen rằng:

4 - Thế Tôn oai đức lớn

Vì chuyện độ chúng sanh
Trái vô lượng ức kiếp
Mới đến lúc thành Phật
Các nguyện đã đầy đủ
Hay thay lành vô thượng
Thế Tôn rất ít có
Mười tiểu kiếp ngồi lì
Thân thể và tay chơn
Yên tịnh không hề động
Tâm Phật thường lặng lẽ
Chưa từng có tán loạn
Rốt ráo trọn vắng bật
An trụ pháp vô lậu.
Ngày nay thấy Thế Tôn
An ổn thành Phật đạo
Chúng ta được lợi lành
Tỏ mừng rất vui sướng
Chúng sanh thường sầu khổ
Mù mờ không đạo sư
Chẳng biết đạo dứt khổ
Chẳng biết cầu giải thoát
Lâu ngày thêm nẻo ác
Giảm tổn các chúng trời
Từ tối vào nơi tối

Trọn chẳng nghe danh Phật
Nay Phật đặng tối thượng
Đạo an ổn vô lậu
Chúng ta và trời người
Vì đặng lợi lớn tột
Cho nên đều cúi đầu
Quy mạng đấng vô thượng.

Giảng luận

** Thân thế của Ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai*

Thân phụ của Ngài Đại Thông là vua Chuyển Luân Vương. Ngài là vị Hoàng đế, rời ngôi vua xuất gia. Ngài có mười sáu vị Vương tử.

Quần chúng Á Đông chú ý về thân thế, vì lý do đó nên Đức Phật Thích Ca tuyên thuyết về thân thế của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng phải hợp tâm lý quần chúng ở phần đất Á Đông.

Chúng ta cũng vậy! Ở Á Đông nếu không xuất thân từ nhà quyền thế thì cũng phải có công trạng gì với Tổ quốc non sông, nếu không thì phải căn cứ tài năng xuất chúng hoặc học vị cao cấp. Ngày xưa thì ông Cố ông Nghè, ngày nay Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, Bác sĩ, hoặc thân thế đượm nét huyền thoại trong nhân gian. Thiếu một trong các yếu tố ấy rất khó thành công.

Chánh văn

5 – Bảy giờ mười sáu vị Vương tử nói kệ khen Đức Phật, rồi liền khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, đều thưa rằng: “Đức Thế Tôn nói pháp được an ổn, thương xót làm lợi ích cho các trời và nhơn dân”. Lại nói kệ rằng:

Đức Phật không ai bằng
 Trăm phước tự trang nghiêm
 Đặng trí huệ vô thượng
 Độ thoát cho chúng con
 Và các loài chúng sanh
 Xin nêu bày chỉ bảo
 Cho đặng trí huệ Phật
 Nếu chúng con thành Phật
 Chúng sanh cũng được thế
 Thế Tôn biết chúng sanh
 Thâm tâm nghĩ tưởng gì
 Cũng biết đạo họ tu
 Lại biết sức trí huệ
 Ý thích và tu phước
 Nghiệp gây tạo đời trước
 Thế Tôn biết cả rồi
 Nên chuyển pháp vô thượng.

6 – Phật bảo các Tỷ kheo: Lúc Đức Đại Thông Trí Thắng Phật đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong mười phương, mỗi phương đều năm trăm muôn ức các cõi

nước Phật sáu diệu vang động. Trong các cõi nước đó, chỗ tối tăm ánh sáng của nhật nguyệt không soi tới đặng mà đều sáng rõ, trong đó chúng sanh đều đặng thấy nhau, đồng nói rằng: “Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh?”.

Lại trong các cõi đó cung điện của chư Thiên cho đến Phạm cung sáu diệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp đầy cõi nước, sáng hơn ánh sáng của trời.

Giảng luận

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng khi chưa xuất gia là một vị vua. Về thân thế gia tộc thì khó có ai bằng. Mười sáu Hoàng tử cùng một chí hướng. Ông nội của các Hoàng tử là Chuyển Luân Vương. Trong thời gian nhà vua tu luyện thì các cõi trời, từ trời Phạm Thiên đến trời Tứ Thiên và các cõi trời khác đều thường xuyên dâng hoa, chuyển trống trời và kỹ nhạc cúng dường. Trái mười một tiểu kiếp mà Ngài vẫn không đắc đạo, bởi vì thiếu tòa ngời. Cuối kiếp thứ mười một có chư Thiên cõi trời Đao Lợi trái tòa ngời cúng dường, Ngài vừa ngời liền đắc đạo. Khi đắc đạo thì các cõi trời Phạm Thiên khắp mười phương, đều có mặt dâng hoa tán thán, lễ lạy, cung kính cúng dường hộ niệm. Các cõi này, cõi nào cũng dâng cung điện cúng dường. Mười sáu vị hoàng tử, đều thỉnh cầu Phật chuyển

pháp luân và các cõi trời Phạm Thiên, cõi nào cũng thỉnh cầu chuyển pháp luân.

Chánh văn

7 - Bấy giờ, phương Đông, năm trăm muôn ức các cõi nước, cung điện của trời Phạm Thiên ánh sáng soi chói gấp bội hơn ánh sáng thường ngày, các Phạm Thiên Vương đều tự nghĩ rằng: “Hôm nay cung điện sáng rõ từ xưa chưa từng có, vì nhơn duyên gì mà hiện điềm này?”. Lúc đó các vị Phạm Thiên Vương liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Trong nhóm họ có một vị Phạm Thiên Vương lớn tên là Cứu Nhứt Thiết vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
Sáng rõ chưa từng có
Đây là nhơn duyên gì
Phải nên chung nhau tìm
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời ?
Mà ánh sáng lớn này
Khắp soi cả mười phương

Bấy giờ, ở năm trăm muôn ức cõi nước, các vị Phạm Thiên vương cùng mang theo cung điện mỗi vị đều lấy đũa đựng các thứ hoa trời, đồng đi đến phương Tây dò tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa

sư tử ở nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh Đức Phật, và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển xe pháp; tức thời các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy chơn Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật.

Hoa của mấy ông rải thành đống như núi Tu Di, cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật, cây Bồ đề đó cao mười do tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Đức Phật đoái thương ban lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây xin thương tình mà nhận ở”.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng dùng kệ khen rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khó thể gặp gỡ đặng
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả
Thầy lớn của trời người
Thương xót ở trong đời
Mười phương mọi chúng sanh
Thấy đều nhờ lợi ích

Từ năm ngàn tỷ nước
 Chúng con đến nơi này
 Bỏ vui thiên định sâu
 Để mà cúng dường Phật
 Chúng con phước đời trước
 Cung điện rất tốt đẹp
 Nay đem dâng Thế Tôn
 Cúi xin thương nhận cho.

Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật rồi đều thưa rằng: “Cúi xin Thế Tôn chuyển pháp luân, độ thoát chúng sanh mở đường Niết Bàn”.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng mà nói kệ rằng:

Thế Hùng Lương túc tôn
 Cúi xin diễn nói pháp
 Dùng sức từ bi lớn
 Độ chúng sanh khổ não

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên nhận lời.

8 – Lại nữa, các vị Tỷ kheo! Phương Đông Nam năm trăm muôn ức cõi nước các vị Phạm thiên vương đều tự thấy cung điện mình chói lòa ánh sáng từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hi hữu, liền cùng đến nhau chung bàn việc đó. Lúc ấy, trong nhóm họ có

một vị Phạm thiên vương tên là Đại Bi, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Việc đó nhơn duyên gì
Mà hiện tướng như thế
Các cung điện chúng ta
Sáng rõ chưa từng có
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời ?
Chưa từng thấy tướng này
Nên chung một lòng kiếm
Quá nghìn muôn ức cõi
Theo luồng sáng dò tìm
Thường là Phật ra đời
Độ thoát khổ chúng sanh.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương cùng mang theo cung điện, lấy đũa dựng các thứ hoa trời, đồng đến phương Tây Bắc dò tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, các hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhơn cùng phi nhơn ...vân vân ... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lay chơn Phật, đi quanh Ngài trăm nghìn vòng,

rồi lấy hoa trời mà rải trên Phật. Hoa rải đó chất đống như núi Tu Di, cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Phật thương xót lợi ích cho chúng con, những cung điện dựng đây cúi xin thương tình nhận ở”.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Thánh Chúa vua cõi trời
 Tiếng Ca Lãng Tàn Già
 Thương xót hàng chúng sanh
 Chúng con nay kính lễ
 Thế Tôn rất ít có
 Lâu xa một lần hiện
 Một trăm tám mươi kiếp
 Luống qua không có Phật
 Ba đường dữ đầy đầy
 Các chúng trời giảm ít
 Nay Phật hiện ra đời
 Làm mắt cho chúng sanh
 Chỗ quy thú của đời
 Cứu hộ cho tất cả
 Là cha của chúng sanh
 Thương xót làm lợi ích
 Nhờ phước lành đời trước
 Nay đặng gặp Thế Tôn.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Phật xong đều thưa rằng: “Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót tất cả chuyển pháp luân cho, để độ thoát chúng sanh”.

Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng mà nói kệ khen rằng:

Đại Thánh chuyển pháp luân
Chỉ bày các pháp tướng
Độ chúng sanh khổ não
Khiến đặng vui mừng lớn
Chúng sanh nghe pháp này
Đặng đạo mà sanh thiên
Để đường dữ giảm ít
Bực nhần thiện thêm nhiều.

Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Phật mặc nhiên nhận lời.

9 - Lại nữa các Tỷ kheo! Năm trăm muôn ức cõi nước ở phương Nam các vị Đại Phạm Thiên Vương đều tự thấy cung điện mình chói lòa ánh sáng từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hi hữu liền đến cùng nhau chung bàn việc đó. Vì nhơn duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng chói lòa này?

Trong chúng đó có một vị Phạm thiên vương lớn tên là Diệu Pháp, vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
 Quang minh rất oai diệu
 Đây không phải vợ cố
 Tướng này phải dò tìm
 Quá hơn trăm nghìn kiếp
 Chưa từng thấy tướng này
 Là trời đại đức sanh
 Hay Đức Phật ra đời.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức Phạm thiên vương cùng cung điện, mỗi vị dùng dây đựng các thứ hoa trời đồng đến phương Bắc dò tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội cây Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh, cùng thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật. Hoa rải đó chất đống như núi Tu Di và cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Đức Phật đoái thương lợi ích chúng con, cung điện của chúng con dựng đây cúi xin thương tình mà nhận ở”.

Bấy giờ, các vị Đại Phạm thiên vương liền ở

trước Phật một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Thế Tôn rất khó thấy
Bực phá các phiền não
Qua trăm ba mươi kiếp
Nay mới thấy một lần
Hàng chúng sanh đói khát
Nhờ mưa pháp no đủ
Xưa vốn chưa từng thấy
Đấng vô lượng trí huệ
Như hoa Ưu đàm bát
Ngày nay mới gặp gỡ
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang được đẹp
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin thương nhận ở.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật rồi đều bạch rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, làm cho tất cả thế gian các hàng trời người, ma, phạm, Sa môn, Bà la môn đều an ổn mà được độ thoát”. Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Cúi mong Thiên nhưn Tôn
Chuyển pháp luân vô thượng

Đánh vang trống pháp lớn
 Cùng thổi loa pháp lớn
 Khắp rưới mưa pháp lớn
 Độ vô lượng chúng sanh
 Chúng con đều quy thỉnh
 Nên nói tiếng sâu xa.

Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng mặc nhiên nhận lời.

10 - Phương Tây Nam, cả đến phương dưới cũng lại như thế.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước ở phương trên, các vị Đại Phạm thiên vương thấy đều tự thấy cung điện của mình đang ở, ánh sáng chói rực từ xưa chưa từng có, bèn vui mừng hơn hở sanh lòng hi hữu, liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Vì nhơn duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng này? Lúc đó trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi Khí vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Nay vì nhơn duyên gì?
 Cung điện của chúng ta
 Ánh sáng oai đức chói
 Đẹp đẽ chưa từng có
 Tưởng tốt như thế đó
 Xưa chưa từng nghe thấy
 Là trời đại đức sanh

Hay là Phật ra đời?

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên

vương mang cung điện theo, mỗi vị đều dùng đũa đựng hoa trời đồng đến phương dưới dò tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân.

Lúc đó các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời rải trên Đức Phật. Hoa rải chất đống như núi Tu Di và cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin đoái thương lợi ích chúng con. Cung điện dựng đây cúi mong Phật thương tình mà nhận ở”.

Lúc đó các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng dùng kệ khen rằng:

Hay thay! Thấy các Phật
Đấng Thánh Tôn cứu thế
Hay ở ngục tam giới
Cứu khỏi các chúng sanh

Thiên Nhơn Tôn trí khắp
Thương xót hết mọi loài
Hay khai môn cam lộ
Rộng độ cho tất cả
Lúc xưa vô lượng kiếp
Luống qua không có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường mờ tối
Ba đường dữ thêm đông
A tu la cũng thịnh
Các chúng trời lại ít
Chết thường đọa ác đạo
Chẳng theo Phật nghe pháp
Thường làm việc chẳng lành
Sắc lực cùng trí huệ
Các việc đều giảm ít
Vì nhờn duyên tội nghiệp
Mất vui cùng tưởng vui
Trụ trong pháp tà kiến
Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong ác đạo
Phật là mắt của đời
Lâu xa mới hiện ra
Vì thương các chúng sanh
Nên hiện ở trong đời
Siêu việt thành chánh giác

Chúng con rất vui mừng
Và tất cả chúng khác
Mừng khen chưa từng có
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang nên đẹp
Nay đem dâng Thế Tôn
Cúi mong thương nhận ở
Nguyện đem công đức này
Trải khắp đến tất cả
Chúng con cùng chúng sanh
Đều đồng thành Phật đạo.

Khi đó, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật, rồi đều bạch Phật rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nhiều chỗ an ổn, nhiều chỗ độ thoát”. Lúc ấy các vị Phạm thiên vương đồng nói kệ rằng:

Thế Tôn chuyển pháp luân
Đánh trống pháp cam lồ
Độ chúng sanh khổ não
Mở bày đường Niết Bàn
Cúi mong nhận lời con
Dùng tiếng vi diệu lớn
Thương xót mà nói bày
Pháp tu vô lượng kiếp.

Giảng luận

Thân thế ba đời, hoặc danh vị hiện đời vẫn chưa đủ, hoặc có thanh danh rộng lớn, từ trên như các tầng trời trùm phủ, tán thán, ca ngợi, dâng kỷ nhạc, dâng phẩm lễ tặng biếu, cũng vẫn chưa đủ.

Phải hội đủ chín phương ca ngợi, tán thán, tặng biếu đồng ứng hộ trì như Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đã gồm đủ bốn phương chính, bốn phương bàng như Đông Tây Nam Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc và Thượng hạ phương. Cả thảy mười phương đồng ứng là một với việc làm của mình thì mới thành tựu. Ngoài vấn đề lớn, còn thêm một việc rất nhỏ, nhưng nếu tránh được để khỏi mịch lòng chư Thiên thì cũng nên tránh, để các Ngài đồng nhất quán với mình. Đó là việc Trung Hoa và Việt Nam quan niệm và đồng hóa các vị vua trời, nói chung là chư Thiên ngang hàng với ma quỷ, vô tình hay cố ý đều tổn phước, đều mịch lòng.

Quy y Phật không quy y trời thần quỷ vật. Trời + thần + quỷ vật, cả ba thành phần ngang hàng ở một câu, khác nào cá mè một lứa. Các Ngài trời thần có bảo chúng ta quy y các Ngài đâu và chúng ta cũng đâu có quy y các Ngài, vậy mà buông ra một câu nặng nề quá vậy!

Chúng ta nên tránh: mà chỉ viết **quy y Phật không quy y tà thần quỷ vật**. Như thế có hay hơn không? Chỉ đổi một chữ thần vì có nhiều loại quỷ

thần. Các vị quý thần hộ Phật, hộ Pháp, hộ Tăng, dù chúng ta chẳng quy y nhưng các Ngài đó có đáng tôn kính không? Nếu đáng thì cần gì phải dạn và tại sao ghép các Ngài ngang hàng với ma mi.

Lại còn một việc nữa là tại Việt Nam, dưới mắt của một số Tăng Ni, nhìn thấy ai kính trọng Quốc Tổ Hùng Vương, Đức Trần Hưng Đạo, hai bà Thánh Trưng, bà chúa Liễu Hạnh, Đại đế Quang Trung, Tả quân Lê Văn Duyệt ... *vân vân* ... nói chung là các vị có công với đất nước, nói cách khác là các địa thần thì các vị này cho là mê tín dị đoan, hoặc là tà đạo. Mê hay ngộ, tà hay chánh là bởi con người. Con người chánh làm việc tà, việc tà trở thành chánh. Con người tà tâm, làm việc chánh pháp thì chánh pháp liền trở thành tà pháp. Trong tất cả kinh điển ghi chép rất rõ ràng rằng, khi Đức Phật thuyết kinh có nơi nào thiếu chư Thiên, chư Thần, chư quý, chư nhân, phi nhân đâu? Nếu Ngài Đế Thích Thiên Vương không biến thành con chuột cắn đứt dây lưng của một thiếu phụ Bà la môn, rơi đống vải rách độn làm bụng chữa để vu cáo Đức Phật Thích Ca thì giữa thanh thiên bạch nhật, sự việc ấy như thế nào?

Học kinh nhưng không chịu nghiên cứu thăm sâu, chỉ sai một chữ mích lòng cả hai mươi tám tầng trời, đổi chữ **trời** thần thành chữ **tà** thần thì câu nói ỏn cả.

Đầy đủ nhưng thiếu ngoại hộ, nhất là ngoại hộ không có chư Thiên ủng hộ thì việc có thành công không? Đức Đại Thông không nhờ ngoại hộ của chư Thiên trải tòa ngời, hỏi Ngài có chứng thành chánh giác hay không? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi đắc đạo bên gốc cây Bồ đề, nếu thiếu Đức Đế Thích Thiên Vương thì liệu rằng ngày nay chúng ta có giải pháp để tu hay không?

Nếu nói về mặt y báo, chánh báo thì Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai siêu tuyệt. Có thể nói, chưa ai bằng. Nhất là vấn đề ngoại hộ.

Tu hành, mặc dù ngoại cảnh và nội tâm hòa một là điều tất yếu, nhưng thiếu ngoại duyên, ngoại hộ cũng khó thành tựu. Khi đủ ngoại duyên, ngoại hộ, mà thiếu tòa ngời thì dù nhập định đến mười một tiểu kiếp cũng vẫn không đắc đạo.

Nhưng ngoại duyên, ngoại hộ ở mức độ nào, ở trình độ nào? Tòa ngời ai trải? Tại sao không phải là các vị vua trời, cõi Phạm Thiên, cao hơn các cõi trời Đao Lợi? Tại sao không phải là các vị vua trời, cõi Tứ Thiên thấp hơn, mà phải chờ các Ngài ở Đao Lợi thiên cung trải tòa ngời cúng dường Ngài mới đắc quả? Chỗ này là mật nghĩa của Pháp Hoa. Tại sao khi mới một vài tiểu kiếp, thấy thiếu tòa ngời, vua trời Đao Lợi không trải, mà phải đợi tới mười một tiểu kiếp mới cúng dường tòa ngời? Đây lại là mật nghĩa thâm sâu của kinh Pháp Hoa.

Hành giả pháp Hoa kinh, khác hơn độc giả Pháp Hoa kinh là ở những điểm có bừng khai được mật nghĩa hay không? Có áp dụng những nét **thực dụng**, những nét **tương tức**, những nét **tương nhập** hay không? Chỗ nào lúc nào tương nhập, chỗ nào lúc nào tương tức, chỗ nào lúc nào thực dụng? Phải áp dụng cả ba. Có thọ, có trì, có áp dụng nguyên lý của giáo pháp vào cuộc sống thì mới liễu ngộ được mật nghĩa. Mật nghĩa không nghĩ suy bằng ý, không thể nói bằng lời và lại càng không ghi bằng văn tự. Nếu Ý - Lời và Văn tự nêu được vấn đề, nêu được nguyên lý thì còn gì là mật nghĩa. Cũng ví như có người bảo cái vị chua của quả xoài khác hơn vị chua của quả chanh. Một em bé hỏi khác hơn thế nào? Làm sao mà giải thích cho em bé ấy hiểu được! Phải chờ em bé lớn, có trí khôn và lúc ấy phải mời em thực sự dùng xoài và chanh. Thực dụng được như vậy cậu ta mới tự mình phân tích hai vị chua khác nhau như thế nào!

III.- TÓM KẾT

Bài học mười bốn chưa nêu trọn vẹn toàn phẩm Hóa Thành Dụ, cũng chưa vạch đủ các nét ở phần đầu của phẩm kinh. Chờ đợi bài mười lăm mới tóm kết toàn phẩm. Bài mười bốn chỉ tóm kết ba nét:

1. Chỉ có trí tuệ Phật mới quán suốt, mới tự tại về hai chữ **thời gian**, chúng ta, hành giả Pháp Hoa, chỉ học và hành theo phần nào để khỏi bần khoản, khỏi lo lắng, khỏi bị sốt ruột vì **thời gian** làm khổ.

2. Sự quan trọng của **tòa ngôi**, do chư Thiên, cõi trời Đao Lợi góp thêm một giọt nước để đầy bát nước về sự đắc đạo của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Chúng ta học theo phần **sự tướng** của tòa ngôi nơi phẩm kinh này, để ứng dụng hằng ngày vào cuộc sống. Khi trình độ cao mới thấu suốt lý tánh về tòa ngôi và khi đắc đạo mới dứt tòa ngôi, bởi vì lúc ấy tất cả các pháp đều là tòa ngôi, hoặc tòa ngôi chẳng là gì cả! Còn hiện nay đang ở trình độ tu luyện, phải chú trọng phần sự tướng của tòa ngôi để hòa nhập lý tánh.

3. Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai theo tinh thần phẩm kinh này, ở đoạn đầu, chú trọng phần ngoại hộ, cộng hợp với phần nội lực, nhập định suốt mười một tiểu kiếp. Chúng ta, hành giả Pháp Hoa, không thể thiếu một trong hai phương diện: nội lực và ngoại hộ.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni phóng quang soi sáng tâm trí chúng con, xoa đầu thọ ký cho chúng con, để tất cả

chúng con đều được thọ hưởng những mật nghĩa phẩm Thọ Ký và liễu thông phẩm Hóa Thành Dụ.

Cầu mong Ngài Đại Phạm Thiên Vương và hết thảy các vị vua trời, nói chung là cõi thiên giới quyền uy, phát Bồ đề tâm và Bồ tát hạnh kiên cố hộ trì cho toàn cõi nhân gian đồng được an lành, mọi chướng duyên sớm được tiêu diệt, căn lành tăng trưởng. Đồng thời xin Ngài Thiên Ma Vương hộ độ trần gian, dầu cõi này có thiên ma, nhân ma nhưng không hề có “ma sự”. Tất cả chư ma, đều tậ́m mình trong chánh pháp, hộ trì chánh pháp, hộ trì Pháp Hoa kinh, nhất là phổ truyền sâu rộng phẩm kinh Hóa Thành Dụ ngày một lan xa khắp xứ, khắp nơi.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin tất cả các pháp giới chúng sanh đều kết thành Bồ Đề quyến thuộc, đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phậ̣t Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

15

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 15

PHẨM HÓA THÀNH DỤ - Thứ bảy
(tiếp theo)

- Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân.
- Đức Phật nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di.
- Kể câu chuyện hóa thành.

I - MỞ ĐẦU

Bài mười bốn đã bàn giải ba nét chính (*phần đầu của phẩm Hóa Thành Dụ*):

- Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật.
- Sự quan trọng của tòa ngồi.
- Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Bài này cùng bàn giải ba nét ở phần còn lại của phẩm Hóa Thành Dụ:

- Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân.
- Đức Phật nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di.
- Kể câu chuyện hóa thành.

Phân ba nét chính này và còn nhiều nét phụ nhỏ thuộc phạm vi bài học, với mục đích để hành giả Pháp Hoa dễ nhớ, hầu để đạt ngộ phần thâm uyên của kinh, nhất là để áp dụng vào nếp sống thực tại hằng ngày, hằng giờ, hằng phút giây của chính mình.

Trong bài học này, chúng ta nên chú tâm vào giáo lý thập nhị nhân duyên và bí pháp nhường quyền điều hành cho thế hệ trẻ. Lớp tuổi lớn, có đủ kinh nghiệm và đã thông suốt sự việc, nên phải lãnh lấy trách nhiệm toàn phần và phải biết cách chỉ đạo toàn phần. Nhưng việc điều hành phải giao toàn quyền cho tuổi trẻ. Đừng sợ tuổi trẻ làm hư việc, bởi vì có người chỉ đạo thì làm sao tuổi trẻ dám vượt qua mặt, dám phá hỏng sự việc. Cũng có trường hợp là lớp anh cha sợ tuổi trẻ làm nên việc, họ sẽ nổi danh hơn mình.

Con hơn cha nhà có phước. Hơn nữa lớp trẻ không nhờ lớp anh, cha truyền trao, hỗ trợ, nhường việc, giới thiệu và chứng minh cố vấn thì tuổi trẻ làm sao thành công?

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng không truyền dạy kinh Pháp Hoa, không giao việc giảng kinh Pháp Hoa, không nhập định để chứng minh thì làm sao mười sáu vị Sa di thành công?

Riêng phần giới kế nghiệp cũng chớ nên ỷ vào tài trí của mình, mà vượt khỏi tầm chỉ đạo của đàn

anh, đàn cha. Phẩm kinh Hóa Thành Dụ này giải chỗ bí lối giữa hai thế hệ. Nếu ai áp dụng tuyệt đối theo bí pháp của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhập định, giao việc diễn giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di, xin lưu ý chỗ này không giao việc quan trọng cho Bồ tát, cũng không giao việc quan trọng cho Thanh Văn, hoặc cho Tỷ kheo, mà lại giao việc quan trọng cho mười sáu vị Sa di. Đây là bí pháp, đây là mật nghĩa của Pháp Hoa kinh.

Những bậc làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, làm thầy, dù là tín ngưỡng thuộc tôn giáo nào, thuộc địa hạt nào, xin mời đọc phẩm Hóa Thành Dụ. Nhất là nên nghiên ngẫm đoạn kinh Đức Phật nhập định, giao cho mười sáu vị Sa di thực tập, vừa khỏi bí lối về mặt nhân sự, về mặt truyền trao, về mặt tiếp nối; lại vừa khai thông dòng chảy lúc nào cũng thông suốt, cũng chảy mãi không ngừng. Dòng đời vẫn tiếp nối, tiếp nối vô tận, không bao giờ ngừng. Chỉ có dòng “họ” là thường đứt quãng, bởi vì không biết cách truyền trao. Muốn truyền trao đúng thì lúc đầu phải giao quyền cho lớp trẻ thực tập, còn lớp lớn thì giữ phần chỉ đạo. Khi nào thuần thực mới giao trọn, cả chỉ đạo, lẫn điều hành.

Trong cơ cấu tổ chức của Quản trị học Âu Mỹ, tuy quá quy mô và chu đáo, nhưng vẫn thiếu bí pháp này. Trong cơ cấu tổ chức của phong kiến ngày xưa

ở Á Đông, hoàn toàn thiếu bí pháp này. Chỉ có vào thời đại nhà Trần, vua Nhân Tôn có áp dụng bí pháp này, nhưng chưa trọn vẹn và cũng chỉ một đời, chứ các đời vua sau ít có áp dụng. Các thế kỷ cận kim, Á cũng như Âu, có canh cải khá nhiều. Nhưng phương pháp truyền trao vẫn còn thiếu bí pháp quyền trao, của phương pháp Kinh Sen nơi phẩm Hóa Thành Dụ và phẩm Thọ Ký.

Chưa phân rõ quy pháp giữa chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành, muốn thông ba phần hành này, nên quay trở lại bí pháp phẩm **Dược Thảo Dụ**. Rễ vẫn là chỉ đạo, rễ phải ở sâu, rễ không thay đổi từng mùa. Gốc phải vững vàng, gốc phải “**bất biến**”. Thân cành phải “**tùy duyên**” lại phải nứt vỏ. Lá phải thay đổi từng mỗi năm và lá úa thì phải lập tức lìa cành, chứ không thể chờ mãi năm.

- **Chỉ đạo** là rễ.
- **Lãnh đạo** là gốc.
- **Điều hành** là cành lá.
- * Rễ thân cành và lá (*căn hành chi diệp*).
- * Chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành.

Điều hành có năng lực và đúng thời.

Chỉ đạo có kinh nghiệm và tri kiến.

* Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai có đầy đủ, nhưng không phổ truyền Pháp Hoa.

* Mười sáu vị Sa di nhận việc phổ truyền Pháp Hoa, nhưng chưa kinh nghiệm, chưa lắng sâu và còn thiếu tri kiến, phần định lực cũng phải nương nhờ nơi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Phải liễu thông bí pháp “truyền thừa” nơi đoạn kinh này và nhiều bí pháp khác nơi toàn bộ kinh Pháp Hoa. Khi liễu thông giáo pháp thì sự thọ trì, tức là phần thực dụng vào cuộc sống vật thể kể cả phần tâm linh mới an vui. Tất cả dòng đời này, chỗ nào cũng có **pháp Diệu kinh Sen**.

II.- NỘI DUNG

1/. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân

Chánh văn

11 - Lúc bấy giờ, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh của các Phạm thiên vương và mười sáu vị Vương tử tức thời ba phen chuyển pháp luân mười hai hành mà Sa môn, Bà la môn, hoặc là trời, ma, phàm và các thế gian khác, đều không thể chuyển được, rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đạo diệt khổ”.

Và rộng nói pháp mười hai như duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập

duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu bi, khổ não.

Vô minh diệt thời hành diệt, hành diệt thời thức diệt, thức diệt thời danh sắc diệt, danh sắc diệt thời lục nhập diệt, lục nhập diệt thời xúc diệt, xúc diệt thời thọ diệt, thọ diệt thời ái diệt, ái diệt thời thủ diệt, thủ diệt thời hữu diệt, hữu diệt thời sanh diệt, sanh diệt thời lão, tử, ưu bi, khổ não diệt.

Khi Đức Phật ở trong đại chúng trời người nói pháp đó có sáu trăm muôn ức na do tha người do vì không thọ đấm tất cả pháp mà ở các lậu, tâm được giải thoát, đều đặn thiên định sâu mầu, ba món minh, sáu món thông, đủ tám giải thoát.

Lúc nói pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, có nghìn muôn ức hằng hà sa na do tha chúng sanh cũng bởi không thọ đấm tất cả pháp mà nơi các lậu tâm được giải thoát. Từ đây cho đến sau các chúng Thanh Văn nhiều vô lượng vô biên, không thể tính kể được.

Giảng luận

Không phải Đức Phật Thích Ca khởi đầu giảng bốn pháp vững chắc, mà từ vô lượng kiếp xa xưa

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khi mới chuyển pháp luân cũng giảng “Tứ đế”.

Trong giáo nghĩa chúng ta lại lưu ý rằng, không những chỉ có mê tối, khi thần thức sắp vào đầu thai, hoặc khi tuổi về già, hay khi lúc dậy nắp quan tài, khi vào sâu lòng huyết mộ, mà hiện tại trong cuộc sống từng giây phút, lão tử vẫn có mặt nơi cuộc sống của chính mỗi người chúng ta. Mỗi giây phút nơi cơ thể của chúng ta sinh và tử biết bao nhiêu triệu tế bào, mỗi giây phút, sự mê tối nhuộm màu đen thui, đã phủ trùm chúng ta. Còn nói về ái thì không đơn thuần như một số học giả đã minh định rằng có ái ân, có ái dục mới thành thân thể con người, mới có bào thai. Nếu suy luận như vậy là quá nông cạn. Ái nó mở rộng cả ái sắc, ái thanh, ái hương, ái vị, ái xúc, ái pháp và chẳng những chỉ riêng ái sáu trần, qua sáu căn mà Mạc Na và A Lại Da vẫn ái, nặng nhất là ái nhiễm.

Nói chung cả toàn dây mắt xích mười hai nhân duyên, bộ phận nào cũng quan trọng cả. Cắt đứt một mắt xích, tức là một phần nhân thì mười một mắt xích kia vẫn chưa tan rã.

Phải biết quán triệt, phải biết lật ngược toàn bộ mười hai nhân duyên thì mới bước vào nhà đạo. Nó như con đĩa, dù chặt từng khúc, hoặc bằm nát, hoặc đốt thành tro than, vậy mà gặp nước thì chỗ tro này lại sanh rất nhiều trăm ngàn con đĩa khác.

Dứt trừ một nhân vô minh, hoặc một nhân ái nhiễm thì cái vòng lẩn quẩn của pháp thập nhị nhân duyên nó vẫn còn nguyên vẹn từng mắt nằm tại chỗ đó, khi được dịp chúng tái hợp thì còn nhiều hơn trước.

Đừng xem thường giáo nghĩa mười hai nhân duyên. Đừng cho rằng đây là giáo pháp của Tiểu thừa. Dù Đại thừa hay là tối thượng thừa, mà chưa liễu thông giáo nghĩa thập nhị nhân duyên thì coi như tòa lâu đài thiếu nền móng. Chư Phật ba đời, khắp mười phương, khi khai mở chuyển pháp, đều khởi đầu từ **bốn pháp vững chắc** (Tứ đế) và pháp **mười hai nhân duyên**. Tức là đều khởi đầu từ Tam thừa pháp.

2/. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di

Chánh văn

12 - Bảy giờ, mười sáu vị Vương tử đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa di, nên các căn thông lanh, trí huệ sáng láng, đã từng cúng dường trăm nghìn muôn ức các Đức Phật, tịnh tu hạnh thanh tịnh, cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bạch cùng Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Các vị đại đức Thanh Văn vô lượng nghìn muôn ức đây đã thành tựu xong, Đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, chúng con nghe xong đều đồng tu học. Thế Tôn! Chúng con có chí mong được tri kiến của Như Lai, chỗ nghĩ tưởng trong thâm tâm, Đức Phật tự chứng biết cho.

Lúc đó, tám muôn ức người trong chúng của Chuyển Luân Thánh Vương do Ngài dắt đến thấy mười sáu vị Vương tử xuất gia, cũng tự cầu xuất gia, vua liền thuận cho.

Bấy giờ, Đức Phật nhận lời thỉnh của Sa di, qua hai muôn kiếp rồi giờ đây mới ở trong hàng bốn chúng nói kinh Đại thừa tên là: “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. Đức Phật nói kinh đó xong, mười sáu vị Sa di vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều đồng thọ trì đọc tụng thông thuộc. Lúc nói kinh đó, mười sáu vị Sa di Bồ tát thấy đều tin thọ, trong chúng Thanh Văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra nghìn muôn ức loại chúng sanh đều sanh lòng nghi ngờ Phật nói kinh đó suốt tám nghìn kiếp chưa từng thôi bỏ. Phật nói kinh đó xong liền vào tịnh thất trụ trong thiên định tám muôn bốn nghìn kiếp.

13 - Bấy giờ, mười sáu vị Bồ tát Sa di biết Phật nhập thất trụ trong thiên định vắng bặt, mỗi vị đều lên Pháp tòa cũng trong tám muôn

bốn nghìn kiếp vì bốn bộ chúng rộng nói rành rọt kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi vị đều độ sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh, chỉ dạy cho được lợi vui, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

14 - Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám muôn bốn nghìn kiếp sau từ tam muội dậy, qua đến pháp tòa mà ngồi an lành, bảo khắp trong hàng đại chúng: “Mười sáu vị Bồ tát Sa di này rất là ít có, các căn thông lẹ, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường vô lượng nghìn muôn ức số Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật thường tu hạnh thanh tịnh, thọ trì trí của Phật để chỉ dạy chúng sanh làm cho được vào trong trí đó. Các người phải luôn luôn gần gũi mà cúng dường các vị ấy.

Vì sao? Nếu hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các Bồ tát có thể tin kinh pháp của mười sáu vị Bồ tát Sa di đó nói mà thọ trì không dứt bỏ, thời người đó sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trí huệ của Như Lai”.

15 - Phật Thích Ca bảo các Tỷ kheo: “Mười sáu vị Bồ tát đó thường ưa nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh do mỗi vị Bồ tát hóa độ đó đời đời sanh ra đều cùng Bồ tát ở chung, theo nghe

pháp với Bồ tát thấy đều tin hiểu. Nhờ nhờ duyên đó mà đặng gặp bốn muôn ức các Đức Phật Thế Tôn đến nay vẫn chẳng chấm dứt.

Các Tỷ kheo! Ta nói với các ông mười sáu vị Sa di đệ tử của Đức Phật kia nay đều chứng đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện đương nói pháp trong cõi nước ở phương, có vô lượng trăm nghìn muôn ức Bồ tát, Thanh Văn làm quyến thuộc của mình.

Hai vị Sa di làm Phật ở phương Đông: vị thứ nhất tên là A Súc ở nước Hoan Hỷ, vị thứ hai tên là Tu Di Đảnh. Hai vị làm Phật ở phương Đông Nam: vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm, vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Nam: vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ, vị thứ hai tên là Thường Diệt. Hai vị làm Phật ở phương Tây Nam: vị thứ nhất tên là Đế Tướng, vị thứ hai tên là Phạm Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Tây: vị thứ nhất tên là A Di Đà, vị thứ hai tên là Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Nảo. Hai vị làm Phật ở phương Tây Bắc: vị thứ nhất tên là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai tên là Tu Di Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Bắc: vị thứ nhất tên là Vân Tụ Tại, vị thứ hai tên là Vân Tụ Tại Vương. Một vị làm Phật ở phương Đông Bắc hiệu là Hoại Nhứt

Thiết Thế Gian Bồ Úy. Vị thứ mười sáu, chính ta, là Thích Ca Mâu Ni Phật ở cõi nước Ta Bà thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Tỷ kheo! Lúc chúng ta làm Sa di mỗi người giáo hóa vô lượng trăm nghìn muôn ức hằng hà sa chúng sanh vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác theo chúng ta nghe pháp. Những chúng sanh đó đến nay có người trụ bực Thanh Văn, ta thường giáo hóa họ pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những bọn người này nên dùng pháp đó mà dần dần vào Phật đạo.

Vì sao? Vì những trí huệ Như Lai khó tin khó hiểu, vô lượng hằng sa chúng sanh được hóa độ trong thuở đó chính là các Tỷ kheo bọn ông hiện nay và sau khi ta diệt độ là các đệ tử Thanh Văn trong đời vị lai vậy. Sau khi ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe kinh này, không biết không hay hạnh của Bồ tát, tự ở nơi công đức của mình đạt được nẩy sanh ý cho là đã diệt độ, sẽ nhập Niết Bàn.

Khi đó ta ở nơi cõi nước khác làm Phật và lại có tên khác. Các người đó dầu sanh lòng tưởng là diệt độ nhập Niết Bàn, nhưng ở nơi cõi kia, nếu họ cầu trí huệ của Phật, được nghe kinh này thì chỉ do Phật thừa mà được diệt độ,

rốt lại không có thừa nào khác, trừ các Đức Như Lai phương tiện nói pháp.

Các Tỷ kheo! Nếu Đức Như Lai tự biết giờ Niết Bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh, lòng tin hiểu bền chắc, rõ thấu pháp không, sâu vào thiền định, bèn nhóm các Bồ tát và chúng Thanh Văn mà nói cho kinh này. Trong đời không có hai thừa mà đặng diệt độ, chỉ có một Phật thừa đặng diệt độ thôi.

Giảng luận

Như phần mở đầu đã trình bày, phần này chỉ nêu thêm cách nhường quyền điều hành.

* Thứ nhất là phải đổi lốt, nói theo thế gian là lột vỏ - cải dạng: Mười sáu vị Hoàng tử bỏ lốt Hoàng tử thành Sa di.

* Thứ nhì, dạy kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di này. Khi nào đạt trình độ thông suốt, liễu ngộ kinh Pháp Hoa, liễu thông giáo pháp thì lúc ấy Đức Phật mới chuyển giao quyền thuyết giảng kinh Pháp Hoa. Nói cách khác là giao *quyền điều hành*.

Muốn chỉ đạo đúng nghĩa của sự chỉ đạo, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhập chánh định. Trước khi nhập chánh định, Đức Phật đã giao quyền điều hành, tức là giao quyền giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di suốt thời gian dài.

Xưa nay, các bậc làm thầy, làm cha mẹ, anh chị, rất thương đàn hậu lai, nhưng chưa giao trọn quyền điều hành. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai giao việc truyền giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di, một việc tối ư quan trọng, vậy mà Ngài giao trọn vẹn, buông tay nhập định, chỉ dùng nội lực theo pháp cảm ứng yểm trợ họ mà thôi.

Đoạn kinh này là phương pháp quý báu, nhắc khéo cho nhân loại cùng muôn loài khai thông bế tắc về mặt nhân sự. Rất mong tất cả hãy trầm tư, hãy chiêm nghiệm và áp dụng nét mật nghĩa này vào đời sống hiện hữu. Đây là bí pháp của Pháp Hoa. Nhiều vị thầy Bốn sư, chẳng dám xa chùa vài tháng, vì sợ đệ tử bỏ việc hoặc làm sai. Vậy tại sao vị thầy Bốn sư này không đặt thêm dấu hỏi: “Nếu đến lúc ta chết thì sao?”

3/. Đức Phật kể câu chuyện hóa thành

Chánh văn

Các Tỷ kheo nên rõ! Đức Như Lai dùng phương tiện nhập sâu vào tánh chúng sanh, biết chí họ ưa pháp nhỏ do rất ham nơi năm món dục, với hạng người này mà nói Niết bàn thì họ nếu nghe thời liền tin nhận.

16 - Thí như đường hiểm nhiều nạn dữ, dài năm trăm do tuần, là chốn ghê sợ hoang vắng không người. Giả như đám đông muốn đi qua

con đường này đến chỗ thân bửu. Có một vị đạo sư thông minh sáng suốt khéo biết rõ tình trạng thông kẹt của con đường hiểm, dắt chúng như muốn vượt qua nạn đó. Chúng như được dắt đi giữa đường lười mỗi bạch đạo sư rằng: “Chúng con mệt nhọc quá cỡ, lại thêm sợ sệt chẳng có thể đi tới nữa, đường trước còn xa, nay muốn lui về”.

Vị đạo sư có nhiều phương tiện bèn tự nghĩ rằng: “Bọn này đáng thương, làm sao cam bỏ thân bửu lớn mà muốn lui về”. Nghĩ thế rồi dùng sức phương tiện ở giữa đường hiểm quá ba trăm do tuần, hóa làm một cái thành mà bảo chúng như rằng: “Các người chớ sợ, đừng lui về, nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó tùy ý muốn làm gì thì làm, nếu vào thành này sẽ rất được an ổn, nếu có thể lại thẳng đến chỗ châu báu thì cũng đi đặng”.

Bấy giờ, đám người quá mỏi mệt, lòng rất đổi vui mừng, khen chưa từng có, chúng ta hôm nay khỏi được đường dữ, chắc chắn được an ổn. Đó rồi chúng như thẳng vào hóa thành, sanh lòng tưởng rằng đã được độ, sanh lòng tưởng đã được an ổn.

Lúc ấy đạo sư biết chúng như đó đã được nghỉ ngơi không còn mỏi mệt nữa, liền diệt hóa

thành bảo chúng nhưn rằng: “Các người nên đi tới, chỗ châu báu ở gần đây thôi. Thành lớn ban này là của ta biến hóa ra để nghỉ ngơi thôi”.

Các Tỷ kheo! Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông mà làm vị Đại Đạo Sư, biết các đường dữ sanh tử phiền não hiểm nạn dài xa, nên rời khỏi, nên vượt qua. Nếu như chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa thời chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, mà nghĩ thế này: “Đạo Phật dài xa lâu ngày chịu cần khổ mới có thể đặng thành”. Phật biết tâm chúng đó khiếp nhược kém hèn, dùng sức phương tiện mà ở giữa đường vì để họ nghỉ ngơi nên nói hai món Niết Bàn.

Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc đó thì Đức Như Lai bấy giờ liền nói cho họ biết: “Chỗ tu của các ông chưa xong nhưng bậc của các ông đã ở gần với huệ của Phật. Phải quan sát suy lường Niết Bàn đã đặng đó chẳng phải chơn thật vậy. Chỉ là sức phương tiện của Như Lai, ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Như vị đạo sư kia vì cho mọi người nghỉ ngơi mà hóa làm thành lớn, đã biết nghỉ xong rồi bèn nói rằng: “Chỗ châu báu ở gần thôi, thành này không phải thiệt, chỉ do ta biến hóa làm ra đó thôi!”.

Lúc đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

17 – Đại Thông Trí Thắng Phật
Mười kiếp ngôi đạo tràng
Phật pháp chẳng hiện tiền
Chẳng đặng thành Phật đạo
Các trời, thần, Long vương
Hết thấy A tu la
Thường rưới xuống hoa trời
Để cúng dường Phật đó
Chư Thiên đánh trống trời
Cùng trỗi các kỹ nhạc
Gió thơm cuốn hoa héo
Rồi mưa bông tốt mới
Quá mười tiểu kiếp rồi
Mới đặng thành Phật đạo
Các trời cùng người đời
Lòng đều sanh hớn hở
Mười sáu người con Phật
Đều cùng quyến thuộc mình
Nghìn muôn ức vây quanh
Cùng đi đến chỗ Phật
Đầu mặt lạy chân Phật
Thỉnh Phật chuyển pháp luân:
“Sư tử thánh mưa pháp
Lợi con và tất cả
Thế Tôn rất khó gặp

Lâu xa một lần gặp
 Vì giác ngộ quần sanh
 Mà chán động tất cả
 Các thế giới phương đông
 Năm trăm muôn ức cõi
 Phạm cung điện sáng chói
 Từ xưa chưa từng có”
 Các Vương thấy tướng này
 Liền đến chỗ Phật ở
 Rải hoa để cúng dường
 Và dựng lên cung điện
 Thỉnh Phật chuyển pháp luân
 Nói kệ mà ngợi khen
 Phật biết thời chưa đến
 Nhận thỉnh ngồi êm rơ
 Bốn phương cùng các góc
 Cả trên, dưới cũng thế
 Rưới hoa dựng cúng điện
 Thỉnh Phật chuyển pháp luân
 “Thế Tôn rất khó gặp
 Nguyện vì từ bi gốc
 Rộng mở cửa cam lồ
 Chuyển pháp luân vô thượng”

18 – Thế Tôn huệ vô lượng
 Nhận chúng như kia thỉnh
 Nói cho các món pháp
 Bốn đế, mười hai duyên

Vô minh đến già chết
Đều từ sanh mà ra
Những tai hoạn như thế
Các ông phải nên biết
Khi tuyên nói pháp đó
Sáu trăm muôn ức cõi
Đặng hết các ngàn khổ
Đều thành A la hán
Khi nói pháp lần nhì
Nghìn muôn hằng sa chúng
Nơi các pháp chẳng đắm
Cũng đặng A la hán
Từ đây mãi về sau
Đặng đạo đông vô lượng
Muôn ức kiếp tính kể
Không thể đặng ngàn mé
Giờ mười sáu Vương tử
Xuất gia làm Sa di
Đều đồng thỉnh Phật kia
Diễn nói pháp Đại thừa:
“Chúng con cùng tùy thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện đặng như Thế Tôn
Huệ nhãn trong bậc nhất”
Phật biết lòng Vương tử
Cùng đạo hạnh đời trước
Dùng vô lượng như duyên

Cùng các thứ thí dụ
Nói sáu ba la mật
Và các việc thân thông
Pháp chơn thiết rành rõ
Cùng đạo Bồ tát làm
Nói kinh Pháp Hoa này
Kệ nhiều như hàng sa
Phật kia nói kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định
Một lòng ngồi một chỗ
Tám mươi bốn nghìn kiếp
Chính các Sa di đó
Biết Phật chưa xuất Thiền
Nói cho vô lượng chúng
Huệ vô thượng của Phật
Mỗi vị ngồi pháp tòa
Nói kinh Đại thừa này
Sau khi Phật nhập định
Tuyên bày giúp pháp hóa
Mỗi Sa di trong nhóm
Số chúng sanh mình độ
Có sáu trăm muôn ức
Hàng hà sa các chúng
Sau khi Phật diệt độ
Các người nghe pháp đó
Ở các nơi cõi Phật
Thường cùng thầy sanh chung

Mười sáu Sa di đó
Hành Phật đạo đầy đủ
Nay hiện ở mười phương
Đều đặng thành chánh giác
Người nghe pháp thuở đó
Đều ở chỗ các Phật
Có người trụ Thanh Văn
Lần dạy cho Phật đạo
Ta trong số mười sáu
Xưa từng nói các người
Nên nay dùng phương tiện
Dẫn dắt đến huệ Phật
Do nhơn duyên gốc đó
Nay nói kinh Pháp Hoa
Khiến người vào Phật đạo
Xin chớ có kinh sợ.

20 – Thí như đường hiểm dữ
Hoang vắng nhiều thú độc
Và lại không cỏ nước
Chốn mọi người ghê sợ
Vô số nghìn muôn chúng
Muốn qua đường hiểm này
Đường đó rất xa rộng
Trải năm trăm do tuần
Bấy giờ một đạo sư
Rành rẽ có trí huệ
Sáng suốt lòng cương quyết

Đường hiểm cứu nạn nhân
Mọi người đều mệt mỏi
Mà bạch đạo sư rằng:
“Chúng con nay mỗi mệt
Nơi đây muốn trở về”
Đạo sư nghĩ thế này:
“Bọn này rất đáng thương
Sao lại muốn lui về
Cam mất trâu bừa lớn? ”
Sau đó nghĩ phương tiện
Nên bày sức thần thông
Hóa làm thánh quách lớn
Đầy đủ các nhà cửa
Bao quanh có vườn rừng
Hào ngòi và ao tắm
Cửa chồng lầu gác cao
Trai, gái đều đông vậy
Hóa ra thành đó rồi
An ủi chúng: “Chớ sợ
Các người vào thành này
Đều được tùy chỗ muốn”
Mọi người vào thành rồi
Lòng đều rất vui mừng
Đều sanh tưởng an ổn
Tự nói đã được độ
Đạo sư biết nghĩ xong
Nhóm chúng mà bảo rằng:

“Các người nên đi tới
Đây là hóa thành thôi
Thấy các người mệt quá
Giữa đường muốn quay về
Nên dùng sức phương tiện
Tạm hóa làm thành này
Các người nay cố gắng
Nên đồng đến chỗ báu”.

21 – Ta cũng lại như vậy
Đạo sư của tất cả
Thấy những người cầu đạo
Giữa đường muốn bỏ cuộc
Không thể vượt đường dữ
Đây sanh tử phiền não
Nên dùng sức phương tiện
Nói Niết Bàn để nghỉ
Rằng các người khổ diệt
Chỗ làm đều đã xong
Đã biết đến Niết Bàn
Đều chứng A la hán
Giờ mới nhóm đại chúng
Nói cho pháp chân thật
Sức phương tiện các Phật
Phân biệt nói ba thừa
Chỉ có một Phật thừa
Vì nghỉ nên nói hai
Nay nói thiệt các người

Điều được chưa phải diệt
 Vì nhưt thiết trí Phật
 Nên phát tinh tấn lớn
 Người chứng nhưt thiết trí
 Mười lực các Phật pháp
 Đủ bả hai tướng tốt
 Mới là chơn thiết diệt
 Các Phật là đạo sư
 Vì nghĩ nói Niết Bàn
 Đã biết nơi nghĩ rồi
 Dẫn vào nơi huệ Phật.

Giảng luận

Như phần mở đề bài mười bốn đã đề cập. Đoạn kinh này là bí pháp dẫn dụ. Dẫn dụ không được rời xa nguyên lý. Không được rời xa cốt lõi. Phải từ thấp dẫn nhập lên cao. Phải từ tà dẫn nhập vào chánh. Phải từ mê dẫn đến tỉnh thức. Phải từ lầm than, cơ cực, dẫn đến ấm no, hạnh phúc. Phải từ phiền não dẫn đến an vui. Phải từ sa đọa dẫn đến giải thoát.

Người đứng ra dẫn dụ phải là bậc thầy. Phải có tâm từ và bi. Phải biết uyển chuyển. Nhưng không được uyển chuyển ra ngoài quy tắc. Uyển chuyển nhưng không rời chân thật. Quan trọng nhất là phải can đảm phá chấp. Phải mở rõ một con đường chánh đại quang minh. Phải rộng rãi thênh thang. Phải vị tha không ích kỷ. Người chủ đạo luôn luôn

sáng suốt. Tránh tình trạng người mù dẫn người tối. Phương pháp dẫn dụ không hề có giả dối, mưu mô, lừa đảo, phỉnh phờ, gạt gẫm, xảo trá. Phương pháp dẫn dụ nơi đoạn kinh **Hóa Thành Dụ** này là **Phương tiện trí**.

Ai muốn thành công mọi phương diện trên vạn nẻo đường đời, xin đi đúng con đường phương tiện trí. Ai muốn thực hành Bồ tát hạnh lợi người ích mình xin giữ đúng quy pháp Hóa Thành Dụ nơi kinh Pháp Hoa.

III.- TÓM KẾT

Phẩm Hóa Thành Dụ câu nào, chữ nào cũng là bí pháp. Ba nét chính của phần đầu:

- Mật nghĩa của thời gian.
- Bí pháp về tòa ngời.
- Y báo chánh báo.

Đức Phật muốn hé mở những bí quyết để đến đích chân thật. Chẳng những giúp hàng đệ tử, mà Ngài còn muốn cống hiến cho trời người quý thần chiếc chìa khóa vàng, để chúng ta tham quan vào dòng đời khỏi bờ ngõ, khỏi ái ngại về thời gian, khỏi ái ngại về vị thế ngời, khỏi ái ngại về y báo chánh báo. **Y báo nào thì chánh báo đó**. Không hề có sự ngẫu nhiên. Chẳng hề có y báo **đắng** mà chánh báo **ngọt**. Khi chúng ta bằng lòng, vì chúng

ta đã khai mở được ba nét phần đầu phẩm kinh nơi bài mười bốn, chúng ta tiếp tục khai mở ba nét phần tiếp của phẩm kinh nơi bài mười lăm.

- Phương pháp về sự cấu tạo nhân và duyên.
- Phương pháp nhường quyền và truyền trao.
- Phương pháp dẫn dụ.

Thật là tuyệt vời, nếu các nhà đạo sĩ, tu sĩ, bác học, triết học, khoa học ... đều thẩm thấu được phương pháp từ sự cấu tạo của nhân và duyên thì không bao giờ còn ai thắc mắc rằng con gà sanh trước, hay quả trứng sanh trước. Hoặc nếu hàng trời thần người, phi người và quỷ thần thẩm thấu được phương pháp nhường quyền và trao quyền thì đời còn đâu bí nghẽn và lúng túng về mặt nhân sự truyền thừa.

Hoặc quan trọng hơn hết là nếu muôn loài đều thẩm thấu phương pháp dẫn dụ, của câu chuyện Hóa Thành Dụ thì còn lo gì sự thăng hoa, sự thành công, sự văn minh tiến bộ, còn lo gì nền hòa bình vĩnh cửu cho nhân loại và muôn loài.

Ngoài sáu nét đã nêu, phẩm kinh còn tàng ẩn biết bao nhiêu mật nghĩa, không phải nêu những nhân vật tưởng tượng. Qua đoạn kinh, vị Sa di thứ mười sáu hiện đang là Phật Thích Ca Như Lai, giáo chủ cõi Ta Bà. Như vậy mười lăm vị kia là nhân vật

có thật. Vậy thì Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai là nhân vật có thật.

Sự phân phối bốn phương tám hướng và cõi Ta Bà chỗ nào cũng có vị Giáo chủ đang hóa độ chúng sanh. Thật là phương pháp phân phối nhân sự tuyệt vời. Như thế không là bí pháp thì còn gọi là gì đây? Trên đây dù phân biệt cách nào đi nữa thì cũng chỉ mới ở phần sự tướng. Ấn nghĩa về mặt lý tánh thì dù cho hàng Thánh cũng chưa hiểu nổi, chứ đừng nói là phân tích, chiêm nghiệm, ngoại trừ liễu thông pháp nhất thừa.

Kính lạy Đức Từ Phụ, cùng mười phương, ba đời chư Phật, từ bi gia hộ cho chúng con và tất cả, sớm được minh tâm, kiến tánh, trí tuệ sáng suốt, sớm liễu ngộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa và rộng phổ truyền kinh Pháp Hoa như mười sáu vị Sa di đệ tử của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui tinh tấn tu luyện và hoằng dương chánh pháp.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

TOÙM TAÉT TAÄP 1

Gồm bảy phẩm - Mười lăm bài
Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận

- * Phẩm Tựa, thứ nhất.
- * Phẩm Phương tiện, thứ hai.
- * Phẩm Thí dụ, thứ ba.
- * Phẩm Tín giải, thứ tư.
- * Phẩm Dược thảo dụ, thứ năm.
- * Phẩm Thọ ký, thứ sáu.
- * Phẩm Hóa thành dụ, thứ bảy.

1/. PHẨM TỰA

Tóm tắt bảy điểm chính:

❶ Chuyển Tam thừa về Nhất thừa:

Từ trước Đức Phật Thích Ca phương tiện độ sinh thuyết Tam thừa pháp. Muốn chuyển mạch từ Tam thừa sang Nhất thừa pháp, Đức Phật vào Đại thừa vô lượng nghĩa rồi mới chính thức thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh để hiển dương pháp Nhất thừa.

❷ Thính chúng kinh Pháp Hoa:

Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa cũng thuyết tại xứ Ấn Độ nơi hội Linh Sơn, núi Linh Thứu. Thành phần nghe pháp, ngoài chúng đệ tử tại gia lẫn xuất gia của Đức Phật Thích Ca, còn có hàng trời thần người quỷ rồng. Đặc biệt nhất là chư

vị Bồ tát và đại Bồ tát rất đông. Nổi bật có hai vị đại Bồ tát: Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc.

③ Đức Phật phóng quang nâng cao trình độ thánh chúng:

Vì ý nghĩa quá cao siêu của pháp Nhất thừa nên Đức Phật Thích Ca mới nhập định phóng quang nâng cao trình độ đại chúng, giúp đại chúng nường hào quang nhìn xa ra ngoài quả đất.

④ Người giới thiệu xuất hiện:

Vấn đề nào quan trọng thì dù cho người thuyết giải có tài đức đến đâu, cũng khó mà chuyển sâu mục đích vào tâm ý người nghe, nếu thiếu người giới thiệu. Đức Phật Thích Ca nhập vào đại định thì người giới thiệu mới xuất hiện.

Hai Ngài đại Bồ tát xuất hiện để giới thiệu kinh Pháp Hoa đó là Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc.

⑤ Tình cảm - lý trí áp dụng cùng lúc:

Làm bất cứ việc gì, nếu muốn thành công thì cần phải hội đủ hai yếu tố: *tình cảm* và *lý trí*. Muốn tu học kinh Pháp Hoa, hành giả phải gồm đủ hai yếu tố tình cảm và lý trí.

Bồ tát Di Lặc tượng trưng yếu tố *tình cảm*, Ngài giả vờ đóng kịch để hỏi Bồ tát Văn Thù, Ngài cam chịu nghe Bồ tát Văn Thù chỉ trích. Còn phần Bồ tát Văn Thù thì tượng trưng yếu tố *lý trí*, Ngài

giả vờ đóng kịch mượn cách chỉ trích Bồ tát Di Lặc để giới thiệu kinh Pháp Hoa.

⑥ Dứt tâm sở, mở tâm vương để tu học Pháp Hoa:

Đặc biệt ai muốn tu học kinh Pháp Hoa thì phải dứt 51 tâm sở. Khởi bước vào nhà Pháp Hoa, bằng tư thế mở 8 tâm vương, hầu sau này dễ ngự lâu đài cao nhất của Pháp Hoa là trải chơn tâm để nhập hạnh Phổ Hiền.

Tám vương tử con vua Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên của vị nào cũng có một chữ ý: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bửu Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hương Ý và Pháp Ý. Tám ý tượng trưng tám tâm vương.

⑦ Nhân vật nổi bật của phẩm Tựa là Bồ tát Diệu Quang:

Đã nguyện làm hành giả kinh Pháp Hoa thì trước nhất phải thông hiểu phẩm Tựa. Muốn thông hiểu phẩm Tựa thì trước nhất phải luyện cho mình đạt tánh Diệu, cái diệu của người phục vụ, chứ không phải của thành phần thụ hưởng. Phải dứt *thô*, xóa *tế*, nhập *vi*, vào *diệu*. Chẳng những *diệu* mà còn phải *sáng* Diệu Quang Bồ tát.

2/. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Tóm tắt sáu điểm chính

① Dứt Tam thừa khởi Nhất thừa:

Phẩm Phương tiện này phơi bày sự tạm bợ của pháp

Tam thừa. Tất cả các thời thuyết giảng của Đức Phật từ trước đến lúc đó đều là Tam thừa, đều là *phương tiện độ sinh*. Từ thời thuyết Đại thừa vô lượng nghĩa và thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa về sau mới thực sự nhập vào pháp Nhất thừa, pháp *cứu cánh giải thoát* thành Phật.

❷ Tôn giả Xá Lợi Phất được Đức Phật khai mở pháp cứu cánh giải thoát thì liền liễu ngộ, ăn năn sám hối và ba lần lễ lạy thỉnh Đức Phật dạy pháp Nhất thừa. Dù thỉnh ba lần, nhưng Đức Phật vẫn từ chối. Ba lần thưa thỉnh, Ngài ngơ ba lần.

❸ **Năm ngàn người bỏ cuộc rời hội Pháp Hoa:**

Đến lần thứ ba, Đức Phật còn đang tư thế im lặng thì năm ngàn vị đệ tử đứng lên lễ Phật bỏ cuộc lui ra. Bởi vì tánh tăng thượng mạn, nên các vị này cho rằng đến đó đã đầy đủ lắm rồi!

❹ **Mười như thị pháp:**

Đặc biệt phẩm Phương tiện có hai đoạn hàm chứa nhiều mật nghĩa khó hiểu, khó suy. Thứ nhất là pháp mười như vậy! *Tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo và rốt ráo* cũng đều đến chỗ như + vậy tuyệt đối.

❺ **Mục đích của chư Phật:**

Đức Phật Thích Ca cũng như chư Phật khắp mười phương nhập đời chỉ vì khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.

❷ Pháp trụ trên ngôi pháp, Tướng thế gian thường còn:

Mật nghĩa thứ nhì của phẩm Phương tiện ở phần thi kệ có hai câu:

“ . . . Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ . . . ”

Các pháp vốn đồng một pháp thì sao còn pháp này trụ trên pháp kia? Các sự tướng của thế gian thấy đều “*vô thường*”. Vậy tại sao ở phẩm kinh này Đức Phật xác quyết là thường còn? Vì ẩn nghĩa sâu mầu nên Đức Phật mới bảo kinh Pháp Hoa là mẹ đẻ các kinh. Nếu giống các kinh Tiểu thừa rằng các pháp là vô thường thì cần gì phải học, phải tu kinh Đại thừa: “*Pháp diệu hoa sen*” làm gì?

3/. PHẨM THÍ DỤ

Tóm tắt năm nét chính

❶ Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bày sự liễu ngộ:

Nghe Đức Phật giảng giải rằng các pháp thuộc Tam thừa là *phương tiện*, Tôn Giả Xá Lợi Phất giật mình tỉnh ngộ, bởi vì từ lâu ông đã khẳng định pháp Tam thừa là *cứu cánh*. Tôn Giả Xá Lợi Phất đến trước Phật sám hối và trình bày đã thực sự liễu ngộ

thế nào là pháp Nhất thừa, thế nào là pháp Tam thừa. Chỉ có pháp Nhất thừa mới rốt ráo cứu cánh thành Phật. Pháp Hoa là cốt lõi của pháp Nhất thừa.

❷ Đức Phật quả và thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất:

Đức Phật quả Tôn Giả Xá Lợi Phất, sao ông vội quên. Thuở quá khứ có hai vạn Đức Phật thay phiên độ đời, trong số đó có Ta là Thích Ca Như Lai, đã từng giáo hóa ông, vậy tại sao ông bằng quên, mãi nay mới nhớ?

Sau đó Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, về lâu xa sau này sẽ đắc thành quả vị Phật, hiệu là *Hoa Quang Như Lai* đủ mười tôn hiệu.

❸ Tôn Giả Xá Lợi Phất cầu Phật giải nghi cho đại chúng:

Tôn Giả Xá Lợi Phất bạch Phật rằng, hàng Thánh Tăng lầm tưởng rằng mình đã chứng vô dư Niết bàn, nhưng kỳ thật chỉ mới chứng Niết bàn hữu dư mà thôi. Kính mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con mà giải nghi cho.

❹ Đức Phật kể chuyện thí dụ nhà lửa và ba xe:

Trước khi giải nghi, Đức Phật kể chuyện thí dụ. Có vị trưởng giả nọ thấy đàn con mình đang mê chơi trong ngôi nhà cũ mục, đầy thú dữ, nhà đang cháy, vậy mà gọi mãi các con ham chơi giỡn chẳng chịu ra. Ông bèn phỉnh dụ sẵn dành ba thứ xe: loại

bò kéo, loại nai kéo, loại dê kéo. Đứa nào muốn thứ nào, cho thứ đó. Nhưng khi đàn con chạy khỏi nhà lửa, ông chỉ cho độc nhất một loại xe tốt do bò trắng kéo mà thôi.

Nhà lửa ví như tam giới. Đàn con ham chơi ví như hàng đệ tử Phật. Ba xe ý chỉ cho *pháp ba thừa*. Chỉ có một thứ xe bò, loại tốt hạng nhất do bò trắng kéo đó là ví với pháp Nhất thừa. Chỉ có một pháp Nhất thừa mà thôi!

❶ ĐỨC PHẬT THUYẾT THƠ KỆ CÔ ĐỘNG CÂU CHUYỆN THÍ DỤ:

Trong phần thơ kệ, nhiều đoạn tóm gọn rất súc tích, người thọ trì dễ thâm nhập. Cũng trong phần thơ kệ này, Đức Phật căn dặn hàng đệ tử của Ngài không nên phổ truyền kinh Pháp Hoa cho bốn hạng người: *vô trí - kiêu mạn - lười biếng - cố chấp*. Ngoài các hạng người nêu trên thì phải triệt để phổ truyền kinh Pháp Hoa cho tất cả những ai có niềm tin chơn chánh. Nói chung là những người biết làm lành lánh dữ.

4/. PHẨM TÍN GIẢI

Tóm lược bốn nét chính

❶ Bốn vị Thánh Tăng trình kiến giải:

Sau khi tận tai nghe việc Đức Phật quả và thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, sau này sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai thì bốn vị Thánh Tăng:

Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên và Mục Kiền Liên đều vui mừng phấn khởi, đến trước Phật lễ lạy và trình kiến giải của mình, rằng từ trước đến nay vì quá cố chấp, nên đã đắm say trong ba pháp *không - vô tướng - vô tác* của Tiểu thừa, bằng lòng an trụ nơi quả vị Niết bàn hữu dư của Thanh Văn, nay tỉnh ngộ, xin Đức Thế Tôn cho chúng con được tu cầu pháp Nhất thừa *cứu cánh thành Phật*.

❷ Câu chuyện thí dụ gã cùng tử hốt phân:

Kinh Pháp Hoa có hai câu chuyện gã cùng tử: Một gã cùng tử hốt phân và một gã cùng tử có viên ngọc trong bầu áo. Gã hốt phân ở phẩm Tín giải thứ tư, do Tôn Giả Đại Ca Diếp kể. Gã có viên ngọc trong bầu áo ở phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký thứ tám, do Tôn Giả Kiều Trần Như kể. Hành giả Pháp Hoa phải thông suốt chỗ này, nếu không khi nói chuyện về kinh Pháp Hoa, mà lầm lẫn chỗ không đáng lầm thì người nghe sẽ nhìn mình bằng cặp mắt ngạc nhiên.

Câu chuyện đơn giản: Có một cậu bé bỏ nhà đi hoang. Lúc lớn khôn, tìm về quê cũ, ngang qua một đô thị tình cờ gặp lại cha mình. Gã cùng tử không nhận ra, nên vội vàng bỏ chạy. Người cha cho người theo và dùng nhiều mưu chước, thuê gã hốt phân. Suốt hai mươi năm dài, gã vẫn là gã hốt phân. Thời duyên đã đủ, vị trưởng giả mời làng nước công bố gã cùng tử là con mình.

③ Đối chiếu với câu chuyện gã cùng tử:

Bốn Ngài Thánh Tăng bạch lên Đức Phật, tự ví mình suốt mấy chục năm theo Phật nào có khác gì gã cùng tử hốt phân. Nay được Đức Thế Tôn công bố, chúng con là con của Đức Phật và sẽ thành Phật.

④ Phần thơ kệ tóm lược của phẩm Tín giải:

Đọc phần thơ kệ, chẳng ai mà không cảm xúc khi nghe bốn vị Thánh Tăng trình bày lòng cảm kính của mình đối với Đức Phật. Sự tri ân sâu xa của các vị Thánh Tăng đối với Đức Phật.

5/. PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Tóm lược bảy nét chính

① Bốn vị Thánh Tăng dâng niềm cảm kính và nêu ân đức sâu dày của Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni:

Vào phẩm Dược thảo dụ, Đức Phật cho biết dù các vị Thánh Tăng có trình bày công đức của Như Lai thẳm sâu đến đâu, dầu có trình bày hết kiếp này sang nhiều kiếp khác cũng không thể hết. Như Lai đã thấy, đã rõ, đã nói không hề sai khác. Như Lai đã hiểu rõ thâm tâm vọng cầu của chúng sanh nên mới dùng phương tiện chỉ bày phần nào pháp cứu cánh.

② Đức Phật thuyết pháp bình đẳng như cơn mưa:

Trái lại thế nhân truyền dạy bình đẳng của gàu tưới. Gàu tưới mỗi cây một gàu, cây lớn thiếu nước ồm tong, ồm teo. Cây nhỏ cũng một gàu, dư nước úng gốc thối rữa cũng ồm tong ồm teo, hoặc chết.

Vàng mây thành mưa bình tản rưới đều. Các cây cỏ tùy sức lớn nhỏ mà thấm hút nước mưa.

Mưa đều chẳng hề sai khác
Cỏ cây hút thấm khác sai
Pháp Phật phổ đều không sai khác
Căn cơ thu nạp khác sai
Ai nhận mình là bậc trí
Nên bình đẳng ví cơn mưa.

③ Đức Phật công bố chủ đích:

- * Ta là Thích Ca Như Lai.
- * Ai chưa được độ thì Như Lai độ.
- * Kẻ nào chưa tỏ ngộ, Như Lai làm cho tỏ ngộ.
- * Người nào chưa an, Như Lai khiến cho an.
- * Ai chưa chứng Niết bàn, Như Lai dạy cho chứng Niết bàn rỗng rang.

Đời này và mãi mãi các đời sau, Như Lai đều phổ truyền pháp chơn thật.

- * Như Lai là bậc Nhất Thiết Trí.
- * Như Lai là bậc Nhất Thiết Kiến.
- * Như Lai là bậc trí đạo.

* Như Lai là bậc khai đạo.

* Như Lai là bậc thuyết đạo.

Các chúng sanh nên đến nghe pháp.

④ Tỳ căn cơ Đức Phật trao pháp:

Đức Phật quán rõ căn cơ của mỗi chúng sanh đến nghe pháp mà thuyết giảng, nhờ vậy mà ai cũng được điều lợi ích vui mừng. Ai cũng được thấm nhập giáo pháp dần dần mở khai trí tuệ, cũng như cây cỏ bình đẳng thấm nhuần nước mưa.

⑤ Đức Phật minh định:

Đức Phật dạy pháp do Như Lai thuyết đều thuần *một tướng một vị*.

* *Giải thoát* không đắm chấp nơi sự tướng.

* *Rời xa* không đắm chấp nơi sự tướng.

* *Dứt bỏ* không đắm chấp nơi sự tướng.

Mục đích khiến chúng sanh rốt ráo đạt đến sự hiểu biết toàn vẹn (*căn bản trí*).

⑥ Chúng sanh không thể tự biết công đức của mình:

Cây cỏ không tự biết nó, chỉ có nhà nông mới rõ biết. Chúng sanh dù tu tập vun bồi nhiều công đức, cũng không thể nào tự thấy biết công đức của mình. Chỉ có Như Lai mới thấy và biết rõ chủng loại, tướng tánh thể lực ... của từng chúng sanh, nhớ gì nghĩ gì? Tu nhớ pháp nào? Nghĩ, tu pháp nào? Thực hiện pháp nào và đặc pháp nào?

7) Tại sao Đức Phật không sớm thuyết nhất thừa:

Hết thấy các tướng:

- * Tướng giải thoát
- * Tướng xa lìa
- * Tướng tịch diệt
- * Tướng rốt ráo thường tịch diệt

Cuối cùng cũng về *pháp không tướng*.

Như Lai sở dĩ chưa thuyết *Nhất thừa pháp* là vì lúc đó hàng đệ tử Như Lai chưa hiểu thế nào là nhất thừa, thế nào là tam thừa. Nay vào hội Pháp Hoa, Như Lai mới thuyết pháp *Nhất thừa*.

6/. PHẨM THỌ KÝ

Tóm lược bốn nét chính

Thọ ký bốn vị Thánh Tăng thành Phật:

- * Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp.
- * Tôn Giả Tu Bồ Đề.
- * Tôn Giả Ca Chiên Diên.
- * Tôn Giả Mục Kiền Liên

(Thành phần điều hành trụ cột)

1) Đức Phật thọ ký Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp:

Vị đệ tử thứ hai được thọ ký là Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp, trải qua vô lượng ức kiếp đời vị lai, phụng thờ ba trăm ngàn vạn ức Đức Phật, phổ truyền Vô

lượng giáo pháp Chư Phật và được thành Phật, hiệu là *Quang Minh Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

❷ Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Tu Bồ Đề:

Hiểu rõ tâm niệm của ba vị Thánh Tăng hiện đang quỳ trước mặt. Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Tu Bồ Đề, về các đời vị lai, Tôn Giả Tu Bồ Đề phụng thờ ba trăm ngàn vạn ức Đức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng và tu hạnh thanh tịnh, đủ hạnh Bồ Tát, thân rốt sau sẽ thành Phật, hiệu là *Danh Tướng Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

❸ Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Ca Chiên Diên:

Đức Phật dạy tiếp đại chúng và thọ ký cho Tôn Giả Ca Chiên Diên, về các đời sau phụng thờ tám ngàn ức Đức Phật, cúng dường và xây tháp thờ Xá Lợi chư Phật, thực hành đủ đạo Bồ Tát, rồi sẽ thành Phật, hiệu *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

❹ Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Mục Kiên Liên:

Đức Phật tiếp dạy đại chúng và thọ ký cho Tôn Giả Mục Kiên Liên, về các đời vị lai, phụng thờ tám ngàn ức Đức Phật, xây tháp thờ Xá Lợi chư Phật. Sau đó lại tiếp tục phụng thờ hai trăm muôn ức Đức Phật, thực hành đủ hạnh Bồ tát và được thành Phật,

hiệu *Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

7/. PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Tóm lược tám nét chính:

❶ Đức Phật Thích Ca kể về thời gian thành Phật của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai:

Cách nay lâu xa lắm, lâu xa không thể tính đếm.

* Đem ba ngàn đại thiên thế giới hòa thành mực.

* Đem số mực chấm một cõi Phật độ là một chấm.

* Đem số cõi Phật độ đã chấm mực nghiền nát thành hạt bụi.

* Đem số hạt bụi đó tính một hạt bụi là một kiếp.

Đếm hết số hạt bụi là bao nhiêu thì từ khi Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật đến nay số kiếp dài lâu bấy nhiêu.

❷ Quan trọng về tòa ngồi:

Đức Đại Thông Trí Thắng nhập định chuyển xong phần nội ma ngoại ma, nhưng vẫn chưa chứng đắc thành Phật. Ngài tiếp nhập định thêm một tiểu kiếp nhưng pháp Phật chẳng hiện ra. Ngài lại tiếp tục nhập định thêm mười tiểu kiếp, vậy mà pháp Phật cũng vẫn chẳng hiện ra. Sau đó nhờ chư Thiên cõi trời Đạo Lợi đến trải tòa ngồi nơi cõi Bồ đề,

Đức Đại Thông Trí Thắng vừa ngồi lên, Ngài liền đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tham thiền nhập định mười một tiểu kiếp, vẫn chưa thành Phật, nhờ có tòa ngồi vừa ngồi lên Ngài liền đắc quả vị Phật.

③ Thân quyến của nhà vua Đại Thông Trí Thắng:

Đức Đại Thông Trí Thắng khi còn làm vua, sanh mười sáu vị hoàng tử. Khi nhà vua xuất gia, mười sáu vị hoàng tử cũng xuất gia làm Sa di.

Tám vạn quyến thuộc của nhà vua cùng đi với các hoàng tử, cũng xin xuất gia. Mười sáu vị hoàng tử xin Đức Đại Thông Trí Thắng thuyết pháp, Ngài nhận lời mười sáu vị Sa di nhưng chỉ thuyết Tam thừa:

* Đầu tiên Đức Đại Thông Trí Thắng chuyển pháp Tứ đế.

* Tiếp theo chuyển pháp Tam thừa, độ vô lượng chúng sanh đắc quả Thánh. Mãi đến hai vạn kiếp sau mới thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Thuyết pháp Đại thừa liên tục suốt tám ngàn kiếp như vậy.

④ Mười sáu vị Sa di liễu ngộ Đại thừa và thuyết kinh Pháp Hoa:

Đức Đại Thông Trí Thắng thuyết kinh Pháp Hoa, sau đó thấy các vị Sa di liễu ngộ kinh Pháp Hoa, nên phó thác việc phổ truyền kinh Pháp Hoa

cho mười sáu vị Sa di, còn Ngài tiếp tục nhập định, thời gian này lâu đến tám vạn bốn ngàn kiếp.

Mỗi vị Sa di thuyết Pháp Hoa độ chúng sanh, tính theo tỷ lệ một hạt cát là một chúng sanh thì số chúng sanh được độ nhiều hơn con số *sáu trăm muôn ức tỷ số cát sông Hằng*.

⑤ Mười sáu vị Sa di thuở đó là ai bây giờ:

Mười bốn vị đã thành Phật ở cõi khác, chúng ta khó biết. Dễ hiểu nhất vị Sa di thứ mười sáu, đó là Đức Phật Thích Ca Như Lai, Giáo chủ cõi Ta Bà.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, vị đạo sư của chơn tiên, là một trong mười sáu vị Sa di thuở đó.

⑥ Đức Phật Thích Ca nhấn mạnh yếu tố cần thiết để liễu ngộ kinh Pháp Hoa:

Đại chúng muốn liễu ngộ kinh Pháp Hoa, trước nhất phải có niềm tin sâu sắc, tu học thanh tịnh, thấu rõ *pháp không của các pháp*, đạt sâu Thiền định.

Đức Phật còn căn dặn không thể tu theo pháp môn nhị thừa. Chỉ có Phật thừa mới đưa chúng sanh tu đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

⑦ Đức Phật Thích Ca kể chuyện giả thành:

Có đoàn người định đi đến nơi châu ngọc, nửa đường đa số mỗi mệt, muốn bỏ cuộc. Người dẫn đường dựng một ngôi thành giả, giúp đoàn lữ khách tạm nghỉ chân. Khi họ đã khỏe, người hướng dẫn

dùng phép hủy diệt thành rồi tuyên bố, đây chỉ là giả thành do ta hóa ra. Phải tiếp tục đi đến bảo sở thì mới có ngọc.

⑧ Đối chiếu câu chuyện giả thành:

Cũng như câu chuyện dẫn dụ giả thành, Như Lai vị đại đạo sư thấy chúng sanh đang lặn hụp trong vùng hiểm nạn, phiền não, luân hồi. Muốn đưa chúng sanh thoát khỏi hiểm nạn ấy và tu chứng quả vị Đại giác như Phật, nhưng sợ chúng sanh không có chí lớn để đi đến đích, nên Như Lai mới khéo phương tiện lập ra ba thừa. Vậy mà hàng Thanh Văn, Duyên Giác mê chấp, nên mới đến giả thành đã cho là bảo sở. Tức là mới chứng đắc nửa phần Niết bàn đã thỏa mãn cho rằng mình đã chứng vô dư Niết bàn (*Niết bàn toàn phần*).

Đức Phật đem chuyện tòa thành giả để người nghe thâm hiểu là chưa tới thành chính, tức là chưa tới bảo sở. Câu chuyện ngụ ý nói tam thừa chưa thực sự chứng đắc rốt ráo. Khi nào đắc Nhất thừa mới đến thành chính.

Cho nên kinh Pháp Hoa, Đức Phật phủ định rằng, Niết bàn Nhị thừa chưa phải toàn triệt mà chỉ mới tới giả thành, chứ chưa đến bảo sở.

Chủ đích Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa là để chỉ rõ tánh thành Phật của mỗi chúng sanh, ai cũng có tánh Phật và ai cũng sẽ thành Phật.

Như Lai nhất quyết hướng dẫn chúng sanh bừng khai trí tuệ Phật.

Tập một, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận gồm bảy phẩm, mười lăm bài. Nhớ đón đọc tập hai và các tập kế tiếp.

Hoàn chỉnh tập một, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận này, trên nhờ hồng ân Tam Bảo, cùng sự hộ trì của chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh Thiên Long Bát Bộ hộ pháp và thừa ân đức Quốc gia thủy thổ, phụ mẫu sanh thành. Nhất là sự chú nguyện của Chư Tôn Đức, sự tùy hỷ của chư Tăng Ni, chư vị thức giả. Sự nhiệt tình đón đọc và ủng hộ của các nhà đạo tâm, đồng bào các giới, Phật tử xa gần, tu học viên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm.

Nguyện hồi hướng công đức này đến khắp pháp giới chúng sanh đồng đắc Pháp Hoa, đồng ngộ nhập Phật tri kiến.

Trong lúc biên soạn, in ấn, trình bày, quy nạp thành tập giảng luận này, không sao tránh khỏi sai sót. Ngưỡng mong lượng từ bi của Chư Tôn Đức, đức hỷ xả của đại chúng niệm tình chỉ giáo và góp ý xây dựng để lần tái bản được hoàn hảo hơn.

Trân trọng.

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
Xuân Nhâm Ngọ - 2002

Sa môn THÍCH THÔNG BỬU
Thành tâm kính lễ

PHỤ LỤC LÔI TÖIA

Kinh Nãi thöøa Dieäu Phaùp Lieân Hoa

- Tác giả: Pháp sư Thích Đạo Tuyên (người Trung Hoa, đời Đường).
- Nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng dịch Việt văn và chú giải.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH HOÀNG TRUYỀN TỰ

Luật sư Thích Đạo Tuyên soạn (*nguyên văn trích từ cổ bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh khắc gỗ của Nhật Bản*).

Hậu học Lý Việt Dũng kính cẩn:

- Phiên âm.
- Dịch nghĩa.
- Chú thích.
- Chú giải (theo Mãn Hy).

Sa môn Thích Thông Bửu - Trụ trì Tổ đình Quán Thế Âm xem lại phần lý giải ý bài tựa.

A. PHIÊN ÂM

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh hoàng truyền tự

Đường Chung Nam Sơn Thích Đạo Tuyên thuật.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh giả, thống chư Phật giảng linh chi bốn trí dã. Uẩn kết Đại Hạ, xuất bĩ thiên linh. Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải. Tây Tấn Huệ Đế Vĩnh Khang (*Khương*) niên trung, Trường An Thanh Môn, Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ giả, sơ phiên thử kinh danh Chánh Pháp Hoa. Đông Tấn An Đế, Long An niên trung, Hậu Tần Hoàng Thỉ, Qui Tư sa môn Cừ Ma La Thập, thứ phiên thử kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa. Tùy thị Nhân Thọ. Đại Hưng Thiện tự, Bắc Thiên Trúc sa môn Xà Na; Cấp Đa, hậu sở phiên giả, đồng danh Diệu Pháp. Tam kinh trùng đạ, văn chỉ hồ trần. Thời sở tông thượng, giai hoàng Tần bốn. Tự

dư chi phẩm, biệt kệ, bất vô kỳ lưu, cụ như Tự lịch, cố sở phi thuật.

Phù, dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi Đại Thánh vô do khai hóa. Thích hóa sở cập, phi tích duyên vô dĩ đạo tâm. Sở dĩ Tiên Uyển cáo thành, cơ phân tiểu đại chi biệt. Kim Hà cố mệnh, đạo thù bán mãn chi khoa. Khởi phi giáo bị thừa thời, vô túc hạch kỳ cao hội. Thị tri ngữ thiên thoái tịch, vi tấn tăng mạn chi trừ. Ngũ bách thọ ký, câu sùng mật hóa chi tích. Sở dĩ phóng quang hiện thụy, khai phát thỉnh chi giáo nguyên. Xuất định dương đức, sống Phật huệ chi hồng lược. Hủ trạch thông nhập đại chi văn quỹ. Hóa thành dẫn tích duyên chi bất trụ. Hệ châu minh lý tánh chi thường tại. Tạc tỉnh hiển thị ngộ chi đa phương. Từ nghĩa oản nhiên, dụ trần duy viễn. Tự phi đại ai khuếch tế, bạt trệ nịch chi trầm lưu; nhứt cực bi tâm, chứng hôn mê chi thất tánh. Tự Hán chí Đường lục bách dư tải, tổng lịch quần tịch, tứ thiên dư trụ. Thọ trì thạnh giả, vô xuất thủ kinh. Tương phi cơ giáo tương khấu, tịnh Trí Thắng chi di trần. Văn nhi thâm kính, câu Oai Vương chi dư tích. Triếp ư kinh thủ, tự nhi tông chi. Thứ đắc tảo tịnh lục căn, ngưỡng từ tôn chi gia hội. Tốc hành tứ đức, xu lạc độ chi huyền du. Hoằng tán mạc cùng, vĩnh di chư hậu, vân nhĩ ...

B. TẠM DỊCH

Lời tựa về sự hoằng truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Sa môn Thích Đạo Tuyên ⁽¹⁾ ở núi Chung Nam thuật.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này thống nhiếp bốn ý thị hiện của chư Phật. Bốn kinh này kết tập tại nước Đại Hạ ⁽²⁾ (*Thiên Trúc*), có cả 1.000 năm. Sau truyền qua phương Đông tại nước Chấn Đán ta ⁽³⁾ (*Trung Hoa*) đã trên 300 năm. Bồ tát Đôn Hoàng (*Trúc Pháp Hộ*) ⁽⁴⁾ dịch đầu tiên kinh này tại cửa đông nam thành Trường An ⁽⁵⁾ vào niên hiệu Vĩnh Khương đời vua Huệ Đế nhà Tây Tấn đặt tên là Chánh Pháp Hoa. Sa môn Cưu Ma La Thập ⁽⁶⁾ người nước Qui Tư ⁽⁷⁾ dịch lần kế kinh này vào niên hiệu Long An đời vua An Đế nhà Đông Tấn, nhằm năm Hoằng Thỉ đời Hậu Tần, lấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Sau lại có hai sa môn ở vùng bắc Thiên Trúc là Xà Na Quật Đa ⁽⁸⁾ và Đạt Ma Cấp Đa ⁽⁹⁾, ngụ tại chùa Đại Hưng Thiện cùng dịch kế tiếp hai bản trước vào niên hiệu Nhơn Thọ đời Tùy cũng lấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa.

Ba bốn dịch này phần nhiều có sự trùng lặp, văn từ ý chỉ đều thấy phô bày bổ sung nhau nhưng được người đời kính chuộng và hoằng truyền là bốn dịch đời Hậu Tần. Ngoài ra thì các chi phẩm biệt kệ đều cũng có nguyên lưu, như trong Tự phẩm đã kể, nên không cần phải nhắc lại.

Ôi! Việc Linh Thứu ⁽¹⁰⁾ giáng trần, nếu không phải là bậc Đại Thánh thì không làm sao mà khai hóa được; còn cơ thích hóa, bằng chẳng nhờ duyên trước thì không lấy gì mà chỉ lòng.

Thế nên; chốn Tiên Uyển ⁽¹¹⁾ chuyển Pháp Luân, căn cơ có chia ra đại, tiểu sai khác; nơi Kim Hà thị tịch ⁽¹²⁾ truyền trao, đạo mâu phân làm nửa, trọn (*quyền, thật*) hai khoa. Há chẳng phải là cho dù được giáo huấn đầy đủ các thừa thì cũng không đủ để khảo nhập cao hội Pháp Hoa này.

Vậy mới biết: 5.000 Tỷ kheo rời bỏ pháp hội chính là những nhóm người tăng thượng mạn, còn 500 đệ tử nhận thọ ký, đều là những Bồ tát tích hóa kính chuộng sự khai thị kín ngấm mà phụ tiếp Phật hành hóa vậy.

Vì thế, Như Lai phóng hào quang, hiện điềm lành là mở bày cội nguồn việc thỉnh giáo, còn xuất định biểu dương đức cả chư Phật là nêu rõ Phật huệ (*quyền thật*) cao xa, sâu rộng.

Nhà mục, thông suốt vào trong khuôn phép lớn.

Hóa thành, dẫn dắt chẳng rời lại duyên xưa

Cột châu chéo áo, hiển bày lý tánh luôn còn mãi

Đào giếng chỗ thấp, nêu rõ khai ngộ vốn nhiều bề.

Văn từ nghĩa lý rõ ràng, dẫn dụ biểu thị sâu xa. Nếu đức Như Lai không vì thương xót lớn lao, giúp đỡ rộng khắp, thì làm sao vượt được kẻ đang chìm đắm chốn sông sâu; nếu Ngài không vì lòng từ hết mực, thì lấy gì cứu người hôn mê đang xa rời chân tánh.

Bởi thế, từ Hán đến Đường, hơn 600 năm tổng kết các bộ kinh có trên 4.000 quyển, nhưng được thọ trì hưng thịnh nhất thì không gì qua bốn kinh này.

Phải chăng cơ giáo gặp nhau là để kiêm bị di truyền từ thời Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ⁽¹³⁾; nghe mà

thâm kính là để thành toàn công đức thừa sót của cổ Phật Oai Âm Vương⁽¹⁴⁾.

Vì vậy, ngay ở đầu kinh kể bày để nêu giềng mối, ngõ hầu sớm sạch sáu căn, mong chờ gặp hội lành của từ tôn Di Lạc (*hoặc hội lành Linh Sơn của Từ Tôn Thích Ca*); mau thành bốn đức, để nường nẻo mầu thẳng đến cõi cực lạc Tịnh Bang. Lời tán trợ chẳng cùng, mong lưu lại đời sau mãi mãi vậy.

C. CHÚ THÍCH

1. Đạo Tuyên (596 - 667)

Là tăng nhân Trung Quốc đời Đường, người sáng tỏ Luật Tông, học gia về Phật giáo sử, nguyên quán Ngô Hưng (*nay là Hồ Châu Chiết Giang, có thuyết nói ông người Đan Đô*). Đạo Tuyên họ đời là Tiên, cha từng làm Lại Bộ Thượng Thư triều Trần, mẹ họ Diêu. Đạo Tuyên từ thơ ấu đã nhận được sự giáo dục mực thước của gia đình, 9 tuổi đã biết làm phú. Lúc bấy giờ, nhà Tùy đại hưng Phật giáo nên năm lên 10 Đạo Tuyên đã bỏ nhà lên Trường An vào chùa Nhật Nghiêm thọ nghiệp, năm sau thế phát quy y. Năm 20 tuổi thọ cụ túc giới với đại sư Trí Thủ ở chùa Đại Thiên Định, đồng thời theo môn hạ của đại sư học luật trong 10 năm. Ngoài ra Đạo Tuyên còn lặn lội khắp núi sông bốn phương để mở rộng tầm học hỏi. Trước tác và dịch thuật của sư thật phong phú.

2. Đại Hạ

Là tên gọi có tánh cách tôn xưng nước Thiên Trúc, tức Ấn Độ vậy.

3. Chấn Đán

Tiếng Phạn là Cina-sthàna. Pali là Cina. Lại còn gọi là Chân Đán, Chân Đan, Chấn Đán, Chấn Đan, Chiên Đan, Chỉ Nạn. Cũng còn gọi là Ma Ha Chi Na, Đại Chi Na

Cina, dịch ý là tư duy. Sthana ý dịch là trụ xứ. Đối với các xứ bên Ấn Độ thì từ Chấn Đán chỉ bốn bộ Trung Quốc và các địa phương lân cận của nước này. Nói chung, từ Chấn Đán hay Chi Na chủ yếu chỉ nước Trung Quốc, có ý đề cao nước này là một nước y quan văn vật, người dân có chiều sâu tư duy (*theo cách nghĩ của từ điển người Hoa*).

4. Bồ tát Đôn Hoàng (Dharmarakasa)

Dịch âm là Đàm Ma La Sát gốc gác là người Nguyệt Chi, do vì Ngài sống ở Đôn Hoàng nên có họ là Chi. Năm lên tám xuất gia, theo thầy là sa môn Trúc Cao Tọa ở ngoại quốc nên kể từ đấy đổi họ là Trúc. Người đương thời gọi ngài là “Trúc Pháp Hộ”. Lại xưng Tam Tạng Đôn Hoàng, Bồ tát Nguyệt Chi.

5. Thanh môn

Tức cửa đông nam thành Trường An đời Hán vốn có tên là “Bá Thành môn”. Do vì cửa thành này màu xanh nên tục gọi là “Thanh môn” vậy.

6. Cứu Ma La Thập (344 - 413) hoặc (350 - 409)

Tiếng Phạn là Kumàrajiva, lại gọi là Cứu Mả La Thập, Cứu Ma La Thập Bà, nghĩa là Đồng Thọ, người nước Qui Tư (*Tân Cương Sơ Lạc*) đời Đông Tấn. Là một nhà dịch kinh nổi tiếng ở Trung Quốc (*Trung lược*),

được Diêu Hưng đánh lễ tôn làm quốc sư, Ngài cùng với Tăng Khải, Tăng Nghiêm ... ở vườn Tiêu Dao làm công tác phiên dịch kinh điển kể từ tháng 4 năm Hoàng thỉ thứ 5 (403) đời Hậu Tần. Ngài La Thập trước sau dịch ra các bộ như: Trung Luận, Bách Luận, Thập nhị môn Luận (gọi chung là *Tam Luận*), Bát Nhã, Pháp Hoa, Đại Trí Độ Luận, A Di Đà kinh, Duy ma kinh, Thập tụng Luật ... Ngài viên tịch vào năm Nghĩa Hi thứ 9 thọ 70 tuổi (hoặc có thuyết nói là năm Nghĩa Hi thứ 50).

7. Qui Tư

Tiếng Phạn Kucina là một cổ quốc ở Tây vực đời Hán, lại gọi là Khu Tư, Qui Tư, Khuất Chi, Câu Di, Khúc Tiên, Khổ Xoa, nay gọi là Khố Xa (*Kucha*).

8. Xà Na Quật Đa (523 - 600)

Tiếng Phạn jnànagupta nghĩa là Chi Đức, Đức Chí, Phật Đức, Chí Đức. Là vị tăng thời Trần Tùy, nguyên quán nước Kiền Đà La ở bắc Ấn Độ. Thuở nhỏ vào chùa Đại Lâm xuất gia, thờ hai ngài Xà Na Đa Xá và Xà Nhã Na Bạt Đạt La làm thầy. Sau tuần tự đánh lễ thánh tích, đến khắp các nơi để hoằng pháp. Ngài từng tới những nước như: Ca Tỳ Thi, Vu Điền, Yểm Đát ... (*Trung lược*). Pháp tịch dời đến chùa Đại Hưng Thiện dịch ra các bộ như: Phật Bản Hạnh Tập kinh, Đại Pháp Cự Đà La Ni kinh cùng Cấp Đa dịch và thêm phẩm trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Khởi Thế kinh. Tính ra có 37 bộ, 176 quyển. Ngài thị tịch vào năm Khai Hoàng thứ 20 thọ 78 tuổi.

9. Đạt Ma Cấp Đa (? - 619)

Tiếng Phạm Pharmagupta lại dịch là Đạt Ma Quật Đa, Cấp Đa, Pháp Mật, Pháp Tạng. Là một tăng nhưn dịch kinh đời Tùy, người nước Ra La nam Ấn Độ, giòng họ Sát Đế Lợi. Năm 23 tuổi xuất gia ở trong một ngôi Tăng Già Lam tên là Cửu Mậu Địa thuộc miền Trung Ấn. Năm 25 tuổi thọ giới cụ túc. Sau cùng đồng bạn cả thầy 6 người sang phương đông truyền pháp. Trải qua các vùng như: Sa Lạc, Qui Tư, Ô Kỳ, Cao Xương, Y Ngô, Qua Châu. Mãi đến năm Khai Hoàng thứ 10 (590) Ngài mới tới kinh đô Trường An. Đồng bạn có người chết, có người thì ở lại dọc đường. Lúc vào kinh thành thì chỉ có một mình Ngài. Sau phụng sắc vua trụ tại chùa Đại Hưng Thiện (*Đại Hưng*). Năm Đại Nghiệp thứ 2 (606) cùng với Xà Na Quật Đa (jnānagupta) lập ra viện dịch kinh ở Lạc Dương (*là cơ cấu dịch kinh do quan tổ chức*). Dịch ra những bộ như: Đại Tập Niệm Phật, Nhiếp Đại thừa Luận ...

10. Linh Nhạc

Tức Linh Thứu Skt Grdhakūta. Pali Gijjhakūta dịch âm là Xà Quật, tọa lạc tại phía đông bắc thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà thuộc miền Trung Ấn, gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Phong, Linh Nhạc. Vì ngọn núi có hình tựa như đầu con chim thứu, lại do trong núi ấy có rất nhiều chim thứu nên có tên thế. Đức Như Lai đã từng ở núi này giảng kinh Pháp Hoa và các kinh đại

thừa khác. Ngày nay trở thành nơi danh thắng của Phật giáo Ấn Độ (*núi Linh Thứu cũng đọc là Linh Tự*).

11. Tiên Uyển

Là nơi chuyển pháp luân đầu tiên sau khi Đức Thích Tôn thành đạo. Nay là Sa Nhĩ Na Tư Sàrmàth nghĩa là Lộc chủ, tiếng Skt Sàranganàtha, thuộc vùng bắc Ấn cách Lạp Na Tây thị (varanasi) 6km. Lại dịch là Tiên Nhơn Lộc Dã Uyển, Tiên Nhơn Viên, Lộc Dã Uyển (Mrgadaàva) Tiên Uyển là vì vườn này xưa kia là nơi cổ tiên thánh cư ngụ.

12. Kim Hà

Là vùng ngoài thành Câu Thi Na Yết La (Skt kusiganara P.kusinara) thuộc trung Ấn Độ là nơi Đức Phật thị tịch dưới gốc hai cây sa la bên bờ sông. Vì nơi đây sản sanh diêm phù kim cho nên gọi là Kim Hà.

13. Đại Thông Trí Thắng Phật

Đại Thông Trí Thắng (Mahàbhijn-jnākhìbhù) lại gọi là Đại Thông Huệ Như Lai. Vốn là tên của vị Phật diễm nói kinh Pháp Hoa, xuất hiện từ 3.000 kiếp bụi trần trở về trước.

Theo phẩm Hóa Thành Dụ quyển 3, kinh Pháp Hoa chép: “Vô lượng vô biên bất khả tư nghì, a tăng kỳ kiếp ở đời quá khứ có vị Phật tên là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Đức Phật này khi chưa xuất gia có 16 vị vương tử. Sau khi phụ vương thành đạo thì 16 vị vương tử này đều xuất gia làm Sa di, nghe Phật Đại Thông Trí Thắng giảng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà tín nhận phụng hành. Sau mỗi vị cũng lên pháp tòa

diễn nói rộng kinh này, mỗi người đều hóa độ 600 vạn ức na do tha hằng hà sa số chúng sanh được thành quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiện thân ở khắp mười phương mà nói pháp. Vô lượng trăm ngàn ức Bồ tát, Thanh Văn là quyến thuộc của vị Sa di thứ 16 trong các vương tử, tức là Đức Thích Ca Như Lai. Do vì Thế Tôn là vương tử ở đời quá khứ của Phật Đại Thông Trí Thắng nên thính chúng trong hội Linh Sơn đều là chúng kết duyên của Đức Đại Thông Như Lai này.

14. Oai Âm Vương Phật

Oai Âm Vương (Bhṛtstma - Garjitasvararāja) lại gọi là

Tịch Thụ Âm Vương Phật, chính là tên Phật đầu tiên trong kiếp Trang Nghiêm đời quá khứ. Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát, quyển 6, kinh Pháp Hoa chép: “Thuở xa xưa, vô lượng vô biên bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp có Đức Phật tên là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, kiếp tên Ly Suy, nước tên Đại Thành, Phật Oai Âm Vương vì trời, người, Atula, mà nói pháp tại thế giới đó.

Sau này Thiên Tông dùng danh hiệu của Đức Phật ấy để chỉ bày thời cổ đại xa xăm. Lại đem “Oai Âm Vương Phật” trở về trước để dụ cho cảnh giới tinh thần thuần chánh của nhân loại vậy.

D. TỐI LƯỢC GIẢI DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (Skt Saddharma-pundanka Sūtra) gồm 7 (hoặc 8) quyển do Ngài Cưu Ma La Thập đời Hậu Tần dịch, nay thu vào quyển 9 Đại Chính Tạng. Diệu Pháp Liên Hoa là một trong các bộ kinh chủ yếu của Phật giáo đại thừa, gồm có 28 phẩm. “Diệu Pháp” ý muốn nói giáo pháp mà Đức Phật tuyên thuyết thật vi diệu, vô thượng. “Liên Hoa Kinh” có nghĩa kinh điển này trong sạch, hoàn mỹ như hoa sen. Theo suy tính thì nguyên điển kinh này được thành lập trước tây lịch. Chủ chỉ kinh này cho rằng các phái Tiểu Thừa Phật giáo quá coi trọng về hình thức, xa lìa chân ý của giáo nghĩa. Do đó để nắm bắt lại tinh thần thật sự của Phật Đà mà phải thái dụng các thủ pháp văn học như thi kệ, thí dụ, tượng trưng để mà tán thán sự vĩ hăng của Phật Đà, là vị Phật thật sự thành đạo thời xa xưa, đồng thời xưng tụng Đức Phật từ khi thành chánh quả đến nay, thọ mạng vô hạn, hiện đủ loại hóa thân, dùng vô số phương tiện để tuyên thuyết vi diệu pháp. Trọng điểm của kinh Pháp Hoa là hoằng dương “Tam hữu qui nhất”, tức tam thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát qui về một Phật Thừa, hầu điều hòa các loại thuyết pháp của Đại Tiểu Thừa; cho rằng tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Biểu hiện của kinh Pháp Hoa tuy mang tính văn học, nhưng chủ chỉ lại khế nhập tư tưởng chân thật mà Phật Đà đã tuyên thuyết. Niên đại thành lập các phẩm tuy có sai khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn không mất tính thống nhất hồn nhiên, ở cả Phật giáo tư tưởng sử và Phật giáo văn học sử đều đủ đầy giá trị bất hủ.

Dịch Diệu Pháp Liên Hoa kinh ra chữ Hán gồm có 6 loại, nhưng ngày nay chỉ còn tồn tại ba loại sau đây:

a. Chánh Pháp Hoa Kinh 10 quyển, 27 phẩm do Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch (286) (*theo bài tựa của Đạo Tuyên là năm 300*).

b. Diệu Pháp Liên Hoa kinh 8 quyển do Cưu Ma La Thập dịch (406).

c. Thêm phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 8 quyển 27 phẩm (có thêm phẩm) do Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa cùng dịch (601).

Trong ba quyển này thì Chánh Pháp Hoa được đánh giá tối tường mật, Diệu Pháp Liên Hoa tối giản ước, nhưng lại được lưu truyền rộng rãi, được mọi người đọc tụng.

E. Chú giải tạm bài tựa của Ngài Đạo Tuyên

1. Nguyên văn: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hồng Truyền Tự

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là áo tàng thâm sâu, là căn nguyên nhất hóa. Bốn ý Như Lai xuất hiện thế gian là thuyết kinh này để khai thị chúng sanh nhập Phật tri kiến, rốt ráo thành Phật. Vì e ngại tiểu cơ không thể nghe hiểu nổi kinh này, nên trước hết Phật chỉ thuyết tứ thời quyền pháp, đợi 40 năm sau mới nói kinh này, hầu khai thị quyền tạm 9 cõi cùng qui về lẽ thật của đạo. Diệu Pháp là pháp, còn Liên Hoa là thí dụ. Diệu chỉ bất khả tư nghì, Pháp chỉ pháp quyền thật của Thập Giới, diệu pháp khó hiểu còn thí dụ thì dễ thông. Liên

tử (*hạt sen*) dụ cho quả. Liên biện (*cánh sen*) dụ cho nhân. Duy chỉ có sen là hoa và quả đồng một lượt nên dùng để thí dụ cho quyền thật nhứt thể, nhân quả đồng thời. Cửu giới là quyền, Phật giới là thật. Nếu thấu được quyền thật nhứt thể thì hiểu chúng sanh và Phật nhứt như, minh tâm kiến tánh, thành Phật tức khắc.

Viết bài tựa Hoằng Truyền này, ý luật sư Đạo Tuyên muốn quyển kinh này được lưu truyền vô cùng vô tận.

2. Nguyên văn: Đường Chung Nam sơn Thích Đạo Tuyên thuật

Đường tức nhà Đại Đường do Lý Thế Dân sáng lập, là thời đại mà ngài Đạo Tuyên sống. Chung nam sơn ở tại huyện Vũ Cống thành Trường An ở Thiểm Tây. Núi này từ hướng Bắc chạy tới, thế cùng tại Nam nên mới gọi là Chung Nam (*dứt cùng tại Nam*).

Thuật là trước thuật. Xưa các bậc thánh triết trước tác, còn các bậc tiên hiền thì thuật. Chử thuật hàm ý “thuật nhi bất tác”, tức luật sư khiêm nhường cho rằng mình chỉ thuật chứ không trước tác.

3. Nguyên văn: Diệu Pháp Liên Hoa kinh giả, thống chư Phật giảng linh chi bốn trí giả

“Thống” là tổng kết, “Giảng linh” nghĩa như giảng thần, “Trí” tức là thú hưởng. Chư Phật đều từ cung Đâu Suất giảng thần, xuất hiện ở thế gian. Bốn hoài trí thú của các Ngài đều không ngoài mục đích khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến, thọ ký cho chúng sanh thành Phật nối tiếp mình. Tất cả những điều kể

trên là bốn ý xuất thế của chư Phật nên mới gọi là “Bốn trí” vậy.

4. Nguyên văn: Uẩn kết Đại Hạ, xuất bỉ thiên linh. Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải

Uẩn kết là kết tập. Đại Hạ là tên gọi tôn xưng nước Thiên Trúc, tức Ấn Độ. Đức Phật sinh vào năm thứ 24 đời Chiêu Vương nhà Chu, thị diệt vào năm thứ 52 đời Chu Mục Vương. Kể từ lúc các đệ tử Phật như ngài A Nan kết tập đại tiểu kinh, luật, luận tạng trong đó có kinh Pháp Hoa cho đến đời Hoằng Thỉ nhà Hậu Tần là lúc Cưu Ma La Thập dịch kinh (406) kể có 1.000 năm. Do đó mới nói “Xuất bỉ thiên linh” có nghĩa là “xuất hiện cả 1.000 năm”.

Hai sư Ma Đằng và Pháp Lan mang kinh (*trong số có kinh Pháp Hoa*) và tượng Phật từ Tây Trúc qua Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ 10 đời vua Minh Đế nhà Đông Hán (67). Đạo Tuyên viết lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa do Cưu Ma La Thập dịch thì phải lấy năm Cưu Ma dịch làm mốc. Đó là năm Hoằng Thỉ thứ 8 đời Hậu Tần (*Diêu Tần*) tức năm 406. Vậy từ năm Vĩnh Bình thứ 10 nhà Đông Hán (*năm 67 sau Tây lịch*) đến năm thứ 8 Hoằng Thỉ Hậu Tần (*năm 406 sau Tây lịch*) thì quả là hơn 300 năm. Do đó mới nói: “Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải”.

5. Nguyên văn: Tây Tấn Huệ Đế Vĩnh Khang (Khương) niên trung Trường An Thanh Môn, Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ giả, sơ phiên thử kinh, danh Chánh Pháp Hoa.

Huệ Đế nhà Tây Tấn là con thứ hai của Vũ Hoàng Đế Tư Mã Viêm. Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch kinh này đầu tiên vào niên hiệu Vĩnh Khang đời vua Huệ Đế (300) tại Thanh Môn Trường An là ở phía đông thành Lạc Dương khi xưa, được Hán Cao Tổ đổi lại là Trường An. Theo Phật Quang Đại Từ Điển, căn cứ quyển 7, 8, 9, 13 Xuất Tam Tạng Ký Tập, quyển 1 Lương Cao Tăng Truyện, quyển 2 Đại Đường Nội Điển Lục, quyển 11 Lịch Đại Tam Bảo Ký, quyển 11 Khai Nguyên Thích Giáo Lục, quyển 8 hạ Pháp Hoa Văn Cú, quyển 24 Duyệt Tạng Tri Tân thì Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa vào năm thứ 7 niên hiệu Thái Khang đời vua Tấn Vũ Đế nhằm năm 286, khác biệt với bài tựa của Đạo Tuyên 14 năm.

7. Nguyên văn: Đông Tấn An Đế Long An niên trung, Hậu Tần Hoằng Thỉ, Qui Tư sa môn Cưu Ma La Thập, thứ phiên thử kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa

Hậu Tần là một trong 16 nước nhỏ thời Tấn. Người bộ tộc Khương tên Diêu Đặc Trọng được nhà Tấn phong làm Cao Lăng quận công. Người con thứ 5 của Trọng tên Tương tự xưng Đại Thiên Vu bị Tần Phù Kiên giết chết. Người con thứ 24 của Trọng tên là Trành giết Phù Kiên lập nên nước Hậu Tần. Nhà Tấn tự Nguyên Đế đóng đô ở Kiến Khương được sử sách gọi là Đông Tấn. Năm Long An đời vua thứ 10 nhà Đông Tấn An Đế là năm Hoằng Thỉ thứ 8 nhà Hậu Tần (còn gọi là Diêu Tần, 406). Ngài Cưu Ma La Thập là

người thứ nhì dịch kinh này và đặt tên là Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

8. Nguyên văn: Tỳ thị Nhân Thọ, Đại Hưng Thiện tự bắc Thiên Trúc sa môn Xà Na, Cấp Đa, hậu sở phiên giả, đồng danh Diệu Pháp

Tỳ thị: Tỳ Cao Tổ Văn Hoàng Đế Dương Kiên được nhà Chu trao ngôi, đóng đô Trường An, đặt quốc hiệu là Tỳ nên gọi là Tỳ thị. Nhân Thọ là niên hiệu Văn Đế nhà Tỳ.

Bắc Thiên Trúc: Thiên Trúc là nước Ấn Độ chia ra làm 5 vùng là đông, tây, nam, bắc và trung. Vậy Bắc Thiên Trúc là vùng bắc Ấn Độ. Xà Na, Cấp Đa là hai vị sư miền bắc Ấn Độ đến Trung Hoa trụ tại chùa Đại Hưng Thiện dịch kinh này thành 8 quyển đặt tên là: “Thiền Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, so với hai bản dịch đời Tấn và Hậu Tần thì có sắp xếp, dời đổi, thêm thắt 5 chỗ: Thứ nhất so với 2 bản Tấn Tần thêm hậu kệ tự vào phẩm Phổ Môn. Thứ hai so với Tần bản thêm toàn văn Nhựt Quang dụ sau phẩm Dược Vương. Thứ ba hiệp phẩm Thiên Thụ vào phẩm Bảo Tháp. Thứ tư dời phẩm Chúc Lụy sau phẩm Phổ Hiền. Thứ năm đưa trở lại phẩm Đà La Ni sau phẩm Thần Lực.

Bản dịch Pháp Hoa Quý Nghi của Bất Không đời Đường cũng giống như Thiền phẩm, tức khác xa bản dịch của Cưu Ma La Thập.

9. Nguyên văn: Tam kinh trùng đạ, văn chỉ hồ trần, thời sở tông thượng, giai hoàng Tần bốn

Một quyển kinh mà tới ba lần dịch cho nên gọi là trùng đạp, tức giẫm chân nhau. Văn từ chỉ thú trần thuật bổ sung nhau như Thập Như thị Tấn bản không có mà Tần bản thì có. Như văn nửa đoạn sau của Dược Thảo Dụ thì hai bản Tấn Tùy đều có, nhưng bản Tần thì không. Lại nữa Tần bản đặt Chúc Luy làm phẩm 22, còn Tùy bản thì đặt thành phẩm sau cùng. Tông thượng là sùng ái tôn trọng. Kinh này được dịch tới ba lần, nhưng xưa nay người ta chỉ tôn sùng hoằng truyền bản dịch đời Diêu Tần (*Hậu Tần*) của Ngài Cưu Ma La Thập.

10. Nguyên văn: Tự dư chi phẩm, biệt kệ, bất vô kỳ lưu, cụ như Tự lịch, cố sở phi thuật

Ngoài ba bản dịch Tấn, Tần, Tùy ra, kinh này còn được nhiều người dịch chỉ một hai phẩm, vài bài kệ như Đạt Ma Ma Đề vào năm Vĩnh Bình Tê Vũ dịch “Đề Bà Đạt Đa phẩm kinh” một quyển. Do chi phân khác nhau cho nên mới gọi là “chi phẩm”. Ngoài ra Xà Na Quật Đa dịch riêng một quyển “Phổ Môn phẩm trùng tụng kệ” cho nên mới gọi là “biệt kệ”. Như vậy tuy chi phẩm biệt kệ bất đồng, nhưng đều có đủ nguyên lưu gốc gác như phần Tự phẩm của kinh đã ghi, nên không trần thuật lại.

11. Nguyên văn: Phù dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi Đại Thánh vô do khai hóa. Thích hóa sở cập, phi tích duyên vô dĩ đạo tâm

Phù là từ ngữ đứng đầu câu.”Dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi đại thánh vô do khai hóa” ý nói cơ mầu hóa

đạo ở Linh Sơn đều do uẩn kết mỹ tú anh linh mà giáng sinh và nếu không phải do Đức Thế Tôn động dụng thần thông, tuyên dương trí biện thì làm sao mà khai đạo hóa độ chớ? Lời này muốn nói phải xứng hợp với cơ duyên “Thích hóa sở cập, phù tích duyên vô dĩ đạo tâm” có nghĩa dù là bậc đại thánh, cũng không thể hóa độ xương thích kẻ vô căn duyên bởi những người đủ cơ duyên được hóa độ tại Linh Sơn hôm nay vốn là những người từng nghe Đức Phật lúc còn là Vương tử thứ 16 giảng qua kinh Pháp Hoa này từ thời Đại Thông Phật mà phải đến bây giờ mới diệu ngộ. Do đó muốn thích ứng với chuyện hóa độ thì nếu những ai từ trước không có căn duyên thì Đức Phật cũng không có nhân để khai dẫn tâm họ. Toàn câu muốn nói căn duyên phải xứng hợp với ứng hóa vậy.

12. Nguyên văn: Sở dĩ Tiên Uyển cáo thành, cơ phân tiểu đại chi biệt. Kim Hà cố mệnh, đạo thù bán mãn chi khoa, khởi phi giáo bị thừa thời, vô túc hạch kỳ cao hội

Tiên Uyển cáo thành: Tiên Uyển tức Lộ Uyển, nơi Đức Thích Ca sau khi đắc đạo sơ chuyển pháp luân giảng Giáo Tứ Đế cho nhóm các ông Tỷ kheo Kiều Trần Như. Cáo thành có nghĩa là lấy phương pháp tự tu tự chứng của mình, chuyển hướng sang người khác, khiến họ tu thành đạo quả, tự tha đều tịnh chứng. Cơ phân đại tiểu chi biệt: phép thuyết pháp phải ứng bị căn cơ. Căn cơ chúng sanh có lợi, độ không giống nhau nên phải phân ra đại tiểu mà ứng phó. Kim Hà là vùng ngoài thành Câu Thi Na (Kusinara) nơi Đức Phật

thị tịch. Cố mệnh là lời phó chúc dặn dò lại khi lâm chung. Vậy Kim Hà cố mệnh hàm nghĩa phổ quát chỉ lúc sắp thị tịch. Phật sắp nhập diệt truy thuyết tứ giáo phân hai khoa: sự đồng Phương Đẳng tàng ẩn thành bán tự giáo (*Quyền*), còn thông biệt thì hiển bày thành mãn tự giáo (*Thật*). Do đó mới nói: “Đạo thù bán mãn chi khoa”. Trước nói Tiên Uyển, sau nói Kim Hà là ý nêu toàn bộ trước sau một việc hóa độ, để nhiếp thu khoảng giữa hai thời kỳ Phương Đẳng, Bát Nhã. Do đó tổng kết lại mới gọi là “Giáo bị thừa thời”. Bốn thời thuyết giáo phía trước như Hoa Nghiêm, Lộc Uyển, Phương Đẳng, Bát Nhã tuy là bị cơ thừa thời, nhưng ước bộ mà nói, đều thuộc phần quyền, không đủ để khảo hạch phần thật ở cao hội Pháp Hoa này. Cao hội Pháp Hoa chỉ nói phần thật. Pháp Hoa công cao nhất hóa, lý quán mọi kinh, phải nói là “Tối vi đệ nhất”. Lời của luật sư Đạo Tuyên, có thể trưng chứng được vậy.

13. Nguyên văn: Thị tri ngũ thiên thoái tịch, vi tấn tăng mạn chi trừ, ngũ bách thọ ký, câu sùng mật hóa chi tích

Phương Tiện phẩm kể Đức Phật đã đạt được hai trí quyền thật của chư Phật, thậm thâm, tối nan giải nan nhập. Xá Lợi Phất do nghi bèn hỏi thì Như Lai không sẵn sàng đáp ứng giải thích ngay, nhưng tới khi Xá Lợi Phất yêu cầu tới lần thứ ba Đức Phật nhận lời, vừa định tuyên thuyết thì có bốn năm ngàn người liền rời khỏi pháp hội ra đi. Như Lai quở họ “Bọn người đó tội căn sâu nặng, lại là loại tăng thượng mạn, rút lui cũng tốt thôi”. Tuy là quở các người đó nhưng thật sự là sách

tấn những người tuy cũng là tăng thượng mạn nhưng còn ngồi lại pháp hội không sanh tâm thối lui. Thế là đám đệ tử 500 người như Phú Lô Na ... là những Bồ tát thâm vị, nay nội bí ngoại hiển là tích hóa Thanh Văn, nay đến pháp hội lại được thọ ký thành Phật. Đó là những Bồ tát tích hóa sùng kính sự mật thị của Phật mà giúp ngài hành hóa (Tích: thật tướng chư pháp như như bình đẳng, nhưng nếu có thiên chấp, thì nơi nơi phân biệt nào xấu tốt, thật giả, sang hèn, do đó mà thích lập giáo môn phương tiện như tạm mượn danh mục của chúng sinh hay Bồ tát, hoặc khéo léo lập ra thứ bậc tu hành. Tất cả các giáo môn đó đều gọi là “Tích” dùng để hóa đạo chúng sinh vào pháp giới nhất chân vô nhị).

Thân Phật và Bồ tát từ sơ địa trở lên đều do thân thật biến tác thành nhiều ứng hóa thân, để hóa độ chúng sanh. Do đó cũng có người cho rằng tất cả pháp mà Đức Thích Ca dùng để thi hóa lợi sanh là “Tích”.

14. Nguyên văn: Sở sĩ phóng quang hiện thụy (thoại), khai phát thỉnh chi giáo nguyên

Trong Tự phẩm có nói Đức Như Lai sau khi đã nói xong kinh Vô Lượng Nghĩa rồi liền nhập định phóng hào quang trắng hiện đủ sáu điềm lành, khiến cho Di Lặc hoài nghi mà xin Văn Thù quyết đáp. Qua đó biết rằng phóng hào quang, hiện điềm lành là bốn nguyên khai phát khái thỉnh thuyết giáo vậy.

15. Nguyên văn: Xuất định dương đức, sùng Phật huệ chi hồng lược

Phẩm Phương Tiện ghi: Như Lai từ tam muội an tường đứng lên, tán dương công đức quyền thật nhị trí của chư Phật, ý khiến chúng sinh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến và chững đó thì Phật huệ hồng viển phương lược sẽ thông suốt. Phật huệ nói đây tức là nhị trí quyền thật ngũ nhãn viên kiến của Phật vậy.

16. Nguyên văn: Hũ trạch thông nhập đại chi văn quỹ

Hũ trạch dụ cho tam giới sanh tử. Nhập đại: tức do ba xe nhỏ (*tam thừa*) dẫn nhập xe lớn bò trắng (*nhất thừa*), có nghĩa do tam thừa qui nhất Phật thừa.

Văn quỹ dụ cho diệu pháp khai quyền hiển thật của kinh Pháp Hoa như trong phẩm Thí Dụ kể chuyện trưởng giả dùng ba xe nhỏ dê, hươu và bò thường để dẫn dụ mấy đứa con. Kịp đến khi chúng ra khỏi căn nhà cháy đều ban cho xe lớn bò trắng. Điều này dụ cho ở Lộc Uyển ban đầu vì Thanh Văn quyền tạm nói cho nghe pháp độ tam thừa là Tứ Đế, Thập Nhị nhân duyên, khiến họ tu tập mà ra khỏi tam giới sanh tử.

Đợi đến Pháp Hoa mới khai quyền hiển thật, chỉ nói pháp nhất thừa viên thật hầu khiến tất cả khai thị ngộ nhập Phật tri kiến. Cho nên kinh mới nói: “Như Lai ban đầu dùng tam thừa dẫn đạo chúng sanh, rồi sau đó mới dùng đại thừa mà độ thoát cho, ví như thuở thiên hạ thái bình đại trị, sách vở cùng một thứ văn tự, xe cùng khoảng cách hai đầu trục (quỹ) tức về ước pháp thì giống như văn viên giáo nhất thật, còn ước dụ thì giống như khoảng cách hai đầu trục quỹ xe. Há chẳng phải là thí dụ nhân nhà cũ mà đốt bỏ đó sao? Đó chính

là giáo thuyết dẫn nhỏ đi vào lớn. do đó mới nói “Thông nhập đại chi văn quỹ”.

17. Nguyên văn: Hóa thành dẫn tích duyên chi bất trụ

Phẩm Hóa Thành Dụ chép: Có một đạo sư dẫn số đông người đi qua hiểm đạo rộng tới 500 do tuần định đến bảo sở. Số người kia đi tới nửa đường mệt mỗi quá định trở bước. Đạo sư bèn hóa ra một cái thành bên ngoài đường hiểm để cho họ tạm nghỉ ngơi, sau đó diệt Hóa Thành khiến họ đến được bảo sở. Đạo sư dụ cho Phật, chúng nhân dụ cho nhị thừa, đường hiểm dụ cho tam giới sanh tử, 500 do tuần dụ cho tam hoặc phiền não: Nhứt kiến tư hoặc là phiền não bên trong của tam giới dụ cho 300. Nhị trần sa hoặc và tam vô sinh hoặc là phiền não bên ngoài của tam giới, mỗi thí dụ cho 100. Cộng chung là 500 do tuần. Ra khỏi 500 do tuần kia là đến bảo sở. Bảo sở dụ cho Phật giới. Bởi Phật nhận thấy căn cơ nhị thừa nghe chuyện lớn là thoái lui, nghe điều nhỏ là tiến tới nên mới ngoài tam giới quyền tạm thuyết nhị thừa quả chính, sau mới khiến vào Phật quả, cho nên mới nói “Khi xa xưa lúc Đức Phật còn ở cương vị Vương tử thứ mười sáu cũng đã giảng kinh Pháp Hoa. Lúc bấy giờ những kẻ nghe kinh đều tự gieo mầm thiện căn đại thừa. Vương tử nay đã thành Phật đạo, trước quyền tạm nói tiểu pháp cho họ, khiến chứng quả nhị thừa, chưa phát đại tâm, như khi tạm dừng ở hóa thành. Chừng nghe thuyết Pháp Hoa mới nhập Phật đạo, thọ ký thành Phật, há chẳng phải dụ

Hóa Thành chính là dẫn dắt kẻ tích chứa từ xưa duyên chủng đó sao? Thế cho nên mới nói là “Bất trụ”.

18. Nguyên văn: Hệ châu minh lý tánh chi thường tại

Hệ châu là gài ngọc trong chéo áo. Bọn ông Trần Như 500 đệ tử sau khi được thọ ký, hối hận tự trách giống như người bạn say rượu trong truyện “Gài ngọc trong chéo áo”, cho nên mới lấy Hệ châu làm thí dụ!

Ngọc là đại thừa duyên chủng, bởi khi xưa Đức Phật ở đời Phật Đại Thông, từng lấy đại pháp dạy chúng sanh khiến phát tâm gieo xuống hạt nứt thừa, nhưng trải nhiều kiếp rồi đã quên khuấy đi, không hiểu, không biết. Nay được thọ ký Pháp Hoa mới biết mầm duyên chưa mất, lý tánh vẫn luôn còn nguyên, như chuyện kể anh chàng nhà nghèo kia đến nhà bạn thân rất giàu uống rượu. Khi anh ta đã say mèm, nằm lăn ra mà bạn có việc quan gấp cần đi mới lấy viên ngọc cực quý cài trong chéo áo anh ta để giúp đỡ. Sau đó anh chàng nợ tỉnh lại mà không biết trong chéo áo mình có viên ngọc quý vẫn kéo lê cuộc sống nghèo khổ, làm lụng vất vả kiếm từng đồng tiền bát gạo mà tự cho là đủ, đến chừng gặp lại bạn được chỉ cho mới biết viên ngọc quý trong áo vẫn còn. Do đó mới nói: “Hệ châu minh lý tánh chi thường tại”.

19. Nguyên văn: Tạc tỉnh hiển thị ngộ chi đa phương

Phẩm Pháp sư chép Phật kể thí dụ như có người khát quá cần uống mà lại đào giếng ở chỗ cao nên chỉ

thấy đất khô biết là nước còn xa, phải đào vát vả nhưng không dám chán nản, cố đào qua lớp đất khô, rồi tiếp đến lớp đất bùn thì biết là đã gần chỗ có nước nên tâm chí càng kiên quyết đào tới, dù cho người tại gia hay xuất gia, nếu chưa nghe hiểu tư duy mà tu tập kinh này thì người đó còn xa A Nậu Bồ Đề. Nếu nghe hiểu ý kinh mà tu tập thì người đó sẽ gần A Nậu Bồ Đề. Phật dùng đủ mọi thứ phương tiện giáo hóa mới có thể giúp ngộ nhập, cho nên mới nói: “Thị ngộ chi đa phương”.

20. Nguyên văn: Từ nghĩa uyển nhiên, dụ trần duy viễn

Ý nói văn từ nghĩa lý đã rõ ràng phù hợp, mà qua các thí dụ phô bày, thì chỉ ý toàn kinh lại u viễn.

21. Nguyên văn: Tự phi đại ai khuếch tế, bạt trợ nịch chi trầm lưu. Nhứt cực bi tâm, chủng hôn mê chi thất tính

Chúng sinh trệ trước chư hữu, chìm đắm ái hà. Đám chìm trôi kia nếu không nhờ Đức Như Lai hưng đại ai lân, rộng lòng cứu vớt thì làm sao ra khỏi khổ sinh tử để có được an vui chốn Niết Bàn. Lại chúng sanh bị màn vô minh che khuất, hôn mê điên đảo, nếu không nhờ Đức Như Lai trọn lòng từ bi thì làm sao ra khỏi đen tối chốn hôn mê, mà phục hồi sáng trong của chơn chánh.

22. Nguyên văn: Tự Hán chí Đường, lục bách dư tải. Tổng lịch quần tịch, tứ thiên dư trục, thọ trì thạnh giả, vô xuất thử kinh

Từ năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình (67) nhà Đông Hán, Phật giáo du nhập Trung Quốc và có lẽ kinh Pháp Hoa cũng được truyền sang vào thời kỳ này. Từ thời kỳ này sang đến Đông Tấn là 352 năm. Kế nhà (Litu) Tống tiếp theo 59, rồi Tề 23 năm, Lương 55 năm, Trần 33 năm, Tùy 37 năm, rồi từ Đường Cao Tổ đến Đường Cao Tông năm thứ hai là năm luật sư Đạo Tuyên thị tịch là 50 năm. cộng chung lại là 609 năm cho nên mới nói “Lục bách dư tải”. Tuy nhiên chưa ai khảo chứng được luật sư viết bài tựa này vào năm nào đời Đường nên con số 600 là con số tròn chung chung. Trong thời gian này số kinh Phạn dịch ra Hán ước có hơn 4.000 quyển, nhưng được thọ trì thịnh hành như không gì qua kinh này.

23. Nguyên văn: Tương phi cơ giáo tương khấu, tịch Trí Thắng chi di trần, văn nhi thâm kính, câu Oai Vương chi dư tích

Cơ giáo tương khấu: cơ là sở hóa cơ, giáo là năng bị giáo, khấu là gỡ. Cơ giáo tương khấu ý nói cơ tạo thuận duyên cho giáo, còn giáo thì hoàn bị cơ, cơ giáo cùng kích động nhau. Cơ thuận duyên cho giáo giúp vết trợn, độ tận những loại căn cơ từng trước đây theo nghe dưới chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, cùng gieo mầm nhất thừa. Sau đó kể lợi căn thượng trí vào thời kỳ đầu và giữa đã đắc đạo. Kể độn căn thời kỳ giữa bỏ đến nay đều được Đức Phật xu xếp từng phần, tới thời Vương Xá Thành, đều cũng được đắc đạo. Những kẻ sau nữa đang thọ trì kinh này, há chẳng phải là những kẻ trì độn nhất cũng từng gieo mầm thiện trước kia đó

ru? Trước thấy nhiều, nay nhìn lại ít quá, nào khác chi bụi sót lại của thời Phật Đại Thông Trí Thắng. Do đó mới nói: “Trí Thắng chi di trần”. Sau hết nếu ai nghe kinh này mà kính trọng tin tưởng không nghi ngờ hủy báng, là đã thành toàn công đức còn dư thừa không xem nhẹ gieo mầm duyên đại thừa của Phật Oai Âm.

24. Nguyên văn: Triếp ư kinh thủ, tự nhi tông chi

Luật sư viết lời tựa này ở đầu sách là để tổng quát chỉ ý của kinh hầu giúp kẻ trì tụng hiểu rõ nghĩa chương pháp dụ có thứ lớp chớ không loạn tạp như vậy.

25. Nguyên văn: Thứ đắc tảo tịnh lục căn, ngưỡng từ tôn chi gia hội, tốc thành tứ đức, thú lạc độ chi huyền du

Ý nói kẻ trì tụng kinh này nếu hiểu được đạo chỉ toàn bộ kinh mà tụng niệm, tùy văn, tư, tu theo giải mà lập hạnh thì tự nhiên thu thái được thanh tịnh của lục căn tức có thể thấy được Phật hằng thường tại Linh Sơn. Như Trí Giả đại sư đời Tùy hành Pháp Hoa tam muội, tụng kinh đến phẩm Dược Vương thật là tinh tấn gọi là chân pháp cúng dường Như Lai thì bỗng nhiên đại ngộ, thấy hội Linh Sơn vẫn y nguyên chưa tan nên mới nói “Nhược hữu thâm tâm tín giải, tắc vi kiến Phật thường tại Kỳ Sơn”.

Về câu này có người cho chữ Từ Tôn, chỉ Phật Di Lặc. Phẩm “Phổ Hiền” khuyến chép: “Nếu có ai thọ trì đọc tụng kinh này, hiểu rõ nghĩa thì sẽ được lên chỗ của Di Lặc ở cung Đâu Suất trên trời”. Hai thuyết này đều đúng cả.

Tốc thành tứ đức: Tứ đức tức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Không đời không đổi gọi là Thường, rời xa hai chthon tử khổ gọi là Lạc, nhập đại tự tại gọi là Ngã, tam hoặc dứt sạch gọi là Tịnh. Nếu thành tựu tứ đức thì sẽ vãng sanh cực lạc quốc độ như kinh nói: Tu hành như thế, đến khi mạng chung sẽ vãng sanh an lạc thế giới, được Đức A Di Đà và các Bồ tát vây quanh giường nằm.

Thú là hưởng, du là con đường có nghĩa là thông suốt được. Câu “Thú lạc độ chi huyền du” có nghĩa là nhân con đường huyền diệu mà có thể thẳng đến thế giới cực lạc của Đức A Di Đà.

26. Nguyên văn: Hoằng tán mạc cùng, vĩnh di chư hậu, vân nhĩ

Tán nghĩa là trợ. Di là lưu lại đời sau, ý luật sư muốn nói ngài viết bài tựa nhằm muốn tán trợ kinh Diệu Pháp Liên Hoa này được lưu lại đời sau, mãi mãi không khi nào dứt. Hoặc có người hỏi kinh Diệu Pháp Liên Hoa có cả “Tích” (từ phẩm 1 đến phẩm 14) “Bổn” (từ phẩm 15 đến phẩm 28) tại sao luật sư chỉ trần thuật về “Tích” mà không nói đến “Bổn”. Ngài Mãn Hy thay lời mà đáp rằng: Nếu biết theo Bổn mà thấy Tích tức đã biết nhân “Tích” mà hiểu “Bổn”. Cho nên tôn giả Kinh Khê nói: “Nếu hiểu diệu mầu của Tích thì diệu mầu của Bổn không xa gì. Bổn - Tích không Hai mà cũng khó nghĩ bàn chỗ Một vậy”.

Chú giải thêm cho rõ về Bổn và Tích: Bổn và Tích là lời phán định của các nhà phiên dịch kinh Pháp Hoa. Trong 28 phẩm của kinh Pháp Hoa, 14 phẩm đầu gọi là

Tích Môn, 14 phẩm sau gọi là Bốn Môn. Phần Tích Môn của Pháp Hoa cho rằng sau khi Như Lai thành đạo cho đến lúc đến hội tòa Pháp Hoa thời gian là hơn 40 năm thuyết pháp, khai tam thừa pháp để làm quyền tạm phương tiện, mà hiểu chân nghĩa của nhất thừa pháp. Các giáo lý ngài tuyên thuyết đều nhằm khai quyền hiển thật.

Còn Pháp Hoa Bốn Môn cho thân Thích Ca sanh nơi vương cung, thành đạo nơi thành Già Da (*Tích*) nhưng thân này không phải thật thân của Phật, mà là pháp thân do thật thân từ thời rất xa xưa của Phật tích kết thành (*Bốn*) nhằm tế độ chúng sinh mà nhất thời tùy tích, thị hiện ứng thân thành đạo ở dưới cội Bồ Đề thành Già Da mà thôi. Đây là do Phật khai Tích để hiển Bốn vậy.

Trang phụ lục lời tựa của Luật sư Thích Đạo Tuyên có tham khảo:

1. Bài “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hậu Tự” do Tăng Duệ đời Hậu Tần viết.
 2. Bài “Ngự Chế Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự” do Minh Thái Tông viết.
 3. Bài chú giải “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hoàng Truyền Tự” của Đạo tuyên do Mãn Hy chùa Chân Giác viết năm 22 đời vua Quang Tự nhà Thanh.
 4. Bài bạt “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” cũng do Mãn Hy chùa Chân Giác viết năm thứ 22 đời vua Quang Tự nhà Thanh.
 5. Bài “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Khoa Bạt” của Đại Quan, đệ tử đích truyền Thiên Thai tông viết năm Đinh Dậu.
 6. Lời mở đầu sách “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng
-

luận” của Hòa thượng Thích Thông Bửu.

BỘC BẠCH VỀ LỜI TỰA CỦA PHÁP SƯ THÍCH ĐẠO TUYÊN, NƠI TẬP GIẢNG LUẬN

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Kính thưa quý độc giả,

Bài tựa của Pháp sư Thích Đạo Tuyên, do nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng phiên âm và dịch giải, đăng vào trang phụ bản sách Giảng luận này, để làm tăng phần sưu khảo về kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nguyên văn chữ Hán lời tựa kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa của Pháp sư Đạo Tuyên hiện nay rất hiếm thấy, ngay cả trong các bản kinh chữ Hán của Trung Hoa hay các bản dịch của người Việt. Chúng tôi may mắn có được nguyên bản chữ Hán này và hy hữu thay lại là Bồ tát Thích Quảng Đức lưu truyền lại vì trọn đời Ngài luôn hành trì kinh Pháp Hoa nên duyên may có được.

Chúng tôi xin chân thành ghi nhận và tán thán công đức của nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng, đã nhận lời mời tham gia Ban tu thư Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm. Đạo hữu đã thực sự góp phần rà soát lại bộ Giảng luận này trước khi in. Sự góp phần công đức này lại càng khiến chúng tôi yên lòng hơn.

Hồi hướng công đức cho nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng và xin thành tâm đón mời những tâm hồn thức giả cùng về hòa hợp trong mái ấm Tổ đình Quán Thế Âm. Tin tưởng Ban tu thư mỗi ngày càng nhiều vị học giả, để sứ mạng hồng truyền chánh pháp ngày càng mở rộng truyền xa.

Trân trọng,

**Tổ đình Quán Thế Âm
Năm Nhâm Ngọ - 2002
Sa môn Thích Thông Bửu
Cẩn bạch**

---❧ MỤC LỤC ❧---

Số TT	PHÁP HOA GIẢNG LUẬN	Trang
01	Lời phi lộ	05
02	Bài số 01	11
03	Bài số 02	39
04	Bài số 03	79
05	Bài số 04	117
06	Bài số 05	157
07	Bài số 06	181
08	Bài số 07	230
09	Bài số 08	257
10	Bài số 09	276
11	Bài số 10	312
12	Bài số 11	334
13	Bài số 12	360
14	Bài số 13	395
15	Bài số 14	424
16	Bài số 15	460
17	Tóm tắt 7 phẩm - 15 bài	488
18	Phụ lục	506
19	Mục lục	537

